

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

PHẠM CÔNG TÙNG

PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG
CỘNG Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

PHẠM CÔNG TÙNG

**PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG
CỘNG Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 9 38 01 05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Cao Thị Oanh
2. TS. Trần Hữu Tráng

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Phạm Công Tùng

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
PHẦN TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	9
1. Tình hình nghiên cứu trong nước	9
2.. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	16
3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu	25
3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu	25
3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu	27
4. Cơ sở lý thuyết, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu	28
4.1. Cơ sở lý thuyết	28
4.2. Câu hỏi nghiên cứu	29
4.3. Giả thuyết nghiên cứu	29
4.4. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu	30
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG	31
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	31
1.1.1. Khái niệm phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	31
1.1.2. Đặc điểm phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	43
1.1.3. Vai trò của phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	48
1.2. Cơ sở phòng ngừa và các nguyên tắc phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	51
1.2.1. Cơ sở phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	51
1.2.2. Các nguyên tắc phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	60
1.3. Nội dung, chủ thể, biện pháp và mối quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	65
1.3.1. Nội dung phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	65

1.3.2.	Chủ thể phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	66
1.3.3.	Biện pháp phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	71
1.3.4.	Mối quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	74
Chương 2: THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG Ở VIỆT NAM		77
2.1.	Tình hình tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	77
2.1.1.	Thực trạng tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	77
2.1.2.	Diễn biến tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	87
2.2.	Thực tiễn chủ thể và cơ chế phối hợp trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	88
2.2.1.	Tổ chức lực lượng trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	88
2.2.2.	Cơ chế phối hợp trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	95
2.3.	Thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	98
2.3.1.	Áp dụng biện pháp kinh tế - xã hội	98
2.3.2.	Áp dụng biện pháp văn hóa - giáo dục	102
2.3.3.	Áp dụng biện pháp vận động quần chúng	108
2.3.4.	Thực hiện biện pháp pháp luật	112
2.3.5.	Thực hiện biện pháp quản lý hành chính nhà nước về an ninh, trật tự	117
2.3.6.	Biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ	122
Chương 3: DỰ BÁO VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG Ở VIỆT NAM		132
3.1.	Dự báo	132
3.1.1.	Cơ sở dự báo	132
3.1.2.	Nội dung dự báo	134

3.2.	Giải pháp tăng cường phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	137
3.2.1.	Tăng cường cơ sở chính trị - pháp luật cho hoạt động phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	137
3.2.2.	Áp dụng đồng bộ, toàn diện các biện pháp phòng ngừa chung trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam	144
3.2.3.	Tăng cường hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	158
3.2.4.	Kiến toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	165
3.2.5.	Đột phá về ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng	168
	KẾT LUẬN	174
	DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	175
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	176
	PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh trật tự
BLHS	: Bộ luật Hình sự
GRTTCC	: Gây rối trật tự công cộng
QLNN	: Quản lý nhà nước
TAND	: Tòa án nhân dân
TGPL	: Trợ giúp pháp lý
VPPL	: Vi phạm pháp luật
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Phòng, chống tội phạm nói chung, tội gây rối trật tự công cộng (GRTTCC) nói riêng là nhiệm vụ quan trọng, chiến lược, thường xuyên, lâu dài được Đảng và Nhà nước ta quan tâm trong mọi thời kỳ cách mạng nhằm giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần bảo vệ công lý, quyền con người, quyền và lợi ích của nhà nước, các tổ chức, cá nhân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, chỉ đạo, điều hành thống nhất của Nhà nước.

Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý của phòng ngừa tội GRTTCC được thể hiện rõ trong các văn bản chỉ đạo như: Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 5/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030.

Tội GRTTCC có thể xảy ra ở các không gian công cộng khác nhau, đặc điểm hành vi phạm tội diễn biến nhanh, mang tính lây lan, có khả năng gây tụ tập đông người; hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, vượt ra khỏi những chuẩn mực của xã hội, xâm phạm tới trật tự, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư... nếu không đặt ra vấn đề nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực tiễn phòng ngừa sẽ dẫn tới những hạn chế trong kiểm soát, giữ vững an ninh, trật tự (ANTT).

Thời gian qua, tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng, phức tạp về tính chất, quy mô, đã và đang gây ra những tác động tiêu cực trên nhiều mặt đời sống xã hội. Theo số liệu thống kê, giai đoạn từ năm 2018 - 2025, Tòa án nhân dân (TAND) trên cả nước đã xét xử 5.710 vụ án với 41.261 bị cáo. Trung bình mỗi năm có khoảng 713 (tổng số vụ/số năm khảo sát); 5157 bị cáo (tổng số bị cáo/tổng số năm khảo sát)¹.

1. Tòa án nhân dân tối cao (2025), *Thống kê tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam giai đoạn từ 2028-2025*, Hà Nội.

Tình hình tội GRTTCC mặc dù được kiểm soát song được dự đoán diễn biến phức tạp. Các đối tượng phạm tội GRTTCC có sự đa dạng về lứa tuổi, triệt để sử dụng các nền tảng xã hội để tổ chức, lôi kéo, kích động người khác gây rối, xuất hiện nhiều vụ việc gây rối có tổ chức, tính chất hành vi mạnh động, côn đồ, thích sử dụng bạo lực, khoe khoang chiến tích... trong khi quy mô dân số tăng nhanh, đô thị hóa mở rộng, tác động tiêu cực từ các thông tin xấu, độc trên các nền tảng số, các hoạt động xã hội tại các địa điểm công cộng xuất hiện ngày càng nhiều, các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng dân cư đa dạng, phức tạp vẫn là các nhân tố tiềm ẩn nguy cơ xung đột lợi ích, xung đột xã hội, phát sinh các hành vi GRTTCC.

Thực tế cho thấy hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực như huy động nguồn lực từ nhiều chủ thể trong xã hội, các cơ quan, ban ngành, cá nhân; áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ... Tuy nhiên, hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa xã hội còn chưa cao, chưa làm rõ tính chuyên biệt gắn với các lực lượng, địa bàn vùng, miền khác nhau, thể hiện đặc điểm văn hóa, chính trị, xã hội riêng biệt; mối quan hệ giữa các chủ thể trong phòng ngừa có lúc có nơi còn chưa thống nhất.

Trong công tác quản lý nhà nước (QLNN), việc thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền còn nhiều hạn chế, tồn tại, lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân chưa được giải quyết kịp thời đã hình thành tâm lý tiêu cực, bột phát của một bộ phận người dân dẫn tới nhiều vụ việc GRTTCC, khiếu kiện vượt cấp có tổ chức, đặc biệt có vụ việc GRTTCC có yếu tố nước ngoài, do các đối tượng chống đối trong và ngoài nước thực hiện hoặc liên quan tới vấn đề dân tộc, tôn giáo. Mặc dù, cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC dần được hoàn thiện nhưng còn một số điểm chưa rõ ràng, thống nhất, gây khó khăn, hiệu quả chưa cao trong thực tiễn áp dụng.

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các địa phương trên cả nước có sự phát triển không đồng đều, vẫn còn một bộ phận người dân có trình độ dân trí thấp, ít hiểu biết pháp luật, thậm chí coi thường pháp luật, vi phạm nghiêm trọng trật tự, kỷ cương nơi công cộng, có xu hướng sử dụng vũ lực để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột làm gia tăng tội GRTTCC.

Hiện nay, đã có một số công trình nghiên cứu về tội GRTTCC song còn nhiều nội dung chưa mang tính tổng thể, toàn diện. Đặc biệt, xét dưới phương diện tội phạm học, các yếu tố về xã hội luôn vận động dẫn tới tình hình tội GRTTCC diễn biến phức tạp. Vì vậy, nghiên cứu về phòng ngừa tội GRTTCC có tính cấp thiết, là yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng của các chủ thể trong xã hội, với mục đích hình thành văn hóa pháp lý, lối sống văn minh, xây dựng nhân cách, đạo đức công dân, ngăn chặn các hành vi gây rối, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chuyên mạnh từ tư duy xử lý sau vi phạm sang tư duy phòng ngừa chủ động liên ngành, từ sớm, từ xa, từ cơ sở những nguy cơ gây mất ANTT.

Phòng ngừa tội GRTTCC là quá trình các chủ thể có thẩm quyền huy động tổng hợp các nguồn lực, sử dụng đồng bộ các biện pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế các nguyên nhân của tội GRTTCC, không để hành vi phạm tội GRTTCC xảy ra, từng bước kiểm soát tình hình tội GRTTCC, góp phần bảo đảm sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Việc lựa chọn đề tài “*Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam*” là đề tài nghiên cứu của luận án nhằm giải quyết các vấn đề hạn chế trên, đồng thời tập trung phân tích, làm rõ đặc điểm về vụ án, đối tượng phạm tội GRTTCC; làm rõ nguyên nhân về vấn đề xung đột xã hội, tâm lý đám đông dẫn tới tội GRTTCC; phân tích, đánh giá mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa giữa các lực lượng, tính chuyên biệt trong phòng ngừa của lực lượng chuyên trách về tổ chức lực lượng, biện pháp; gắn phòng ngừa tội phạm với kiểm soát tội GRTTCC ở Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài “***Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam***” làm đề tài luận án chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số: 9380105.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận; phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam thời gian qua, luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện

lý luận và đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tội phạm GRTTCC ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án cần tập trung giải quyết một số nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Một là, nghiên cứu, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam; từ đó xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, phát triển trong luận án.

Hai là, phân tích luận giải lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ sở phòng ngừa, nguyên tắc phòng ngừa, chủ thể phòng ngừa, nội dung phòng ngừa, các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động phòng ngừa và các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC, từ đó thống nhất, hoàn thiện lý luận phòng ngừa tội GRTTCC.

Ba là, khảo sát, phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trong giai đoạn từ 2018 - 2025, cụ thể là: thực trạng tổ chức lực lượng và mối quan hệ phối hợp; thực trạng áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam; làm rõ tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam, từ đó phân tích, chỉ rõ nguyên nhân của tội GRTTCC ở Việt Nam, các hạn chế, thiếu sót trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót.

Bốn là, dự báo về tình hình tội phạm và phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam, đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC;

Nghiên cứu hệ thống quan điểm, chính sách, quy định pháp luật của nhà nước về phòng ngừa tội GRTTCC;

Nghiên cứu thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC; các biện pháp tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài luận án được nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

- *Về nội dung:* Luận án nghiên cứu tổng thể về lý luận phòng ngừa tội GRTTCC; thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC; dự báo và các biện pháp tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam.

- *Về không gian nghiên cứu:* Trên địa bàn cả nước, tuy nhiên tập trung chủ yếu vào các tuyến giao thông, các địa bàn trọng điểm, địa bàn đô thị có quy mô dân số cao, địa bàn giáp ranh phức tạp về ANTT là địa bàn thường xuyên xảy ra loại tội phạm này.

- *Về thời gian nghiên cứu:* Từ năm 2018 - 2025.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội phạm xâm phạm trật tự an toàn xã hội nói riêng, trong đó có tội GRTTCC; các học thuyết, lý luận về tội phạm học và phòng ngừa tội phạm đặt trong mối liên hệ, đối chiếu với lý luận của các ngành khoa học khác như xã hội học, tâm lý học, đạo đức học, kinh tế học, khoa học pháp lý.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được các kết quả nghiên cứu cụ thể, luận án sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu đặc trưng của tội phạm học như phương pháp hệ thống, nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thống kê, so sánh; phương pháp nghiên cứu điển hình; phương pháp chuyên gia; phương pháp dự báo khoa học.

Tùy thuộc vào đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và mục đích nghiên cứu, tác giả sẽ lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cụ thể như sau:

- Phương pháp hệ thống, nghiên cứu tài liệu: được sử dụng xuyên suốt trong chương 1, chương 2, chương 3 luận án nhằm trình bày các vấn đề, các nội

dung theo một trình tự bố cục hợp lý, chặt chẽ, có sự gắn kết, kế thừa, phát triển các vấn đề, các nội dung nhằm đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra trên cơ sở nghiên cứu hệ thống chính sách, quy định pháp luật, công trình nghiên cứu khoa học, chương trình, kế hoạch, báo cáo sơ kết, tổng kết, số liệu của các cơ quan bảo vệ pháp luật, ngành chức năng có liên quan.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: từ các thông tin, tài liệu thu thập được, tiến hành phân tích số liệu để làm rõ tình hình, đặc điểm tội phạm GRTTCC; nguyên nhân của tội GRTTCC ở Việt Nam; thực trạng áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam. Qua đó, tổng hợp, xây dựng thành những luận cứ, luận điểm cho luận án. Phương pháp này chủ yếu được sử dụng tại chương 1, chương 2 của luận án.

- Phương pháp thống kê, so sánh: được dùng chủ yếu tại chương 2 của luận án nhằm để thu thập, xử lý và phân tích, thống kê, so sánh số liệu tội phạm gây rối trật tự trên phạm vi cả nước và có tính điển hình ở một số địa bàn cụ thể để làm rõ các thông số về quy mô, diễn biến, làm nổi bật bản chất và tính quy luật của tình hình tội GRTTCC; mối quan hệ, sự tương quan giữa các thành tố của tội GRTTCC; thống kê số liệu về thực trạng tổ chức lực lượng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: nghiên cứu 300 bản án hình sự điển hình về tội GRTTCC tại một số địa bàn, khu vực phức tạp về GRTTCC. Thông qua đó làm rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, động cơ phạm tội, đặc trưng về địa điểm; phương thức thủ đoạn phạm tội; nguyên nhân của tội phạm xuất phát từ nhân thân người phạm tội trong cơ chế hình thành hành vi phạm tội. Phương pháp được sử dụng chủ yếu tại chương 2.

- Phương pháp chuyên gia: được sử dụng để trao đổi ý kiến với các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các cán bộ có kinh nghiệm về công tác phòng, chống tội phạm như những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC, tìm kiếm các giải pháp qua ý kiến của các chuyên gia. Phương pháp được sử dụng chủ yếu tại chương 1, chương 2, chương 3.

- Phương pháp dự báo khoa học: được sử dụng để dự báo về tình hình tội GRTTCC; tình hình phòng ngừa tội GRTTCC trên cơ sở phương pháp luận, cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn, quy luật phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam thời gian tới. Phương pháp được sử dụng tại chương 3.

5. Điểm mới của luận án

Thứ nhất, luận án nghiên cứu, luận giải một cách khoa học, có hệ thống các vấn đề có liên quan tới phòng ngừa tội GRTTCC, góp phần bổ sung, hoàn thiện về lý luận, cơ chế, chính sách, pháp luật trong phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam.

Thứ hai, luận án có cách tiếp cận đa ngành, liên ngành về vấn đề nghiên cứu khi vận dụng lý luận của khoa học pháp lý hình sự, tội phạm học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học để xây dựng, hoàn thiện hệ thống lý luận phòng ngừa tội GRTTCC mang tính đặc trưng, điển hình; các khái niệm, thuật ngữ được chuẩn hóa; đặc điểm phòng ngừa tội GRTTCC được luận giải sâu sắc; đặc biệt phân tích, làm rõ lý luận về hiệu quả phòng ngừa tội phạm; lý luận về kiểm soát tội phạm trong phòng ngừa tội phạm.

Thứ ba, luận án nghiên cứu, khảo sát, đánh giá toàn diện về tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam từ năm 2018 - 2025; luận giải sâu sắc hơn những nguyên nhân chủ yếu hình thành tội GRTTCC, đặc biệt chú ý tới cơ chế xã hội, cơ chế nhóm, các yếu tố về nhân thân người phạm tội, sự tác động qua lại giữa yếu tố môi trường sống và các yếu tố tâm - sinh lý tiêu cực của cá nhân người phạm tội trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định dẫn tới việc thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC; nghiên cứu làm rõ “*tính địa lý học tội phạm*” của tội GRTTCC gắn với cộng đồng dân cư, địa bàn phức tạp về ANTT.

Thứ tư, luận án nghiên cứu, đánh giá đầy đủ hơn về thực tiễn tổ chức lực lượng, mối quan hệ phối hợp lực lượng; hiệu quả áp dụng đồng bộ biện pháp phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ; khảo sát, đánh giá cụ thể hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam dưới góc độ hệ thống biện pháp loại trừ tội phạm và hệ thống biện pháp ngăn chặn tội phạm; phân tích, đánh giá đầy đủ và đưa ra các tiêu chí đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam.

Thứ năm, đưa ra các dự báo khoa học về tình hình tội phạm, phòng ngừa tội GRTTCC trong thời gian tới, đề xuất hệ thống các giải pháp mang tính đồng bộ, toàn diện hơn, có khả năng thực thi cao, hài hòa mối quan hệ giữa an ninh cá nhân, an ninh con người với an ninh xã hội trong phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trên thực tế.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa tội GRTTCC nói riêng. Các kết quả nghiên cứu của luận án làm phong phú thêm kho tàng tri thức về tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC, luận án đã cung cấp những luận điểm, luận cứ khoa học giúp nâng cao hiệu quả công tác QLNN, hoạch định chính sách, pháp luật, qua đó đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC, đáp ứng yêu cầu bảo đảm ANTT trong tình hình mới.

- Luận án là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị, phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu, giảng dạy các học phần tội phạm học và phòng ngừa tội phạm tại các cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần tổng quan vấn đề nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, kết quả nghiên cứu của luận án có kết cấu 03 chương:

Chương 1: Lý luận về phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng.

Chương 2: Thực tiễn phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam.

Chương 3: Dự báo và các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam.

PHẦN TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về tội gây rối trật tự công cộng dưới góc độ pháp lý hình sự

Ở cấp độ giáo trình, sách tham khảo: các công trình nghiên cứu điển hình như “*Tổ chức giữ gìn trật tự công cộng*”, do tác giả Đinh Trọng Hoàn chủ biên, Học viện Cảnh sát nhân dân, năm 2004; cuốn “*Quản lý trật tự công cộng*” do chủ biên Hoàng Ngọc Bình biên soạn, Học viện Cảnh sát nhân dân xuất bản năm 2017; sách chuyên khảo “*Tội gây rối trật tự công cộng và quan hệ phối hợp trong hoạt động điều tra giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội với lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Thành phố Hồ Chí Minh*”, nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2009 của nhóm tác giả Vũ Xuân Trường, Phạm Văn Minh đã tập trung làm rõ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội GRTTCC về khách thể của tội phạm (quan hệ xã hội về trật tự công cộng); mặt khách quan của tội phạm (hành vi GRTTCC, hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến ANTT, an toàn xã hội); mặt chủ quan của tội phạm (lỗi cố ý); chủ thể của tội phạm (người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi theo luật định).

Trên cơ sở kế thừa những luận điểm khoa học từ các công trình nghiên cứu trên, tác giả luận án đã phân biệt được dấu hiệu pháp lý hình sự và các đặc điểm tội phạm học đặc trưng của tội phạm này, tạo cơ sở khoa học để xây dựng, hoàn thiện lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC vừa đảm bảo tính kế thừa, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

Ở cấp độ luận văn: các công trình nghiên cứu tiêu biểu của tác giả Trần Long Nhi (2015), “*Pháp luật Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng về thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*”, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; tác giả Nguyễn Thu Hương (2019), “*Tội gây rối trật tự công cộng trong Bộ luật Hình sự 2015*”, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, ngoài việc phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự, hình phạt của tội GRTTCC đã phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác như tội bạo loạn, phá rối an ninh, chống

người thi hành công vụ, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội đua xe trái phép, tội tổ chức đua xe trái phép.

Tổng hợp các công trình nghiên cứu cho thấy, đa số các tác giả tập trung vào việc làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm, phân tích dấu hiệu pháp lý hình sự cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật trong xét xử tội GRTTCC; một số công trình đã bước đầu tiếp cận ở góc độ định tội danh, phân biệt tội GRTTCC với các tội phạm khác có dấu hiệu pháp lý tương đồng. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chuyên sâu dưới góc độ tội phạm học, đặc biệt là gắn giữa cơ sở lý luận phòng ngừa tội phạm với việc hoàn thiện và vận dụng các biện pháp pháp luật hình sự vẫn còn khoảng trống nhất định.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc về phương pháp luận, cách tiếp cận nghiên cứu và các kết quả khoa học đã được công bố, nghiên cứu sinh tiếp tục phát triển khung lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ với công cụ pháp luật hình sự.

- Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về phòng ngừa tội phạm tạo cơ sở lý luận cho đề tài luận án

Qua khảo cứu các công trình đã công bố có thể khẳng định, ngành Tội phạm học ở Việt Nam đã xây dựng được một nền tảng hệ thống lý luận cơ bản, tương đối hoàn chỉnh và phong phú. Nhiều công trình khoa học dưới hình thức giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đề tài nghiên cứu các cấp, luận án tiến sĩ, bài báo khoa học đã được công bố có giá trị to lớn cả về lý luận và thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc luận giải cơ sở khoa học cho hoạch định và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước trong phòng, chống tội phạm.

Mặc dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau, song các tác giả đều có sự thống nhất cơ bản khi xác định phòng ngừa tội phạm là một nội dung trọng tâm, đồng thời là đối tượng nghiên cứu - một bộ phận cấu thành có tính động lập tương đối trong chính thể lý luận của tội phạm học². Nội dung của phòng

2. Đào Trí Úc, “Tình hình nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay”, sách: Phạm Hồng Hải (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.12.

ngừa tội phạm được thừa nhận là phát hiện, ngăn ngừa, hạn chế, tiến tới loại bỏ nguyên nhân, các yếu tố nền phát sinh tội phạm; cơ sở của phòng ngừa tội phạm là cơ sở chính trị, pháp lý; cơ sở kinh tế - xã hội; chủ thể phòng ngừa là toàn xã hội, trong đó có những chủ thể chuyên trách; biện pháp phòng ngừa tội phạm xuất phát từ yêu cầu, đặc điểm, phạm vi, loại tội phạm cụ thể, chủ thể phòng ngừa sẽ có những biện pháp phòng ngừa cụ thể thuộc nhóm biện pháp phòng ngừa xã hội và biện pháp phòng ngừa chuyên biệt.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu mang tính nền tảng của Tội phạm học, hiện nay đã xuất hiện một số hướng tiếp cận thể hiện tính liên ngành, đa ngành, có sự vận dụng các tri thức khoa học pháp lý, xã hội học, QLNN và các ngành khoa học có liên quan. Các nghiên cứu này vẫn lấy lý luận về tội phạm học làm hạt nhân, trên cơ sở quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tội phạm, qua đó làm phong phú chiều sâu lý luận và mở rộng không gian nghiên cứu của ngành Tội phạm học. Cụ thể:

Về cơ chế phòng ngừa tình hình tội phạm: Hiện nay, vẫn chưa có cách hiểu thống nhất về khái niệm, đặc điểm, nội dung của cơ chế phòng ngừa tình hình tội phạm. Tuy nhiên, qua khảo cứu công trình nghiên cứu của tác giả Trần Thị Ngọc Thúy về cơ chế phòng ngừa tình hình tội phạm từ thực tiễn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh³ đã giúp nghiên cứu sinh nhận diện được lý luận về cơ chế phòng ngừa tội GRTTCC dưới góc độ Tội phạm học; hình thành tư duy, phương pháp khảo sát, đánh giá thực trạng cơ chế phòng ngừa tội GRTTCC theo phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Về biện pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể: trong Giáo trình tội phạm học của trường Đại học Huế năm 1999, tác giả Võ Khánh Vinh đã đề cập đến biện pháp nhân chủng học như một hướng tiếp cận đáng chú ý, theo đó việc phân tích, đánh giá quá trình di cư và thích nghi xã hội của người di cư được xem là cơ sở để triển khai các biện pháp phòng ngừa từ sớm, nhằm ngăn chặn tội phạm ngay từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, đồng thời áp dụng các biện pháp phòng

³ Trần Thị Ngọc Thúy (2018), *Cơ chế phòng ngừa tình hình tội phạm từ thực tiễn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

ngừa tái phạm. Cách tiếp cận này đã gợi mở cho nghiên cứu sinh cơ sở khoa học để nghiên cứu nguyên nhân, điều kiện phát sinh hành vi GRTTCC trong mối liên hệ với các yếu tố địa lý, không gian công cộng⁴, mật độ và biến động quy mô dân số, từ đó đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC phù hợp với từng địa bàn, đối tượng cụ thể.

Giáo trình tội phạm học của Trường Đại học Luật Hà Nội đã khẳng định: biện pháp phòng ngừa cần được thiết kế theo hướng lấy con người làm trung tâm, cụ thể là không chỉ hướng tới các cá nhân có hành vi phạm tội hoặc có nguy cơ phạm tội mà còn hướng tới các cá nhân, tổ chức có khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm trong những bối cảnh có khả năng phát sinh “tình huống tiêu cực”⁵. Kết quả nghiên cứu này rất quan trọng giúp nghiên cứu sinh làm rõ đối tượng phòng ngừa của tội GRTTCC.

Cuốn “*Một số vấn đề lý luận về quản lý xã hội trong những tình huống bất thường*” của tác giả Nguyễn Mạnh Kháng đã cung cấp lý luận về sự xuất hiện, tồn tại, tác động, ảnh hưởng của tình huống bất thường tới xã hội và gợi ý cách quản lý xã hội trong những tình huống bất thường⁶. Mặc dù không đề cập trực tiếp đến tội GRTTCC, song nghiên cứu sinh đã có sự vận dụng để lý giải nguyên nhân của tội GRTTCC trước, trong, sau đại dịch Covid-19, xác định vai trò của biện pháp QLNN, quản lý xã hội ứng phó gắn với tình huống GRTTCC tại các địa bàn, lĩnh vực cụ thể, ưu tiên quản lý xã hội, lấy sự an toàn của con người là mục tiêu cao nhất, sự ổn định trật tự xã hội là trọng tâm.

Tác giả Nguyễn Xuân Yêm trong cuốn “*Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*” đã cung cấp cho nghiên cứu sinh mối quan hệ biện chứng giữa quan điểm chỉ đạo, chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước với hiệu quả thực thi các quy định hiện hành và các yếu tố tác động trong bối cảnh toàn cầu hóa⁷. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu này, nghiên cứu sinh có điều kiện đánh giá

4. Hồ Trọng Ngũ (2005), “Phòng ngừa tội phạm trong cộng đồng dân cư”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (06).

5. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB công an nhân dân, Hà Nội, tr. 247-248.

6. Nguyễn Mạnh Kháng (2009), *Một số vấn đề lý luận về quản lý xã hội trong những tình huống bất thường*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 38-39.

7. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC, đề xuất các giải pháp tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều chỉnh pháp luật.

Về kiểm soát tội phạm và kiểm soát xã hội đối với tội phạm: các công trình nghiên cứu về tội phạm học điển hình trước đó đã tập trung phân tích, luận giải khái niệm, mối quan hệ giữa kiểm soát tội phạm và kiểm soát xã hội đối với tội phạm; nhận diện các chủ thể tham gia kiểm soát, phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm; cơ chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước và các thiết chế xã hội trong hệ thống kiểm soát xã hội đối với tội phạm⁸.

Những phân tích này góp phần hình thành cách tiếp cận toàn diện cho nghiên cứu sinh trong việc triển khai vấn đề nghiên cứu, đặt kiểm soát tội phạm vừa là nội dung, vừa là phương thức quan trọng để phòng ngừa tội GRTTCC, xác định mối liên hệ, tác động qua lại giữa các yếu tố xã hội với phòng ngừa tội GRTTCC, có phương hướng xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả kiểm soát tội phạm theo định hướng nghiên cứu.

- Nhóm các công trình nghiên cứu về thực trạng và các giải pháp phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Hiện nay, các công trình nghiên cứu về thực trạng và các giải pháp phòng ngừa tội GRTTCC được tiếp cận cả ở góc độ phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ.

Trong giáo trình “*Tổ chức giữ gìn trật tự công cộng*” của tác giả Đinh Trọng Hoàn chủ biên, Học viện Cảnh sát nhân dân, (2004); giáo trình “*Quản lý trật tự công cộng*” do tác giả Hoàng Ngọc Bình chủ biên, Học viện Cảnh sát nhân dân, (2017); sách chuyên khảo “*Tội gây rối trật tự công cộng và quan hệ phối hợp trong hoạt động điều tra giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội với lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Thành phố Hồ Chí Minh*” của nhóm tác giả Vũ Xuân Trường, Phạm Văn Minh, Nhà xuất bản Công an nhân dân, (2009) đã phân tích, làm rõ thực trạng phòng ngừa tội GRTTCC trên cơ

8. Trịnh Tiến Việt (2022), *Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng tại Việt Nam*, Sách chuyên khảo, NXB Tư pháp, Hà Nội; Lê Thị Sơn (2012), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.14-15; Đào Trí Úc (1999), “Vấn đề kiểm soát tội phạm”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (6), tr. 3-4.

sở gắn với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng công an nhân dân, trong đó nòng cốt là lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội và lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Các biện pháp phòng ngừa được đưa ra có tính chuyên biệt cao, kết hợp giữa phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ, theo đó lấy giáo dục, tuyên truyền pháp luật là chủ yếu, chú trọng vận động sức mạnh của nhân dân, sử dụng có hiệu quả biện pháp vũ trang, biện pháp pháp luật tại địa bàn phức tạp về ANTT. Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu này, nghiên cứu sinh có điều kiện bổ sung, phát triển lý luận, đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC có tính chuyên biệt.

Giáo trình *“Chiến thuật giải tán các vụ gây rối trật tự công cộng, biểu tình trái pháp luật và trấn áp bạo loạn của Cảnh sát vũ trang”* của tác giả Đỗ Văn Tĩnh, Đại học Cảnh sát nhân dân, (2013); sách chuyên khảo *“Phòng, chống hoạt động kích động, biểu tình gây rối an ninh trật tự”*, tác giả Lương Tuấn Anh, Học viện An ninh nhân dân, (2019); sách nghiệp vụ *“Những vấn đề rút ra đối với công tác tham mưu phòng ngừa, giải quyết các vụ việc tập trung đông người, tuần hành, biểu tình trái pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội”* của tác giả Nguyễn Hữu Nam, Học viện An ninh nhân dân, (2021), đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn tổ chức thực hiện có hiệu quả các phương án, kế hoạch, diễn tập xử lý, phòng, chống GRTTCC ở quy mô lớn.

Sách nghiệp vụ *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa và xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội ở Việt Nam góp phần bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay”* của tác giả Nguyễn Văn Ngọc, Nhà xuất bản Công an nhân dân, (2021), tập trung trình bày những vấn đề lý luận về mâu thuẫn, xung đột xã hội và phòng ngừa, xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội góp phần bảo vệ an ninh quốc gia; thực tiễn công tác phòng ngừa, xử lý; sách nghiệp vụ *“Nhận diện phòng ngừa, giải quyết xung đột xã hội góp phần bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình hiện nay”*, của tác giả Trần Vi Dân, Nhà xuất bản Công an nhân dân, (2021), gồm 3 chương trình bày nhận thức cơ bản về xung đột xã hội và phòng ngừa, giải quyết xung đột xã hội góp phần bảo đảm ANTT; thực trạng công tác phòng ngừa, giải quyết. Từ

đó, đưa ra dự báo và giải pháp phòng ngừa. Những tài liệu trên có giá trị rất lớn giúp nghiên cứu sinh xác định được các yếu tố tiêu cực của xã hội tác động, ảnh hưởng tới sự hình thành tội GRTTCC, qua đây đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm từ góc độ kiểm soát xã hội.

Luận án tiến sĩ *“Phòng ngừa tội phạm ở địa bàn công cộng của lực lượng Cảnh sát nhân dân”*, Học viện Cảnh sát nhân dân, (2013), của tác giả Nguyễn Duy Đài đã phân tích, làm rõ thực trạng phòng ngừa tội phạm tại địa bàn công cộng, trong đó có đề cập đến tội GRTTCC với những đặc điểm chung và đặc điểm riêng biệt về tổ chức lực lượng phòng ngừa, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các biện pháp phòng ngừa tội phạm mang tính nghiệp vụ cao của ngành công an.

Luận án tiến sĩ *“Hoạt động của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng”*, Học viện Cảnh sát nhân dân, (2014), của tác giả Phạm Văn Minh đã trình bày khá chi tiết về diễn biến, mức độ, cơ cấu, tính chất của tình hình tội GRTTCC; phân tích, làm rõ thực trạng tổ chức lực lượng, mối quan hệ phối hợp, những kết quả đạt được cũng như hạn chế, thiếu sót khi thực hiện biện pháp pháp luật trong điều tra, xử lý các đối tượng phạm tội GRTTCC của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra tội phạm GRTTCC. Công trình nghiên cứu trên giúp nghiên cứu sinh có cơ sở khảo sát, đánh giá thực tiễn về việc tổ chức lực lượng trong phòng ngừa tội GRTTCC, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể phòng ngừa.

Luận án tiến sĩ *“Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội”*, Học viện Khoa học Xã hội, (2023), của tác giả Vũ Thế Công đã tập trung khảo sát thực trạng phòng ngừa tội GRTTCC trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2022, bao gồm thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa, thực trạng nhận thức về phòng ngừa; thực trạng các biện pháp phòng ngừa. Tác giả cũng đã chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế, thiếu sót trong tổ chức thực hiện cũng như nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót, từ đó đề xuất các nhóm giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là công trình có giá trị về lý luận và thực tiễn cao, là nguồn tài liệu tham khảo để nghiên cứu sinh đối chiếu, so sánh với tình hình tội GRTTCC và phòng ngừa tội

GRTTCC ở phạm vi cả nước, với đặc thù về chủ thể phòng ngừa, biện pháp phòng ngừa và các vấn đề khác có liên quan.

Nhóm các công trình luận văn thạc sĩ *“Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn các tỉnh, thành miền Bắc”* của tác giả Nguyễn Thị Bích, Trường Đại học Luật Hà Nội, (2011); Luận văn thạc sĩ của tác giả Kiều Hồng Hải, *“Quản lý nhà nước trong phòng ngừa các vụ gây rối trật tự công cộng trên địa bàn quận Tây Hồ - thành phố Hà Nội theo chức năng của lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội”*, Học viện Cảnh sát nhân dân, (2018); tác giả Tô Văn Huệ, *“Sử dụng biện pháp quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội trong điều tra các vụ gây rối trật tự công cộng tại địa bàn nông thôn”*, Luận văn thạc sĩ, Học viện cảnh sát nhân dân, (2002); tác giả Phạm Văn Hùng, *“Điều tra tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”*, Học viện Cảnh sát nhân dân, (2018); tác giả Phạm Thị Thúy *“Thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”*, Đại học Quốc gia Hà Nội, (2015), đã giúp nghiên cứu sinh có cơ sở đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trong QLNN, điều tra, xử lý tội phạm, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật, nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ bảo vệ pháp luật.

2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Nhóm công trình nghiên cứu lý luận phòng ngừa tội phạm tạo nền tảng cho đề tài luận án

Nếu tiếp cận tội phạm học với tư cách là một khoa học liên ngành bao gồm các đối tượng nghiên cứu khác nhau thì lý luận về phòng ngừa tội phạm chính là một bộ phận cấu thành đối tượng nghiên cứu. Nói cách khác, nghiên cứu về lý luận phòng ngừa tội phạm giữ vai trò định hướng, là cơ sở để nhận diện nguyên nhân của tội phạm, đánh giá tình hình tội phạm và thực trạng phòng ngừa tội phạm cũng như là cơ sở đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tội phạm hiệu quả.

Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về lý luận phòng ngừa tội phạm ở các góc độ khác nhau.

Về vị trí của phòng ngừa tội phạm, nhiều nhà khoa học trong các công trình nghiên cứu và sách báo pháp lý một số nước đều khẳng định phòng ngừa tội phạm

là một nội dung (hay đối tượng nghiên cứu) của tội phạm học, đặc biệt là các nhà khoa học ở Liên bang Nga⁹. Theo đó: “Phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm...” hay “không để cho tội phạm gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, thủ tiêu nguyên nhân và kiểm soát được tội phạm, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật, cũng như có các biện pháp cải tạo, giáo dục người phạm tội, đưa họ trở thành những công dân có ích cho xã hội và cho cộng đồng...”¹⁰.

Tác giả Can Ueda, Trường Đại học Tổng hợp Ritsumeikan trong công trình nghiên cứu của mình đã quan niệm: “Tội phạm học là khoa học nghiên cứu tội phạm và đề ra các biện pháp đấu tranh phòng chống”¹¹, đồng thời chỉ ra nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh và phát triển tội phạm từ những hạn chế của quá trình đô thị hóa xã hội, tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, tác động của di cư đã gây ra sự xáo trộn cấu trúc xã hội, gây ra sự mâu thuẫn giữa các giai tầng trong xã hội, hạn chế sự đoàn kết dân cư trong khu vực về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm; các yếu tố tiêu cực của cá nhân và xã hội như giới tính, lứa tuổi...

Tác giả Goppinger Hans với công trình *Kriminologie*, (tạm dịch: *Tội phạm học*), tái bản lần thứ 6, Nhà xuất bản C.H Beck, Đức cho rằng: “Tội phạm học là ngành khoa học thực nghiệm, độc lập, nghiên cứu các sự việc diễn ra trong các lĩnh vực của đời sống cộng đồng có liên quan đến tội phạm, hậu quả của hành vi tội phạm và việc ngăn ngừa các hành vi phạm tội cũng như quá trình đấu tranh chống lại những hành vi phạm tội”¹².

Về các biện pháp phòng ngừa, các học giả cho rằng phòng ngừa tội phạm được tiến hành bằng nhiều cách thức, biện pháp khác nhau như phòng ngừa bằng hình phạt, tăng cường kiểm soát xã hội, kiểm soát cá nhân, tự kiểm soát hoặc cải

9. David Brown, David Farrier, Neal, David Weisbrot (1996), *Criminal Laws*, Published in Sydney by the Federation Ress.

10. Tổng hợp từ Brown, David, Farrier, David, Neal, Weisbrot, David (1996), *Criminal Laws*, Published in Sydney by the Federation Ress; White, Rob, Haines, Fiona (2000), *Crime and Criminology: An introduction* (Second Edition), Oxford University Press; Siegel, L.J. (2001), *Criminology: Theory, pattern and typologies*, Printed in the United States of America.

11. Can Ueda (1994), *Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản hiện đại* (sách do Nguyễn Xuân Yêm và Hồ Trọng Ngũ biên dịch), NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 27.

12. Goppinger Hans (2008), *Kriminologie*, 6 Auflage, Verlag C.H Beck Muenchen, tr.1- 2.

thiện môi trường sống, tác động đến đặc điểm tâm, sinh lý của người phạm tội. Tuy nhiên, điểm chung của các biện pháp này là đều phải xuất phát từ nguyên nhân của tội phạm.

Phòng ngừa tội phạm bằng hình phạt: Tác giả Cesare Beccaria với công trình “*On Crimes and Punishments*” (tạm dịch: “*Tội ác và trừng phạt*”), in trong tổng tập của Đại học Cambridge, Vương quốc Anh, (1995) đã nhấn mạnh vai trò của hình phạt như một công cụ để định hướng lại hành vi của con người, cụ thể: việc áp dụng hình phạt phải tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Mục đích chính của hình phạt không chỉ có tác dụng răn đe mà còn để ngăn ngừa, giáo dục con người lựa chọn việc thực hiện hành vi phạm tội¹³.

Kế thừa những tư tưởng khoa học cổ điển và thực chứng của các tác giả về về vị trí, vai trò của phòng ngừa tội phạm bằng hình phạt, nghiên cứu sinh đã tiếp thu và xây dựng lý luận về chính sách pháp luật liên quan đến tội GRTTCC.

Phòng ngừa tội phạm bằng kiểm soát xã hội, kiểm soát cá nhân, tự kiểm soát: Đây là tư tưởng phòng ngừa được nhiều tác giả tiếp cận theo hướng tác động vào môi trường sống và cơ chế điều chỉnh hành vi trong cộng đồng xã hội. Một trong những lý thuyết tiêu biểu là phòng ngừa tội phạm thông qua thiết kế môi trường (CPTEU) do tác giả Jeffery khởi xướng với giải pháp thiết kế, tổ chức không gian đô thị hợp lý có thể giảm thiểu cơ hội phạm tội, qua đó ngăn chặn hành vi phạm tội ngay từ sớm; nhấn mạnh vào khả năng can thiệp của cộng đồng, vai trò giám sát tự nhiên, kiểm soát không gian, môi trường xung quanh và củng cố sự kiểm soát của xã hội nhằm hạn chế những điều kiện thuận lợi làm phát sinh tội phạm¹⁴.

Tiếp cận theo hướng phòng ngừa tình huống, tác giả Stephen R. Schneider giáo sư về lĩnh vực khoa học xã hội học và tội phạm, thuộc Đại học Saint mary, Halifax, Nova 6 Scotia, Canada trong cuốn “*Crime prevention - Theory and Practice*” (tạm dịch: *Phòng ngừa tội phạm - Lí luận và thực tiễn*) đã luận giải một cách có hệ thống cơ chế phòng ngừa tội phạm trong các tình huống cụ thể, dựa vào

13. Beccaria, Cesare (2016), *On crimes ang Punishments*, Translation, Annotations and Introduction by Graeme R.Newman and Pietro Marongiu, Fifth Edition, Transaction Publishers.

14. Behl, Joshua D., Steverson, Leonard A. (2021), *Criminal Theory Profiles: Inside the Minds of Theorists of Crime and Deviance*, Routledge Publisher.

kiểm soát xã hội và kiểm soát hành vi, cụ thể là giảm nguy cơ phạm tội bằng cách thay đổi hành vi của các nạn nhân tiềm tàng trong xã hội; giám sát mọi cơ hội tiếp cận để phòng ngừa hành vi phạm tội; các biện pháp kiểm soát lãnh thổ, không gian, kiểm soát xã hội không chính thức, nhằm giảm những nguyên nhân, điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra những hạn chế của việc chỉ áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội mà không kết hợp với các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ như phòng ngừa tái phạm, tăng cường trách nhiệm của cộng đồng trong phòng ngừa tội phạm¹⁵.

Phòng ngừa tội phạm bằng 04 biện pháp cơ bản của Donald Perlgut: *Ngăn chặn*: ngăn chặn tội phạm bằng việc cải thiện các điều kiện xã hội có liên quan tới việc làm nảy sinh tội phạm; *trừng phạt*: sử dụng công cụ pháp luật của các cơ quan bảo vệ pháp luật để cưỡng chế, giáo dục nhằm điều chỉnh các đối tượng có khả năng hoặc tiềm năng phạm tội; *công nghệ - kỹ thuật*: ứng dụng các sản phẩm công nghệ, kỹ thuật trong theo dõi, nhận dạng... *môi trường*: thiết kế, xây dựng môi trường bên trong và bên thuận lợi cho việc giám sát, quản lý...¹⁶

Phòng ngừa tội phạm thông qua kiểm soát xã hội của Stephen R. Schneider¹⁷ trong cuốn “*Crime prevention - Theory and Practice*” (tạm dịch: “*Phòng ngừa tội phạm - Lý luận và thực tiễn*”). Tác giả đã giải thích một cách khoa học về hoạt động phòng ngừa tội phạm, như: giảm nguy cơ phạm tội bằng cách thay đổi hành vi của các nạn nhân tiềm tàng trong xã hội; giám sát mọi cơ hội tiếp cận để phòng ngừa hành vi phạm tội; các biện pháp kiểm soát lãnh thổ, không gian, kiểm soát xã hội không chính thức, nhằm giảm những nguyên nhân, điều kiện cần thiết để thực hiện tội phạm. Bên cạnh đó xác định những hạn chế và cách giải quyết những hạn chế bằng kiểm soát xã hội, tập trung phòng ngừa tái phạm, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong phòng ngừa tội phạm.

15. Schneider, Stephen R. (2014), *Crime prevention - Theory and Practice*, Đại học Saint mary, Halifax, Nova 6 Scotia, Canada.

16. Donald, Perigut (1981), *Crime Prevention for Australian Public Housing*, ACPC Forum, Vol. 4, No. 3, pp. 13-7.

17. R. Schneider, Sterphen (2014), *Crime Prevention - Theory and practice, second Edition*, Đại học Saintmary, Halifax, Nova Scotia, Canada.

Về nguyên nhân của tội phạm: Công trình sách chuyên khảo “*An introduction to Crime and Criminology*” (tạm dịch: “*Giới thiệu về tội phạm và tội phạm học*”) của Hennessy Hayes và Tim Prenzler, (2014)¹⁸, nghiên cứu về nguyên nhân của tội phạm theo hướng liên ngành khi cho rằng hành vi phạm tội không hình thành riêng lẻ mà chịu tác động qua lại từ các yếu tố tiêu cực của người bị hại, môi trường xã hội - cộng đồng, môi trường giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, chính sách pháp luật của quốc gia... Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, các tác giả đề xuất một số giải pháp mang ý nghĩa chiến lược trong phòng ngừa tội phạm, xây dựng quy trình đấu tranh đối với một số loại tội phạm cụ thể.

Các tác giả Gennaro F. Vito, Jeffrey R. Maahs, Ronald M. Holmes với cuốn sách “*Criminology: Theory, Research, and Policy*” (*Tội phạm học: Lý thuyết, Nghiên cứu và Chính sách*), Nhà xuất bản Jones & Bartlett Learning, (2006), trên cơ sở nền tảng các học thuyết của tội phạm học hiện đại, đồng thời tích hợp tri thức của Xã hội học, Tâm lý học, Sinh học và Sinh thái học đã giải thích cơ chế của hành vi phạm tội, nguyên nhân và hệ quả của nguyên nhân phạm tội. Cách tiếp cận này tạo cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh vận dụng trong việc đối chiếu, so sánh và đánh giá cơ chế hành vi phạm tội GRTTCC.

Về nạn nhân của tội phạm: Tác giả Larry Siegel trong cuốn “*Criminology - The Core*” (tạm dịch: “*Tội phạm học - Cốt lõi*”)¹⁹ đã công bố những luận điểm về tội phạm, tập trung xoay quanh mối quan hệ giữa nạn nhân với người phạm tội, giữa nạn nhân với nạn nhân, bao hàm trên các lĩnh vực nghiên cứu về phạm vi, bản chất, đặc điểm người phạm tội và nguy cơ từ những người này, phương pháp kiểm soát đối với những nguy cơ đó. Đây là công trình nghiên cứu toàn diện về tội phạm và là kết quả của những nghiên cứu về mối quan hệ giữa nạn nhân và tội phạm, nạn nhân với nạn nhân, dự báo về các nguy cơ tái phạm đối với một số loại tội phạm và hướng xử lý đối với nguy cơ đó. Công trình này có ý nghĩa quan trọng giúp nghiên cứu sinh đưa ra các kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn cũng như đề ra các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC trong luận án.

18. Hayes, Hennessy, Prenzler, Tim (2014), *An introduction to Crime and Criminology*, Nxb Pearson Australia.

19. Siegel, Larry (2014), *Criminology - The core*, Cengage Learning.

Hệ thống các quan điểm, học thuyết liên quan đến phòng ngừa tội phạm GRTTCC cũng đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc làm rõ lý luận phòng ngừa tội phạm, điển hình như lý thuyết về “sự ràng buộc phù hợp” của Jackson Toby²⁰; lý thuyết kiểm soát của Hirschi khi cho rằng “người phạm tội vẫn có khả năng kiểm soát ham muốn của mình, khi có ham muốn nảy sinh cá nhân xung đột với lợi ích của xã hội, nếu đề lẩn áp trong khoảnh khắc, không kiểm soát được bản thân sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật (VPPL), phát triển trở thành tội phạm²¹, vì vậy, việc “tự kiểm soát” bản thân đóng vai trò quan trọng trong việc chế ngự ham muốn cá nhân, răn đe, cảnh tỉnh đối với chính bản thân mình thì mới không thực hiện hành vi phạm tội. Đối với lý thuyết này có một hạn chế là chưa đề cập đến việc tự kiểm soát thấp dẫn tới buông lỏng và xu hướng phạm tội trong xã hội; hay lý thuyết không gian phòng thủ - phòng chống tội phạm thông qua thiết kế đô thị²² đã đề cập tới các giải pháp thiết kế đô thị sao cho mọi người sống trong đó có cảm giác an toàn, yên ổn và hợp tác với nhau để phòng ngừa tội phạm thông qua yêu cầu về quy hoạch, xây dựng đô thị, khu dân cư mới; lý thuyết kiểm soát xã hội trong Tội phạm học của tác giả Richard A (chủ biên), Vương quốc Anh, (2005), tập trung phân tích hệ thống lý thuyết kiểm soát xã hội trong Tội phạm học, vấn đề tự kiểm soát, vai trò của việc kiểm soát xã hội trong phòng ngừa tội phạm, cũng như duy trì trật tự xã hội; lý thuyết về tội phạm và kiểm soát tội phạm của tác giả Imobighe Thomas A²³ đã phân tích lý thuyết về tội phạm và kiểm soát tội phạm, đặc biệt chỉ ra 03 cấp độ kiểm soát tội phạm - toàn cầu, khu vực, địa phương trên cơ sở dữ liệu tương ứng; lý thuyết học hỏi xã hội của Albert Bandura²⁴ cho rằng con người có thể tiếp thu các hành vi, thái độ, và phản ứng cảm xúc bằng cách quan sát và bắt chước người khác trong xã hội; lý thuyết các hoạt động thường nhật được

20. Helena, Lara, Kuhn (2009), *Social Control and Human Nature: What Is It We Are Controlling?* LFB Scholarly Publishing LLC El Paso, p. 18-20.

21. Travis Hirschi, Part VII (2010), *Control theories*, In book: Heith Copes, Volkan Topali, *Criminological Theory: Readings and Retrospectives*, Published by McGraw - Hill, Copyright, p. 265-275.

22. Newman, Oscar (1972), *Defensible space: Crime Prevention through urban design*, New York: Macmillan, p. 23-68.

23. Imobighe, Thomas A (2010), *Theory of Crime and Crime Control*, National Open University of Nigeria.

24. Saul McLeod (2025), *Social learning theory* (tạm dịch: *Lý thuyết học hỏi xã hội của Albert Bandura*). <https://www.simplypsychology.org/bandura.html>, truy cập ngày 16/6/2026.

Cohen và Felson phát triển²⁵ đã lý giải các hoạt động thường nhật, các tình huống cụ thể trong đời sống xã hội tác động, hình thành hành vi phạm tội.

Các kết quả nghiên cứu trên có giá trị to lớn giúp nghiên cứu sinh vận dụng giải thích cơ chế hình thành hành vi phạm tội GRTTCC, lý giải nguyên nhân của tội GRTTCC, đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả phòng ngừa tội phạm và đưa ra các biện pháp phòng ngừa như kiểm soát xã hội, tự kiểm soát của cá nhân người phạm tội, thiết kế không gian công cộng...

- Nhóm công trình nghiên cứu có liên quan đến thực trạng và các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Do chính sách pháp luật hình sự, chính sách phòng ngừa tội phạm của các quốc gia có tính đặc thù nên các công trình nghiên cứu về tội GRTTCC được tiếp cận chủ yếu dưới các chính sách chung về trật tự xã hội, kiểm soát trật tự công cộng, điển hình như:

Cuốn sách *“Order and Conflict in Public Space”* (tạm dịch: *Trật tự và Xung đột ở khu vực công cộng (Nghiên cứu Định tuyến về Tội phạm và Xã hội)*) là ấn phẩm thuộc bộ sách *“Routledge Studies in Crime and Society”* (tạm dịch: *tổng hợp nghiên cứu về tội phạm và xã hội của Routledge*) của 04 học giả, chuyên gia nghiên cứu đô thị và tội phạm học là Lucas Melgaço, Georgiana Varna, Francesca Menichelli, Mattias De Backer, Nhà xuất bản Routledge, Hoa Kỳ, phát hành lần đầu vào năm 2016, xuất bản bìa mềm năm 2018. Nhóm tác giả đã tập trung nghiên cứu thực trạng những mâu thuẫn, xung đột ở khu vực công cộng trong đó có hành vi GRTTCC và tội GRTTCC, xác định những mâu thuẫn chủ yếu và tỷ lệ của chúng dẫn đến những hành vi tội phạm.

Nhóm tác giả Leslie W. Kennedy, Joel M. Caplan, Eric L. Piza trong cuốn sách *“Risk-Based Policing: Evidence-Based Crime Prevention with Big Data and Spatial Analytics”* (tạm dịch: *Chính sách dựa trên rủi ro: Phòng chống tội phạm dựa trên bằng chứng với dữ liệu lớn và phân tích không gian*), Nhà xuất bản Đại

25. Saul McLeod (2025), *Routine Activities Theory: Definition & Examples* (tạm dịch: Lý thuyết hoạt động thường nhật: Định nghĩa và ví dụ), <https://www.simplypsychology.org/routine-activities-theory.html>, truy cập ngày 26/6/2026.

học California phát hành năm 2018, Hoa Kỳ chứng minh cách tập trung nguồn lực của Cảnh sát tại những nơi có nguy cơ rủi ro, dựa trên việc sử dụng dữ liệu thông minh và công việc phân tích mạnh mẽ, có thể giải quyết những tác động tiêu cực của tình trạng mất trật tự công cộng và tội phạm trong khi cải thiện an toàn công cộng và quan hệ cộng đồng.

Tác giả Martin Innes trong cuốn “*Kiểm soát xã hội: Lềch lạc, tội phạm và trật tự xã hội*”, Open University Press, 2003 đã đề cập đến vấn đề tại sao phải kiểm soát xã hội, bằng cách ngăn ngừa những lệch lạc, lệch chuẩn xã hội và tội phạm. Cuốn sách cung cấp những phân tích, cơ sở và bản chất của kiểm soát xã hội, những nội dung cần điều chỉnh trong chính sách hình sự, hệ thống hình phạt với sự thay đổi của xã hội, những hành vi VPPL và tội phạm từ đó đề xuất các giải pháp kiểm soát xã hội, duy trì trật tự, ổn định xã hội.

Luận án tiến sĩ, *Уголовно - правовая охрана общественного порядка в современной России* (tạm dịch: *Quy định của pháp luật hình sự về bảo đảm trật tự công cộng ở Liên bang Nga hiện nay* của tác giả Kudelich Aleksander Viatreslavovich, Học viện Quản lý Bộ Nội vụ Liên bang Nga, bảo vệ năm 2000 đã tiếp cận phòng ngừa các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự ông cộng từ phương diện xã hội học, tội phạm học và khoa học pháp lý hình sự để giải thích nguyên nhân, cơ chế tác động, hình thành hành vi phạm tội, đồng thời đề xuất giải pháp phòng ngừa và kiểm soát tội phạm trong lĩnh vực này. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị giúp nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các giải pháp tăng cường hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC trong luận án.

Luận án tiến sĩ, *Теоретические, правовые и организационные основы совершенствования системы охраны общественного порядка в Кыргызской Республике* (tạm dịch: *Cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để hoàn hệ thống bảo vệ trật tự công cộng ở Cộng hòa Kyrgyzstan*) của tác giả Adilov Aibek Nasjnovich, Học viện Quản lý Bộ Nội vụ Liên bang Nga, bảo vệ năm 2010 đã nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn trong giữ gìn trật tự công cộng ở Cộng hòa Kyrgistan. Công trình đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của các yếu tố đặc điểm kinh tế, xã hội, đặc điểm dân cư giữa các

địa bàn trong xây dựng cơ chế bảo đảm trật tự công cộng. Kết quả nghiên cứu trên giúp nghiên cứu sinh vận dụng khi đề xuất các giải pháp phòng ngừa tội phạm GRTTCC phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn dân cư ở Việt Nam.

Luận án tiến sĩ: *Охрана общественного порядка в системе вопросов местного значения* (tạm dịch: *Vấn đề bảo vệ trật tự công cộng trong hệ thống các hoạt động quan trọng của địa phương*) của tác giả Andreeva Irina Alekseevna, Trường Đại học luật Ural Bộ Nội vụ Liên bang Nga, bảo vệ năm 2011 đã tiếp cận vấn đề bảo vệ trật tự công cộng từ góc độ QLNN. Luận án tập trung làm rõ vai trò của chính quyền địa phương trong bảo đảm ANTT, đồng thời phân tích cơ chế phân cấp quản lý và phối hợp thực thi pháp luật về ANTT của các chủ thể quản lý. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu trên, nghiên cứu sinh chú ý đề xuất các giải pháp phòng ngừa tội GRTTCC theo hướng tăng cường vai trò của chính quyền địa phương và cộng đồng xã hội trong kiểm soát xã hội đối với hành vi phạm tội GRTTCC.

Cuốn “*Preventing and Reducing Juvenile Delinquency: A Comprehensive Framework*” (tạm dịch: *Phòng ngừa và giảm thiểu tình trạng phạm pháp ở thanh thiếu niên: Một khuôn khổ toàn diện*) của tác giả James C.Howell²⁶ tập trung đánh giá các nguy cơ, cơ chế can thiệp của hệ thống tư pháp cũng như tác động của các chính sách phòng ngừa xã hội tới phòng ngừa tội phạm do người chưa thành niên thực hiện. Kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế xử lý, phòng ngừa tội GRTTCC do nhóm chủ thể là người chưa thành niên thực hiện.

Tác giả Joycelyn M.Pollock trong cuốn “*Crime and criminal justice in America*”, (2011) (tạm dịch: “*Tội phạm và tư pháp ở Mỹ*”) đã tiếp cận hệ thống tư pháp hình sự với tư cách một thiết chế kiểm soát xã hội. Tác giả đã phân tích mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội, cấu trúc xã hội với các cơ chế kiểm soát hành vi lệch chuẩn, trong đó nhấn mạnh vai trò của gia đình và cộng đồng xã hội tác động tới thanh thiếu niên. Theo quan điểm này, kiểm soát xã hội được thực hiện thông qua sự ràng buộc trực tiếp của cha mẹ bằng hình phạt và phần thưởng; hoặc kiểm

26. Howell, James C. (2003), *Preventing and Reducing Juvenile Delinquency: A Comprehensive Framework*.

soát gián tiếp (bằng sự không chấp thuận của cha mẹ) hoặc kiểm soát nội bộ (bằng cảm giác tội lỗi, lương tâm). Những luận điểm này có ý nghĩa tham khảo quan trọng trong việc nghiên cứu cơ chế phòng ngừa tội GRTTCC từ góc độ kiểm soát xã hội.

Tác giả F.Ivan Nye trong cuốn *“Control theories”* (tạm dịch: *Lý thuyết kiểm soát xã hội*) đã đưa ra những luận cứ trong việc lý giải nguyên nhân chủ yếu của tội phạm khi cho rằng: *“Một số hành vi phạm tội sinh ra từ một sự kết hợp của thói a dua và sự yếu kém, thiếu hiệu quả của kiểm soát xã hội”, “Hành vi phạm pháp trước hết là kết quả của kiểm soát xã hội không đủ mạnh”*²⁷.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nêu trên đã cung cấp cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về thực trạng áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa tội phạm. Kết quả từ các công trình có giá trị khoa học lớn để nghiên cứu sinh tiếp tục kế thừa, phát triển, vận dụng vào đề xuất các giải pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam hiện nay.

3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

- Những vấn đề đã được nghiên cứu, thống nhất và luận án sẽ kế thừa

Về cách tiếp cận và giá trị khoa học của các công trình: Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều có tính thời sự, tính khái quát hóa cao và tiếp cận đa ngành, liên ngành, phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống pháp lý của mỗi quốc gia.

Về cơ sở chính trị, pháp lý: Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều vận dụng, quán triệt làm rõ yêu cầu, chủ trương, chiến lược về phòng, chống tội phạm nói chung phù hợp với các quốc gia. Điển hình, ở Việt Nam nội dung này được xác định là nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục, lâu dài của cả hệ thống chính trị nhằm bảo đảm thực hiện Hiến pháp và pháp luật, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

27. Travis Hirschi, Part VII (2010), *Control theories*, In book: Heith Copes, Volkan Topali, *Criminological Theory: Readings and Retrospectives*, Published by McGraw - Hill, Copyright, p. 265-275.

Ở khía cạnh lý luận, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất nhận thức về đối tượng nghiên cứu, vị trí, vai trò, nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa tội phạm; khẳng định muốn tăng cường hiệu quả phòng ngừa tội phạm phải làm rõ được bức tranh tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, chỉ ra những hạn chế, bất cập từ thực tiễn phòng ngừa trên cơ sở đặt phòng ngừa tội phạm cụ thể trong bối cảnh cụ thể của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật của mỗi quốc gia.

Điển hình có công trình nghiên cứu đã bước đầu hệ thống về lý luận kiểm soát tội phạm thông qua kiểm soát xã hội, tự kiểm soát, xây dựng các bộ tiêu chí để đánh giá hiệu quả phòng ngừa; chú trọng làm rõ nguyên nhân của tội GRTTCC gắn với yếu tố dân cư, môi trường sống, hạn chế trong thực hiện cơ chế chính sách.

Về cơ sở thực tiễn: Một số công trình nghiên cứu trong nước đã có kết quả nghiên cứu khá sâu sắc về trật tự công cộng, phòng ngừa GRTTCC dưới góc độ luật hình sự làm cơ sở để điều chỉnh pháp luật; phân tích làm rõ được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể chuyên trách trong phòng ngừa tội GRTTCC; phân tích, làm rõ thực trạng áp dụng các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ của chủ thể chuyên trách ở những phạm vi không gian, thời gian khác nhau.

Riêng các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, vấn đề phòng ngừa tội GRTTCC được lồng ghép nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thông qua thực trạng áp dụng các biện pháp pháp lý hình sự trong phòng, chống bạo loạn, gây rối; thực trạng áp dụng các biện pháp vũ trang, hay thực hiện các biện pháp kiểm soát trật tự công cộng theo các mô hình kiểm soát xã hội.

- Những điểm hạn chế, khác biệt, chưa thống nhất

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu nước ngoài chưa đề cập trực tiếp đến đối tượng nghiên cứu là tội GRTTCC, chưa phân định rõ về trật tự công cộng và an ninh quốc gia trong mối quan hệ, tác động với trật tự công cộng, an toàn công cộng. Lý do, xuất phát từ sự khác nhau về thể chế, pháp luật, tình hình và nguyên nhân của tội GRTTCC ở các quốc gia là khác nhau.

Thứ hai, một số công trình nghiên cứu trong nước mới chỉ đề cập đến khía cạnh pháp lý hình sự mà chưa đi sâu phân tích cơ chế hình thành, mối quan hệ giữa

yếu tố xã hội với yếu tố cá nhân người phạm tội, quá trình xã hội hóa cá nhân, xung đột xã hội, rối loạn xã hội; chưa chú trọng tới vấn đề kiểm soát xã hội, kiểm soát cá nhân người phạm tội GRTTCC; chưa đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm GRTTCC thông qua các bộ tiêu chí cụ thể; chưa phân tích làm rõ điểm giống và khác nhau, cơ chế hình thành hành vi phạm tội của các nhóm đối tượng cụ thể GRTTCC gắn với các đặc điểm đặc trưng về nhân thân người phạm tội như tuổi, giới tính, trình độ, địa điểm, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ ba, cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận, các học thuyết hiện đại về phòng ngừa tội phạm chưa được vận dụng triệt để trong giải thích nguyên nhân của tội GRTTCC; các công trình nghiên cứu còn chưa làm rõ vai trò của xã hội trong việc kiểm soát tội GRTTCC; kết quả nghiên cứu về lý luận phòng ngừa tội GRTTCC trên cả phương diện phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ chưa mang tính hệ thống, đầy đủ; thực tiễn khảo sát, đánh giá về cơ chế, chính sách, nguồn lực con người, phương tiện, kỹ thuật để kiểm soát tội GRTTCC ở Việt Nam còn hạn chế.

3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án tiếp tục làm rõ những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc đã được đề cập nhưng ở mức độ hạn chế, chưa cụ thể nhằm phát triển lý luận, đánh giá sâu sắc thực tiễn phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam. Cụ thể:

Tác giả tiếp tục nghiên cứu, phát triển đề tài “*Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam hiện nay*” gắn với điều kiện, hoàn cảnh, chính sách kinh tế, xã hội trong bối cảnh mới. Chú trọng tới tác động của chính sách, pháp luật, các yếu tố nền khác tới xu hướng tội phạm, hiệu quả phòng ngừa phòng ngừa tội GRTTCC.

Bổ sung “*tính địa lý học tội phạm*” khi luận giải thực trạng, diễn biến tình hình tội GRTTCC tại các địa bàn phức tạp về ANTT, địa bàn giáp ranh, thành phố có quy mô dân số lớn, khu công nghiệp để so sánh với các địa bàn khác trên cả nước; tiếp cận “*tính địa lý tội phạm*” giải thích cơ chế hành vi phạm tội theo địa lý phạm tội; phân tích, làm rõ tác động của “*tính địa lý tội phạm*” tới hiệu quả triển khai các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC của các chủ thể chuyên trách, chẳng hạn địa bàn rộng, địa bàn giáp ranh, tuyến phố, khu công nghiệp, khu dân cư có đặc

thù gi ảnh hưởng, tác động tới hiệu quả phòng ngừa; đề xuất các giải pháp tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trên cơ sở “tính địa lý học tội phạm” gắn với các cộng đồng dân cư khác nhau như ở khu vực đô thị, nông thôn, nội thành, ngoại thành, khu vực dân tộc, tôn giáo, khu vực phức tạp về ANTT.

Tham khảo, vận dụng triệt để lý thuyết tổ chức xã hội, lý thuyết phân tầng xã hội và các nghiên cứu xã hội học về chính trị, tôn giáo và thiết chế xã hội để giải thích nguyên nhân của tội GRTTCC; chỉ rõ nguyên nhân chủ yếu từ xã hội, từ cá nhân người phạm tội (ý thức pháp luật, đặc điểm tâm sinh lý tiêu cực), các yếu tố tác động tới việc hình thành hành vi GRTTCC; điều kiện và cơ chế thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC; đặc điểm nhân thân người phạm tội để đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC hiệu quả trong thời gian tới.

Chú trọng nghiên cứu lý luận, thực tiễn áp dụng các biện pháp nhằm kiểm soát tội GRTTCC qua đánh giá chức năng kiểm soát xã hội đối với tội phạm, đánh giá mối quan hệ giữa pháp luật và xã hội và kiểm soát cá nhân (tự kiểm soát, kiểm soát, cân bằng hài hòa các mối quan hệ, lợi ích của các chủ thể, ý thức pháp luật); đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC bằng các công cụ, tiêu chí cụ thể (dựa vào thực tế tổ chức thực hiện, dựa trên trình độ hiểu biết pháp luật; thái độ đối hệ thống pháp luật trong cộng đồng dân cư theo các mức độ), phòng ngừa tình huống phạm tội GRTTCC cụ thể; phòng ngừa tội phạm từ việc nghiên cứu cơ chế tâm lý - xã hội của hành vi phạm tội; củng cố các chuẩn mực đạo đức và pháp luật về các hành vi của con người, tăng cường kiểm tra bên trong xã hội và kiểm tra tâm lý hành vi của chính bản thân mỗi người.

4. Cơ sở lý thuyết, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý thuyết

Cơ sở lý thuyết của luận án là toàn bộ nền tảng lý luận mà luận án sử dụng như lý luận về tình hình tội phạm; về nguyên nhân của tội phạm; về dự báo; phòng ngừa tội phạm nói chung và gắn với tội GRTTCC nói riêng. Ngoài ra, luận án còn vận dụng các lý thuyết về tội phạm và vấn đề trách nhiệm hình sự, lý thuyết về chức năng của nhà nước, chức năng của xã hội đối với phòng ngừa tội phạm.

4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát: Phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam hiện nay được nhận thức và tổ chức thực hiện như thế nào; hiệu quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong phòng ngừa là gì; từ đó cần tăng cường các biện pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới?

Câu hỏi nghiên cứu cụ thể:

(1) Lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC được hiểu như thế nào và có những đặc thù gì so với lý luận phòng ngừa các loại tội phạm khác, đặc biệt là các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng?

(2) Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý của phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam?

(3) Tình hình, nguyên nhân của tội GRTTCC ở Việt Nam có ý nghĩa như thế nào đối với việc xác định nội dung và biện pháp phòng ngừa?

(4) Thực tiễn chủ thể, mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam hiện nay như thế nào?

(5) Thực tiễn các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam như thế nào?

(6) Tình hình tội phạm và phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trong thời gian tới diễn biến như thế nào? Những biện pháp nào được sử dụng để tăng cường phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trong thời gian tới?

4.3. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu tổng quát: Hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trong những năm qua vẫn còn hạn chế, thiếu sót; cần phải áp dụng tổng thể, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ.

Giả thuyết nghiên cứu chi tiết:

Một là, việc nghiên cứu về lý luận phòng ngừa tội GRTTCC trong thời gian qua chưa mang tính hệ thống, toàn diện. Xuất phát từ đặc điểm pháp lý hình sự và đặc điểm tội phạm học của tội GRTTCC nên hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC có những khác biệt nhất định với phòng ngừa tội phạm nói chung ở đặc điểm, cơ sở, chủ thể, biện pháp, nội dung phòng ngừa.

Hai là, cơ sở chính trị, pháp lý phòng ngừa tội GRTTCC tương đối đầy đủ và cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể triển khai các biện pháp phòng ngừa, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế.

Ba là, trong những năm qua hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam vẫn còn diễn biến phức tạp, nguyên nhân phổ biến đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội như kinh tế, văn hóa, giáo dục..., chưa xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện phòng ngừa, chưa đánh giá được hạn chế của các biện pháp và hạn chế trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, cũng như chưa xác định rõ mối liên hệ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa chuyên biệt.

Bốn là, tình hình tội GRTTCC trong thời gian tới vẫn còn phức tạp cần thiết phải tăng cường các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC.

4.4. Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

Luận án tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo hướng liên ngành, đa ngành khi vận dụng lý luận của khoa học pháp lý hình sự, tội phạm học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học để luận giải, dự báo về sự vận động của tình hình tội GRTTCC; nguyên nhân của tội GRTTCC; đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm xem xét phòng ngừa tội GRTTCC trong tổng thể công tác phòng, chống tội phạm nói chung, nhận diện các mối quan hệ giữa các yếu tố nhằm đưa ra các giải pháp phòng đồng bộ, khả thi và bền vững.

Ngoài ra, luận án cũng vận dụng cách tiếp cận bảo vệ quyền con người làm cơ sở xuyên suốt trong hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC nhằm nâng cao hiệu quả, tính chính danh và sự đồng thuận xã hội.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

1.1.1. Khái niệm phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học do tác giả Hoàng Phê chủ biên, “trật tự” được hiểu là: *“Trạng thái ổn định, ngăn nắp, có tổ chức theo một quy tắc xã hội chung trong các không gian, sinh hoạt công cộng, đảm bảo hoạt động xã hội diễn ra bình thường, không có xáo trộn”*²⁸.

Trong Từ điển Bách khoa Công an nhân dân, “trật tự công cộng” được xác định là: *“Trạng thái có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi công cộng mà mọi người phải tuân theo. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự an toàn xã hội và có nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, vệ sinh, văn hóa; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận; tình trạng yên ổn, có trật tự, tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người”*²⁹.

Cũng theo Từ điển bách khoa Công an nhân dân, “gây rối trật tự công cộng” là: *“Hành vi gây mất trật tự nơi công cộng hoặc hành vi càn quấy, hành hung người khác, gây lộn xộn trên đường phố, ở công viên, rạp hát, vườn hoa. Gây rối trật tự công cộng xâm hại đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh và hoạt động bình thường của mọi người”*³⁰.

Khái niệm trên đã đưa ra một số hình thức biểu hiện và hậu quả của hành vi GRTTCC, tuy nhiên mức độ khái quát chưa cao, phạm vi nơi công cộng còn bị thu hẹp, mới chỉ tập trung vào những hành vi càn quấy, hành hung, gây lộn xộn có tác động trực tiếp tới các quan hệ xã hội tại một số điểm công cộng.

Tác giả Vũ Thế Công: *“Gây rối trật tự công cộng là hành vi cố ý thực hiện các hành động, cách thức tác động trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm trật tự*

28. Hoàng Phê (2018), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

29. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

30. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

công cộng vi phạm các quy định của pháp luật và các quy tắc bảo đảm bảo trật tự công cộng, phá vỡ tính ổn định của trật tự công cộng, gây cản trở, ngưng trệ, gián đoạn, rối loạn các hoạt động công cộng, làm mất trật tự công cộng, xâm phạm tài sản, danh dự, sức khỏe, tính mạng và các lợi ích hợp pháp của người khác tại nơi công cộng”³¹.

Cách tiếp cận này thể hiện sự gắn kết giữa phương diện pháp lý và phương diện xã hội, đồng thời phản ánh mối quan hệ liên ngành trong nghiên cứu tội phạm học. Dưới góc độ tội phạm học, hành vi GRTTCC được xem là một hiện tượng xã hội tiêu cực hay hiện tượng tội phạm học. Hiện tượng này thường gắn liền với các yếu tố thuộc về xã hội, nó có những thuộc tính riêng để nhận diện tình hình tội phạm GRTTCC và phân biệt nó với các hiện tượng khác hiện diện trong xã hội.

Trong nghiên cứu tội phạm học, đối tượng nghiên cứu không chỉ dừng lại ở mức độ hành vi cụ thể mà còn được xem xét ở cấp độ khái quát hơn với tư cách “hiện tượng xã hội tiêu cực”. Việc chuyển từ cách tiếp cận ở mức độ hành vi sang nhận thức ở mức độ tổng thể cho phép nhận thức được đầy đủ “bức tranh” của tình hình tội GRTTCC trong đời sống xã hội, từ đó xây dựng các định hướng, chiến lược, chương trình phòng ngừa tội phạm này một cách đồng bộ và phù hợp với các cấp độ quản lý.

Dưới góc độ pháp lý hình sự hoặc hành chính thì hành vi GRTTCC là hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự, sự ổn định bình thường ở nơi công cộng, gây ra những hậu quả ảnh hưởng xấu đến ANTT, an toàn xã hội. Những hành vi này được quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS) hoặc các quy định của pháp luật hành chính; do chủ thể có đủ năng lực trách nhiệm hình sự hoặc trách nhiệm hành chính thực hiện và phải bị xử lý hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam đã có những phân định tương đối rõ ràng giữa hành vi GRTTCC với các hành vi vi phạm khác liên quan đến trật tự công cộng. Việc phân định này dựa trên tính chất, mức độ của hành vi, từ đó xác định biện pháp xử lý nhằm bảo đảm sự ổn định của trật tự công cộng, an toàn công

31 Vũ Thế Công (2021), *Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

cộng³². Trường hợp hành vi GRTTCC thỏa mãn các điều kiện quy định tại phần chung, Điều 318 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 được xác định là tội phạm.

Căn cứ vào các phân tích trên có thể xác định: *Tội GRTTCC là hành vi gây mất ổn định, cản trở hoặc làm rối loạn, cản quấy, hành hung người khác, xâm phạm đến ANTT, an toàn công cộng do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm và phải vi xử lý hình sự.*

Dấu hiệu pháp lý hình sự của tội GRTTCC:

Khách thể của tội gây rối trật tự công cộng

Hành vi phạm tội GRTTCC trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng, hành vi này có thể gián tiếp gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Mặt khách quan của tội gây rối trật tự công cộng

Về hành vi: Hành vi GRTTCC có thể được thực hiện dưới các hình thức rất đa dạng như tụ tập đông người, la hét, chửi bới, bằng lời nói thô tục hoặc bằng hành động đập phá, hủy hoại tài sản, đánh nhau, xô đẩy người khác, ném gạch, đá hoặc đồ vật, gây thương tích cho người khác, gây âm thanh tiếng ồn lớn, cản trở các hoạt động tại nơi công cộng, gây mất trật tự, an toàn công cộng, cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước, xâm phạm các mục tiêu bảo vệ, xâm phạm uy tín của người khác tại nơi công cộng...³³

Không gian công cộng diễn ra các hành vi gây rối trật tự là những nơi diễn ra hoạt động chung của nhiều người như đường phố, công viên, nhà hát, rạp chiếu phim, bến xe, cơ sở dịch vụ, văn hóa, ăn uống...

Về hậu quả: Hậu quả của tội GRTTCC có thể là thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất khi hành vi phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến ANTT, an toàn xã hội.

32. Chính phủ (2021), *Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu hộ, cứu nạn; phòng, chống bạo lực, gia đình*, Hà Nội; Quốc hội, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

33. Chính phủ (2013), *Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội, Điều 5; Điều 7 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, tldđ.

Dấu hiệu hậu quả là bắt buộc của tội phạm này trong trường hợp người phạm tội chưa bị xử phạt hành chính về hành vi GRTTCC hoặc chưa bị kết án về tội này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Trên cơ sở nhận diện đặc điểm về không gian và thời gian của hành vi GRTTCC, hoạt động phòng ngừa sẽ được tổ chức phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa bàn, khu vực. Các chủ thể phòng ngừa sẽ lựa chọn và tổ chức lực lượng, biện pháp phòng ngừa theo tình huống, theo thời gian thực, bảo đảm cấp Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc nếu chủ thể là người đã bị xử phạt hành chính về hành vi GRTTCC hoặc đã bị kết án về tội này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Chủ thể của tội GRTTCC: là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội GRTTCC có thể do một người hoặc một nhóm người có tổ chức cùng thực hiện, bao gồm: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Mặt chủ quan của tội GRTTCC: Chủ thể phạm tội thực hiện hành vi GRTTCC với lỗi cố ý.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Có tổ chức; dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách; gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng; xúi giục người khác gây rối; hành hung người can thiệp bảo vệ công cộng; tái phạm nguy hiểm” thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm³⁴.

Căn cứ vào khoa học pháp lý hình sự: Có tổ chức được hiểu là một hình thức thực hiện hành vi GRTTCC dưới dạng đồng phạm do một nhóm người có sự liên kết, cấu kết chặt chẽ³⁵. Tội GRTTCC thường có quy mô lớn do nhóm người có sự chuẩn bị về kế hoạch, phương thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện phạm tội gây rối, phân công vai trò giữa những người cùng thực hiện hành vi GRTTCC.

Dùng vũ khí được hiểu là dùng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự để GRTTCC³⁶.

34. Điều 318 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

35. Khoản 3, Điều 20 BLHS, tldđ.

36. Khoản 4, Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

Dùng hung khí³⁷ là trường hợp người phạm tội GRTTCC dùng công cụ, dụng cụ, vật có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác do người phạm tội chế tạo ra như thanh sắt mài nhọn, côn gỗ, vật có sẵn trong tự nhiên như gạch, đá... để gây rối trật tự công cộng.

Có hành vi phá phách là trường hợp người phạm tội GRTTCC có hành vi đập phá, làm đảo lộn trật tự bình thường của đồ vật, tài sản mà chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác quy định tại Điều 178 BLHS.

Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng là mức độ hậu quả nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về vật chất, tinh thần cho người và phương tiện tham gia giao thông hoặc các hoạt động khác tại nơi công cộng trong một khoảng thời gian nhất định³⁸, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại nơi công cộng.

Xúi giục người khác gây rối là hành vi kích động, thúc đẩy, dụ dỗ người khác phạm tội GRTTCC. Người phạm tội có thể bị áp dụng cả 02 tình tiết “*có tổ chức*” hoặc “*xúi giục người khác gây rối*” tùy theo tính chất, mức độ của hành vi, vai trò trong việc cố ý cùng thực hiện tội GRTTCC.

Hành hung người can thiệp bảo vệ công cộng là trường hợp người phạm tội GRTTCC có hành vi dùng vũ lực tấn công người đang thực hiện công vụ, nhiệm vụ bảo đảm trật tự công cộng. Trường hợp người có hành vi GRTTCC hành hung người khác thỏa mãn dấu hiệu của tội chống người thi hành công vụ hoặc cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác hoặc tội giết người thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này.

Tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội GRTTCC đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC do cố ý³⁹.

37. Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn về “hung khí”. Tham khảo tiểu mục 3.1, mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của BLHS năm 1999, trong đó có hướng dẫn về tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm”, “phương tiện nguy hiểm”.

38. Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn về tình tiết này của BLHS. Tham khảo tiểu mục 5.1 của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 245 BLHS năm 1999.

39 Xem điểm b, khoản 2, Điều 53 Bộ luật hình sự, tldđ.

Dấu hiệu tội phạm học của tội GRTTCC là những dấu hiệu mang tính xã hội, phản ánh một hiện tượng xã hội, cơ chế hình thành, diễn biến và điều kiện tồn tại của tội phạm đó trong đời sống xã hội. Dựa trên cơ sở lý luận chung của tội phạm học, dấu hiệu tội phạm học của tội GRTTCC thể hiện tội GRTTCC (1) Là một hiện tượng xã hội tiêu cực phát sinh trong các quan hệ sinh hoạt cộng đồng, hiện tượng này có tính lặp lại và tồn tại trong những điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể và đã là hiện tượng thì có cơ cấu, mức độ, diễn biến khác với tiếp cận pháp lý chỉ xem xét hành vi cụ thể để định tội danh, quyết định hình phạt; (2) Dấu hiệu về nhân thân người phạm tội (đặc điểm về nhân khẩu học, mang tính xã hội) phản ánh các đặc điểm về tâm lý, nhân cách, trình độ học vấn, nhận thức pháp luật, khả năng kiểm soát hành vi hạn chế, dễ bị kích động bởi đám đông, có tâm lý tiêu cực, tâm lý lây lan, hành vi phạm tội GRTTCC thường nhanh chóng, bộc phát, tức thời và thường phát sinh gắn với các tình huống cụ thể như mâu thuẫn cá nhân, sử dụng rượu, bia, chất kích thích, hay xung đột về lợi ích.

Các đặc điểm này phục vụ cho nghiên cứu nguyên nhân của tội GRTTCC thay vì các dấu hiệu pháp lý hình sự để quyết định hình phạt; (3) Cơ chế hành vi phạm tội GRTTCC thể hiện quá trình tác động qua lại giữa các yếu tố nhận thức cá nhân, yếu tố tâm lý, các yếu tố môi trường xã hội.

Về khái niệm phòng ngừa tội GRTTCC được tiếp cận và làm sáng tỏ trên cơ sở nhận thức về khái niệm “tội phạm”, “tình hình tội phạm”, “phòng ngừa tội phạm” hoặc “phòng ngừa tình hình tội phạm” nói chung trong khoa học pháp lý hình sự và tội phạm học.

Theo Đại Từ điển tiếng Việt, “*Phòng ngừa là không cho điều bất lợi, tác hại xảy ra; phòng là tìm cách ngăn ngừa, đối phó với điều không hay có thể xảy ra, gây tác hại cho mình*”⁴⁰.

Ở nước ta và trên thế giới hiện nay việc sử dụng các thuật ngữ trên còn chưa thống nhất. Điểm khác biệt giữa các quan điểm: (1) xuất phát từ cách hiểu phòng ngừa theo nguyên nghĩa và ít phổ biến hơn khi cho rằng phòng ngừa chỉ bao gồm hoạt động

40. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

tác động vào nguyên nhân của tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không cho tội phạm xảy ra hoặc theo hướng mở rộng phòng ngừa tội phạm bao gồm hoạt động phòng và chống tội phạm; (2) chưa thống nhất trong việc xác định “tội phạm” hay “tình hình tội phạm” là khái niệm trung tâm của tội phạm học⁴¹; (3) xác định phạm vi về đối tượng, nội dung về chủ thể, biện pháp, mục đích chính, mục tiêu cụ thể của phòng ngừa⁴².

Trên cơ sở kế thừa quan điểm của các tác giả, nghiên cứu sinh cho rằng khái niệm “tội phạm” và “tình hình tội phạm” là hai khái niệm độc lập, do đó phòng ngừa tội phạm và phòng ngừa tình hình tội phạm cũng khác nhau. Chúng ta không thể đồng thời sử dụng khái niệm tình hình tội phạm chỉ tội phạm nói chung và chỉ trạng thái, xu thế vận động của tội phạm⁴³. Tuy nhiên, về phương diện nào đó 02 khái niệm này có mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng⁴⁴, tác động qua lại với nhau. Thực tế phải phát sinh “tội phạm” mới có “tình hình tội phạm” (bức tranh tổng thể) của những hiện tượng - tội phạm xảy ra.

Căn cứ vào mục đích của phòng ngừa cụ thể, tính chất, các cấp độ phòng ngừa sẽ sử dụng các thuật ngữ tương ứng, các cách diễn đạt này đều thể hiện phòng ngừa tội phạm ở tất cả các mức độ. Lý luận và thực tiễn cho thấy, “*phòng ngừa tội phạm*” không có nghĩa chỉ giới hạn ở mức độ phòng ngừa tội phạm cụ thể (cái riêng), ngược lại “*phòng ngừa tình hình tội phạm*” cũng không có nghĩa chỉ giới hạn ở mức độ phòng ngừa chung toàn bộ tình hình (cái chung) mà không kết hợp với phòng ngừa tội phạm cụ thể.⁴⁵

Riêng khái niệm “tội phạm” được nghiên cứu ở cả hai trạng thái “tĩnh” và “động” dưới góc độ pháp lý hình sự là hành vi nguy hiểm cho xã hội hay góc độ tội

41. Ngô Ngọc Thuý (1995), *Tội phạm học, Luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, tr. 78; Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, tr. 207; Dương Tuyết Miên (2008), *Phòng ngừa tình hình tội phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5/2008, tr. 37; Nguyễn Mạnh Kháng (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, tr. 235; Nguyễn Ngọc Hoà (2007), *Phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 6/2007, tr. 25.

42. Trần Hữu Tráng (2009), *Tọa đàm về một số thuật ngữ tội phạm học*, Tạp chí Luật học, số 07/2009.

43. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an nhân dân; Nguyễn Ngọc Hoà (2009), *Các khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí Luật học, số 07/2009.

44. Nguyễn Ngọc Hoà (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, tr. 44.

45. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2025), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr. 274.

phạm học⁴⁶ như là một hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội - pháp lý. Nghĩa là, tội phạm không chỉ là hành vi của con người, mang tính cá nhân mà là một hiện tượng có quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển nhất định, có “nguyên nhân” hình thành cụ thể, mang tính xã hội và pháp lý hình sự.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả sử dụng thuật ngữ “tội” thay vì “tội phạm” vừa mô tả được tội phạm hiện thực, tội phạm đã và đang xảy ra dưới góc độ pháp lý hình sự, thể hiện một hiện tượng tiêu cực của xã hội vừa có trạng thái “tĩnh”, trạng thái “động”, có quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển trong đời sống xã hội, nó không chỉ mô tả về “hành vi phạm tội” theo đúng nguyên nghĩa dưới góc độ pháp lý hình sự và “phải bị xử lý hình sự” mà còn đặt các yếu tố, thuộc tính pháp lý hình sự này trong mối liên hệ với các hiện tượng, nhân tố và quá trình tác động khác nhau. Phòng ngừa tội không có nghĩa là cách gọi tên gắn với điều luật mà hoạt động đó đã thể hiện đầy đủ các đặc điểm pháp lý hình sự và tội phạm học.

Thuật ngữ phòng ngừa tội GRTTCC hay phòng ngừa tội phạm GRTTCC xét trên phương diện một loại tội phạm cụ thể thì đều phản ánh hình thức pháp lý được quy định trong BLHS; nội dung pháp lý là hành vi có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, đều xâm phạm tới những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ ở mức độ nhất định và phản ánh một hiện tượng xã hội tiêu cực, mục đích phòng ngừa đều hướng tới ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội; thông qua hệ thống các biện pháp phòng ngừa của nhà nước và xã hội, do nhiều chủ thể khác nhau tiến hành.

Tuy nhiên, dưới góc độ tội phạm học thì phòng ngừa tội GRTTCC có phạm vi tác động rộng hơn, không chỉ phòng ngừa tội phạm GRTTCC đã thỏa mãn dấu hiệu của tội phạm nói chung (tội phạm hiện thực, tội phạm đã xảy ra và được cơ quan có thẩm quyền phát hiện) mà phòng ngừa từ sớm, từ xa, phòng ngừa từ những nguy cơ, các yếu tố nền tác động tiêu cực tới việc hình thành nguyên nhân của tội phạm, kiểm soát xu hướng phát triển của tội phạm GRTTCC.

Về phạm vi nội dung khái niệm phòng ngừa tội GRTTCC có thể tham khảo cách định nghĩa về phòng ngừa tội phạm nói chung của tác giả Đỗ Ngọc Quang:

46. Trần Hữu Tráng (2009), “Tọa đàm về một số thuật ngữ Tội phạm học”, *Tạp chí Luật học*, (07), tr. 76-78.

“Theo nghĩa rộng, một mặt không để cho tội gây rối trật tự công cộng xảy ra, thủ tiêu nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Mặt khác, bằng mọi cách để ngăn chặn, kịp thời phát hiện, xử lý (chống) các trường hợp phạm tội và cuối cùng là cải tạo, giáo dục người phạm tội, đưa họ trở thành những công dân có ích cho xã hội; về nghĩa hẹp, phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng là không để cho tội phạm xảy ra, không để cho tội phạm gây hậu quả cho xã hội, không để cho thành viên của xã hội phải chịu hình phạt của pháp luật, tiết kiệm được những chi phí cần thiết cho Nhà nước trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và cải tạo giáo dục người phạm tội”⁴⁷.

Như vậy, phòng ngừa tội phạm bao gồm cả hoạt động phòng và chống tội phạm.

Kết hợp với cách tiếp cận cho rằng phòng ngừa tội phạm là hoạt động của nhiều lực lượng, nhiều chủ thể, sử dụng đồng bộ các biện pháp của tác giả Nguyễn Ngọc Hòa xác định: *“Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của các cơ quan, tổ chức và công dân thực hiện tổng thể các biện pháp tác động trực tiếp vào các nhóm nguyên nhân của tội phạm để kiểm soát, hạn chế tác dụng và loại trừ dần những nhóm nguyên nhân này”⁴⁸.*

“Giữa hoạt động phòng ngừa tội phạm và hoạt động bảo vệ pháp luật có sự giao thoa với nhau. Việc khẳng định mối quan hệ giữa hoạt động phòng ngừa tội phạm với hoạt động đấu tranh chống tội phạm và hoạt động bảo vệ pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định nội dung của hoạt động phòng ngừa tội phạm. Trong thực tế, điều này ít được mọi người chú ý”⁴⁹.

Tác giả Nguyễn Chí Dũng đưa ra định nghĩa: *“Phòng ngừa tội phạm là sử dụng các phương pháp, chiến thuật, biện pháp, phương tiện nghiệp vụ cần thiết, với sự tham gia của các lực lượng nhằm khắc phục mọi nguyên nhân, điều kiện không để tội phạm phát sinh, phát triển”⁵⁰.*

Tác giả Võ Khánh Vinh đã khái quát hóa về chủ thể, nội dung gắn với hệ thống biện pháp nhà nước và xã hội trong phòng ngừa tội phạm: *“Phòng ngừa tội*

47. Đỗ Ngọc Quang (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 199-200.

48. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí Luật học, số 06.

49. Nguyễn Ngọc Hoà (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, r. 255.

50. Nguyễn Chí Dũng (2004), *Một số vấn đề về tội phạm và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

phạm là hệ thống các biện pháp nhà nước và xã hội nhằm khắc phục những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, làm giảm bớt hoặc tiến tới loại trừ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội”⁵¹.

Giáo trình Tội phạm học của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh cũng đưa ra khái niệm: *“Phòng ngừa tội phạm là việc sử dụng hệ thống các biện pháp mang tính xã hội và tính nhà nước nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm, hạn chế và loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội”⁵².* Cách định nghĩa nêu trên đã làm rõ cấu trúc, bản chất của biện pháp phòng ngừa tội phạm và mục đích của phòng ngừa tội phạm.

Tác giả Trịnh Tiến Việt tiếp cận phòng ngừa gắn với hoạt động của các cơ quan chuyên trách và các chủ thể xã hội khác có liên quan, làm rõ hơn về các yếu tố nền tiêu cực không chỉ là nguyên nhân, điều kiện: *“Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội và của mọi công dân trong xã hội áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp khác nhau hướng vào thủ tiêu những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, cũng như loại bỏ các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực, đồng thời từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội”⁵³.*

Từ mối liên hệ giữa phòng ngừa tội phạm và kiểm soát xã hội, xác định kiểm soát xã hội là một khía cạnh của hoạt động phòng ngừa thì: *“Phòng ngừa tội phạm là tất cả các hoạt động của kiểm soát xã hội chính thức và kiểm soát xã hội không chính thức mà hướng vào việc ngăn ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, trước khi chúng được thực hiện”⁵⁴.*

Hoặc gắn mục tiêu phòng ngừa với cải thiện xã hội, thay đổi trạng thái, cơ cấu xã hội: *“Phòng ngừa tội phạm tìm cách tác động đến xu hướng trở thành người phạm tội hoặc nạn nhân của tội phạm hoặc đến những rủi ro gây ra tội phạm từ thể*

51. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 184.

52. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2025), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.

53. Trịnh Tiến Việt (2008), *Khái niệm phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí Khoa học, (Kinh tế - Luật), tr. 197, Đại học Quốc gia Hà Nội.

54. Hans Joachim Schneider (1993), *Einführung in die Kriminologie*, de Gruyter, Berlin & New York, tr. 323.

ché, những lĩnh vực bị tội phạm gây thiệt hại hoặc có mức độ tội phạm cao thông qua việc thay đổi những trạng thái, cơ hội và những cơ cấu xã hội theo hướng phù hợp với khuôn chuẩn xã hội”⁵⁵.

Có thể thấy, điểm chung trong các cách tiếp cận trên về khái niệm phòng ngừa tội phạm là việc xác định rõ vị trí, mục đích của phòng ngừa, chủ thể phòng ngừa là toàn xã hội, tập trung vào các chủ thể chuyên trách, sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng ngừa.

Liên quan tới khái niệm phòng ngừa tội GRTTCC có các học thuyết điển hình như lý thuyết về cấu trúc xã hội (mối liên hệ giữa tội phạm và cấu trúc xã hội), theo đó sự rối loạn về cấu trúc xã hội cụ thể sẽ ảnh hưởng, tác động tới việc hình thành tội GRTTCC⁵⁶; lý thuyết về tình trạng căng thẳng⁵⁷ cho phép lý giải những đối tượng có nguy cơ phạm tội GRTTCC; lý thuyết về quá trình xã hội hóa cá nhân xác định các yếu tố tác động tới việc thực hiện tội phạm của các cá nhân trong xã hội; thuyết kiểm soát xã hội⁵⁸ tập trung phản ánh những mối ràng buộc xã hội giúp giải thích là nguyên nhân của tội GRTTCC, thiết kế các biện pháp phòng ngừa hướng vào việc củng cố các ràng buộc xã hội đối với cá nhân; lý thuyết về xung đột cung cấp lý luận về xung đột lợi ích của các đối tượng trong xã hội giúp lý giải nguyên nhân dẫn tới hành vi GRTTCC.

Nhìn chung, mỗi học thuyết đều đóng góp vào sự hiểu biết của loài người về nguyên nhân của tội phạm nói chung, nguyên nhân của tội phạm GRTTCC nói riêng, không một lý giải riêng lẻ nào giải thích được toàn bộ các vấn đề về nguyên nhân của tội phạm và cách thức phòng ngừa tội phạm. Các học thuyết khác nhau đều cung cấp những tri thức khoa học để nhận diện các yếu tố trong sự tác động qua lại với nhau trong việc làm phát sinh tội GRTTCC.

Từ các nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào bản chất, xu hướng phát triển của tội phạm học, tính phù hợp với chính sách phòng ngừa tội phạm, trên cơ sở kế

55. Hans Joachim Schneider (1993), *Einfuehrung in die Kriminologie*, de Gruyter.Berlin.New York, tr. 323; Alber J. Reiss, 1992, tr. 17.

56. Rober Park, Ernest Burgess, Clifford R.Shaw, Henry McKay, Robert Merton.

57. Robert Merton.

58. Travis Hirschi.

thừa các quan điểm khoa học, tác giả luận án đưa ra khái niệm phòng ngừa tội GRTTCC như sau:

Phòng ngừa tội GRTTC là hoạt động trong đó sử dụng đồng bộ, hệ thống các biện pháp nhà nước và xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân của tội phạm GRTTCC, loại bỏ các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực có hành vi GRTTCC, đồng thời từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm GRTTCC ra khỏi đời sống xã hội, đảm bảo ANTT, an toàn xã hội.

Trong phạm vi của luận án đã xác định rõ một số nội dung sau:

Phòng ngừa tội GRTTCC là nhiệm vụ chung, là hoạt động thường xuyên, chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó cơ quan bảo vệ pháp luật (Cơ quan công an, Viện Kiểm sát, Tòa án) giữ vai trò nòng cốt, trên cơ sở sử dụng đồng bộ, hệ thống các biện pháp phòng ngừa của xã hội và phòng ngừa chuyên biệt của các cơ quan chuyên trách, đảm bảo yêu cầu về pháp luật, chính trị, nghiệp vụ. Đây được coi là hoạt động của kiểm soát xã hội chính thức và kiểm soát xã hội không chính thức đối với tội phạm GRTTCC.

Phòng ngừa tội GRTTCC nhằm khắc phục các nguyên nhân của tội phạm GRTTCC, loại bỏ các yếu tố tiêu cực (yếu tố nền) ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực có hành vi GRTTCC.

Mục đích cuối cùng của phòng ngừa tội GRTTCC là hướng vào việc hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm GRTTCC ra khỏi đời sống xã hội. Phòng ngừa tội GRTTCC không chỉ trong ngắn hạn mà phải góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh con người, an ninh xã hội, hướng tới kiểm soát xã hội một cách bền vững.

Phòng ngừa tội GRTTCC được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả hoạt động phòng (ngăn ngừa) và chống (phát hiện, xử lý) tội GRTTCC. Hai hoạt động này mặc dù riêng biệt nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Chống tội phạm GRTTCC có tác động nhất định đến hoạt động phòng, ngăn ngừa không cho hành vi phạm tội GRTTCC xảy ra, ngược lại phòng ngừa tội phạm cũng ảnh hưởng đến hoạt động chống tội phạm theo các mức độ khác nhau. Như vậy, phòng ngừa tội GRTTCC chính là sử dụng đồng bộ, hệ thống các biện pháp nhà nước và xã hội.

1.1.2. Đặc điểm phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Phòng ngừa tội GRTTCC gắn liền với các đặc điểm về địa bàn, tính chất, hoạt động tại nơi công cộng.

Xuất phát từ đặc điểm pháp lý hình sự, tội phạm học của tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội GRTTCC nói riêng luôn gắn với đặc tính thời gian, không gian cụ thể, do đó hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC luôn gắn với một địa bàn, khu vực, phạm vi nhất định.

Tội GRTTCC có đặc điểm riêng về không gian, không chỉ giới hạn ở các địa điểm công cộng trong đời sống xã hội thực tế mà còn diễn ra trên môi trường mạng. Mỗi không gian công cộng lại có những hình thái riêng, không cố định, trong một số trường hợp cụ thể chính môi trường sinh hoạt công cộng và các quan hệ xã hội diễn ra trong môi trường đó lại là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn, hình thành hành vi GRTTCC, vì vậy hành vi GRTTCC mang thường tính tình huống.

Đối với không gian công cộng là các tuyến đường giao thông, nơi tập trung đông người nếu sự điều tiết hoạt động không đồng bộ, khi xảy ra xung đột xã hội hoặc mâu thuẫn xã hội dễ xuất hiện hành vi GRTTCC như cản trở giao thông, gây mất trật tự, làm gián đoạn hoạt động chung của cộng đồng. Bên cạnh đó, tại không gian công cộng gắn với các hoạt động văn hóa, giải trí, khu vui chơi, ăn uống, sản xuất, kinh doanh các loại hình có điều kiện, các hành vi gây rối có thể biểu hiện bằng các hành vi xô xát, đánh, đuổi nhau có sử dụng vũ khí, hung khí, gây huyên náo, cản trở công vụ, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Những biểu hiện trên cho thấy hành vi GRTTCC chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ đặc điểm của không gian công cộng cụ thể.

Nơi công cộng là không gian mở, mọi cá nhân đều có thể tiếp cận. Tuy nhiên, các chủ thể tham gia thường không đồng nhất về độ tuổi, trình độ, nhận thức pháp luật, đặc điểm tâm lý, đồng thời các hoạt động diễn ra cũng rất đa dạng về mục đích và tính chất nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của đời sống xã hội. Chính sự đa dạng, phức tạp đó đã làm cho các mối quan hệ xã hội trở lên khó kiểm soát, từ đó làm gia tăng khả năng phát sinh các hành vi GRTTCC, tạo hiệu ứng đám đông, lây lan. Trên thực tế, nhiều vụ việc GRTTCC xảy ra tức thời, bắt nguồn từ mâu

thuần nhỏ (tranh cãi, va chạm trong sinh hoạt hoặc giao thông), đáng chú ý hơn các hành vi diễn biến nhanh chịu tác động từ các yếu tố tâm lý tiêu cực dễ phát triển thành các vụ việc gây rối gây náo loạn nơi công cộng, thậm chí có sử dụng vũ khí, hung khí, thậm chí chống người thi hành công vụ.

Về thời gian, hành vi GRTTCC có thể xảy ra ở bất kỳ thời điểm nào trong ngày. Tuy nhiên, thực tế loại hành vi này thường có xu hướng xảy ra nhiều vào giờ cao điểm, dịp lễ, ngày nghỉ cuối tuần hoặc trong khoảng thời gian diễn ra các sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí có đông người tham gia.

Cập nhật hệ thống dữ liệu về các điểm nóng, chú ý phân tích nguy cơ theo không gian, thời gian; lồng ghép tuyên truyền pháp luật tại chỗ, gắn phòng ngừa với hoạt động đảm bảo ANTT tại nơi công cộng, quản trị không gian công cộng.

Có sự đa dạng về chủ thể tiến hành phòng ngừa và biện pháp phòng ngừa.

Phòng ngừa tội GRTTCC là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, bởi đây không chỉ là vấn đề liên quan trực tiếp đến ANTT mà còn gắn bó chặt chẽ với hoạt động quản lý xã hội, xây dựng văn hóa ứng xử, giáo dục pháp luật và phát triển kinh tế, xã hội. Trong đó, từng cơ quan, tổ chức đều phải có vai trò nhất định, từ lực lượng công an, chính quyền địa phương, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội đến nhà trường và gia đình để phối hợp chặt chẽ trong tuyên truyền, giáo dục, phát hiện, can thiệp và xử lý các nguy cơ GRTTCC từ sớm, từ xa góp phần giữ vững ổn định xã hội và bảo đảm môi trường sống an toàn, văn minh cho nhân dân.

Định hướng này cũng phù hợp với quan điểm phòng, chống tội phạm nói chung của Đảng và Nhà nước ta, trong đó nhấn mạnh tới phòng ngừa xã hội, lấy phòng ngừa là chính, phòng ngừa theo hướng toàn diện, chủ động. Trên cơ sở đó, hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC cần dựa vào cộng đồng, huy động sự tham gia của nhiều chủ thể xã hội ở các cấp độ khác nhau. Việc kết hợp đồng bộ giữa QLNN - giáo dục xã hội - kiểm soát cộng đồng - điều chỉnh hành vi cá nhân sẽ hình thành cơ chế phòng ngừa đa tầng, đa chủ thể, qua đó tạo nên thế trận phòng ngừa xã hội rộng khắp, hiệu quả và bền vững.

Hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC được thể hiện thông qua mức độ thu hút các lực lượng xã hội và tính hợp lý trong cơ chế phối hợp các chủ thể phòng ngừa.

Khi các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng dân cư cùng tham gia với những phương thức, mức độ tác động khác nhau thì hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC sẽ được mở rộng cả về quy mô và chiều sâu. Ngược lại, nếu sự tham gia hạn chế hoặc thiếu liên kết, công tác phòng ngừa tội GRTTCC sẽ gặp nhiều khó khăn, khó tạo được hiệu ứng xã hội đủ mạnh.

Không gian của hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung được chia thành cấp độ địa phương, cấp độ quốc gia, cấp độ quốc tế trên cơ sở đánh giá phạm vi ảnh hưởng của hoạt động phòng ngừa, thẩm quyền của chủ thể tiến hành và phạm vi hiệu lực của các cơ chế, chính sách, quy phạm được thực hiện bởi cơ quan chức năng nhà nước. Riêng tội GRTTCC, hoạt động phòng ngừa chủ yếu được triển khai ở cấp độ một nhóm cộng đồng, một địa phương thông qua sự liên kết xã hội với các chủ thể phòng ngừa, biện pháp phòng ngừa cụ thể.

Lý do đòi hỏi sự tham gia tổng lực của các lực lượng và áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp phòng ngừa là vì tội GRTTCC xảy ra ở nhiều địa điểm công cộng khác nhau, có diễn biến nhanh, mang tính tình huống và lây lan cao dẫn tới rất khó kiểm soát. Nếu chỉ dựa vào một lực lượng hoặc một biện pháp đơn lẻ các chủ thể có thể bị động. Ngược lại, sự tham gia của nhiều lực lượng với các biện pháp đa dạng sẽ tạo điều kiện kiểm soát tình hình từ nhiều góc độ khác nhau, tăng cường khả năng phát hiện sớm, can thiệp kịp thời và xử lý hiệu quả các hành vi vi phạm.

Do tội GRTTCC mang tính xã hội rõ nét, việc huy động nhiều chủ thể, nhiều biện pháp phòng ngừa là yêu cầu tất yếu. Điều này không chỉ phù hợp với bản chất của loại tội phạm này, mà còn bảo đảm thực thi hiệu quả quan điểm “*phòng là chính*”. Hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC có tính liên kết, liên ngành cao, trong đó lực lượng công an giữ vai trò nòng cốt, các lực lượng phối hợp khác được xác định bao gồm các cá nhân, tổ chức thực thi pháp luật, hoạt động QLNN hoặc các nhân trong cộng đồng xã hội.

Mỗi chủ thể phòng ngừa căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình sử dụng các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt, phòng ngừa xã hội linh hoạt, đa dạng, đa cấp độ, áp dụng trong những phạm vi khác nhau. Bên cạnh đó các lực lượng tiến hành phải có sự phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo tính hiệu quả của từng biện pháp.

Các biện pháp được sử dụng trong phòng ngừa tội GRTTCC rất đa dạng, có thể là những biện pháp mang tính giáo dục như giáo dục văn hóa, pháp luật, đạo đức, lối sống, tâm lý... Về bản chất đây là những biện pháp không mang tính chất cưỡng chế bắt buộc song được áp dụng rộng rãi, tuân theo các nguyên tắc phòng ngừa tội phạm. Ngoài ra, trong phòng ngừa tội phạm này còn có các biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước như biện pháp quản lý hành chính nhà nước, biện pháp điều tra, truy tố, xét xử.

Thực tế, việc lựa chọn biện pháp phòng ngừa nào cần căn cứ vào đặc điểm tình hình tội phạm GRTTCC; đối tượng chủ thể phạm tội; nguyên nhân, các yếu tố nền làm phát sinh tội GRTTCC; đặc điểm pháp lý, chức năng cũng như hiệu quả áp dụng trên thực tế.

Phòng ngừa tội GRTTCC mang đặc tính hài hòa về mặt lợi ích trong cộng đồng dân cư, kịp thời phát hiện, xử lý những mâu thuẫn, xung đột hình thành hành vi GRTTCC.

Gây rối trật tự công cộng là một hiện tượng xã hội tiêu cực, có nguyên nhân chủ yếu từ những mâu thuẫn, xung đột về xã hội. Những mâu thuẫn này có thể từ nội tại xã hội với những yếu tố không ổn định, không đồng đều như chênh lệch giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội, tâm lý tiêu cực, bất ổn của một bộ phận dân cư dẫn tới hành vi gây rối, chống đối, muốn phá vỡ các quy tắc, ổn định về ANTT.

Trong một số tình huống cụ thể, người thực hiện hành vi GRTTCC do có mâu thuẫn, tranh chấp về lợi ích bột phát với các chủ thể khác trong xã hội, thậm chí là những người thân quen, hàng xóm, người cùng sinh sống tại cộng đồng dân cư. Những tranh chấp, xung đột thường không được giải quyết kịp thời, triệt để, thỏa đáng dẫn tới tâm lý tiêu cực, khuếch đại mâu thuẫn xã hội, hình thành hành vi phạm tội GRTTCC.

Việc nhận diện nguyên nhân dẫn tới hành vi GRTTCC từ những mâu thuẫn, xung đột xã hội về lợi ích có ý nghĩa quan trọng đối với công tác phòng ngừa tội phạm này nhằm điều hòa, cân bằng lợi ích của các cá nhân với lợi ích cộng đồng, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của từng cá nhân trong tổng thể cộng đồng, giải quyết mâu thuẫn, xung đột ngay từ sớm, hạn chế nguy cơ phát triển thành hành vi phạm tội.

Phòng ngừa tội GRTTCC phải hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường sống an toàn, văn hóa, phát huy vai trò tự quản của người dân và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, qua đó bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội, gắn với an ninh con người, kết hợp giữa biện pháp pháp luật, xã hội, công nghệ; quản trị không gian công cộng.

Phòng ngừa tội GRTTCC chú trọng tới xây dựng nội quy, quy tắc ứng xử xã hội văn minh, lành mạnh, bài trừ bạo lực, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân trong các quan hệ xã hội.

Nội quy, quy tắc ứng xử là phương tiện kiểm soát hành vi GRTTCC, giúp thiết lập các mối quan hệ và tạo sự ràng buộc giữa cá nhân với cộng đồng xã hội bằng các chuẩn mực chung, ngăn chặn những hành vi lệch chuẩn, bạo lực, coi thường pháp luật hình thành hành vi GRTTCC. Dưới góc độ kiểm soát xã hội, đây là phương thức kiểm soát có tính giáo dục, khuyến khích, nêu gương cao, phương tiện kiểm soát này tác động đến toàn bộ xã hội, toàn bộ cộng đồng không chỉ riêng bất kỳ cá nhân nào, tác động tinh vi đến đối tượng và chính người bị tác động cũng không thể nhận thấy trực tiếp.

Các quy tắc ứng xử văn minh được xây dựng trên nền tảng giá trị văn hóa, nghệ thuật, phong tục, tập quán, hương ước, luật tục, tín ngưỡng, tín điều tôn giáo nhân văn, tiến bộ của dân tộc, địa phương, vùng, miền sẽ hình thành tâm lý cộng đồng tích cực, phát triển nhân cách cá nhân, người dân tự nguyện, tự giác chấp hành pháp luật, bảo đảm thực hiện các chuẩn mực xã hội bằng chính dư luận xã hội. Những quy tắc này có thể tồn tại thành văn hoặc bất thành văn, có thể thống nhất hoặc không thống nhất ở những phạm vi không gian và thời gian khác nhau, có tác động không đồng đều lên các cá nhân nhưng luôn có giá trị định hướng và được xác định là tiêu chuẩn đánh giá hành vi của con người.

Sức mạnh của toàn thể xã hội, phản ứng của xã hội, kiểm soát dư luận bằng xã hội là vũ khí quan trọng trước những hành vi lệch chuẩn, vi phạm đạo đức GRTTCC. Các chuẩn mực xã hội về đạo đức, pháp luật trong các mối quan hệ xã hội góp phần khuyến khích ứng xử ôn hòa, văn minh, bài trừ bạo lực, tôn trọng lẫn nhau, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật hình thành nếp sống văn hóa, củng cố nền tảng ổn định và bền vững cho trật tự xã hội.

Trong một số trường hợp cụ thể, pháp luật và sự can thiệp chính thức của nhà nước bằng các công cụ mang tính cưỡng chế cao không mang lại hiệu quả cao trong phòng ngừa tội GRTTCC mà đòi hỏi phải có sự tham gia của cộng đồng dân cư với các công cụ xã hội. Vì vậy, việc hình thành, xây dựng nội quy, quy tắc ứng xử xã hội có ý nghĩa chiến lược, lâu dài trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Khi người dân có ý thức tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy tắc chung thì tính tự giác, tự quản, tự phòng ngừa trong cộng đồng sẽ được nâng cao, các cá thể ý thức được giá trị bản thân, gắn bó chặt chẽ với giá trị cộng đồng xã hội, từ đó giảm nguy cơ phát sinh các hành vi gây rối, bạo lực hay xâm hại trật tự công cộng. Ngoài ra, bản thân các cá nhân có hành vi, tâm lý tiêu cực, có nguy cơ thực hiện hành vi gây rối trật tự sẽ ý thức kiểm soát hành vi, kiểm soát sự sai lệch của mình, nỗ lực kìm chế, tự răn đe hành vi của mình không vượt ra khỏi những chuẩn mực của xã hội.

1.1.3. Vai trò của phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Thứ nhất, phòng ngừa tội GRTTCC là bộ phận quan trọng trong chiến lược bảo đảm ANTT, an toàn xã hội, góp phần trực tiếp vào việc thực thi hiệu quả các chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà nước.

Phòng ngừa tội GRTTCC thể hiện rõ tính nhất quán và xuyên suốt quan điểm của Đảng về “lấy phòng ngừa là chính”, bảo đảm ổn định xã hội để phát triển đất nước bền vững⁵⁹. Việc thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa là yêu cầu mang tính pháp lý bắt buộc nhằm bảo vệ trật tự công cộng - một trong những khách thể quan trọng mà pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, công tác phòng ngừa hiệu quả sẽ góp phần nâng cao tính nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong đời sống xã hội.

Thực tế chứng minh, phòng ngừa tốt tội GRTTCC sẽ góp phần quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Một xã hội trật tự, an toàn, ổn định là minh chứng sống động cho năng lực điều hành và tổ chức xã hội của Đảng và Nhà nước, từ đó củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân, nâng cao uy tín và vị thế chính trị của hệ thống chính trị.

59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới*, Hà Nội; Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016- 2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

Thứ hai, phòng ngừa tội GRTTCC góp phần nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, phòng ngừa VPPL, đảm bảo ANTT, an toàn xã hội tại các địa bàn trọng điểm về an ninh quốc gia, địa bàn phức tạp về ANTT, địa bàn giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố và cấp xã, phường.

Từ góc độ tội phạm học, nguyên nhân hình thành, phát sinh hành vi GRTTCC thường bắt nguồn từ những biểu hiện lệch chuẩn, coi thường pháp luật, tâm lý lây lan, phá vỡ các chuẩn mực của xã hội. Nếu không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, các hành vi này dễ chuyển hóa thành các hành vi phạm tội có tính chất nghiêm trọng hơn như cố ý gây thương tích, hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, giết người, chống người thi hành công vụ, thậm chí phát triển thành các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia như phá rối an ninh, bạo loạn...

Ngược lại chính những tệ nạn xã hội, các đối tượng tiền án, tiền sự, VPPL lại thường tái phạm hoặc có hành vi GRTTCC. Do đó, phải phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ những nguy cơ, đối tượng tiềm tàng phát sinh hành vi GRTTCC, không hình thành các băng, nhóm, vụ việc phức tạp GRTTCC, tội phạm hình sự nguy hiểm khác.

Phòng ngừa tội GRTTCC là phòng ngừa sâu rộng không để phát sinh và để chuyển hóa hành vi GRTTCC từ mức độ hành chính thành tội phạm, góp phần giảm tải cho hệ thống tư pháp hình sự. Đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm về an ninh quốc gia, địa bàn phức tạp về ANTT; địa bàn giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố và cấp xã, phường công tác này càng phải được coi trọng.

Các địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị, phức tạp về trật tự xã hội hoặc giáp ranh giữa các tỉnh, xã thường có một số đặc điểm như dân cư đông, cơ cấu nhân khẩu, cơ cấu các mối quan hệ xã hội phức tạp, dễ phát sinh mâu thuẫn, có sự chòng chéo, lỏng lẻo trong công tác quản lý hành chính giữa các địa phương nên các đối tượng thanh thiếu niên hư, các đối tượng hình sự, người dân tụ tập đông người, khiếu kiện, GRTTCC. Nếu công tác chuyển hóa địa bàn phức tạp về ANTT được quan tâm, có sự kết nối giữa các lực lượng trong phòng ngừa tội gây rối trật tự cộng đồng sẽ góp phần làm gia tăng chỉ số an toàn xã hội cao, niềm tin của nhân dân vào công tác phòng, chống tội phạm nói chung.

Thứ ba, phòng ngừa tội GRTTCC vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện của QLNN về ANTT. Nhà nước thực hiện chức năng này thông qua cơ chế pháp luật, tổ chức bộ máy và các biện pháp hành chính, nghiệp vụ.

Hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC là chỉ báo quan trọng phản ánh trình độ, chất lượng QLNN trong lĩnh vực ANTT của các cơ quan chuyên trách, cơ quan bảo vệ pháp luật, năng lực tổ chức xã hội và hiệu quả thực thi quyền lực nhà nước ở cơ sở. Thông qua hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC, các cơ quan chức năng kiểm soát được “mảng tối” của xã hội, đó là tình hình tội phạm⁶⁰.

Phòng ngừa tội GRTTCC phản ánh chức năng quản lý xã hội của Nhà nước trong lĩnh vực ANTT giúp điều hành, tổ chức, kiểm soát các hoạt động của đời sống xã hội, bảo đảm sự ổn định, phát triển, an toàn và trật tự trong khuôn khổ pháp luật, bao quát các quan hệ xã hội đa dạng, phức tạp trong đời sống dân cư, kinh tế, văn hóa, ANTT, môi trường, đạo đức... thông qua các thiết chế quyền lực.

Phòng ngừa tội GRTTCC giúp xây dựng môi trường pháp lý hiệu lực, minh bạch có tác dụng bảo đảm cho hoạt động QLNN về ANTT như quản lý cư trú, quản lý các loại hình kinh doanh có điều kiện, quản lý văn hóa, giáo dục, kiểm soát các tệ nạn, VPPL đạt hiệu quả. Môi trường pháp lý tốt là điều kiện để quản lý xã hội, quản lý con người, là tiền đề quan trọng cho sự phát triển của các tiêu môi trường như gia đình, nhà trường, đạo đức nhằm hướng tới nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cá nhân, ngăn ngừa hành vi GRTTCC.

Thứ tư, phòng ngừa tội GRTTCC có ý nghĩa chiến lược trong xây dựng nền văn hóa tiến bộ, phát triển giáo dục bền vững, tiết kiệm chi phí, nguồn lực về kinh tế.

Thông qua hoạt động phòng ngừa, kiểm soát tội GRTTCC giúp hình thành văn hóa pháp lý, văn hóa cộng đồng, lối sống văn minh, tạo nền tảng xây dựng phát triển nhân cách, đạo đức công dân, ngăn chặn các hành vi lệch chuẩn trong giao tiếp, sinh hoạt cộng đồng, ngăn chặn ý thức coi thường pháp luật. Ngoài ra, phòng ngừa tội GRTTCC có hiệu quả sẽ ngăn chặn những thiệt hại to lớn về kinh tế do hành vi phạm tội này gây ra, kể cả những thiệt hại gián tiếp mà nhà nước và xã hội

60. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2025), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam, tr. 279.

phải bỏ ra kinh phí để khắc phục hậu quả. Tỷ lệ tội phạm GRTTCC được kéo giảm sẽ kéo giảm chi phí ngân sách nhà nước dành cho hoạt động điều tra, xét xử, cải tạo người phạm tội.

Phòng ngừa là giải pháp chiến lược, hiệu quả hơn so với xử lý hậu quả của tội phạm, thông qua việc kiểm soát tội gây rối trật công cộng sẽ tạo môi trường xã hội ổn định, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tạo của cải cho xã hội.

Thứ năm, phòng ngừa tội GRTTCC không chỉ là yêu cầu thực tiễn cấp thiết mà còn là một nhiệm vụ khoa học của ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Từ những nghiên cứu cụ thể, khoa học, có tính hệ thống, lý luận về phòng ngừa tội phạm nói chung được hoàn thiện; cơ chế, bản chất xã hội - pháp lý, các yếu tố tiêu cực tác động đến hành vi phạm tội GRTTCC được làm sáng tỏ; cung cấp cơ sở lý luận, luận cứ khoa học để đánh giá thực tiễn phòng ngừa, tổng kết các mô hình, sáng kiến, xây dựng các bộ tiêu chí trong đánh giá hiệu quả phòng ngừa; cung cấp cơ sở dự báo chiến lược, dài hạn về xu hướng phạm tội, nhận diện các hành vi GRTTCC mới, đề xuất các giải pháp phòng ngừa chiến lược, toàn diện.

1.2. Cơ sở phòng ngừa và các nguyên tắc phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

1.2.1. Cơ sở phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

1.2.1.1. Cơ sở chính trị - pháp lý

Phòng ngừa tội GRTTCC luôn nằm trong tổng thể quan điểm, đường lối, chủ trương chung của Đảng về phòng, chống tội phạm qua các thời kỳ, gắn với các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Đảng ta xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài, gắn chặt với yêu cầu bảo đảm ANTT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân.

Phòng ngừa tội GRTTCC phải lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm, lấy cơ sở là địa bàn trọng tâm tập trung các biện pháp phòng, chống tội phạm, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp bằng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia.

Phòng ngừa tội GRTTCC cần chú trọng phát hiện và giải quyết các xung đột xã hội, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; làm tốt công tác quản lý những đối tượng có nguy cơ phạm tội, VPPL ngay tại địa bàn cơ sở⁶¹.

Xét một cách tổng quát thì cơ sở pháp lý của hoạt động phòng ngừa tội phạm GRTTCC là một cơ cấu phức tạp, thể hiện ở nhiều nguồn, hình thức pháp lý khác nhau. Cụ thể:

Hiến pháp năm 2013: Quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo đảm trật tự công cộng; quy định về chức năng, quyền hạn của các chủ thể trong hệ thống chính trị Việt Nam nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội⁶².

Bộ luật hình sự: Quy định chung về nhiệm vụ, trách nhiệm trong phòng ngừa, đấu tranh tội phạm của cơ quan Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, các cơ quan hữu quan khác, tổ chức, cá nhân tại Điều 1, Điều 4; quy định về tội phạm, vấn đề trách nhiệm hình sự và hình phạt, các biện pháp tư pháp có ý nghĩa áp dụng với các trường hợp, đối tượng phạm tội GRTTCC cụ thể; quy định cụ thể các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội GRTTCC tại Điều 318. Những quy định trên là cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC, là tiền đề cho việc áp dụng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, thực hiện tổng hợp các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa chuyên biệt.

Bộ luật Tố tụng hình sự: Quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội⁶³; quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, một số thủ tục thi hành án hình sự; quy định về các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế; quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa

61. Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Kết luận số 13-KL/TW, ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

62. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

63. Khoản 1, Điều 6; Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025.

vụ của người tham gia tố tụng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tố tụng hình sự⁶⁴. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC trên phương diện phòng và chống tội phạm này.

Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự: Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng thuộc công an nhân dân⁶⁵, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND)⁶⁶, TAND⁶⁷; các cơ quan, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động phòng, chống tội phạm. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC.

Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản xử phạt hành chính khác có liên quan quy định chung về các hình thức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả; áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và thẩm quyền ra quyết định xử phạt, áp dụng biện pháp xử lý hành chính là cơ sở xử lý hành chính đối với những người thực hiện hành vi GRTTCC chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự. Trong từng lĩnh vực cụ thể nhà nước sẽ ban hành các văn bản cụ thể để điều chỉnh.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, trong đó có các nội dung liên quan tới phòng ngừa tội GRTTCC trên địa bàn⁶⁸.

Luật Tư pháp người chưa thành niên: Quy định về xử lý chuyển hướng, hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội; thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng; thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên⁶⁹. Đây là những nội dung quan trọng, là cơ sở pháp lý trong phòng ngừa người chưa thành niên trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội GRTTCC.

64. Bộ luật Tố tụng hình sự, tldđ

65. Luật Công an nhân dân, tldđ.

66. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, sửa đổi năm 2025.

67. Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015.

68. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

69. Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Luật lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở: Quy định rõ chủ thể, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở; quy định vị trí, chức năng (Điều 2); về quan hệ công tác, phối hợp, hỗ trợ trong tổ chức, hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở (Điều 5); các nhiệm vụ cụ thể của lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở như hỗ trợ nắm tình hình (Điều 7), xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; hỗ trợ quản lý hành chính về trật tự xã hội (Điều 10); hỗ trợ vận động, giáo dục người đã có hành vi VPPL đang cư trú tại cơ sở (Điều 11); hỗ trợ tuần tra bảo đảm ANTT, an toàn giao thông; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT khi được điều động (Điều 12).

Luật Thủ Đô năm 2024: Quy định về các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội (Điều 33); quy định việc sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, ANTT, an toàn xã hội, quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội (Điều 35); quy định về chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (Điều 27); quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, nhân dân thủ đô thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, nếp sống văn minh, thanh lịch, giữ gìn ANTT, an toàn xã hội của Thủ đô (Điều 52).

Chiến lược; các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm: gắn với đề án số 01⁷⁰ “*Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm; cảm hóa giáo dục, cải tạo người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư*”; Đề án 2: “*Phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia*” (có hoạt động của các băng, nhóm tội phạm do các thanh thiếu niên thực hiện có những hành vi phạm tội GRTTCC); Đề án 11: “*Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong học sinh, sinh viên*” (đối tượng phạm tội GRTTCC trong thời gian gần đây chủ yếu là thanh thiếu niên hư).

Chiến lược quy định các nhiệm vụ gắn với các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ cụ thể làm cơ sở cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC như: (1) Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phòng, chống tội

70. Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.

phạm; tiếp thu có chọn lọc tính tích cực các hương ước, quy tắc của cộng đồng dân cư trong phòng, chống tội phạm và đảm bảo ANTT cơ sở; (2) Đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm; (3) Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; (4) Tăng cường hiệu lực công tác QLNN về trật tự xã hội, tập trung QLNN về cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, xuất bản; (5) Đẩy mạnh hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ⁷¹.

1.2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Đối tượng của hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC là tình hình tội GRTTCC đã và đang diễn ra trong một phạm vi không gian, thời gian nhất định; nguyên nhân của tội GRTTCC.

Tình hình tội gây rối trật tự công cộng

Hiện nay khi định nghĩa về “tình hình tội phạm” có hai xu hướng chính. Nhóm quan điểm thứ nhất định nghĩa gắn với các thuộc tính, đặc điểm, tính chất như: (1) hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự; (2) tính giai cấp; (3) tính lịch sử; (4) bao gồm tổng thể các tội phạm; (5) gắn với điều kiện không gian, thời gian nhất định⁷².

Nhóm quan điểm thứ hai tiếp cận có sự phân biệt giữa khái niệm “tội phạm” và “tình hình tội phạm”, định nghĩa gắn với các thông số của tình hình tội phạm, phản ánh trạng thái, xu thế vận động, biến đổi. Cụ thể, theo tác giả Nguyễn Xuân Yêm trong cuốn *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*: “*Tình hình tội phạm là toàn bộ tình hình, cơ cấu, động thái, diễn biến của các loại tội phạm hay từng loại tội phạm trong một giai đoạn nhất định xảy ra trong một lĩnh vực, một địa phương, trong phạm vi quốc gia, khu vực hoặc toàn thế giới trong một khoảng thời gian nhất định*”⁷³. Cách hiểu này phù hợp với nguyên nghĩa Tiếng Việt, tình hình là “*Trạng thái, xu thế phát triển của sự vật, hiện tượng với tất cả những sự kiện diễn ra, biến đổi ở trong đó*”⁷⁴; khá tương đồng với cách định nghĩa

71. Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016*, tldd.

72. Võ Khánh Vinh (1999), *Giáo trình Tội phạm học* - Đại học Huế, NXB Giáo dục, Hà Nội; PGS.TS Phạm Văn Tình (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

73. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an nhân dân, tr. 24.

74. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, tldd, tr. 1649.

về tình hình tội phạm của tác giả Nguyễn Ngọc Hòa: “*Tình hình tội phạm là trạng thái, xu thế vận động của các loại tội phạm (hoặc nhóm tội phạm hoặc loại tội phạm) đã xảy ra trong đơn vị không gian và đơn vị thời gian xác định*”⁷⁵. Hay mô tả một cách ngắn gọn hơn của tác giả Lê Thị Sơn: “*Tình hình tội phạm là thực trạng và diễn biến của tội phạm đã xảy ra trong đơn vị không gian và đơn vị thời gian nhất định*”⁷⁶.

Theo tác giả luận án, dưới góc độ tội phạm học việc nghiên cứu tình hình tội GRTTCC là nghiên cứu trạng thái của tội phạm và nghiên cứu xu thế vận động của tội phạm GRTTCC với các thông số phản ánh thực trạng và diễn biến tạo nên “bức tranh tổng thể” của tội GRTTCC trong một phạm vi không gian, thời gian nhất định. Tình hình tội GRTTCC có thể được nghiên cứu ở các mức độ khác nhau theo cấp độ và phạm vi đối tượng, không gian, thời gian nhất định và mang những thuộc tính, đặc điểm là một hiện tượng xã hội, có tính pháp lý - hình sự, tính giai cấp, tính lịch sử.

Thực trạng của tình hình tội GRTTCC là thông số phản ánh tổng số tội phạm, tổng số người phạm tội trong một không gian, thời gian nhất định xét về mức độ, tính chất. Do đó, phân tích thực trạng của tình hình tội GRTTCC là phân tích, làm rõ thực trạng về mức độ và thực trạng về tính chất, dựa vào: số người phạm tội, số tội phạm đã xảy ra và đã bị phát hiện, xử lý (tội phạm rõ) và số người phạm tội, tội phạm đã xảy ra nhưng chưa bị phát hiện, xử lý (tội phạm ẩn) trên phạm vi không gian, thời gian nhất định (phạm vi của luận án về không gian là địa bàn cả nước, trong giai đoạn từ 2018 - 2025).

Thực trạng về tính chất của tội GRTTCC được nghiên cứu trên cơ sở làm rõ thực trạng về cơ cấu của tội GRTTCC. Cơ cấu của tội GRTTCC thể hiện rõ nội dung bên trong của tình hình tội phạm này cũng như tạo cơ sở cho việc xem xét nguyên nhân của tội phạm GRTTCC.

Cơ cấu của tội GRTTCC có thể được xây dựng theo các tiêu thức nhất định như cơ cấu theo hình thức phạm tội; cơ cấu theo địa bàn phạm tội; cơ cấu về thời

75. Nguyễn Ngọc Hoà (2009), “Các khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm trong tội phạm học”, *Tạp chí Luật học*, (07), tr. 48.

76. Lê Thị Sơn (Chủ biên) (2016), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 100.

gian; cơ cấu theo hình phạt áp dụng cho người phạm tội; cơ cấu theo một số đặc điểm nhân thân người phạm tội (tuổi, giới tính, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh gia đình); cơ cấu theo đặc điểm của công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian phạm tội; cơ cấu theo hình thức lỗi...

Diễn biến của tội GRTTCC là sự thay đổi thực trạng của tội phạm xét về mức độ, tính chất trên phạm vi không gian, thời gian nhất định (phạm vi của luận án về không gian là địa bàn cả nước, trong giai đoạn từ 2018 - 2025). Diễn biến của tội GRTTCC là một trong những nội dung quan trọng cho phép dự đoán xu hướng vận động của tình hình tội GRTTCC trong thời gian tiếp theo. Nghiên cứu diễn biến của tội GRTTCC là nghiên cứu sự thay đổi các đặc điểm định lượng và đặc điểm định tính của tội GRTTCC.

Trên cơ sở nền tảng lý luận của tội phạm học, tình hình tội GRTTCC là cái có trước, chi phối, quyết định hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC. Việc nghiên cứu, nắm rõ thực trạng tình hình tội GRTTCC sẽ giúp các chủ thể phòng ngừa nhận diện, đánh giá chính xác được thực trạng diễn biến của tình hình tội GRTTCC trên từng địa bàn cụ thể trong từng giai đoạn nhất định. Điều này có ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ việc tổ chức lực lượng phòng ngừa cũng như việc triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội GRTTCC trên địa bàn đó.

Tình hình tội GRTTCC là đối tượng của hoạt động phòng ngừa hướng đến, do vậy đối tượng này có đặc điểm như thế nào thì các biện pháp phòng ngừa phải tương ứng, phù hợp như thế đó; hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC chỉ đạt hiệu quả cao nhất khi bám sát vào tình hình tội gây rối trật tự trong từng giai đoạn nhất định.

Tình hình tội GRTTCC như một sản phẩm, là kết quả để đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC. Tình hình tội GRTTCC đã và đang diễn ra trên thực tế là đối tượng để các chủ thể phòng ngừa căn cứ lựa chọn biện pháp, tổ chức lực lượng phòng ngừa, vừa là sản phẩm, kết quả của hoạt động phòng ngừa để đánh giá hiệu quả phòng ngừa đã triển khai.

Đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC không chỉ được đánh giá qua thực trạng về diễn biến, mức độ qua từng năm, độ ẩn, tỷ lệ ẩn của tình hình tội GRTTCC trên địa bàn cụ thể mà còn phải chỉ ra được ưu điểm, hạn chế, nguyên

nhân trong phòng ngừa tội GRTTCC, từ đó có sự thay đổi, điều chỉnh trong tổ chức lực lượng, biện pháp phòng ngừa thời gian tới một cách hiệu quả.

Nguyên nhân của tội gây rối trật tự công cộng

Hiện nay, trong các công trình nghiên cứu về tội phạm học ở Việt Nam có các quan điểm khác nhau khi đề cập đến nguyên nhân của tội phạm.

Nhóm quan điểm thứ nhất, không nói tới “điều kiện của tội phạm”, chỉ đề cập tới nguyên nhân của tội phạm theo đó, nguyên nhân của tội phạm được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm tất cả các yếu tố mà sự tác động qua lại giữa chúng đưa lại việc thực hiện hành vi phạm tội của các chủ thể. Nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm là nghiên cứu các yếu tố bên trong người phạm tội, nghiên cứu các yếu tố bên ngoài của môi trường sống và nghiên cứu sự tác động qua lại giữa các yếu tố này, tiêu biểu như: tác giả Dương Tuyết Miên xác định nguyên nhân của tội phạm là *“Tổng hợp các nhân tố mà sự tác động qua lại giữa chúng đưa đến việc thực hiện tội phạm của người phạm tội”*.⁷⁷

Tác giả Nguyễn Ngọc Hòa cho rằng: *“Những gì đã được coi là yếu tố tác động đều phải được coi là nguyên nhân của tội phạm”*⁷⁸.

Tác giả Trịnh Tiến Việt, Nguyễn Khắc Hải xác định: *“Nguyên nhân của tội phạm là tổng thể những hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội kết hợp với những yếu tố tâm lý, những yếu tố sinh học và những tình huống theo cơ chế biện chứng nhất định làm phát sinh ra tội phạm, hỗ trợ, thúc đẩy hay kìm hãm sự tồn tại và phát triển của nó”*⁷⁹.

Nhóm quan điểm thứ hai sử dụng cụm từ “nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm”, cụ thể như tác giả Võ Khánh Vinh: *“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình”*⁸⁰.

77. Dương Tuyết Miên (2019), tldđ, tr. 225.

78. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr.287.

79. Trịnh Tiến Việt, Nguyễn Khắc Hải (đồng chủ biên) (2020), tldđ, tr. 130.

80. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội,

Tác giả Nguyễn Xuân Yêm: “*Nguyên nhân của tình hình tội phạm là tổng hợp các hiện tượng xã hội tiêu cực làm phát sinh tình hình tội phạm (tình hình tội phạm ở đây được coi là hệ quả của nguyên nhân đó)*”. Điều kiện của tình hình tội phạm “*cũng là những hiện tượng xã hội tiêu cực nhưng khác với nguyên nhân ở chỗ nó không làm phát sinh ra tội phạm mà tạo ra những hoàn cảnh thuận lợi cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của tình hình tội phạm*”⁸¹.

Ngay trong nội dung phân tích về khái niệm phòng ngừa tội GRTTCC, nghiên cứu sinh đã khẳng định cần hiểu “tội phạm” và “tình hình tội phạm” là hai thuật ngữ độc lập, có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Tội phạm dưới góc độ tội phạm học phải được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả trạng thái “tĩnh” và trạng thái “động”, có quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển trong đời sống xã hội, nó không chỉ mô tả về “hành vi phạm tội” theo đúng nguyên nghĩa dưới góc độ pháp lý hình sự và “phải bị xử lý hình sự” mà còn đặt các yếu tố, thuộc tính pháp lý hình sự này trong mối liên hệ với các hiện tượng, nhân tố và quá trình tác động khác nhau.

Nghiên cứu sinh cho rằng việc sử dụng cụm từ “*nguyên nhân của tội phạm*” sẽ là phù hợp và logic hơn cụm từ “*nguyên nhân của tình hình tội phạm*” bởi lý do có tội phạm cụ thể thì mới có tình hình tội phạm cụ thể đó với ý nghĩa là “bức tranh tổng thể” gắn với một không gian, thời gian nhất định, có những thuộc tính, đặc điểm, chỉ số phản ánh thực trạng tình hình và thực trạng diễn biến của tội phạm. Mục đích phòng ngừa là làm rõ những tác nhân nào dẫn đến tội phạm và tìm ra giải pháp hạn chế, ngăn ngừa, kéo giảm, tiến tới loại trừ chính tội phạm cụ thể đó chứ không phải là hướng tới các tác nhân làm phát sinh “bức tranh” (tình hình) mô tả về tội phạm.

Bên cạnh đó, cần phải thấy rằng “nguyên nhân và điều kiện” mặc dù là 02 phạm trù khác nhau, tuy nhiên chúng có quan hệ biện chứng với nhau. Tội phạm trong tội phạm học với tư cách là hiện tượng, trong cơ chế thực hiện hành vi phạm tội khó có thể phân biệt được nhóm yếu tố nào trực tiếp làm nảy sinh tội phạm (nguyên nhân) và nhóm yếu tố nào thúc đẩy, tạo thuận lợi cho việc thực hiện hành

81. Nguyễn Xuân Yêm (2001), tldđ, tr.168.

vi phạm tội (điều kiện). Ở một phương diện khác, “*các yếu tố bên trong và bên ngoài đó dù có vai trò như thế nào thì cũng đều có ý nghĩa như nhau - đều là tác nhân của quá trình đưa đến hành vi phạm tội. Do vậy, không thể phân định những yếu tố này thành nguyên nhân của tội phạm và điều kiện của tội phạm*”⁸². Vì vậy, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng “*Những gì đã được coi là yếu tố tác động đều phải được coi là nguyên nhân của tội phạm*”⁸³.

Từ những nghiên cứu trên, nghiên cứu sinh xác định nguyên nhân của tội phạm GRTTCC là tổng hợp các yếu tố mà sự tác động qua lại giữa các yếu tố này đưa đến việc thực hiện tội phạm GRTTCC.

Về mặt lý luận, có rất nhiều tiêu chí để phân loại nguyên nhân của tội phạm⁸⁴, tuy nhiên dù phân loại theo tiêu chí nào thì nguyên nhân của tội phạm GRTTCC là các yếu tố thuộc về môi trường bên ngoài và các yếu tố thuộc về cá nhân người phạm tội trong sự tương tác, tác động qua lại với nhau. Hay nói cách khác là sự tương tác giữa “môi trường sống” với các “tình huống tiêu cực” với “phẩm chất tâm lý tiêu cực”, các đặc điểm sinh học cá nhân, các đặc điểm xã hội của chủ thể.

Xuất phát từ thực tiễn, mục đích phòng ngừa cụ thể, luận án xác định, phân loại thành các nhóm nguyên nhân cụ thể như: nguyên nhân về kinh tế, xã hội; nguyên nhân về văn hóa, giáo dục; nguyên nhân về phía cá nhân người phạm tội; nguyên nhân về hoạt động QLNN và các chủ thể thực hiện QLNN, đặt trong tổng thể với nguyên nhân từ cơ chế hình thành hành vi phạm tội. Bên cạnh đó là các yếu tố nền như điều kiện địa lý, tự nhiên, điều kiện về cơ sở hạ tầng, điều kiện về công cụ, phương tiện, xu hướng di dân, xu hướng về giá trị, chuẩn mực trong xã hội...

1.2.2. Các nguyên tắc phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đây là nguyên tắc cơ bản trong phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa tội GRTTCC nói riêng. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội⁸⁵ bằng việc đề ra

82. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), tldđ, tr.286.

83. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), tldđ, tr.287.

84. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Tội phạm học*, tldđ

85. Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

đường lối, chủ trương, chiến lược quốc gia về phòng chống tội phạm⁸⁶. Bên cạnh đó, hoạt động phòng ngừa phải do Nhà nước thống nhất về mặt quản lý trong phạm vi cả nước trên cơ sở xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, tổ chức lực lượng phòng ngừa, bảo đảm các nguồn lực về con người, cơ sở, vật chất, phương tiện, kinh phí cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC. Ngoài ra, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân cho nên hoạt động phòng ngừa bắt buộc phải huy động được sức mạnh của quần chúng nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân⁸⁷. Việc đảm bảo nhất quán từ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến ý chí, nguyện vọng của nhân dân là cơ sở để hạn chế, xóa bỏ các mâu thuẫn, xung đột xã hội là nguyên nhân hình thành hành vi phạm tội GRTTCC.

Phòng ngừa tội GRTTCC là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội nhưng để đạt được hiệu quả cao đòi hỏi phải có chủ thể làm nòng cốt. Thực tế đã chứng minh vai trò, năng lực của lực lượng công an giữ vai trò nòng cốt trong công tác phòng, chống tội GRTTCC và được cụ thể hóa trong Luật⁸⁸, Chiến lược phòng, chống tội phạm của Chính phủ qua các thời kỳ⁸⁹. Lực lượng công an các cấp chủ trì nắm tình hình, dự báo, tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, phương án, biện pháp ứng phó, phòng ngừa hành vi phạm tội GRTTCC; tổ chức lực lượng, biện pháp phòng ngừa chuyên sâu, chủ động xử lý các tình huống, vụ việc phạm tội, ngăn chặn, khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra.

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Phòng ngừa tội GRTTCC chỉ thực sự hiệu quả và bền vững khi đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nghĩa là, hoạt động phòng ngừa phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đảm bảo xử lý đúng người, áp dụng đúng đối tượng phòng ngừa, đúng tính chất, mức độ vi phạm phạm luật; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng chủ thể phòng ngừa cũng như quyền lợi hợp pháp cần được

86. Kết luận số 44-KL/TW ngày 22/1/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

87. Điều 28, Hiến pháp năm 2013.

88. Khoản 1, Điều 3 Luật Công an nhân dân.

89. Chính phủ (2016), Quyết định số 623/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tldd.

đảm bảo của cá nhân có hành vi phạm tội GRTTCC; đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động áp dụng pháp luật phòng ngừa tội GRTTCC.

Kết hợp giữa chủ động phòng ngừa với chủ động tấn công, lấy chủ động phòng ngừa là chính.

Chủ động phòng ngừa tội GRTTCC là dự báo sớm, ngăn chặn từ xa, loại trừ nguyên nhân, các yếu tố nền tiêu cực từ cá nhân, môi trường sống hình thành, phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC. Để chủ động phòng ngừa đòi hỏi phải làm tốt từ cơ sở, từ chính cộng đồng dân cư, ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, phát hiện, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, đúng đường lối, chủ trương, pháp luật và trên cơ sở đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân, tránh phát sinh những xung đột, mâu thuẫn nhỏ nhặt trong đời sống, nảy sinh tâm lý bất mãn, tiêu cực, lợi dụng mạng xã hội để kích động, lôi kéo người khác gây rối trong nhân dân.

Tư tưởng phòng ngừa là chính thể hiện tính toàn diện, tính nhân văn, đề cao tính chủ động, hợp pháp, hợp hiến, tránh lạm dụng các biện pháp mạnh, thúc đẩy tự quản, tự phòng, tự hòa giải, giáo dục tự cải tạo đối với các cá nhân trong xã hội có nguy cơ cao hoặc đã có hành vi phạm tội GRTTCC. Hoạt động này góp phần tiết kiệm chi phí, ổn định xã hội. Kết hợp phòng ngừa với chủ động tấn công là giải pháp hợp lý, mang tính thực tiễn cao thể hiện tính kịp thời, kiên quyết trong xử lý, không để hình thành điểm nóng, phát sinh các vấn đề phức tạp về ANTT, ngăn chặn hành vi gây rối phát triển, lây lan, gây hậu quả xấu về ANTT, xâm phạm đến an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại các địa điểm công cộng. Chủ động tấn công giúp bảo đảm tính quyền lực nhà nước trong duy trì trật tự xã hội, bảo đảm hiệu lực của pháp luật, tính nghiêm minh, thượng tôn pháp luật.

Nguyên tắc phòng ngừa tội GRTTCC theo tình huống cụ thể, địa bàn, theo đối tượng thực hiện tội phạm.

Nguyên tắc phòng ngừa theo tình huống cụ thể phù hợp với đặc điểm của tội GRTTCC như tính chất bột phát, lây lan nhanh chóng theo tâm lý đám đông, hội nhóm, xảy ra gắn với các không gian, thời gian khác nhau. Thực tế tình huống cá nhân có hành vi gây rối với hình thức gây rối “có tổ chức” sẽ khác nhau; gây rối phát sinh

từ mâu thuẫn, xung đột về đất đai, do khiếu kiện kéo dài sẽ khác hành vi gây rối trong quá trình tham gia giao thông, tham dự lễ hội, sự kiện thể thao hay sau khi sử dụng trái phép chất kích thích, rượu, bia hoặc gây rối trên không gian mạng. Nghiên cứu về tình huống phạm tội phục vụ phòng ngừa tội gây rối trật tự cần chú ý tới thời gian tồn tại của tình huống, nguyên nhân xuất hiện tình huống, được đặc trưng bởi các yếu tố mâu thuẫn, xung đột cụ thể nào, do chính người phạm tội GRTTCC tạo ra hay bắt nguồn từ một tình huống trước đó từ phía nạn nhân, cơ quan quản lý.

Phòng ngừa tội GRTTCC cần gắn với từng địa bàn cụ thể. Căn cứ vào tình hình tội phạm GRTTCC, đặc điểm về nguyên nhân của tội GRTTCC cho thấy tội GRTTCC thường xảy ra tại các địa bàn phức tạp về ANTT, địa bàn giáp ranh giữa thành phố, nông thôn, các tuyến phố, quốc lộ, nơi tập trung mật độ dân số cao, khu vui chơi, giải trí... mặt khác mỗi vùng, miền, đặc trưng về địa lý, con người, văn hóa từng vùng, miền khác nhau sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, tính cách, đạo đức, xu hướng sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, xung đột. Vì vậy, các biện pháp phòng ngừa cụ thể phải gắn với từng địa bàn.

Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng đối với mỗi đối tượng phạm tội là khác nhau. Ngoài những đặc điểm chung về hành vi phạm tội với các dấu hiệu pháp lý hình sự, tội phạm học nhất định thì tội phạm gây rối trật tự công cộng có thể xuất hiện ở bất kỳ ai, ở mọi lứa tuổi, trình độ khác nhau cho nên tính chất, mức độ của hành vi phạm tội GRTTCC cũng khác nhau.

Thời gian qua cho thấy loại tội phạm này thường do nhóm đối tượng thanh thiếu niên hư, độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện, đây là nhóm đối tượng có hành vi, tâm lý chưa ổn định, đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách, ý thức pháp luật; đối tượng cần phải bảo vệ, và ở một phương diện nào đó là đối tượng yếu thế trong xã hội. Do đó, tương ứng với mỗi đối tượng phòng ngừa khác nhau, sẽ lựa chọn chủ thể, biện pháp, nội dung, hình thức phòng ngừa sao cho phù hợp nhằm phát huy hiệu quả cao nhất các hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC.

Nguyên tắc tuyên truyền, giáo dục là chủ yếu, răn đe khi cần thiết

Tuyên truyền, giáo dục là chủ yếu là nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức pháp luật, trách nhiệm của các cá nhân trong xã hội; đảm bảo hiệu

lực, hiệu quả của pháp luật, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Nguyên tắc tổ chức thực hiện phải trên cơ sở bình đẳng, hài hòa lợi ích, nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với đặc điểm tâm lý các đối tượng đặc thù, phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa của từng địa bàn. Đối tượng tuyên truyền, giáo dục gồm toàn xã hội, tuy nhiên tập trung vào người phạm tội lần đầu, bị cáo ở độ tuổi nhạy cảm về tâm lý, sinh lý, người thiếu hiểu biết, bị người khác kích động, gây rối.

Răn đe khi cần thiết là hình thức thể hiện tính cưỡng chế nhà nước và xã hội đối với các chủ thể có hành vi GRTTCC. Đối tượng răn đe thường là các cá nhân có ý thức chống đối mạnh, coi thường pháp luật, có nhân thân xấu, vi phạm nhiều lần, chủ mưu, cầm đầu, kích động, lôi kéo người khác gây rối. Hình thức răn đe có thể thông qua việc gọi hỏi răn đe, áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc xử phạt vi phạm, áp dụng hình phạt. Răn đe khi cần thiết được thực hiện trên cơ sở đánh giá về tính chất, mức độ của hành vi GRTTCC, nhân thân người phạm tội, yêu cầu về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cụ thể, tình huống phạm tội cụ thể.

Khi thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục hoặc răn đe đều cần chú ý nắm bắt nguyên nhân phát sinh hành vi GRTTCC, ý thức, tâm lý, nhân thân của người phạm tội.

Nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích nhà nước và lợi ích cộng đồng

Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc bảo đảm hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng là mục tiêu, nội dung quan trọng. Ba lợi ích này vừa độc lập, vừa đan xen, tác động qua lại lẫn nhau, do đó cần phải hài hòa chúng khi thực hiện công tác phòng ngừa tội GRTTCC. Hài hòa lợi ích của cá nhân là điều kiện để hài hòa lợi ích của nhà nước và hài hòa lợi ích của xã hội, góp phần bảo đảm thực thi chính sách, pháp luật của nhà nước, làm giảm bất bình đẳng trong xã hội, các biện pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội phải gắn với nâng cao đời sống của nhân dân, xây dựng môi trường xã hội an toàn.

Nguyên tắc phòng ngừa gắn liền với kiểm soát xã hội đối với tội GRTTCC.

Kiểm soát xã hội với tội GRTTCC rất cần thiết trong quản lý, duy trì sự ổn định và trật tự xã hội, thiết lập các hoạt động xã hội và các mối liên hệ xã hội theo

một trình tự nhất định, để từ đó xã hội vận hành bình thường, không rối loạn, bảo đảm hệ thống các cơ chế để kiểm soát, động viên, khuyến khích bên cạnh những chế tài nhằm buộc cá nhân thực hiện có trật tự nhằm bảo vệ, phát triển các giá trị, chuẩn mực chung của xã hội.

Phòng ngừa tội GRTTCC không khi nào được tách rời kiểm soát xã hội với tội phạm này vì mục đích chính là duy trì, bảo vệ trật tự xã hội, giải quyết các nguyên nhân xã hội của tội GRTTCC. Kiểm soát xã hội đối với tội GRTTCC là kiểm soát của toàn xã hội, của tất cả các lực lượng (chủ thể) trong xã hội trên cơ sở quy định của pháp luật. Mỗi chủ thể kiểm soát xã hội sẽ sử dụng những phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội GRTTCC tương ứng và trong nhiều trường hợp, chủ thể có thể sử dụng nhiều phương tiện kiểm soát xã hội khác nhau như dư luận, sự giáo dục, tập quán, nội quy, quy chế, chính sách, pháp luật...

Các mức độ kiểm soát có thể là kiểm soát về tư tưởng, kiểm soát về hành vi phạm tội, kiểm soát chính thức, kiểm soát không chính thức, tự kiểm soát.

1.3. Nội dung, chủ thể, biện pháp và mối quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

1.3.1. Nội dung phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Nội dung chính, cốt lõi của phòng ngừa tội GRTTCC là việc tiến hành đồng bộ các biện pháp phòng ngừa nhằm hướng đến việc kiềm chế, dần hạn chế, khắc phục, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ hoặc làm vô hiệu hóa các yếu tố, hiện tượng đóng vai trò là nguyên nhân của tội GRTTCC, tác động đến từng cá nhân trong xã hội không nảy sinh ý định GRTTCC và những ai đã có ý định phạm tội sẽ không có điều kiện, cơ hội để bộc lộ ra bên ngoài mà từ bỏ ý định đó một cách hoàn toàn. Nếu tội GRTTCC đã xảy ra thì phải nhanh chóng phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người phạm tội, cải tạo, răn đe, giáo dục người phạm tội và cá nhân khác trong xã hội.

Để thực hiện được các nội dung cốt lõi trên cần tập trung vào các nội dung cụ thể như:

Nghiên cứu, nhận định, đánh giá tình hình tội GRTTCC trên địa bàn cả nước, tập trung vào các địa bàn phức tạp về ANTT, các thành phố lớn, thông qua

việc phân tích thực trạng, diễn biến của tình hình tội này như một sản phẩm, kết quả của hoạt động động phòng ngừa, đặc biệt chỉ ra được các đặc điểm nhân thân của người phạm tội GRTTCC như độ tuổi, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế, gia đình, nơi cư trú, đặc điểm tiền án, tiền sự... của từng đối tượng phạm tội.

Phân tích làm rõ và xác định nguyên nhân chủ yếu của tội GRTTCC, những đặc điểm mang tính quy luật, các yếu tố tiêu cực trong môi trường gia đình nhà trường, xã hội và đặc điểm tâm lý tiêu cực của cá nhân dẫn tới việc thực hiện tội phạm.

Các nguyên nhân từ môi trường xã hội hình thành hành vi phạm tội GRTTCC phải được xem xét trong mối quan hệ với các đặc điểm cá biệt của cá nhân như tâm lý, sinh học, bao quát các yếu tố về kinh tế, văn hoá, giáo dục, các tiêu môi trường tại các địa bàn khảo sát cụ thể, đặc trưng về điều kiện địa lý, điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, công cụ, phương tiện bị lợi dụng để thúc đẩy hành vi phạm tội GRTTCC.

Nguyên nhân làm phát sinh tội GRTTCC có tính chất không gian, thời gian cụ thể, gắn với các tình huống nhất định. Do đó cần xác định những nguyên nhân có tính quy luật chung và nguyên nhân có tính đặc thù gắn với các địa phương, địa bàn cụ thể từ đó lựa chọn các phương án, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

Tổ chức lực lượng, xây dựng, đề ra các chủ trương, kế hoạch và tiến hành các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ nhằm khắc phục, hạn chế, từng bước xóa bỏ các nguyên nhân của tình hình tội phạm, nhanh chóng phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với người phạm tội, cải tạo, răn đe, giáo dục người phạm tội và cá nhân khác trong xã hội.

1.3.2. Chủ thể phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Phòng ngừa tội GRTTCC đòi hỏi sự tham gia của cả hệ thống chính trị, vai trò của các chủ thể phòng ngừa được xác định dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể. Vì vậy, sự phân chia các nhóm chủ thể phòng ngừa chỉ mang tính chất tương đối, luận án xác định các nhóm chủ thể phòng ngừa tội GRTTCC gồm:

Nhóm chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chính sách và pháp luật gồm: Đảng, Quốc Hội, Hội đồng nhân dân, Chính phủ, Ủy ban nhân dân;

Nhóm chủ thể cơ quan chuyên trách (cơ quan bảo vệ pháp luật) gồm: cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án;

Nhóm chủ thể phối hợp khác gồm: cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

Phòng ngừa tội phạm nói chung, tội GRTTCC nói riêng là hoạt động vừa mang tính xã hội, vừa mang tính nhà nước, vì vậy rất cần có sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng.

Đảng cộng sản Việt Nam là tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội⁹⁰, vai trò lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản được nhấn mạnh và đề cập trong các Văn kiện Đại hội Đảng như định hướng công tác phòng, chống tội phạm ở mỗi giai đoạn, thời điểm của đất nước; định hướng việc hoàn thiện cơ cấu, tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó có các cơ quan tư pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN, quản lý, điều hành xã hội và phòng ngừa tội phạm; kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tội phạm; giáo dục, phát huy vai trò của các cá nhân đảng viên, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, được thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Do vậy, Quốc hội thực hiện phòng ngừa tội phạm bằng việc tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng ngừa, điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo đảm quyền con người, lồng ghép trong các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, phòng chống xung đột xã hội; tiến hành kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước...

Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương⁹¹, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên⁹². Hội đồng

90. Điều 4, Hiến pháp năm 2013.

91. Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

92. khoản 1, Điều 6, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025.

nhân dân các cấp quyết định những chủ trương, biện pháp kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục để cải thiện xã hội, phòng ngừa các xung đột xã hội, xung đột giữa các cá nhân tại địa phương của mình, xây dựng không gian cộng đồng văn minh, an toàn, kịp thời giải quyết các bức xúc trong nhân dân, không để phát sinh nguyên nhân hình thành hành vi phạm tội GRTTCC, hình thành các điểm nóng về ANTT.

Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp

Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp xác định có chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật xây dựng nền an ninh nhân dân, phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm, VPPL, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội”...⁹³, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân theo quy định của pháp luật.⁹⁴

Đối với phòng ngừa tội GRTTCC, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có vai trò quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện pháp luật; tổ chức thực hiện các hoạt động phòng ngừa, điều phối lực lượng, phương tiện, biện pháp và các nguồn lực cần thiết cho hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội GRTTCC nói riêng; lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm ngăn ngừa, hạn chế tiến tới xóa bỏ nguyên nhân phát sinh tội GRTTCC.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án

Lực lượng Công an: được xác định là nòng cốt, chủ công trong phòng ngừa tội GRTTCC với chức năng “*tham mưu với Đảng, Nhà nước về các phương án, kế hoạch, chương trình bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; trực tiếp phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội gây rối trật tự công cộng tại các địa bàn; thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội*”⁹⁵.

Đối với phòng ngừa tội GRTTCC, lực lượng công an tiến hành sử dụng đồng bộ biện pháp pháp luật, biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, chuyên biệt kết hợp

93. Luật Tổ chức Chính phủ 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019.

94. Luật Tổ chức Chính phủ, tldđ

95. Luật Công an nhân dân, tldđ.

với các biện pháp phòng ngừa xã hội; thực hiện sơ kết, tổng kết thực tiễn, thống kê hình sự nhằm phát hiện nguyên nhân phát sinh tội GRTTCC và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

Bên cạnh đó, lực lượng Công an nhân dân còn làm trung tâm tổ chức, huy động các lực lượng khác trong xã hội tham gia vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc⁹⁶, hỗ trợ chính quyền địa phương xây dựng nếp sống văn minh, dân chủ, an ninh, an toàn, phòng ngừa xung đột xã hội, tránh hình thành các hành vi phạm tội GRTTCC, xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*”⁹⁷.

Viện Kiểm sát: là cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước, có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nhằm góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất⁹⁸. Chức năng của Viện kiểm sát các cấp trong phòng ngừa tội GRTTCC được thể hiện thông qua các hoạt động như: tham gia xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch phòng, chống tội phạm nói chung, trong đó có nội dung về phòng ngừa tội GRTTCC; kiểm sát việc tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ đối với người có hành vi phạm tội GRTTCC; thực hiện quyền công tố, tổ chức, phối hợp lực lượng phòng ngừa tội GRTTCC; thực hiện chức năng thống kê hình sự; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phát hiện nguyên nhân của tội phạm GRTTCC, góp phần tích cực vào việc ngăn chặn, kiềm chế, kéo giảm tội phạm này trong đời sống xã hội⁹⁹.

Tòa án nhân dân: là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp¹⁰⁰. Vai trò của TAND các cấp trong phòng ngừa tội GRTTCC được thể hiện thông qua công tác xét xử, làm sáng tỏ bản chất của vụ

96. Thông tư số 09/20024/TT-BCA ngày 13/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc thực hiện công tác dân vận của lực lượng Công an nhân dân.

97. Thông tư số 48/2025/TT-BCA ngày 27/6/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/20024/TT-BCA ngày 13/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc thực hiện công tác dân vận của lực lượng Công an nhân dân và Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*”.

98. Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, tldđ.

99. Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, tldđ.

100. Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

án, nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; tính chất, mức độ lỗi của người phạm tội GRTTCC, quyết định loại và mức hình phạt đối với người phạm tội GRTTCC đảm bảo công bằng, nghiêm minh, từ đó yêu cầu, kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục những sơ hở thiếu sót trong công tác QLNN, quản lý xã hội, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm hữu hiệu nhằm loại trừ các nguyên nhân của tội GRTTCC.

Các tổ chức, cá nhân

Chủ thể phòng ngừa tội GRTTCC là các tổ chức bao gồm tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế... Trong đó đặc biệt chú ý tới vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị, xã hội, các hội quần chúng cấp trung ương, cấp cơ sở¹⁰¹ như Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... kết hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình; các cơ quan văn hóa, giáo dục thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình; các tổ chức quần chúng tự quản gồm bảo vệ dân phố, dân phòng, các đội tự quản là chỗ dựa vững chắc cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC, được thành lập theo các quy định pháp luật của Nhà nước, quyết định của chính quyền địa phương.

Các tổ chức tham gia phòng ngừa tội GRTTCC thông qua các hình thức như giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, phòng ngừa các mâu thuẫn, xung đột dẫn tới các hành vi ngăn phạm tội GRTTCC; định hướng dư luận, lên án những hành vi, vụ việc phạm tội GRTTCC gây ảnh hưởng xấu đến ANTT, an toàn xã hội; ban hành nội quy, quy chế cộng đồng; cung cấp thông tin, tài liệu có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm cho các cơ quan chức năng; trực tiếp xây dựng, tổ chức thực hiện, hướng dẫn thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, giúp đỡ người phạm tội GRTTCC tại địa phương, cộng đồng dân cư hòa nhập với cộng đồng, quản lý thành viên trong gia đình, đặc biệt là người chưa thành niên bảo đảm cho việc phòng ngừa tội GRTTCC.

¹⁰¹ Quy định số 304-QĐ/TW ngày 10 tháng 6 năm 2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quy định số 301-QĐ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, xã.

1.3.3. Biện pháp phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Biện pháp phòng ngừa tội phạm là cách thức (phương thức) mà các chủ thể phòng ngừa sử dụng để tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm. Hiện nay trong tội phạm học có nhiều cách phân loại biện pháp phòng ngừa tội phạm dựa vào các tiêu thức khác nhau:

Thứ nhất, căn cứ theo loại đối tượng bị tác động (chủ thể chịu tác động) có thể chia các biện pháp phòng ngừa làm 03 cấp độ là phòng ngừa cấp độ 1, biện pháp mang tính định hướng, tuyên truyền, giúp đỡ phù hợp với điều kiện chung của nhiều người (cộng đồng hoặc toàn bộ dân cư); phòng ngừa cấp 2 tập trung vào nhóm người có nguy cơ cao hoặc các tình huống tiêu cực tác động tới người phạm tội tiềm tàng; phòng ngừa cấp độ 3 gắn với hoạt động của lực lượng chức năng trong xử lý, ngăn chặn hành vi phạm tội¹⁰².

Thứ hai, căn cứ vào chủ thể của hoạt động phòng ngừa phân chia thành nhóm biện pháp phòng ngừa của cơ quan nhà nước, nhóm biện pháp phòng ngừa của các tổ chức xã hội và nhóm biện pháp phòng ngừa của công dân.

Thứ ba, căn cứ vào tính chất tác động của biện pháp có thể phân loại thành 02 nhóm biện pháp là nhóm biện pháp phòng ngừa chung (giải quyết gốc rễ của tội phạm, có thể áp dụng cho mọi loại tội phạm cụ thể) cụ thể gồm biện pháp kinh tế - xã hội; biện pháp văn hóa, giáo dục; biện pháp tổ chức, quản lý; biện pháp pháp luật và nhóm biện pháp phòng ngừa riêng (phòng ngừa nghiệp vụ)¹⁰³.

Thứ tư, căn cứ vào địa bàn, lĩnh vực cần phòng ngừa tội phạm có thể phân loại thành biện pháp phòng ngừa áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ quốc gia; biện pháp phòng ngừa áp dụng cho địa phương, vùng, miền; biện pháp phòng ngừa áp dụng riêng cho ngành, lĩnh vực hoạt động¹⁰⁴.

Đặc biệt có cách phân loại theo các tiêu thức về nội dung (biện pháp mang tính chất kinh tế; nhân chủng học, chính trị, tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật và pháp lý;

102. Smallbone, S., Marshall, W. L., Wortley, R. (2008), *Preventing child sexual abuse: Evidence, policy and practice*, Oxford, UK: Willan Publishing, p.123; Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2025), *Giáo trình Tội phạm học*, tldđ, tr. 283.

103. Trường Đại học luật Hà Nội (2022), *Giáo trình tội phạm học*, tldđ.

104. Trường Đại học luật Hà Nội (2022), *Giáo trình tội phạm học* tldđ.

về khối lượng (các biện pháp phòng ngừa trong sự phù hợp với các mức độ của tình hình tội phạm được chia thành các biện pháp chung, riêng và cá nhân); theo phạm vi (các biện pháp chung của Nhà nước, các biện pháp khu vực, các biện pháp mang tính chất địa phương, các biện pháp theo ngành lĩnh vực đời sống xã hội nhất định); theo khách thể của sự tác động phân chia các biện pháp phòng ngừa theo các khuynh hướng cơ bản của công tác đấu tranh với tình hình tội phạm (chẳng hạn đối với các loại của tình hình tội phạm, các đặc điểm của các nguyên nhân và điều kiện của từng loại); theo cơ chế hoạt động, các biện pháp phòng ngừa được phân thành các biện pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và tội phạm cụ thể, làm mất hiệu lực tác động của một số nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và của các tội phạm, các biện pháp làm yếu, hạn chế tác động đó, các biện pháp cản trở việc thực hiện ý định phạm tội, làm khó khăn việc xuất hiện tình huống có lợi cho hoạt động của những người phạm tội...

Trong phạm vi của luận án, các biện pháp phòng ngừa được tiếp cận theo tiêu chí tính chất tác động của biện pháp phòng ngừa. Cụ thể là:

Biện pháp kinh tế - xã hội: là biện pháp có vai trò căn bản, chiến lược và lâu dài trong phòng, chống tội phạm nói chung và tội GRTTCC nói riêng. Việc áp dụng đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt ở địa bàn có nguy cơ cao, sẽ góp phần ổn định trật tự xã hội, nâng cao chất lượng sống và tạo dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh, kỷ cương, ngăn chặn nguyên nhân từ điều kiện kinh tế - xã hội tác động như nghèo đói, thất nghiệp, bất công xã hội, làm giảm những mâu thuẫn, xung đột trong xã hội. Biện pháp về kinh tế - xã hội được quan tâm, phát triển sẽ hỗ trợ, tạo điều kiện, nguồn lực để thực hiện các biện pháp văn hóa, giáo dục; biện pháp pháp luật; biện pháp QLNN về ANTT; biện pháp nghiệp vụ hiệu lực, hiệu quả hơn.

Ở một phương diện khác, “*Tội phạm là thước đo cho sự phát triển*” có nghĩa là kinh tế, xã hội càng phát triển, thì tội phạm theo đó cũng có sự thay đổi về phương thức, thủ đoạn¹⁰⁵. Như vậy, khi phát triển kinh tế - xã hội cần chú trọng phát triển bền vững và phải dự báo được tác động của nó tới việc hình thành, phát triển

105. Emile Durkhiem - nhà xã hội học người Pháp.

của tội GRTTCC, từ đó có chương trình, kế hoạch phòng, chống tội phạm lồng ghép với các nội dung phát triển kinh tế - xã hội.

Biện pháp văn hóa - giáo dục: Căn cứ theo lý luận tội phạm học và xã hội học pháp luật thì hành vi phạm tội GRTTCC chịu ảnh hưởng sâu sắc từ sự thiếu hiểu biết pháp luật, lệch chuẩn giá trị, thiếu định hướng giáo dục, chuẩn mực đạo đức xã hội. Biện pháp văn hóa - giáo dục là yếu tố nền tảng tạo thế trận an ninh nhân dân vững chắc từ nhận thức, giúp ngăn chặn sớm các nguy cơ, xung đột xã hội hình thành hành vi GRTTCC, tác động tới tâm lý, nhận thức của chính các cá nhân, tạo sức “đề kháng” với những tác nhân tiêu cực từ môi trường sống, tự kiểm soát, tự nêu gương, có ý thức tự giác, tôn trọng kỷ luật, kỷ cương, quy tắc cộng đồng, gắn kết cộng đồng, tạo sự đồng thuận xã hội.

Để biện pháp văn hóa - giáo dục phát huy hiệu quả cần xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa cộng đồng, bám sát cơ sở; chú trọng tới tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển văn hóa, giáo dục gắn với các đối tượng yếu thế trong xã hội, đối tượng có nguy cơ cao, đối tượng đã phạm tội.

Biện pháp pháp luật: tạo hành lang pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa chung và phòng ngừa chuyên biệt, thể hiện ở toàn bộ quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật. Biện pháp pháp luật không chỉ ràng buộc hành vi, xử sự của các chủ thể trong xã hội tuân thủ pháp luật, định hướng công dân làm những gì pháp luật không cấm mà còn có tác dụng giáo dục, răn đe, cưỡng chế đối với các cá nhân có hành vi phạm tội GRTTCC, ngăn ngừa, xử lý các hành vi, cá nhân có nguy cơ cao, tiềm tàng thực hiện hành vi GRTTCC hoặc các cá nhân tái phạm. Một hệ thống pháp luật hoàn thiện, hợp lý, phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức, văn hóa xã hội sẽ giúp bảo đảm thực thi quyền lực nhà nước, bảo đảm cho các chủ thể có thẩm quyền áp dụng tổng thể các biện pháp phòng ngừa trong phòng ngừa tội GRTTCC, giúp thiết lập trật tự xã hội ổn định, an toàn, kỷ cương, củng cố niềm tin của người dân vào Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp quản lý hành chính nhà nước về ANTT: là tổng thể các hoạt động quản lý mang tính quyền lực nhà nước, do các cơ quan nhà nước tiến hành nhằm

bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội thông qua công cụ pháp luật. Đây là biện pháp có tính chất chủ động, điều chỉnh trực tiếp các quan hệ xã hội, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nhà nước trong việc đảm bảo ANTT.

Nội dung của biện pháp quản lý hành chính nhà nước về ANTT trong phòng ngừa tội GRTTCC tập trung vào: quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; QLNN đối với đối thi hành án ngoài cộng đồng, người đã chấp hành án xong.

Biện pháp vận động quần chúng: Biện pháp vận động quần chúng là biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC được thực hiện trên cơ sở nội dung tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho Nhân dân; xây dựng và nhân rộng các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT phòng ngừa tội GRTTCC.

Biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ: do các chủ thể chuyên trách chống tội phạm GRTTCC sử dụng như điều tra cơ bản, nắm tình hình; tuần tra, kiểm soát tuyến, địa bàn, mục tiêu; các biện pháp điều tra, truy tố, xét xử; khoa học - kĩ thuật.

1.3.4. Mối quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, chủ thể chuyên trách, chủ thể QLNN về ANTT, các chủ thể tham gia khác với nhau trên cơ sở quy định pháp luật, phù hợp với vị trí địa lý, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục tại các địa bàn, địa phương.

Nội dung phối hợp gồm: Phối hợp hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ANTT, an toàn xã hội tại các địa bàn, địa phương; phối hợp trong xây dựng các mô hình tự quản, nhân điển hình tiên tiến và răn đe các người liên quan đến tội GRTTCC; nắm bắt các mâu thuẫn trong sinh hoạt, đời sống từ đó phối hợp với các cơ quan nhà nước triệt để giải quyết các “điểm nóng”; xây dựng quy chế phối hợp, cơ chế tự quản trong phòng ngừa tội phạm tại các địa phương; phối hợp trong thu thập, xử lý thông tin, tình hình về các vụ việc phạm tội GRTTCC; phối hợp trong vận động người thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC tự thú, đầu thú; phối hợp tuyên truyền giáo dục, huy động nguồn lực hỗ trợ người đã chấp hành

xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng; phối hợp tuần tra, kiểm soát tại các địa bàn, địa phương; phối hợp trao đổi thông tin, tham mưu đề xuất với các cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, văn bản QLNN về ANTT, phòng ngừa tội GRTTCC; phối hợp thanh tra, kiểm tra xử lý VPPL về ANTT; phối hợp trong phòng, chống tội GRTTCC thông qua các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, điều tra, truy tố, xét xử; phối hợp trong thống kê tội phạm...

Phương thức phối hợp: Tùy theo phạm vi, tính chất, nội dung của biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC, các chủ thể phòng ngừa quyết định áp dụng các phương thức phối hợp như gửi văn bản xin ý kiến phối hợp; trao đổi nghiệp vụ, chuyên môn; cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp theo định kì hàng tháng, quý, năm hay khi có yêu cầu; tổ chức họp, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, các biện pháp phòng ngừa tại các địa bàn.

Kết luận chương 1

Lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC là cơ sở để thực hiện, đánh giá hoạt động phòng ngừa trên thực tế, từ đó tăng cường hiệu quả các biện pháp phòng ngừa trong thời gian tới, đồng thời đối chiếu, so sánh với thực tiễn phòng ngừa để hoàn thiện lý luận phòng ngừa.

Phòng ngừa tội GRTTCC là hoạt động có tính hệ thống, chủ động, gắn với mọi lĩnh vực. Mục đích phòng ngừa tội GRTTCC là nhằm ngăn ngừa các tội phạm này xảy ra trên thực tế, khắc phục các nguyên nhân của tội phạm GRTTCC, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh con người, an ninh xã hội, hướng tới kiểm soát xã hội một cách bền vững.

Phòng ngừa tội GRTTCC phải tuân thủ một số nguyên tắc chung, cần chú ý tới các nguyên tắc đặc thù như phòng ngừa theo tình huống cụ thể, địa bàn, theo đối tượng; giáo dục là chủ yếu, răn đe khi cần thiết; bảo đảm hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích nhà nước, cộng đồng; gắn liền với kiểm soát xã hội.

Cơ sở phòng ngừa tội GRTTCC được xác định trên 2 phương diện là cơ sở chính trị - pháp lý với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng ngừa tội phạm, bảo đảm ANTT ở những mức độ khác nhau trong các văn bản pháp lý.

Cơ sở thực tiễn thông qua nghiên cứu về tình hình tội GRTTCC trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và nguyên nhân của tội phạm này cũng như những hạn chế trong thực tiễn về chủ thể và thực hiện biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC.

Nội dung phòng ngừa tội GRTTCC hướng đến việc khắc phục nguyên nhân của tội phạm và tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong hoạt động phòng ngừa cũng như khắc phục những hạn chế trong công tác phòng ngừa tội GRTTCC.

Phòng ngừa tội GRTTCC chính là sử dụng đồng bộ, hệ thống các biện pháp nhà nước và xã hội. Các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC được xác định theo tính chất tác động gồm: biện pháp pháp luật; biện pháp kinh tế, xã hội; biện pháp văn hóa, giáo dục; biện pháp quản lý hành chính nhà nước về ANTT; biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ.

Phòng ngừa tội GRTTCC là nhiệm vụ chung, là hoạt động thường xuyên, chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó cơ quan bảo vệ pháp luật (Cơ quan công an, Viện Kiểm sát, Tòa án) giữ vai trò nòng cốt, vai trò của các chủ thể phòng ngừa sẽ được xác định trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể.

Chương 2

THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG Ở VIỆT NAM

2.1. Tình hình tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Tình hình tội GRTTCC là thực trạng và diễn biến của tội GRTTCC đã xảy ra trong đơn vị không gian, thời gian cụ thể. Kết quả của hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC được thể hiện trên nhiều phương diện, tuy nhiên nó được phản ánh rõ nét nhất thông qua tình hình tội GRTTCC sau khi áp dụng tổng thể các biện pháp phòng ngừa với tính cách là kết quả phòng ngừa (tích cực) và là hệ quả của phòng ngừa chưa tốt (nguyên nhân làm phát sinh tội phạm).

2.1.1. Thực trạng tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Trên cơ sở lý luận về thực trạng của tội phạm nói chung, có thể xác định thực trạng của tội GRTTCC là tình trạng thực tế của tội phạm này đã xảy ra trong một đơn vị không gian, thời gian nhất định về mức độ và tính chất.

2.1.1.1. Thực trạng về mức độ của tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Thực trạng về mức độ của tội GRTTCC được làm sáng tỏ trên cơ sở các thông số về tội phạm rõ (tội phạm đã được điều tra, truy tố, xét xử về hình sự và có trong số liệu thống kê chính thức) và tội phạm ẩn (tội phạm đã xảy ra thực tế nhưng chưa được phát hiện, không được xử lý, không được đưa vào trong số liệu thống kê chính thức).

Tác giả luận án đã nghiên cứu số liệu thống kê chính thức của TAND tối cao và nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự (được tác giả lựa chọn ngẫu nhiên, tập trung vào các địa bàn có tỷ lệ án cao, phân bố ở các vùng miền khác nhau như Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, Nghệ An, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Quảng Trị, Khánh Hòa, Bắc Ninh, An Giang, Ninh Bình, thành phố Đà Nẵng, Gia Lai, Đồng Nai...) giai đoạn từ năm 2018 - 2025, kết quả thu được như sau:

Thứ nhất, về mức độ tổng quan, từ năm 2018 - 2025, TAND các cấp ở địa phương trên cả nước đã xét xử 5.710 vụ án với 41.261 bị cáo. Trung bình mỗi năm

có khoảng 713 vụ (tổng số vụ/số năm khảo sát); 5.157 bị cáo (tổng số bị cáo/tổng số năm khảo sát) (bảng 1, bảng 2, phụ lục 1).

Thứ hai, về chỉ số tội phạm và chỉ số người phạm tội (dùng để xác định mức độ phổ biến của tội phạm trong dân cư). Căn cứ thống kê dân số của Tổng cục Thống kê và số liệu thống kê của TAND tối cao về tổng số các vụ án và tổng số bị cáo đã được xét xử cho thấy, chỉ số tội phạm GRTTCC giai đoạn từ năm 2018-2025/100.000 dân trung bình là 0,72, trong đó năm có chỉ số tội phạm cao nhất là năm 2024 với 2,0; chỉ số người phạm tội GRTTCC giai đoạn từ năm 2018 - 2025/100.000 dân trung bình là 5,23, trong đó năm có chỉ số người phạm tội GRTTCC cao nhất là năm 2024 với 15,6.

Lý do dẫn tới chỉ số tội phạm và chỉ số người phạm tội GRTTCC qua các năm cao, đặc biệt là năm 2024 xuất phát từ những tác động tiêu cực của yếu tố kinh tế, xã hội; người phạm tội; hệ quả tất yếu của việc tăng cường trấn áp, xử lý nghiêm minh, làm giảm “độ ẩn” tội GRTTCC và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật của lực lượng chuyên trách (bảng 2, phụ lục 1).

Thứ ba, tội phạm ản (ản khách quan, ản chủ quan) được xác định thông qua số liệu tội GRTTCC xảy ra thực tế so với số tội GRTTCC bị phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử.

Qua thống kê cho thấy, số vụ án và số bị cáo mà tòa phải giải quyết là 5.960 vụ/ 44.261 bị cáo. Tuy nhiên số vụ và bị cáo bị xử lý hình sự mà Tòa đã giải quyết là 5.710 vụ/ 41.261 bị cáo. So sánh với số liệu vụ án, người phạm tội bị khởi tố là 7.649 vụ/ 48.978 người; giai đoạn truy tố là 5.928 vụ/ 43.024 người (bảng 7, bảng 8, phụ lục 1).

Qua nghiên cứu cho thấy, lý do dẫn tới tội phạm ản là vì: Cơ quan chức năng không phát hiện được vụ việc phạm tội do không có thông tin. Tội GRTTCC xâm phạm tới các quy tắc xử sự nơi công cộng, xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, hành vi vi phạm diễn ra nhanh chóng, có tính chất lây lan nhanh và kết thúc nhanh nên cơ quan chức năng khó khăn trong tiếp nhận thông tin về vụ việc.

Mặt khác, có trường hợp vụ việc GRTTCC không được người dân phản ánh với lý do cho rằng vụ việc diễn ra nhanh chóng, không ảnh hưởng đến quyền lợi; số

còn lại người dân cho rằng phiền hà, sợ bị trả thù hoặc vụ việc không có gì nghiêm trọng nên không thông tin đến cơ quan có thẩm quyền.

Do hạn chế của cơ quan chuyên trách trong việc đánh giá tình tiết định tội gây ảnh hưởng xấu về ANTT, an toàn xã hội dẫn tới việc khởi tố, truy tố, xét xử hành vi GRTTCC còn chưa thống nhất, đặc biệt liên quan tới cấu thành tội phạm độc lập có tính chất giao thoa khác như cố ý gây thương tích, hủy hoại tài sản. Rất ít trường hợp bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự đồng thời 02 tội danh mà trong đó có tội GRTTCC.

Sai số trong thống kê tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền cũng làm cho bức tranh toàn cảnh về tội GRTTCC chưa phản ánh được đầy đủ, chính xác trong những năm gần đây. Cụ thể, hạn chế từ việc quy định thống kê theo tiêu chí tội danh nghiêm trọng nhất hoặc tội danh có hình phạt cao nhất của bị can, bị cáo¹⁰⁶; Tòa án một số địa phương gửi báo cáo không đúng thời hạn; một vụ việc phạm tội nhưng được thống kê nhiều lần qua các vụ án khác nhau hoặc các năm nối tiếp nhau; thời điểm thống kê giữa các cơ quan là khác nhau, có thể muộn hơn so với thời điểm tội phạm xảy ra. Có trường hợp phát sinh tội phạm ẩn là do bệnh thành tích của một số địa phương, cơ quan, tổ chức trong việc hoàn thành chỉ tiêu về đảm bảo công tác ANTT hoặc do năng lực hạn chế của một bộ phận cán bộ chuyên trách trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin về vụ việc.

Lý do khách quan khác là do bản chất hành vi phạm tội GRTTCC, tính chất không gian công cộng đa dạng có thể diễn ra hành vi GRTTCC tại nhà ga, đường phố, công trình xây dựng, quán ăn... khiến việc phát hiện, xử lý của cơ quan có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn.

2.1.1.2. Thực trạng về tính chất của tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Đặc điểm này được nghiên cứu trên cơ sở làm rõ cơ cấu của tội GRTTCC theo các tiêu thức nhất định. Cụ thể:

Cơ cấu theo loại tội phạm: Theo quy định tại Điều 9, Điều 318 BLHS thì tội GRTTCC chỉ có hai loại hình phạt là ít nghiêm trọng và nghiêm trọng. Qua

106. Viện Kiểm sát - Tòa án - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2005), Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTCTATC-BCA- QP ngày 01/7/2005 *hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm*, Hà Nội.

nghiên cứu số liệu thống kê của Tòa án cho thấy, tội GRTTCC chủ yếu thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng (bảng 3, phụ lục 1).

Cơ cấu theo chế tài hình sự áp dụng: Giai đoạn từ năm 2018 - 2025 trong tổng số 41.261 bị cáo thì có tới 22.422 bị cáo bị áp dụng hình phạt tù đến 03 năm (chiếm tỷ lệ 54,4%); 2.549 bị cáo bị áp dụng hình phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm (chiếm tỷ lệ 6,17%); 14.731 bị cáo cho hưởng án treo (chiếm 35,7%); 181 bị cáo áp dụng hình phạt tiền (chiếm 0,43%); 1.267 bị cáo bị áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ (chiếm 3,08%); 91 bị cáo bị áp dụng các biện pháp khác như biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, trục xuất (chiếm 0,22%) (bảng 3, phụ lục 1).

Cơ cấu theo địa bàn phạm tội: Qua khảo sát điển hình 300 bản án hình sự về tội GRTTCC giai đoạn từ năm 2018 - 2025, có tới 45% bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà địa điểm xảy ra tại các tuyến giao thông, đường phố; khu dân cư là 4,3%; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là 5,7%; quán bar, karaoke, nhà hàng là 28,3%; 7,7% tại chợ, siêu thị, bến tàu; trụ sở cơ quan nhà nước là 3%; địa điểm khác là 6% (bảng 10, phụ lục 1).

Các địa phương xảy ra nhiều vụ án GRTTCC có quy mô dân số lớn, tập trung dân nhập cư nhiều, có nhiều địa điểm công cộng, hoạt động công cộng, khu công nghiệp, khu dân cư như: Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh. Khảo sát điển hình 300 bản án về tội GRTTCC thì có tới 78,3% bị cáo thực hiện tội phạm mà địa điểm xảy ra là khu vực nội thành, thành thị; và 21,7% bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại khu vực nông thôn, ngoại thành (bảng 15, phụ lục 1).

Lý do, vì khu vực thành thị tập trung nhiều địa điểm công cộng, tập trung đông người, dân cư đông, nhiều dịch vụ giải trí, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT dễ hình thành các mâu thuẫn, xung đột, và tạo điều kiện kích thích cho các đối tượng thực hiện các hành vi gây rối. Khu vực nông thôn, nội thành địa điểm công cộng ít tập trung đông người, vắng vẻ và phần lớn các xung đột, lợi ích, mâu thuẫn diễn ra nhỏ và bị dập tắt tức thời, không có điều kiện kích động các đối tượng gây rối nên việc xảy ra các vụ án GRTTCC có tỷ lệ thấp hơn.

Cơ cấu theo biểu hiện của hành vi khách quan: Qua khảo sát ngẫu nhiên 300 bản án hình sự về tội GRTTCC cho thấy, có tới 51% số bị cáo thực hiện hành vi GRTTCC thông qua việc sử dụng vũ khí, hung khí, đây là hành vi khá phổ biến của tội GRTTCC, chủ yếu tập trung vào các nhóm đối tượng là thanh, thiếu niên hư có xô xát, mâu thuẫn từ trước tụ tập gây rối, đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn. Có 43% số bị cáo đánh nhau, phá phách nhưng không sử dụng vũ khí, hung khí mà thực hiện các dạng hành vi tụ tập đông người, la ó, hò hét, cản trở giao thông, cản trở hoạt động của các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương; 06% số bị cáo có hành vi xúi giục gây rối, hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng (bảng 9, phụ lục 1).

Cơ cấu theo hình thức phạm tội: Tội GRTTCC chủ yếu được thực hiện dưới hình thức đồng phạm với 78,33%; 21,67% diễn ra dưới hình thức không đồng phạm (bảng 18, phụ lục 1).

Cơ cấu theo động cơ phạm tội: Qua khảo sát điển hình 300 bản án hình sự về tội GRTTCC giai đoạn từ năm 2018 - 2025 cho thấy động cơ phạm tội chủ yếu là do xô xát, mâu thuẫn cá nhân với 63,4%; vì đòi lại quyền lợi là 22,5%; 14,1% là do muốn gây sự chú ý đối với người khác, tập trung vào số đối tượng thanh thiếu niên hư phạm tội GRTTCC (bảng 13, phụ lục 1).

Cơ cấu về thời gian xảy ra: Qua nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự về tội GRTTCC từ năm 2018 - 2025 cho thấy các vụ GRTTCC chủ yếu xảy ra vào thời gian buổi chiều tối và đêm khuya, trong đó khung giờ chủ yếu xảy ra các vụ án GRTTCC là từ 18h - 24 h, với 52,33%, do thời điểm này thường xảy ra các mâu thuẫn xã hội đột ngột do tắc đường, lạm dụng rượu, bia, chất kích thích dẫn tới tâm lý thiếu kiềm chế làm phát sinh các vụ án GRTTCC; ngay sau đó là khung giờ từ 6h đến 18h là 37,33%; khung giờ từ 0h đến 06h là 10,33% (bảng 11, phụ lục 1).

Khoảng thời gian từ 0h đến 6h sáng thường tập trung vào nhóm đối tượng thanh, thiếu niên hư tụ tập đánh nhau, phá phách, xâm phạm trật tự công cộng, thời gian này do các hoạt động sinh hoạt công cộng của đời sống xã hội diễn ra ít và các nhóm thanh, thiếu niên hư bị quản lý về mặt thời gian bởi gia đình nên chỉ một số nhóm tiến hành các hoạt động tụ tập GRTTCC. Khoảng thời gian từ 6 giờ đến 18 giờ chiếm 37,3% là do các hành vi phạm tội GRTTCC phát sinh chủ yếu do mâu thuẫn,

xung đột trong quá trình sinh hoạt, sản xuất, tập trung tại các khu công nghiệp, các tuyến đường giao thông (bảng 6, phụ lục 1).

Cơ cấu theo mức độ hậu quả: Qua khảo sát ngẫu nhiên 300 bản án hình sự về tội GRTTCC từ năm 2018 - 2025 cho thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC chủ yếu là gây ảnh hưởng xấu đến ANTT, an toàn xã hội chiếm 49,3%; tiếp sau đó là gây hậu quả thiệt hại về tài sản, gây thương tích chiếm 41,3%; gây đình trệ hoạt động công cộng chiếm 5,7%; gây cản trở giao thông nghiêm trọng chiếm 3,7% (bảng 12, phụ lục 1).

Cơ cấu về nghề nghiệp: Qua khảo sát 300 bản án bản án hình sự về tội GRTTCC từ năm 2018 - 2025 cho thấy, các bị cáo phạm tội chủ yếu là không nghề nghiệp với 52,1%; học sinh, sinh viên là 28%; lái xe là 7,7%; công nhân, cán bộ, công chức chiếm 6,7%; nghề khác chiếm 5,5% (bảng 17, phụ lục 1).

Về tuổi: Khảo sát 300 bản án bản án hình sự về tội GRTTCC từ năm 2018 - 2025 cho thấy, các bị cáo ở nhóm tuổi từ 30 đến 75 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 47,02%; từ 18 đến dưới 30 tuổi chiếm 30,72%; nhóm tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chiếm 22,15%; nhóm tuổi trên 75 tuổi chỉ chiếm 0,11% (bảng 4, phụ lục 1).

Về dân tộc: Các bị cáo phạm tội GRTTCC chủ yếu là dân tộc kinh với 98,1%; Dân tộc khác chỉ chiếm 1,9% (bảng 5, phụ lục 1).

Về giới tính: Các bị cáo phạm tội GRTTCC chủ yếu là nam giới với 99,4%, nữ giới chiếm 0,6% (bảng 6, phụ lục 1).

Về nơi cư trú: Các bị cáo phạm tội GRTTCC chủ yếu là người cư trú tại địa phương với 82,9%; số bị cáo là người ngoài địa phương chiếm 17,1% (bảng 14, phụ lục 1).

Tỷ lệ về mối tương quan giữa những người đã có tiền án, tiền sự với những người phạm tội lần đầu: Qua khảo sát ngẫu nhiên 300 bản án cho thấy 77,7% đối tượng phạm tội lần đầu; 22,3% tái phạm (bảng 16, phụ lục 1). Kết quả này phản ánh một số hoạt động giáo dục, quản lý, phòng ngừa đối với các bị cáo có tiền án, tiền sự về hành vi GRTTCC chưa đem lại hiệu quả như mong muốn.

Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qua khảo sát điển hình 300 bản án hình sự về tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025 có

tới 55,3% số bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS; 17,7% số bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS; 27% số bị cáo không áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS (bảng 19, phụ lục 1).

Các yếu tố thuộc về nhân thân người phạm tội ở trên đặt trong tổng thể với các nhân tố bên ngoài thuộc về môi trường sống đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân thực hiện hành vi phạm tội, đây được xem là một trong những phương diện thuộc về nguyên nhân của tội GRTTCC.

Mức độ biểu hiện, tác động của các nhân tố bên trong, bên ngoài người phạm tội GRTTCC diễn ra rất phức tạp, cơ chế hình thành hành vi phạm tội GRTTCC trong các tình huống là khác nhau. Chẳng hạn, hành vi phạm tội GRTTCC có liên quan tới đặc điểm giới tính của người phạm tội chủ yếu là nam giới, vì nam giới ưu bạo lực, thích thể hiện và khó kiểm soát hành vi hơn nữ giới. Tuy nhiên, đặc biệt trong một số vụ án GRTTCC nữ giới giữ vai trò người tổ chức, chủ mưu, cầm đầu hoặc giúp sức, xúi giục người khác cùng thực hiện hành vi GRTTCC, điển hình liên quan tới lĩnh vực khiếu kiện đất đai.

Ở mỗi độ tuổi khác nhau, con người có đặc điểm về thể chất, tinh thần, kinh nghiệm, sự hiểu biết cũng như nhận thức về xã hội khác nhau. Qua nghiên cứu số liệu thống kê của TAND tối cao và khảo sát ngẫu nhiên 300 bản án cho thấy người phạm tội GRTTCC chủ yếu thuộc độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đây là nhóm độ tuổi dễ bị ảnh hưởng bởi lối sống hưởng thụ, tìm kiếm những trò giải trí, thích thể hiện bản thân, khẳng định mình nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, chưa có việc làm, sống phụ thuộc vào gia đình; nhóm độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi và nhóm độ tuổi từ 30 đến 75 tuổi đây là nhóm tuổi lao động, đang hình thành nhiều mối quan hệ xã hội, áp lực kiếm tiền... tạo nên các mối xung đột về lợi ích, xung đột xã hội. Riêng nhóm độ tuổi trên 75 tuổi chiếm tỷ lệ rất nhỏ do có quan điểm sống, định hướng giá trị đã hình thành, có kinh nghiệm sống và khả năng tự kiểm chế bản thân cao.

Sự khác nhau trong tỷ lệ phạm tội GRTTCC gắn với độ tuổi phản ánh quá trình xã hội hóa xã nhân, vị trí, vai trò xã hội đặc trưng cho mỗi giai đoạn phát triển của người phạm tội. Nghiên cứu đặc điểm này chúng ta sẽ thấy được mối liên hệ giữa độ tuổi và cách thức lựa chọn phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm

tội GRTTCC trong cơ chế hành vi phạm tội, đây là cơ sở quan trọng trong việc xây dựng các giải pháp phòng ngừa tội GRTTCC trong xã hội.

Nơi cư trú là nhân tố có thể ảnh hưởng đến quá trình xã hội hóa cá nhân, các đặc điểm thuộc về tâm lý cá nhân như văn hóa, tập quán, thói quen, tính cách đặc trưng của địa bàn cư trú của người phạm tội GRTTCC. Các vụ GRTTCC có thể xảy ra ở bất kỳ địa điểm công cộng nào, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở nơi có tỷ lệ dân cư chủ yếu là người dân tộc Kinh, người thuộc các dân tộc khác chiếm tỷ lệ thấp. Đây là đặc điểm tội phạm học đặc trưng của tội GRTTCC, do nơi có tỷ lệ dân cư đông sẽ phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt, đời sống, xã hội và ngược lại nơi tập trung dân cư thưa thớt sẽ ít hình thành các mâu thuẫn, xung đột về lợi ích dẫn tới các hành vi GRTTCC.

Qua khảo sát cho thấy, các bị cáo thực hiện hành vi GRTTCC phân bố theo khu vực cư trú, theo vùng miền, khu vực là khác nhau, trong đó chủ yếu xảy ra ở những địa điểm công cộng gần nơi cư trú, tập trung nhiều ở các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đồng Nai hay các khu công nghiệp lớn do các địa bàn này có mức độ đô thị hóa cao, phát triển các loại hình kinh tế, xã hội, văn hóa, chuyển dịch lớn về cơ cấu dân cư, cơ cấu kinh tế, ngành nghề; đặc biệt xuất hiện các đối tượng cư trú tại các địa bàn giáp ranh giữa thành thị, nông thôn, giữa địa bàn nội thành và ngoại thành.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC chủ yếu có trình độ học vấn thấp, lệch lạc trong nhận thức, có một số bị cáo đang học tại các trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học ưa sử dụng vũ lực, đua đòi, phá phách, thích thể hiện bản thân. Một số bị cáo có nhận thức kém, bị dụ dỗ, lôi kéo, kích động thực hiện các hành vi GRTTCC. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp bị cáo có trình độ học vấn cao có tâm lý tiêu cực, bất mãn, bị kích động dẫn tới thực hiện hành vi GRTTCC. Qua đây, phản ánh vấn đề giáo dục, đào tạo có tác động, ảnh hưởng tới việc hình thành nguyên nhân của tội GRTTCC.

Đặc điểm tâm lý của con người là một quá trình phức tạp được hình thành qua quá trình sống lâu dài và tương tác với môi trường, trường hợp bị tác động bởi các nhân tố tiêu cực sẽ hình thành nguyên nhân của tội GRTTCC. Những sai lệch

trong nhân cách, sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu; sai lệch trong ý thức pháp luật của cá nhân đã dẫn đến nhiều biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng, thích hưởng thụ chơi bời, khao khát kiếm tiền và làm giàu không chính đáng nhanh chóng của một bộ phận xã hội, nhất là giới trẻ đã hình thành lên các hành vi thiếu kiểm chế, hạn chế việc kiểm soát hành vi xử sự của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội; các cá nhân không kiểm chế được cảm xúc khi xảy ra mâu thuẫn, có tâm lý bốc đồng, thích thể hiện, dễ bị kích động trước những thách thức, sự khiêu khích từ người khác.

Hành vi phạm tội GRTTCC còn xuất phát từ lối sống buông thả, ích kỷ, thích hưởng thụ, lạm dụng rượu, bia, chất kích thích tại các địa điểm công cộng của các cá nhân người phạm tội hoặc từ hoàn cảnh cá nhân khó khăn như thất nghiệp, thu nhập thấp, không có mục tiêu nghề nghiệp dẫn tới các hành vi tụ tập gây rối, tìm cảm giác mạnh để giải tỏa tâm lý.

Đặc điểm về xã hội của người phạm tội thể hiện qua các mối quan hệ của cá nhân người phạm tội trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Xung đột giữa các cá nhân thường nảy sinh trong các quan hệ xã hội, chủ yếu liên quan đến khác biệt về lợi ích, nhu cầu cá nhân, khác biệt về tâm lý, khác biệt về trình độ... Hiện nay, một số chuẩn mực không có chức năng điều tiết xã hội hay sự hạn chế trong việc áp dụng các chuẩn mực vào thực tế cũng tác động tới tâm lý, nhân cách của các người phạm tội, hình thành các mâu thuẫn, xung đột thúc đẩy việc thực hiện hành vi phạm tội. Nhiều vụ án GRTTCC xảy ra mà người phạm tội có mối quan hệ gia đình, tình cảm, nuôi dưỡng, quen biết, bạn bè cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội. Chính những mối quan hệ xã hội này tạo ra cơ chế bắt chước (bắt chước các hành vi tiêu cực, hành vi phạm tội, thường xảy ra với các nhóm tiêu cực); cơ chế dạy bảo lẫn nhau thực hiện hành vi phạm tội; cơ chế hướng dẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Có trường hợp các đối tượng không có mối quan hệ quen biết từ trước mà tự nhập đoàn GRTTCC. Điển hình như bản án số 848/2020/HS-PT ngày 17/11/2020 của TAND thành phố Hà Nội xét xử bị cáo Bùi Việt A cùng đồng phạm phạm tội GRTTCC theo khoản 1, Điều 318 BLHS (tất cả các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội đều trong độ tuổi 16). Các bị cáo theo dõi trên các trang mạng, hội nhóm

biết vào các buổi tối ngày cuối tuần trên các tuyến phố chính thuộc địa bàn Hai Bà Trưng hay có các nhóm thanh niên tụ tập chạy xe máy thành đoàn, tốc độ cao, lạng lách đánh võng nên đã rủ nhau tìm đoàn đua xe để nhập hội. Trong vụ án này, các bị cáo không có mối quan hệ quen biết với các đối tượng thuộc các hội nhóm khác, tuy nhiên các bị cáo vẫn tham gia đoàn đua GRTTCC gây mất trật tự trị an, nguy cơ gây tai nạn giao thông¹⁰⁷.

Tội GRTTCC có thể xuất phát từ các tình huống cụ thể với các đặc trưng về không gian, thời gian, nhân thân người phạm tội. Tình huống dẫn tới hành vi phạm tội GRTTCC có thể do chính người phạm tội tạo ra mang tính “bột phát”, tồn tại nhất thời, một lần, hoặc lặp đi, lặp lại hoặc do các tác nhân bên ngoài người phạm tội mang lại như tình huống khiêu khích phạm tội từ mâu thuẫn, xung đột đã có từ trước, kéo dài, không được giải quyết hoặc giải quyết không triệt để; do tâm lý lây lan thích thể hiện bản thân¹⁰⁸.

Qua khảo sát cho thấy, tình huống dẫn tới hành vi phạm tội GRTTCC do mâu thuẫn, xung đột trong quá trình tham gia giao thông thường mang tính bột phát, diễn ra nhanh chóng tại các tuyến đường giao thông, với đặc trưng bởi những hành vi, cử chỉ mang tính khiêu khích, dùng tay, chân không, điển hình như tại bản án số 516/2025/HS-PT ngày 08/9/2025 của TAND tỉnh Đồng Nai (nay là TAND khu vực 01 - Đồng Nai) xét xử bị cáo Nguyễn Huynh (tôn giáo: Công giáo) về tội GRTTCC theo Khoản 1, Điều 318 BLHS. Cụ thể, vào hồi 07h 13 phút ngày 03/3/2025, Nguyễn H điều khiển xe mô tô có xảy ra va chạm trên đường với anh Nguyễn Văn V. Nguyễn H đã có hành vi dừng xe ở lòng đường, dùng tay, chân đánh, chửi bới anh Nguyễn Văn V gây ùn tắc giao thông cục bộ, gây ảnh hưởng xấu về ANTT¹⁰⁹.

107. Bản án số 848/2020/HS-PT ngày 17-11-2020 của Toà án nhân dân TP Hà Nội.

Hay, ngày 25/9/2025, Phòng Cảnh sát Hình sự Công an Thành phố Đà Nẵng tiếp nhận, xử lý 30 thanh thiếu niên có hành vi gây rối trật tự công cộng. Phân loại có 04 nhóm đối tượng, trong đó có nhóm đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi gây rối sử dụng vũ khí, hung khí gây rối; nhóm đối tượng mặc dù không có mối quan hệ quen biết cùng nhập đội để quay video phát tán các hành vi gây rối trật tự công cộng.

108. <https://vnexpress.net/hon-30-nguoi-gay-nao-loan-duong-pho-da-nang-bi-trieu-tap-4943591.html>, truy cập ngày 29/9/2025

109. Bản án số 516/2025/HS-PT ngày 08-9-2025 của TAND tỉnh Đồng Nai.

Riêng hành vi gây rối trật tự của nhóm đối tượng trẻ tuổi, đặc biệt là thanh thiếu niên hư thường xuất phát từ những tình huống xung đột, khiêu khích có từ trước của các nhóm đối tượng hoặc do các đối tượng muốn thể hiện bản thân. Điển hình, tại bản án số 649/2025/HS-PT ngày 16/7/2025 của TAND thành phố Hà Nội. Bị cáo Nguyễn Gia Minh phạm tội GRTTCC theo điểm c, khoản 2 Điều 318 BLHS (khi phạm tội là 16 tuổi 11 tháng 09 ngày) đã cùng các đồng phạm khác đã có hành vi lạng lách, đánh võng, rú ga, bấm còi để trêu tổ công tác 141H thuộc Công an huyện T, kích động thanh niên tụ tập đông người, hô hào, gây rối, gây ùn tắc giao thông kéo dài khoảng 40 phút¹¹⁰.

Cá biệt trong hoàn cảnh nhà nước áp dụng các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tự do của cá nhân như phòng, chống dịch bệnh Covid 19 vẫn xảy ra các tình huống xô xát, mâu thuẫn, các bị cáo lợi dụng tình trạng vắng người để tổ chức, lôi kéo người khác GRTTCC. Điển hình, tại bản án số 71/2021/HS-PT ngày 08/7/2021 của TAND tỉnh Hà Tĩnh. Xuất phát từ mâu thuẫn trong quá trình sinh hoạt tại khu vực cách lý trong thời điểm đại dịch Covid 19, bị cáo Đào Viết Anh H cùng các đồng phạm khác đã có hành vi dùng hung khí hò hét, đuổi đánh người gây mất trật tự trong khu cách lý, ảnh hưởng tới việc đảm bảo ANTT của Tổ bảo vệ khi làm nhiệm vụ cách lý tập trung, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân¹¹¹.

2.1.2. Diễn biến tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Qua nghiên cứu số liệu thống kê của TAND tối cao về tội GRTTCC giai đoạn từ năm 2018 - 2025 cho thấy tổng số vụ án GRTTCC đưa ra xét xử là 5.710 vụ với 41.261 bị cáo. Trong đó, năm 2018 đã xét xử 221 vụ với 1.433 bị cáo; năm 2019 đã xét xử 299 vụ với 1.820 bị cáo; năm 2020 đã xét 424 vụ với 2.581 bị cáo; năm 2021 đã xét xử 637 vụ với 4.100 bị cáo; năm 2022 đã xét xử 781 vụ với 6.195 bị cáo; năm 2023 đã xét xử 1.369 vụ với 11.077 bị cáo; năm 2024 đã xét xử 2.031 vụ với 15.879 bị cáo; tính đến tháng 9/2025 đã xét xử 1.294 vụ với 9.835 bị cáo (bảng 2, phụ lục 1).

Lấy giá trị số vụ án và số bị cáo của năm 2018 là 100% làm gốc để so sánh thì diễn biến của tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam cụ thể như sau: Về diễn biến

110. Bản án số 649/2025/HS-PT ngày 16-7-2025 của TAND thành phố Hà Nội.

111. Bản án số 71/2021/HS-PT ngày 8-7-2021 của TAND tỉnh Hà Tĩnh.

vụ án, năm 2018 là 100%; năm 2019 là 135,2%; năm 2020 là 191,8%; năm 2021 là 288,2%; năm 2022 là 353,3%; năm 2023 là 619,4%; năm 2024 là 919%; tháng 9/năm 2025 là 585,5% (bảng 20, phụ lục 1).

Về diễn biến số bị cáo: Nếu lấy số bị cáo năm 2018 làm trị số gốc để so sánh thì năm 2018 là 100%; năm 2019 là 127%; năm 2020 là 180,1%; năm 2021 là 286,1%; năm 2022 là 432,3%; năm 2023 là 772,9%; năm 2024 là 1108%; năm 2025 là 686,3%. Nhìn chung diễn biến của tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam có xu hướng tăng mạnh qua các năm, đặc biệt là năm 2023 và năm 2024 (bảng 20, phụ lục 1).

Diễn biến về tính chất tội GRTTCC trong giai đoạn 2018-2025 về hậu quả, cách thức thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt áp dụng đều có xu hướng tăng do tỷ lệ vụ án và tỷ lệ bị cáo tăng cao, điều này cho thấy diễn biến về tính chất tội GRTTCC phức tạp.

2.2. Thực tiễn chủ thể và cơ chế phối hợp trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

2.2.1. Tổ chức lực lượng trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Tổ chức lực lượng trong lãnh đạo, chỉ đạo

Trên phương diện tổ chức lực lượng, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp giữ vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện đối với công tác bảo đảm ANTT của địa phương, quán triệt thực hiện trong các văn kiện Đại hội Đảng các cấp, các nghị quyết chuyên đề về quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thực hiện phân công cho các cơ quan tham mưu, giúp việc như Ban Nội chính, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra trong việc tham mưu chủ trương, định hướng tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa cụ thể. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp, các chủ thể khác được huy động, bố trí, thực hiện mối quan hệ phối hợp đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở trong phòng ngừa tội GRTTCC, nhận được sự đồng tình, ủng hộ của người dân.

Cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương xây dựng chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ bảo đảm ANTT; ban hành các nghị quyết chuyên đề về phòng, chống tội phạm và giữ gìn ANTT, trong đó nêu rõ mục tiêu giảm tội phạm đường phố (thường dưới 5% so với năm trước); thường

xuyên tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách về phòng, chống tội GRTTCC của các cấp chính quyền trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân các cấp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố thực hiện chức năng QLNN về ANTT tại địa phương theo sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng địa phương. Hiện nay sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cả nước có 34 đơn vị cấp tỉnh, thành phố (gồm 28 tỉnh, 06 thành phố) tương ứng với 34 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố¹¹².

Trong cơ chế tổ chức lực lượng phòng ngừa tội GRTTCC, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố dưới sự tham mưu của các cơ quan chuyên trách, cán bộ chuyên môn ban hành các quyết định, kế hoạch, phương án bảo đảm ANTT, chủ động phòng, chống tội GRTTCC. Đối với các vụ việc có tính chất phức tạp, kéo dài hoặc phát sinh tại các địa bàn trọng điểm, “điểm nóng” về tranh chấp, khiếu kiện, tụ tập đông người trái phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố sẽ trực tiếp chỉ đạo Thanh tra tỉnh, thành phố và Công an tỉnh, thành phố phối hợp với các lực lượng có liên quan giải quyết, ngăn chặn nguy cơ làm phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC.

Ủy ban nhân dân cấp huyện: sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đơn vị hành chính cấp huyện chấm dứt hoạt động thì chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện về đảm bảo ANTT, phòng ngừa GRTTCC sẽ do cấp xã hoặc cấp tỉnh thực hiện theo thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân cấp xã: sau khi tổ chức chính quyền nhân dân 02 cấp, cả nước có 3321 đơn vị hành chính cấp xã (gồm xã, phường và đặc khu) tương ứng với 3321 Ủy ban nhân dân cấp xã¹¹³. Với vị trí là cấp chính quyền trực tiếp quản lý địa bàn dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp thực hiện nhiệm vụ QLNN về ANTT; trực tiếp quyết định áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng trên địa giới hành chính cấp xã; cho phép các lực lượng chuyên trách áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC và xử phạt hành vi GRTTCC theo thẩm quyền qua công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ của các chủ thể.

112. Quốc hội (2025), *Nghị quyết 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025*, Hà Nội.

113. Báo điện tử chính phủ (2025), “Danh sách 3321 đơn vị hành chính cấp xã tại 34 tỉnh thành”, <https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/danh-sach-3321-don-vi-hanh-chinh-cap-xa-tai-34-tinh-thanh-sau-sap-xep-sap-nhap-119250710102358656.htm>, truy cập ngày 9/4/2026.

Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm và VPPL: Các Ban chỉ đạo được xây dựng với mô hình phối hợp liên ngành, có sự tham gia của cả lực lượng chuyên trách và từ phía chính quyền địa phương. Ban chỉ đạo Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ (thường gọi là Ban chỉ đạo 138/CP) là cơ quan tham mưu, giúp Thủ tướng chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tại các địa phương cũng thành lập các Ban chỉ đạo, điển hình như, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng, kiện toàn Ban chỉ đạo 197¹¹⁴ để thực hiện các nội dung bảo đảm trật tự công cộng, trật tự đô thị trực tiếp chỉ đạo giải quyết các vụ án GRTTCC theo địa bàn quản lý. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định giải thể Ban chỉ đạo Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ (thường gọi là Ban chỉ đạo 138/CP), theo đó Ban chỉ đạo của các bộ, ngành, cơ quan, địa phương căn cứ yêu cầu công tác mới quyết định sẽ giải thể hoặc duy trì Ban chỉ đạo, bảo đảm tuân thủ không làm phát sinh tổ chức mới. Thực tế, các ban chỉ đạo đã chuyển chức năng, nhiệm vụ đưa về Bộ Công an trực tiếp quản lý.

Tổ chức lực lượng cơ quan chuyên trách bảo vệ pháp luật

Cơ quan Công an: Lực lượng Công an là chủ thể nòng cốt trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội GRTTCC nói riêng, theo đó trực tiếp tham mưu cho các cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề về ANTT; trực tiếp huy động sức mạnh của nhân dân, chỉ huy lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tham gia vào các mô hình tổ chức quần chúng bảo vệ ANTT; trực tiếp triển khai, tổ chức lực lượng, phương tiện, thực hiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa tội GRTTCC tại các địa bàn; trực tiếp tuyên truyền, phổ biến giáo dục, pháp luật, áp dụng các biện pháp pháp luật trong phát hiện, điều tra, xử lý tội GRTTCC.

114. Quyết định số 4463/QĐ-UB ngày 20/12/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hợp nhất các Ban chỉ đạo 135, 36, 39, 40, 87 để thành lập Ban chỉ đạo 197 thành phố Hà Nội; Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 28/8/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc kiện toàn Ban chỉ đạo 197 thành phố Hà Nội; Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 10/12/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo 197 thành phố Hà Nội.

Lực lượng chuyên trách tham gia phòng ngừa tội GRTTCC được tổ chức ở cấp Bộ với vai trò nòng cốt trong chỉ đạo, hướng dẫn các vấn đề về trật tự xã hội là Cục Cảnh sát điều tra hình sự điều tra tội phạm về trật tự xã hội, (gọi tắt là Cục Cảnh sát hình sự - C02); cấp tỉnh, thành phố là Phòng cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội (gọi tắt là Phòng Cảnh sát hình sự - PC02) có chức năng tham mưu giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra công an cấp tỉnh, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội cấp cơ sở và trực tiếp tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, phòng ngừa phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm về trật tự xã hội, trong đó có tội GRTTCC.

Hiện nay, sau khi Bộ Công an triển khai mô hình mới¹¹⁵, không tổ chức Công an cấp huyện thì chức năng, nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm của Công an cấp huyện sẽ do lực lượng Công an xã, phường (gọi chung là Công an cấp xã) tiến hành. Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả cho lực lượng công an xã trong phòng, chống tội GRTTCC, Bộ Công an đã thực hiện bố trí Điều tra viên, Cán bộ điều tra ở Công an cấp xã¹¹⁶, mở rộng một số thẩm quyền cho lực lượng Công an cấp xã trong đảm bảo ANTT tại cơ sở¹¹⁷.

Ngoài các lực lượng chuyên trách trên, lực lượng Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông cũng tham gia tích cực vào công tác tuần tra kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi GRTTCC tại các tuyến đường, khu dân cư, địa điểm vui chơi, giải trí, kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT¹¹⁸; lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao là lực lượng trực tiếp phát hiện, cung cấp các thông tin về các hội, nhóm kín trên các nền tảng xã hội có biểu hiện kêu gọi, kích động GRTTCC, ngăn chặn các hành vi phạm tội GRTTCC có biểu hiện phức tạp về ANTT, khiếu kiện.

115. Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương và kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Công an địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 của Bộ Chính trị về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 triển khai Đề án tổ chức Công an 3 cấp, không tổ chức Công an cấp huyện.

116. Hướng dẫn 11/HD-BCA-V03 ngày 27/2/2025 thực hiện bố trí Điều tra viên, Cán bộ điều tra ở Công an cấp xã.

117. Bộ luật Tổ tụng hình sự sửa đổi, bổ sung, tldđ; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

118. Theo báo cáo công tác của Lực lượng Cảnh sát cơ động năm 2024 có hơn 83.000 lượt cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát giữ gìn ANTT trên đại bàn toàn quốc.

Một số địa bàn đặc thù như thành phố Hà Nội tổ chức lực lượng theo mô hình các tổ công tác 141 (nay là 141H)¹¹⁹; công an thành phố Hồ Chí Minh thành lập, vận hành Tổ tuần tra 363 thực hiện tuần tra, kiểm soát, chủ động phát hiện, xử lý các hành vi GRTTCC, đảm bảo ANTT, an toàn xã hội địa bàn.

Tòa án nhân dân: Trước ngày 01/07/2025, TAND cấp tỉnh, thành phố và TAND cấp huyện sẽ có thẩm quyền xét xử các vụ án liên quan tới tội GRTTCC. Hiện nay, theo mô hình tổ chức TAND mới thì trên địa bàn cả nước có 34 TAND cấp tỉnh và 355 TAND khu vực 120 thực hiện chức năng xét xử các vụ án GRTTCC.

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức TAND thì các tòa gồm: TAND tối cao; TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; TAND khu vực; Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế; Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực. Thực tế thì các Tòa chuyên trách về Hình sự, Tòa Gia đình và người chưa thành niên sẽ tham gia chính vào hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 82/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về bậc, điều kiện của từng bậc, việc nâng bậc và số lượng, cơ cấu tỷ lệ các bậc Thẩm phán TAND sẽ cơ cấu số lượng Thẩm phán TAND công tác tại TAND tối cao; TAND cấp tỉnh và TAND khu vực¹²¹.

Viện kiểm sát nhân dân: Trước ngày 01/7/2025, VKSND tổ chức hoạt động với 02 cấp liên quan gồm cấp tỉnh, thành phố và cấp huyện thực hiện quyền công tố, truy tố các vụ án phạm tội GRTTCC. Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn cả nước đã tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại thành 23 VKSND cấp tỉnh, thành phố và 355 VKSND khu vực¹²². Hiện nay, toàn ngành kiểm sát có 14.337 kiểm sát viên, dự

119. Công an Thành phố Hà Nội, “Kế hoạch 289 về đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng 141 trong tình hình mới”, <https://www.anninhthudo.vn/mo-hinh-to-cong-tac-141h-se-xu-ly-van-de-phat-sinh-ngay-tu-dia-ban-post599057.antd>, truy cập ngày 8/4/2026.

120. Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

121. Nghị quyết số 82/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều về bậc, điều kiện của từng bậc, việc nâng bậc và số lượng, cơ cấu tỷ lệ các bậc Thẩm phán Tòa án nhân dân.

122. Nghị quyết số 84/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện kiểm sát nhân dân khu

kiến kiện toàn theo Nghị quyết 610/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về biên chế của ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2022- 2026 là 15.860 người¹²³.

Tổ chức lực lượng các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên: Từ ngày 01/07/2025, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã (xã, phường, đặc khu)¹²⁴ tham gia phòng ngừa tội GRTTCC gắn với việc thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; Phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; phối hợp lực lượng thực hiện các biện pháp tuyên truyền, vận động người dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm và quản lý, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội trong gia đình và cộng đồng dân cư theo Đề án 01-138 của Chính phủ; xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phòng ngừa xung đột xã hội, xây dựng chuẩn tiếp cận pháp luật tại các địa bàn; tổ chức cho nhân dân và các tổ chức ký các cam kết xây dựng cộng đồng an toàn, bảo vệ an ninh con người.

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Tham gia phòng, chống tội GRTTCC ở những mức độ khác nhau trên cơ sở phối hợp với các cơ quan như Công an, Mặt trận tổ quốc để tuyên truyền, giáo dục vận động thanh niên trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội: “*Hòm thư cứu bạn*”, “*Thanh niên xung kích tự quản*”, tổ chức đội “*Thanh niên tình nguyện phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội*” qua đó góp phần phòng ngừa tội GRTTCC.

Các cơ sở giáo dục, đào tạo: Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền trẻ em; hướng dẫn và định hướng cho học sinh, sinh viên về lối sống lành mạnh, ý thức chấp hành pháp luật, an toàn, an ninh cá nhân; xây dựng

vực; Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15; Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15.

123. Nghị quyết 610/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biên chế của ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2022- 2026.

124. Quy định số 301-QĐ/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã; Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

trường học an toàn, triển khai các biện pháp cảnh báo và giám sát học sinh, sinh phòng ngừa nguy cơ thực hiện các hành vi GRTTCC; ký kết quy chế phối hợp với công an tỉnh, thành phố, công an cấp cơ sở trên địa bàn trường về đảm bảo ANTT trường học¹²⁵; tham mưu thực hiện có hiệu quả Đề án “*Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong học sinh, sinh viên*” thuộc Chiến lược Quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Các cơ quan báo chí: là một phần quan trọng trong chiến lược phòng ngừa tội GRTTCC thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ANTT; định hướng dư luận (lên án, phê phán những hành vi phạm tội GRTTCC, vi phạm chuẩn mực xã hội, quy tắc xử sự trong cộng đồng, phản ánh kịp thời công tác phòng ngừa của các lực lượng chuyên trách, nêu gương, nhân rộng các điển hình trong phòng ngừa tội GRTTCC); giám sát, phản biện xã hội (phát hiện và phản ánh tồn tại, sơ hở trong quản lý đô thị, ANTT, góp phần hoàn thiện chính sách; làm cầu nối giữa người dân với chính quyền trong phòng ngừa tội GRTTCC. Sau ngày 01/7/2025 các cơ quan báo chí được tổ chức, sắp xếp lại đã giảm 38 báo, gần 100 tạp chí, 33 đài phát thanh, truyền hình¹²⁶.

Lực lượng quần chúng tự quản trong nhân dân: Có thành phần đa dạng, thuộc các đơn vị hành chính, sự nghiệp; lực lượng quần chúng tại các khu dân cư, lực lượng quần chúng được huy động, giao quyền, tự nguyện tham gia vào lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở. Theo báo cáo của Công an các địa phương, toàn quốc có khoảng 82.213 Tổ bảo vệ ANTT, với 286.216 thành viên tham gia lực lượng bảo vệ ANTT cơ sở, hơn 84.721 thôn và tổ dân phố¹²⁷, khoảng 99.451 tổ hòa giải, với hơn 594.000 người¹²⁸ tham gia phòng ngừa tội phạm, bảo đảm ANTT tại các địa bàn cơ sở, khu dân cư, công sở, đơn vị sự nghiệp, cơ quan, doanh nghiệp, hỗ trợ giải quyết các vụ án GRTTCC xảy ra tại địa bàn sinh sống.

125. Quy chế phối hợp số 505/QCPH/SGDĐT- CATP ngày 27/02/2017 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Công an Thành phố Hà Nội về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

126. Báo điện tử Nhân dân (2026), “Thống nhất mô hình và tên gọi báo chí địa phương”, https://nhandan.vn/thong-nhat-mo-hinh-va-ten-goi-bao-chi-dia-phuong-post891570.html?utm_source, truy cập ngày 1/4/2026.

127 Báo điện tử Chính phủ (2026), “Ngày 1/7: Đồng loạt ra mắt 82213 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở”, https://xaydungchinhachsach.chinhphu.vn/ngay-1-7-ra-mat-luc-luong-bao-ve-antt-o-co-so-tren-toan-quoc-1192405241934552.htm?utm_source, truy cập ngày 5/4/2026.

128. Bộ Tư pháp (2025), *Báo cáo sơ kết về công tác hoà giải của Bộ Tư pháp giai đoạn 2021-2025*, Hà Nội.

2.2.2. Cơ chế phối hợp trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

Phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật trong phòng ngừa tội GRTTCC

Với mô hình tổ chức, biên chế hiện tại, các cơ quan bảo vệ pháp luật của Công an, Viện kiểm sát, Tòa án trên địa bàn cả nước đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp hiệp đồng trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Qua khảo sát các báo cáo tổng kết công tác điều tra, truy tố, xét xử cho thấy, 100% vụ án GRTTCC đều có sự chỉ đạo điều tra của các cấp lãnh đạo có thẩm quyền trong công an nhân dân, VKSND, TAND các cấp. Mặt khác, 100% chủ thể tiến hành các hoạt động phòng ngừa, áp dụng pháp luật các cấp được lấy ý kiến bằng phương pháp chuyên gia đều nhận thức được tầm quan trọng và tính tất yếu của mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ pháp luật trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Thực tế chứng minh, mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng bảo vệ pháp luật diễn ra khá chặt chẽ, góp phần quan trọng làm cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội GRTTCC diễn ra đúng hướng, kịp thời đảm bảo các yêu cầu về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ; các cán bộ chuyên trách nắm được yêu cầu, nội dung, cách thức tiến hành các hoạt động theo đúng quy định pháp luật. Quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC của công an, viện kiểm sát, tòa án không chỉ là mối quan hệ chế ước lẫn nhau theo Luật Tổ tụng hình sự mà còn là quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động QLNN về ANTT.

Nội dung thực hiện trong mối quan hệ phối hợp chủ yếu thông tin về tình hình, kết quả áp dụng các biện pháp trong giai đoạn điều tra; thông tin về nguyên nhân, điều kiện hình thành tội GRTTCC; nhân thân người phạm tội GRTTCC; dự kiến phương hướng xử lý; kiến nghị, đề xuất. Những nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xử lý nghiêm minh theo pháp luật, đảm bảo tiến độ điều tra, xử lý và thực hiện các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội GRTTCC.

Qua khảo sát, mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong điều tra các vụ án GRTTCC cơ bản đã đảm bảo được sự yêu cầu tập trung, thống nhất, kịp thời. Hình thức phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng rất đa dạng, cụ thể

100% các vụ án GRTTCC Viện kiểm sát cử người tham gia trực tiếp vào các hoạt động tố tụng, ngay từ thời điểm khởi tố các vụ án GRTTCC đến kết thúc điều tra; 100% các vụ án GRTTCC được cơ quan công an thông tin, báo cáo, trao đổi bằng văn bản dưới các hình thức khác nhau cho Viện Kiểm sát.

Công tác phối hợp lực lượng trong nội bộ ngành Công an cũng được chú ý đẩy mạnh, theo đó 100% các tổ tuần tra có sự phối hợp lực lượng từ các phòng nghiệp vụ, đội nghiệp vụ trong các đơn vị công an để tuần tra, kiểm soát địa bàn, xử lý các vấn đề phát sinh trực tiếp tại hiện trường. Tùy từng vụ án và từng vấn đề cụ thể mà chủ thể chỉ đạo có sự khác nhau, đặc biệt nội dung này gắn với phạm vi, thẩm quyền của lực lượng công an nhân dân. Trong thực tiễn, lực lượng cảnh sát hình sự các cấp là lực lượng chủ trì mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC với các lực lượng khác như cảnh sát cơ động, cảnh sát giao thông, lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm công nghệ cao, lực lượng công an cấp cơ sở tổ chức tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội GRTTCC; phối hợp xác định địa bàn, tuyến¹²⁹, hội nhóm, tài khoản trên không gian mạng¹³⁰, hệ loại đối tượng trọng điểm, phức tạp, nhân thân người phạm tội GRTTCC; áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa cụ thể; phối hợp lực lượng thực hiện các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ trong điều tra, truy tố, xét xử đối tượng phạm tội GRTTCC.

Phối hợp giữa cơ quan bảo vệ pháp luật với các cơ quan chuyên môn, cá nhân khác trong phòng ngừa tội GRTTCC

Về phía cơ quan bảo vệ pháp luật: Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn, cá nhân có thẩm quyền, người dân thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội

129. Kế hoạch số 143/KH-PC02-Đ4 ngày 14/8/2024 về tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn, bắt giữ các đối tượng có hành vi gây rối trật tự công cộng trên địa bàn thành phố xác định địa bàn thành phố hiện có 111 tuyến, 33 tuyến phố, 73 tụ điểm phức tạp thường diễn ra các hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng (có phụ lục kèm theo).

130. Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tội phạm đua xe, cổ vũ đua xe trái phép, mang theo hung khí gây rối trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội từ 2022-2024 thông qua công tác phòng ngừa nghiệp vụ xác định được 67 hội nhóm trên nền tảng mạng xã hội Facebook có liên quan tới tình hình tội phạm gây rối trật tự công cộng (26 nhóm công khai; 41 nhóm kín với tổng số thành viên là 835.147 người).

phạm đường phố, hành vi phạm tội GRTTCC; xây dựng cơ chế bảo đảm ANTT, phát hành phiếu giao việc cho người đứng đầu chính quyền, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, để xảy ra các vấn đề phức tạp, gây rối, mất ANTT, hình thành điểm nóng sẽ đề nghị Sở Nội vụ đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hạ thi đua, cắt thi đua¹³¹.

Về phía các cơ quan chuyên môn, cá nhân khác có liên quan: Thành ủy, Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch chỉ đạo cho các ban ngành, đoàn thể như cơ quan Công an, Mặt trận Tổ quốc, Sở Y tế, Sở Lao động và thương binh xã hội, Sở Giáo dục, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tỉnh đoàn, Hội Cựu chiến binh ký kết các kế hoạch liên tịch về phòng ngừa tội GRTTCC; thực hiện tuyên truyền quy cách ứng xử tại nơi công cộng cho công dân và phối hợp xử lý các hành vi phạm tội GRTTCC, xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “*an toàn về an ninh, trật tự*”.

Thời gian qua việc thực hiện mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong phòng ngừa tội GRTTCC đã tuân thủ pháp luật, bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình; bám sát tình hình kinh tế, xã hội, tình hình ANTT của địa phương; có mục đích rõ ràng; có lực lượng chủ trì, lực lượng phối hợp; các khâu chuẩn bị, tiến hành, kết thúc đều có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng, định kỳ, thường xuyên sơ kết, tổng kết, báo cáo rút kinh nghiệm.

Bên cạnh những kết quả tích cực, mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong phòng ngừa tội GRTTCC còn một số hạn chế như: chưa có trọng điểm, trọng tâm, thiếu tính kịp thời ở một số địa bàn; việc phân công, phân cấp lực lượng trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ còn chưa cụ thể, rõ ràng; chưa xác định được đơn vị nào chủ trì nội dung cụ thể nào, đơn vị nào là phối hợp trong một số nội dung phòng ngừa; chưa xác định được trách nhiệm cụ thể, từng nội dung phối hợp, phân việc phòng ngừa...

Nhận thức về vai trò, nội dung, quy trình công tác, tác dụng của các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC cụ thể của một số chủ thể còn hạn chế, chưa lòng

131. Tham khảo kế hoạch của Ban chỉ đạo 197 của Thành phố Hà Nội.

ghép các nội dung phòng ngừa tội GRTTCC vào công tác QLNN về ANTT. Bên cạnh đó, công tác tham mưu, hướng dẫn, dự báo phòng ngừa tội GRTTCC chuyên sâu chưa được tăng cường trên phạm vi rộng, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

2.3. Thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

2.3.1. Áp dụng biện pháp kinh tế - xã hội

Thời gian qua, Việt Nam đã có những thành tựu vượt bậc về phát triển kinh tế, xã hội tạo động lực cho công tác phòng, chống tội phạm nói chung, phòng ngừa tội GRTTCC nói riêng. Theo báo cáo của Chính phủ, hiện nay nền kinh tế vĩ mô ổn định; an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được bảo đảm; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng lĩnh vực và từng địa phương cơ bản được xây dựng, thẩm định chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh. Các kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống ngân hàng, tài chính, tiền tệ, dự trữ ngân sách nhà nước, nợ công được chủ động xây dựng.

Đề đạt được thành tựu như trên, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, chính sách xóa đói giảm nghèo¹³², chính sách tiền lương, chính sách nhà ở¹³³, chính sách giáo dục¹³⁴, cảm hóa người lầm lỗi nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, cải thiện điều kiện sống của người dân, người lao động, giải quyết các mâu thuẫn về kinh tế trong nhân dân, động viên những điển hình tiên tiến, hòa giải mâu thuẫn về kinh tế, đất đai, phát triển kinh tế địa phương tác động trực tiếp đến trên 50 triệu người.

132. Đã hoàn thành mục tiêu giảm hộ nghèo, đã hỗ trợ xóa trên 76 nghìn nhà tạm, nhà dột nát. Theo Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV (<https://baochinhphu.vn/bao-cau-cua-chinh-phu-do-thu-tuong-pham-minh-chinh-trinh-bay-tai-ky-hop-thu-9-quoc-hoi-khoa-xv-102250505110514765.htm?utm-source=chatgpt.com>), truy cập ngày 15/2/2026.

133. Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ *quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc Hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội*.

134. Nghị quyết số 217/2025/QG15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nhiều giải pháp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện điều kiện vật chất, tinh thần¹³⁵ cho người dân được triển khai; công tác QLNN về kinh tế được quan tâm (ban hành các bộ tiêu chí đánh giá tác động về kinh tế - xã hội gắn với ANTT và phòng ngừa tội phạm, VPPL; quy định việc thẩm định về bảo đảm yêu cầu ANTT đối với các dự án phát triển kinh tế, xã hội trọng điểm quốc gia)¹³⁶; hàng nghìn lượt lớp tập huấn, tuyên truyền về lao động, tiền lương cho người đại diện các doanh nghiệp và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở được thực hiện.

Kinh tế - xã hội phát triển tạo nguồn lực vật chất cho công tác phòng ngừa tội GRTTCC, nguồn kinh phí cấp cho hoạt động phòng, chống tội phạm, kinh phí chi thường xuyên trả tiền lương cho người có nhiệm vụ phòng, chống tội GRTTCC, phụ cấp cho các lực lượng quần chúng nòng cốt, người có uy tín trong nhân dân dồi dào¹³⁷.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong các Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế vùng¹³⁸ cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập về kinh tế của từng khu vực, tiềm ẩn rủi ro, nguy cơ mất ANTT như tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn chưa được giải quyết triệt để; chênh lệch đời sống giữa các vùng, miền, phân hóa giàu - nghèo, phân cực xã hội tiếp tục diễn ra tạo ra những bất bình đẳng trong xã hội, hình thành tâm lý tiêu cực, bất mãn tại một số cộng đồng dân cư. Đây là những yếu tố tiêu cực làm phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC. Cụ thể là:

Trước sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã có những tác động tiêu cực tới cấu trúc xã hội truyền thống như gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư. Khi các chuẩn mực truyền thống suy yếu, bị thay thế bởi các quan hệ mang tính ngắn hạn, lỏng lẻo thì hiệu quả

135. Chỉ số hạnh phúc của Việt Nam năm 2025 xếp hạng 46/143, theo Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV (https://baochinhphu.vn/bao-cau-cua-chinh-phu-do-thu-tuong-pham-minh-chinh-trinh-bay-tai-ky-hop-thu-9-quoc-hoi-khoa-xv-102250505110514765.htm?utm_source=chatgpt.com), truy cập ngày 15/3/2026.

136. Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ *phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030*.

137. Kinh phí từ nguồn xã hội hóa chiếm 11% kinh phí dành cho công tác PBGDPL trong cả nước (năm 2019); tỷ lệ tương ứng là chiếm 4,26% (năm 2020), 8,3% (năm 2021) và 3,5% (06 tháng đầu năm 2022)

138. Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về *phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*; Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về *phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*; Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030).

của dư luận xã hội và giám sát cộng đồng trong việc phòng ngừa hành vi lệch chuẩn bị suy giảm. Trong bối cảnh đó cá nhân lại dễ bị tác động bởi tâm lý đám đông, hiệu ứng lan truyền cảm xúc làm gia tăng nguy cơ xảy ra các hành vi phạm tội GRTTCC.

Quá trình đô thị hóa và di cư lao động làm gia tăng dân số cơ học tại các đô thị lớn, kéo theo áp lực về việc làm, thu nhập và điều kiện sống. Trong môi trường cạnh tranh cao, những khó khăn về sinh kế, việc làm không ổn định có thể làm gia tăng căng thẳng tâm lý, dễ dẫn đến các hành vi xung đột trong quan hệ lao động, sinh hoạt cộng đồng. Điển hình như bản án số 441/2025HS-PT ngày 26/8/2025 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Trần Minh Hải về tội GRTTCC theo điểm b, khoản 2 Điều 318 BLHS. Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc góp vốn kinh doanh giữa bị cáo với ông Võ Văn S. Bị cáo đã có hành vi dùng súng công cụ hỗ trợ (loại bắn đạn cao su gây tiếng nổ, súng có giấy phép sử dụng còn trong thời hạn) bắn chỉ thiên 11 phát gây tiếng nổ, và bỏ đi. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến ANTT của địa phương, gây hoang mang dư luận, khu dân cư, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh trên địa bàn¹³⁹.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê cho thấy, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động phân theo vùng thành thị, nông thôn năm 2024, cả nước 2.24%, thành thị 2,53%, nông thôn 2,04%¹⁴⁰. Mặc dù, tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn cả nước, ở khu vực thành thị, nông thôn qua các năm đã giảm do chính sách phát triển kinh tế của nhà nước đạt hiệu quả song đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới các hành vi phạm tội GRTTCC. Kết quả nghiên cứu ngẫu nhiên 300 bản án hình sự đã xét xử cho thấy người phạm tội GRTTCC không nghề nghiệp hoặc làm các nghề có thu nhập không ổn định hoặc thu nhập thấp tập trung vào nhóm trong độ tuổi lao động. Đây là nguyên nhân hình thành tâm lý tiêu cực, cộng hưởng với xung đột lợi ích dẫn tới hành vi phạm tội GRTTCC.

139. Bản án số 441/2025HS-PT ngày 26-8-2025 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh.

140. <https://www.nso.gov.vn/px-web2/?pxid=V0259&theme=D%C3%A2n%20s%E1%BB%91%20v%C3%A0%20lao%20%C4%91%E1%BB%99ng>, truy cập ngày 8/4/2026.

Trong một số trường hợp, việc triển khai các chính sách kinh tế - xã hội còn bộc lộ những hạn chế nhất định như phạm vi điều chỉnh chưa bao quát được đầy đủ các nhóm đối tượng trong xã hội; chính sách giải quyết việc làm còn mang tính ngắn hạn, thiếu tính bền vững; hiệu quả quản lý trật tự đô thị chưa cao; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp còn chậm và chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn; việc triển khai thực hiện chính sách quản lý người lao động nhập cư còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; cơ chế thực hiện các chính sách phúc lợi, an sinh xã hội còn chậm tiến độ, thiếu đồng bộ và không theo kịp sự phát triển của tình hình thực tiễn; công tác quy hoạch, xây dựng các công trình hạ tầng chưa mang tính dài hạn... dẫn tới áp lực về không gian công cộng, chất lượng cuộc sống của một bộ phận dân cư đô thị không đảm bảo, hình thành những xung đột, mâu thuẫn có thể dẫn tới hành vi va chạm giao thông GRTTCC; đình công tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện các dự án; biểu tình, gây rối ANTT do ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp¹⁴¹.

Những hạn chế này không chỉ làm giảm hiệu lực QLNN mà còn tác động tiêu cực đến tâm lý xã hội của một bộ phận người dân, đặc biệt là các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như thanh niên thất nghiệp, lao động di cư hoặc những người có điều kiện kinh tế không ổn định, thu nhập thấp. Điển hình, trong lĩnh vực đất đai, việc thu hồi đất để phục vụ công nghiệp hóa nếu không bảo đảm hài hòa lợi ích, thiếu các chính sách hỗ trợ sinh kế bền vững sẽ dẫn đến tâm lý bức xúc, khiếu kiện kéo dài, thậm chí tụ tập đông người, gây mất ANTT. Bản án số 906/2025/HS-PT ngày 26/9/2025 của TAND Thành phố Hà Nội (nay là TAND khu vực 7 - Thành phố Hà Nội) tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N về

141. Lương Tam Quang (2022), *Bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/bao-dam-an-ninh-kinh-te-trong-dieu-kien-phat-trien-kinh-te-thi-truong-hoi-nhap-quoc-te-va-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu, truy cập ngày 19/9/2025.

Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 5/1/2017, của Bộ Chính trị, về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế*.

Nghị quyết số 88/NQ-CP, ngày 13/9/2017 về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế*.

tội GRTTCC theo điểm a, khoản 2, Điều 318 BLHS. Các bị cáo đã có hành vi kêu gọi, hô hào người dân tham gia GRTTCC, phản đối việc giải phóng mặt bằng triển khai dự án cụm công nghiệp làng nghề xã X, huyện S gây ảnh hưởng xấu đến tình hình ANTT, hoạt động bình thường của cơ quan, chính quyền địa phương, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án¹⁴².

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống kinh tế, văn hóa tinh thần của người dân từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, dưới tác động của mặt trái cơ chế thị trường, đô thị hóa nhanh kéo theo quy mô về dân số tăng, những địa phương nào có tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh cũng là những địa bàn phức tạp về tệ nạn xã hội nói chung, trong đó có tội GRTTCC do các loại hình vui chơi, giải trí, dịch vụ như khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, karaoke, massage, quán cafe... phát triển đã hình thành các điểm phức tạp về ANTT, trực tiếp hoặc gián tiếp làm phát sinh các hành vi phạm tội GRTTCC. Điển hình như bản án số 76/2025/HS-PT ngày 21-5-2025 của TAND tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang), thời gian diễn ra vụ việc gây rối là vào khung giờ 23h30 phút - 1h sáng hôm sau tại Quán Bar 9E. Các bị cáo có sử dụng bia và xảy ra mâu thuẫn với các đối tượng khác trong quán Bar 9E, sau đó các bị cáo Hà Thanh H, Trần Văn C, Nguyễn Ngọc D2 đã có hành vi GRTTCC, dùng hung khí, vũ khí, hò hét, đuổi đánh nhau, gây ảnh hưởng xấu về ANTT¹⁴³.

2.3.2. Áp dụng biện pháp văn hóa - giáo dục

Biện pháp văn hóa - giáo dục được xem là kênh quan trọng để tuyên truyền phổ biến quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với người dân góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, phòng ngừa hành vi phạm tội GRTTCC. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, củng cố các thiết chế văn hóa ở cơ sở và phát động phong trào xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng đã tạo nền tảng thuận lợi cho việc định hướng hành vi của cá nhân trong đời sống xã hội.

142. Bản án số 906/2025/HS-PT ngày 26/9/2025 của TAND thành phố Hà Nội.

143. Bản án số 76/2025/HS-PT ngày 21/5/2025 của TAND tỉnh Kiên Giang.

Quán triệt tinh thần “*Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở*”¹⁴⁴, “*từng bước đáp ứng Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ*”¹⁴⁵, cả nước đã xây dựng được 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (gồm các trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa nghệ thuật, trung tâm văn hóa điện ảnh); 98% số quận, huyện có trung tâm văn hóa, thể thao hoặc nhà văn hóa, 77% số xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa thể thao và 76% số làng, thôn, bản, ấp có nhà văn hóa. Thông qua các thiết chế này, nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức giúp định hướng lối sống tích cực cho các nhóm dân cư trong cộng đồng. Bên cạnh đó, các phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, xây dựng khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa đã được triển khai rộng khắp ở nhiều địa phương. Các phong trào này không chỉ góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, tạo không gian gắn kết cộng đồng, lan tỏa các giá trị văn hóa dân tộc mà còn hạn chế các hành vi lệch chuẩn, tụ tập GRTTCC, kịp thời giải quyết những vướng mắc, xung đột xã hội của người dân.

Về giáo dục: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ quan trực thuộc như Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên thành lập ban chỉ đạo phòng chống tội phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng Kế hoạch triển khai công tác gia đình trong ngành giáo dục; khảo sát đánh giá thực trạng công tác phối hợp Nhà trường - Gia đình - Xã hội; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, hoạt động văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu dưới dạng bài viết hoặc sân khấu hóa, vẽ tranh, áp phích, sáng tác, biểu diễn tiêu phẩm về đề tài về phòng ngừa tội phạm và phòng, chống VPPL trong học sinh, sinh viên; thường xuyên tổ chức tiếp nhận thông tin, tổng hợp, thực hiện chế độ báo cáo Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban chỉ đạo 138/CP; tổ chức thiết lập được kênh thông tin và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất giữa các trường học với cơ quan công an địa phương, giữa trường học với các cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

144. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

145. Chính phủ (2013), *Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030*, Hà Nội.

Bên cạnh đó, Vụ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và các Vụ bậc học đã tiến hành rà soát, tích hợp, lồng ghép, bổ sung nội dung giáo dục phòng ngừa tội phạm và phòng, chống VPPL và tệ nạn xã hội vào chương trình chính khóa và các hoạt động giáo dục đối với người học; xây dựng và ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới, chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho học sinh. Đây là yếu tố quan trọng giúp khắc phục những phẩm chất tâm lý tiêu cực hình thành hành vi phạm tội GRTTCC của lứa tuổi thanh thiếu niên.

Ngoài ra, Cục Công nghệ thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bước đầu xây dựng được cơ sở dữ liệu quản lý thông tin học sinh, sinh viên phục vụ công tác thống kê, báo cáo về tội phạm, VPPL liên quan đến học sinh, sinh viên theo hướng tích hợp vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục¹⁴⁶.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, lối sống, kỹ năng cho học sinh, sinh viên được chú trọng đẩy mạnh. Hiện nay, qua khảo sát có khoảng hơn 123 trường đại học, học viện đã tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên” trong các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm vào đầu năm, đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa của năm học¹⁴⁷; 100% trường học cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn cả nước định kỳ tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các thành viên trong trường học về phòng ngừa tội phạm và phòng, chống VPPL, bạo lực học đường trong học sinh, sinh viên; 100% cơ sở giáo dục, đào tạo định kỳ tổ chức giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và văn hóa ứng xử cho các thành viên trong trường học, trong đó có nâng cao nhận thức về tội GRTTCC và phòng ngừa tội GRTTCC, thông qua các cuộc thi, chương trình: “Phòng, chống gây rối trật tự công cộng và bạo lực học đường”. Hàng năm, các cơ sở giáo dục, đào tạo địa phương báo cáo kết quả việc triển khai Kế hoạch của trường học đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

146. Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổng kết 10 năm triển khai Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BCA-BGDĐT ngày 28/8/2015 giữa Bộ Công an và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành Giáo dục; Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổng kết dự án “*Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong học sinh, sinh viên đến năm 2025 định hướng 2030*” và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030.

147. Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện Công văn số 3383/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 10/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tổ chức “*Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên*” trong các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

Trung ương và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc áp dụng biện pháp văn hóa, giáo dục trong phòng ngừa tội GRTTCC còn một số hạn chế nhất định.

Thứ nhất, hiệu quả tác động của biện pháp văn hóa, giáo dục ở một số địa phương chưa đồng đều, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, chưa đủ mức tác động hiệu quả trong việc xây dựng con người mới, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh... Ở một số nơi hoạt động văn hóa còn đơn điệu, thiếu tính hấp dẫn, chưa phù hợp với nhóm đối tượng là thanh thiếu niên, người lao động trong các khu công nghiệp, khu dân cư.

Thứ hai, hệ thống các thiết chế văn hóa ở cơ sở tuy đã được quan tâm nhưng chưa phát huy hết hiệu quả. Một số nhà văn hóa, trung tâm sinh hoạt cộng đồng, điểm vui chơi công cộng hoạt động chưa thường xuyên, cơ sở vật chất hạn chế, chưa thu hút đông đảo người dân tham gia. Điều này làm giảm khả năng định hướng hành vi và hạn chế tác dụng phòng ngừa tội GRTTCC từ sớm, từ xa.

Thứ ba, sự phối hợp của gia đình, nhà trường, xã hội trong giáo dục ý thức pháp luật, giá trị văn hóa, các chuẩn mực xã hội ở nơi công cộng còn hạn chế. Trong một số trường hợp còn dừng lại ở tuyên truyền chung, chưa gắn với quản lý, theo dõi, giáo dục thường xuyên nhằm uốn nắn các cá nhân có hành vi lệch chuẩn.

Những hạn chế trên cùng với tác động xã hội tiêu cực đã làm giảm khả năng nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao hoặc có tâm lý coi thường pháp luật dẫn đến những hành vi phạm tội GRTTCC, chống trả người bảo vệ trật tự công cộng.

Nghiên cứu điển hình các vụ án GRTTCC trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2018 - 2025 cho thấy, có 347 đối tượng là học sinh các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (*chiếm 39,0%*); 27 đối tượng là sinh viên các trường đại học, cao đẳng (*chiếm 3,0%*)¹⁴⁸. Nguyên nhân các em học sinh dễ bị ảnh hưởng tác động tiêu cực nhiều hơn là do các em đang trong độ tuổi có nhiều sự thay đổi về tâm, sinh lý, rất nhạy cảm với cái mới, thích thể hiện bản thân và rất dễ bị lôi kéo,

148. Công an thành phố Hà Nội (2025), *Báo cáo công tác phòng chống tội phạm gây rối trật tự công cộng, tội phạm đường phố từ năm 2018 - 2025*.

dụ dỗ, kích động, có tâm lý bất chước về hành vi.

Các bị cáo phạm tội GRTTCC thường có nhận thức pháp luật thấp, một số bị cáo phạm tội GRTTCC có ý thức coi thường pháp luật, coi thường danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tài sản của người khác tại nơi công cộng. Điển hình như, bản án số 252/2021/HSST ngày 17/11/2021 về tội GRTTCC của TAND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội trong phần nội dung vụ án đã trình bày nguyên nhân các bị cáo phạm tội GRTTCC do mâu thuẫn trước đó nhưng không hòa giải mà sử dụng vũ lực, đánh nhau để giải quyết¹⁴⁹; bản án 245/2021/HSST ngày 29/09/2021 về tội GRTTCC của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đây là vụ án có nhiều bị cáo dưới 18 tuổi đã thực hiện hành vi gây rối do mâu thuẫn từ trước, các bị cáo không giải quyết bằng hòa giải mà tổ chức, lôi kéo sử dụng vũ khí đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực¹⁵⁰.

Văn hóa xã hội truyền thống bị suy giảm, lối sống vị kỷ, xu thế sử dụng vũ lực gia tăng do hoạt động của các dịch vụ văn hóa xấu, độc hại tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện về ANTT công cộng (như quán karaoke, quán nhậu, quán internet, bia hoạt động về đêm) cũng làm tình hình tội GRTTCC trở nên phức tạp. Điển hình như, bản án số 659/2021/HSPT ngày 07/10/2021 về tội GRTTCC của TAND Hà Nội trong phần nội dung vụ án đã trình bày nguyên nhân các bị cáo phạm tội GRTTCC trong đó có nhiều bị cáo dưới 18 tuổi do trên đường tham gia giao thông cảm thấy bị người khác “nhìn đều” nên gây sự, xô xát, tổ chức, lôi kéo người khác đánh nhau trên đường giao thông¹⁵¹.

Hạn chế trong việc kiểm soát các thông tin xấu độc từ các phương tiện thông tin đại chúng, phương tiện nghe, nhìn, thông tấn, báo chí, mạng xã hội có ảnh hưởng tiêu cực đến sự hình thành tâm lý lệch chuẩn, tôn sùng sức mạnh cơ bắp, vũ lực với các lớp trẻ làm xuất hiện xu thế sử dụng vũ lực để chứng minh bản thân, thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà thực hiện hành vi phá phách, GRTTCC. Nhiều vụ án GRTTCC, các đối tượng khai nhận không có bất kỳ mâu thuẫn nào với nạn nhân từ

149. Bản án số 252/2021/HSST ngày 17/11/2021 về tội gây rối trật tự công cộng của TAND huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

150. Bản án 245/2021/HSST ngày 29/09/2021 về tội gây rối trật tự công cộng của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

151. Bản án số 659/2021/HSPT ngày 07/10/2021 về tội gây rối trật tự công cộng của TAND Hà Nội.

trước mà động cơ phạm tội là do xem các clip dùng hung khí chém gãy dè chắn bùn, chiếm đoạt biển số xe máy được lan truyền trên mạng xã hội Tiktok, clip tụ tập của các nhóm gây rối trên đường phố nên tụ tập nhau lại và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, sau đó quay video tung lên mạng xã hội để khoe, kích động, xúi giục, cổ vũ người khác thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC. Điển hình như, đối tượng Đặng Đình Quảng (sinh năm 1990, trú tại Yên Phong, Bắc Ninh) tạo hàng loạt tài khoản mạng xã hội mang tên “Chu Bá Thông”, “Sân chơi giới trẻ” hay hội “Dị nhân X”. Các hội nhóm này đã lôi kéo hàng chục thanh thiếu niên thường xuyên bóc đầu xe máy và đăng tải hơn 140 clip bóc đầu, dạy bóc đầu xe trên đường nhằm thu hút giới trẻ, tăng tương tác trên mạng xã hội, đã quay và đăng tải trên 140 clip thực hiện bóc đầu xe tại nhiều tuyến đường ở Bắc Ninh. Công an huyện Yên Phong đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can 7 đối tượng với tội danh "gây rối trật tự công cộng"¹⁵².

Thực tế, chúng ta đang thiếu cơ chế, chính sách thực hiện có hiệu quả vấn đề phúc lợi, an sinh xã hội đối với người chưa thành niên có hoàn cảnh khó khăn. Theo khảo sát của Ủy ban Tư pháp tại một số trại giam Bộ Công an cho thấy, người phạm tội là người chưa thành niên trước khi phạm tội đa phần là những người có hoàn cảnh khó khăn cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ bỏ đi hoặc cả cha mẹ cùng bỏ đi để trẻ sống với ông, bà hoặc sống lang thang dựa vào hảo tâm của hàng xóm; gia đình có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Do thiếu sự quan tâm của cha mẹ, gia đình nên các em dễ bị kích động, có xu hướng thích sử dụng bạo lực, gây rối để thể hiện bản thân. Điển hình như, tại bản án số 192/2025/HS-PT ngày 22/9/2025 của TAND thành phố Hải Phòng xét xử Nguyễn Quốc Bình và đồng phạm về tội GRTTCC. Các bị cáo chủ yếu là từ 16 đến dưới 18 tuổi, có hành vi điều khiển xe mô tô không đeo biển số, hoặc dùng khẩu trang che biển số, không đội mũ bảo hiểm, đi thành đoàn, cầm theo hung khí, lạng lách, đánh võng, di chuyển qua các tuyến phố với tốc độ cao để thị uy, gây ồn ào, hỗn loạn trên phố, ném vỏ chai vào các nhóm thanh niên khác di chuyển trên đường phố¹⁵³.

152. Đức Quang (2023), “Lập hội nhóm trên mạng xã hội lôi kéo thanh thiếu niên tham gia đua xe”, <https://vtv.vn/xa-hoi/lap-hoi-nhom-tren-mang-xa-hoi-loi-keo-thanh-thieu-nien-tham-gia-dua-xe-20289701104224654.htm>, truy cập ngày 8/4/2026.

153. Bản án số 192/2025 /HS-PT ngày 22-9-2025 của TAND thành phố Hải Phòng.

Gia đình là môi trường đầu tiên, chủ đạo cho sự hình thành và phát triển những phẩm chất, tâm lý nhân cách con người. Từ cấu trúc gia đình cho đến cha mẹ, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, sự quan tâm giám sát của bố mẹ đối với con đều ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách con trẻ. Gia đình tan vỡ, con cái thiếu đi sự quan tâm chăm sóc và giám sát của bố mẹ là một trong những yếu tố nghiêm trọng dẫn đến sự hình thành tâm lý cũng như các hành vi tiêu cực, lệch chuẩn, phạm tội GRTTCC.

Qua nghiên cứu ngẫu nhiên 300 bản án hình sự và phỏng vấn trực tiếp các cán bộ công an công tác tại Phòng Cảnh sát hình sự Công an của Hà Nội; Hải Phòng, Nghệ An, Đồng Nai, Đắk Lắk; Tổ phòng, chống tội phạm Công an các phường, xã trực tiếp phòng, chống tội phạm GRTTCC cho thấy phần lớn các đối tượng phạm tội GRTTCC độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có gia đình “khiếm khuyết”. Điển hình, tại bản án số 659/2021/HS-PT ngày 07/01/2021 của TAND thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Ngọc S có hoàn cảnh đặc biệt, bố bỏ đi từ lúc 05 tuổi, mẹ bị bại liệt¹⁵⁴.

Bên cạnh đó, không ít gia đình có điều kiện kinh tế thể hiện sự quan tâm, yêu thương con bằng vật chất, dần hình thành tư tưởng coi trọng vật chất và tâm lý hưởng thụ ở con trẻ hoặc bảo vệ con cái khỏi các tiêu cực xã hội một cách cực đoan dẫn đến tâm lý gò bó, thiếu tự do, trẻ khao khát khám phá những cái mới nên dễ bị kích thích, dụ dỗ vào con đường phạm tội. Rõ ràng, sự buông lỏng giáo dục hay giáo dục không đúng cách chính là nguyên nhân dẫn đến những lệch lạc trong nhận thức, dẫn tới hành vi phạm tội GRTTCC...

2.3.3. Áp dụng biện pháp vận động quần chúng

Biện pháp vận động quần chúng được thể hiện qua công tác tham mưu, đề xuất ban hành các chủ trương, chính sách huy động và sử dụng quần chúng tham gia phòng, chống tội phạm nói chung, tội GRTTCC nói riêng; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức cộng đồng, xây dựng nếp sống văn minh.

Quán triệt Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về “*Tăng*

154. Bản án số 659/2021/HS-PT ngày 07-1-2021 của TAND thành phố Hà Nội.

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Chỉ thị số 09/CT-BCA-V28 ngày 01/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công an về *"Tăng cường công tác dân vận của lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới"* các lực lượng chuyên trách đã đẩy mạnh triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp trên quy mô rộng nhằm xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Hiện nay, trên địa bàn cả nước đã xây dựng, duy trì và nhân rộng được khoảng 470 mô hình, chuyên đề vận động quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ ANTT; 100% các địa phương đã xây dựng và duy trì hiệu quả ít nhất 01 mô hình có tính xã hội cao¹⁵⁵. Thực tế chứng minh các phong trào thi đua *"Vi an ninh Tổ quốc"* đã thúc đẩy mạnh mẽ sự đổi mới, sáng tạo, triển khai các giải pháp an ninh linh hoạt, hiệu quả, góp phần hoàn thiện chiến lược ANTT, thúc đẩy sự tham gia rộng rãi, tích cực của hệ thống chính trị, người dân trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ ANTT, phòng ngừa hành vi GRTTCC.

Thời gian qua, nhiều mô hình tự quản được thành lập góp phần xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, có tinh thần tự giác, ý thức chấp hành pháp luật, tỷ lệ hòa giải được nâng lên¹⁵⁶, mô hình tổ hòa giải 05 tốt được nhân rộng. Các chủ thể chuyên trách phối hợp với quần chúng nòng cốt tiến hành tuyên truyền lưu động trên các tuyến phố, cộng đồng dân cư, nơi tập trung đông người về tình hình, phương thức, thủ đoạn của tội phạm GRTTCC; vận động cá biệt đối với các cá nhân có nguy cơ cao thực hiện các hành vi GRTTCC, đặc biệt là số thanh thiếu niên hư, người lao động tại bến xe, bến tàu, khu công nghiệp, người làm dịch vụ trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện khiến số vụ việc mâu thuẫn phát sinh trong cộng đồng dân cư giảm qua đó giúp hạn chế các nguyên nhân phát sinh tội GRTTCC.

Lực lượng công an các cấp đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 01 của Chính phủ phát động toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm; cảm hóa, giáo dục,

155. Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc*, Hà Nội.

156. Báo cáo số 329/BC-UBND ngày 12/9/2025 về kết quả triển khai thi hành Luật Hoà giải giai đoạn từ 1/7/2023 đến ngày 30/6/2025: Tổng số vụ việc đã tiến hành hòa giải (của tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng (cũ) là 3.967 vụ, việc; số vụ việc hòa giải thành 3.322 vụ, việc (đạt tỉ lệ 84%). Lĩnh vực phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp được hòa giải là dân sự, hôn nhân và gia đình.

cải tạo người lầm lỗi tại gia đình và cộng đồng dân cư; tham mưu cho Ban giám đốc Công an các tỉnh, thành phố và Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp ban hành các quyết định, kế hoạch nhằm huy động lực lượng quần chúng nhân dân, thành lập lực lượng hỗn hợp, áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ trong phòng ngừa tội GRTTCC; ban hành các quy định về mức chi cho công tác chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Tại các địa phương trên địa bàn cả nước, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cơ sở được huy động đông đảo, chủ động phối hợp với các lực lượng chuyên trách thực hiện tuần tra, bảo vệ ANTT tại địa bàn cơ sở, phòng ngừa GRTTCC như: treo, niêm yết băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền phòng ngừa hành vi GRTTCC, sử dụng tờ rơi, vận động các hộ gia đình và người dân sinh sống gần các địa điểm cộng đồng, tuyến giao thông, địa bàn phức tạp về ANTT ký cam kết xây dựng gia đình văn hóa, phường, xã chuẩn tiếp cận pháp luật, không tham gia thực hiện các hành vi GRTTCC tại cộng đồng.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ ANTT còn có một số hạn chế như sự chênh lệch đáng kể giữa các địa phương do đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư và năng lực tổ chức thực hiện không đồng đều. Tại các đô thị lớn, nơi có mật độ dân cư cao, cơ cấu dân cư đa dạng, phức tạp về thành phần, trình độ, lối sống việc huy động quần chúng nhân dân tham gia vào các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT còn gặp khó khăn. Tính chất phi cộng đồng xuất hiện ở một bộ phận người dân trong không gian cư trú làm suy giảm các thiết chế xã hội. Ngược lại, tại các khu vực làng, xã mặc dù tính cộng đồng là bền vững nhưng hoạt động của các mô hình quần chúng lại chưa được tổ chức bài bản.

Một bộ phận người dân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nhận diện các hành vi VPPL, trong đó có hành vi phạm tội GRTTCC, dẫn đến hạn chế trong phòng ngừa tội GRTTCC tại địa phương. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin từ quần chúng ở một số nơi về hành vi GRTTCC đôi lúc còn chậm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của các cơ quan chức năng.

Tại các doanh nghiệp, việc xây dựng và duy trì các mô hình, phong trào

quần chúng bảo vệ ANTT còn chưa được quan tâm đúng mức, còn mang tính hình thức, hạn chế về số lượng người tham gia. Ngoài ra, còn một bộ phận quần chúng, người lao động còn tâm lý e ngại, lo sợ bị trả thù khi tố giác; không ít người có thái độ thờ ơ, xem đó là trách nhiệm của lực lượng chức năng. Hoạt động phối hợp giữa lực lượng công an với các tổ chức đoàn thể, ban ngành, tổ tự quản, tổ dân phố đôi khi còn hình thức, chưa tạo động lực, lợi ích rõ rệt để thu hút sự tham gia tích cực của quần chúng nhân dân.

Tại một số địa phương, nhận thức về vai trò, trách nhiệm trong bảo vệ ANTT của một số cơ quan, ban, ngành ở cơ sở còn chưa đầy đủ, vẫn còn tồn tại quan điểm coi đây là nhiệm vụ riêng của lực lượng Công an dẫn đến sự thiếu chủ động trong phối hợp thực hiện phòng ngừa tội GRTTCC. Ngoài ra, việc đầu tư, ứng dụng hạ tầng số trong công tác bảo đảm ANTT còn chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn. Các nền tảng công nghệ phục vụ việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ quần chúng, cũng như kết nối, tương tác giữa người dân với lực lượng chức năng còn thiếu đồng bộ, chưa bảo đảm tính thuận tiện, an toàn và bảo mật. Điều này làm hạn chế khả năng huy động nguồn thông tin từ xã hội, ảnh hưởng đến hiệu quả phát hiện sớm, ngăn chặn kịp thời các hành vi GRTTCC trong bối cảnh không gian xã hội ngày càng mở rộng và phức tạp.

Công tác tổ chức sơ kết, tổng kết các mô hình phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” mặc dù đã được các cấp quan tâm, tăng cường về mọi mặt song thiếu chiều sâu dự báo, chưa đánh giá đúng nguyên nhân tồn tại trong quá trình thực hiện và phương hướng khắc phục; cơ chế tổ chức thực hiện các phong trào quần chúng tự quản chưa tạo động lực đủ mạnh để khuyến khích, động viên người dân tham gia một cách tích cực, tự giác.

Việc thiếu các chính sách khuyến khích cụ thể, thiết thực gắn với quyền lợi và trách nhiệm của người dân làm cho phong trào ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, thiếu tính bền vững; năng lực và kỹ năng của lực lượng nòng cốt trong tổ chức, vận động và dẫn dắt quần chúng tham gia bảo vệ ANTT ở một số địa bàn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động phức tạp.

Phương pháp tuyên truyền, vận động chưa thật sự linh hoạt, chưa phù hợp với đặc điểm đa dạng của các nhóm đối tượng; kỹ năng nắm bắt tâm lý xã hội, phát

hiện và xử lý tình huống phát sinh trong cộng đồng còn thiếu tính chủ động và chiều sâu. Đồng thời, nguồn kinh phí dành cho công tác vận động quần chúng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, xây dựng và duy trì các mô hình tự quản về ANTT dẫn tới hiệu quả lan tỏa của các mô hình phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” còn hạn chế, chưa có nhiều tấm gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến.

2.3.4. Thực hiện biện pháp pháp luật

Thời gian qua, nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không ngừng được hoàn thiện, hệ thống pháp luật trong bảo đảm ANTT phòng ngừa tội GRTTCC tương đối đồng bộ, công khai, minh bạch, cơ bản điều chỉnh tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội; nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục, pháp luật được tổ chức dưới nhiều hình thức, trong đó trọng tâm là xây dựng dữ liệu số về văn bản pháp luật, vận hành cổng pháp luật quốc gia; cơ chế, chính sách pháp luật về lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, trợ giúp pháp lý (TGPL) được chú trọng đẩy mạnh.

Qua nghiên cứu cho thấy, các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an đã thường xuyên việc kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật giải đáp các vướng mắc trong điều tra, truy tố, xét xử¹⁵⁷; tham gia cho ý kiến xây dựng, hoàn thiện Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ phục vụ cho công tác xét xử, phòng ngừa tội GRTTCC, đặc biệt là đối với người phạm tội GRTTCC là người chưa thành niên; tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương; thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những bất cập, khó khăn về pháp lý.

157. Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của Tòa án thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử, trong đó có giải đáp một số vướng mắc trong triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Viện kiểm sát, TAND các cấp đã thực hiện đúng quy định pháp luật về chức năng, trách nhiệm, thẩm quyền của mình trong xử lý trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội GRTTCC. Điển hình, tại bản án số 848/2020/HS-PT ngày 17/11/2020 của TAND thành phố Hà Nội, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng chính sách hình sự khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo Hà Minh T. Đến cấp phúc thẩm đã chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND quận Hai Bà Trưng, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng chính sách hình sự khi quyết định hình phạt với Hà Minh T theo Điều 91, Điều 101 của BLHS; hay tại bản án số 678/2019/HS-PT ngày 11-9-2019 của TAND Thành phố Hà Nội, tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, tăng mức hình phạt áp dụng với bị cáo Hồ Văn G với hành vi thể hiện tính côn đồ.

Nghiên cứu các báo cáo công tác tư pháp của Tòa án cho thấy, TAND các cấp đã tổ chức nhiều phiên tòa rút kinh nghiệm¹⁵⁸; tổ chức sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến và Trung tâm giám sát điều hành hoạt động TAND; tích cực ứng dụng có hiệu quả các phần mềm nội bộ dùng chung và các dịch vụ công¹⁵⁹; huấn luyện và bổ sung tri thức cho Trợ lý ảo¹⁶⁰; xây dựng tính năng hỗ trợ Thẩm phán tự động mã hóa bản án để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử; thực hiện nghiêm túc việc công khai bản án, quyết định có hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử¹⁶¹... góp phần quan trọng vào hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC.

Theo thống kê của Bộ Tư pháp thì nhiều Bộ, Ban, ngành, địa phương đã xây dựng và vận hành Cổng/ trang thông tin điện tử PBGDPL. Hoạt động tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật đạt hiệu quả cao như các trang tin của Bộ Công an, VKSND tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các địa

158. Gồm: 16.663 phiên tòa hình sự, 4.598 phiên tòa dân sự và hành chính.

159. Phần mềm nộp đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản thông báo tố tụng; đăng ký nhận các thông báo, văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử; nộp tạm ứng án phí trực tuyến; đăng ký cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án giúp người dân dễ dàng giải quyết công việc tại Tòa án.

160. Hiện có hơn 16 nghìn tài khoản đăng ký sử dụng Trợ lý ảo; trong năm 2025 có hơn 6 triệu lượt hỏi đáp; 40.568 câu hỏi tình huống và trả lời gửi về ban biên tập để phục vụ huấn luyện Trợ lý ảo.

161. Tính đến năm 2025, Tòa án đã công bố được gần 1,6 triệu bản án, quyết định với tổng số hơn 190 triệu lượt truy cập.

phương dẫn đầu như Hà Nội; Khánh Hòa; Thành phố Hồ Chí Minh; Bạc Liêu, Đắc Lắc; Đà Nẵng; Phú Thọ¹⁶².

Đề tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận thông tin pháp luật qua mạng Internet, Bộ Tư pháp đã xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; vận hành cổng Pháp luật quốc gia (phapluat.gov.vn) từ ngày 31/5/2025. Kể từ khi đưa vào khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật đã cập nhật được 119.630, trong đó các cơ quan Trung ương (bao gồm cả TAND tối cao, VKSND tối cao và Kiểm toán nhà nước) đã cập nhật được 37.653 văn bản, địa phương cập nhật được 83.358 văn bản. Số lượt truy cập Cơ sở dữ liệu quốc gia, cổng Pháp luật quốc gia (phapluat.gov.vn) khoảng 30.000 lượt/ngày¹⁶³.

Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được củng cố, kiện toàn cả về số lượng và nâng cao chất lượng. Thống kê cả nước có 27.219 báo cáo viên pháp luật (trung ương: 2.264; cấp tỉnh: 7.379; cấp huyện: 17.576) và 141.936 tuyên truyền viên cấp xã (tăng 4.557 báo cáo viên pháp luật và 34.344 tuyên truyền viên pháp luật). Riêng lực lượng Quân đội và Công an đã xây dựng, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật của ngành; đội ngũ giáo viên dạy môn pháp luật, môn giáo dục công dân từng bước được bổ sung và chuẩn hóa, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ¹⁶⁴.

Chính sách, pháp luật về TGPL trên phạm vi cả nước được chú trọng, trong đó có hoạt động TGPL đối với đối tượng phạm tội GRTTCC là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi¹⁶⁵, người thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo phạm tội GRTTCC được quan tâm. Hiện nay, các Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố đều đã công bố danh sách các tổ chức thực hiện TGPL tại địa phương, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp¹⁶⁶;

162. Phụ lục III: Thống kê kết quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trong 10 năm thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (Kèm theo Báo cáo số 45 /BC-BTP ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp).

163. Bộ Tư pháp, trang thông tin điện tử công tác thống kê ngành tư pháp. <https://moj.gov.vn/cttk/chuyenmuc/Pages/thong-tin-thong-ke.aspx>, truy cập ngày 23/9/2025.

164. Bộ Tư pháp (2023), Báo cáo số 45 ngày 15/2/2023 Báo cáo Tổng kết thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, <https://pbgdpl.gov.vn/noidung/chuyenmuc/Pages/bao-cao-vien-phap-luat.aspx>

165. Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 quy định về phối hợp thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng.

166. Bộ Tư pháp, trang thông tin điện tử trợ giúp pháp lý: Tính đến hết năm 2023, hệ thống TGPL 63 Trung tâm TGPL nhà nước, 97 Chi nhánh, với tổng số 1228 viên chức, người lao động, trong đó có 676 trợ giúp

nhiều chương trình phối hợp TGPL được các cơ quan chuyên trách ký kết, thực hiện¹⁶⁷ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động TGPL trong điều tra hình sự đối với tội GRTTCC.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được trong việc triển khai biện pháp pháp luật phòng ngừa tội GRTTCC, thực tiễn cho thấy vẫn còn một số hạn chế làm ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, tạo ra những khoảng trống nhất định trong quản lý xã hội, từ đó làm gia tăng nguy cơ phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC.

Thứ nhất, hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về ANTT khi nội dung và phương pháp truyền đạt còn thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với đối tượng tuyên truyền, chưa bao quát được các đối tượng cụ thể, đặc biệt là nhóm lao động di cư, người có thu nhập không ổn định, điều kiện sống khó khăn, người yếu thế dẫn tới việc một bộ phận người dân không nắm rõ các quy định của pháp luật, có hành vi ứng xử mang tính bộc phát, dễ phát sinh xung đột, mâu thuẫn, GRTTCC.

Thứ hai, hạn chế về chất lượng và tính đồng bộ của hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực ANTT. Hiện nay, hệ thống pháp luật về ANTT còn nhiều quy định chồng chéo, chưa rõ ràng, một số quy định còn mang tính nguyên tắc, thiếu tính quy phạm cụ thể hoặc thiên về quản lý hành chính, chưa tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, điều chỉnh các mối quan hệ mới trong xã hội. Điều này dẫn tới hệ quả làm giảm tính minh bạch, hiệu lực điều chỉnh của pháp luật, các cá nhân dễ hành xử theo ý thức chủ quan, làm gia tăng các hành vi GRTTCC. Cụ thể là:

Vướng mắc, khó khăn trong áp dụng các tình tiết hình sự của tội GRTTCC như: tình tiết *“gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội”*; *“đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm”* và tình tiết *“xử lý hành chính”*; *“xúi giục người khác gây rối trật tự công cộng”*; tình tiết *“dùng vũ khí, hung khí”*; khó khăn, vướng mắc trong xác định địa điểm công cộng và xử lý hành vi

viên pháp lý; có 180 tổ chức tham gia TGPL và 675 cá nhân ký hợp đồng thực hiện TGPL (https://tuphap.hatinh.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/tro-giup-phap-ly-trong-bao-dam-tiep-can-cong-ly-va-binh-dang-truoc-phap-luat-nam-thu-27?utm_source), truy cập ngày 19/9/2025.

167. Chương trình phối hợp số 1603/CTPH-BTP-TANDTC ngày 19/5/2022 của Bộ Tư pháp ký kết với Tòa án nhân dân tối cao về người thực hiện TGPL trực tại Tòa án nhân dân; Chương trình phối hợp số 5789/CTPH-BTP-BCA ngày 27/11/2023 giữa Bộ Tư pháp với Bộ Công an về trực TGPL trong điều tra hình sự; 63 Sở Tư pháp phối hợp với Tòa án nhân dân cấp tỉnh ký kết Chương trình/Kế hoạch phối hợp để cụ thể hoá và triển khai Chương trình người thực hiện TGPL trực tại Tòa án.

GRTTCC trên không gian mạng; khó khăn trong phân định ranh giới hành vi GRTTCC là vi phạm hành chính với hành vi GRTTCC bị xử lý hình sự khi chứng minh (1) hành vi “*mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ hoặc các loại công cụ, phương tiện khác có khả năng sát thương; đồ vật, phương tiện giao thông nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác*” bị xử phạt hành chính với hành vi “*Dùng vũ khí, hung khí*” quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 318 BLHS; (2) khó khăn trong đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi “*gây rối trật tự*” và hành vi “*gây mất trật tự*” tại các điểm a, khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 7; điểm a khoản 4 Điều 7; điểm b khoản 4 Điều 7; điểm b khoản 5 Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021; (3) khó khăn trong áp dụng quy định pháp luật về xử lý đồng phạm của tội GRTTCC.

Việc quy định khoảng cách hình phạt “*xử phạt tối thiểu là 02 năm tù, tối đa 07 năm tù*” tại khoản 2 Điều 318 BLHS hiện hành là chưa phù hợp dẫn đến việc áp dụng pháp luật mang tính tùy nghi không thống nhất.

Khó khăn, vướng mắc về việc xử lý các phương tiện mô tô, xe máy mà các đối tượng phạm tội gây rối trật tự sử dụng nhưng không có sự đồng ý của người khác, không chứng minh được lỗi cố ý của chủ phương tiện hoặc có tranh chấp phương tiện giữa chủ phương tiện và người vi phạm; khó khăn trong việc đảm bảo mục đích ngăn chặn, phòng ngừa người phạm tội GRTTCC là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi với quy định về việc áp dụng biện pháp tạm giam tại khoản 2, Điều 119 Bộ luật Tố tụng hình sự; khó khăn trong áp dụng quy định của pháp luật trong xử lý các đối tượng có hành vi bàn bạc, chuẩn bị vũ khí, kêu gọi thành viên, thành lập hội, nhóm, lựa chọn địa điểm, hẹn gặp để giải quyết mâu thuẫn, GRTTCC.

Thứ ba, hạn chế trong tổ chức và thi hành pháp luật về ANTT. Việc phân cấp, phân quyền trong tổ chức và thi hành pháp luật hiện nay còn chưa đồng bộ, nặng về hành chính, thiếu cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, việc ban hành pháp luật điều chỉnh các vấn đề mới còn chậm, chất lượng công tác xây dựng pháp luật còn hạn chế đã làm giảm tính chủ động và hiệu quả xử lý các vấn đề về ANTT tại cấp cơ sở. Hệ quả là nhiều mâu thuẫn trong đời sống xã hội không được phát hiện,

giải quyết kịp thời dẫn đến xung đột kéo dài, sau chuyển hóa thành các hành vi bộc phát, GRTTCC.

Thứ tư, hạn chế về hoàn thiện thể chế và bảo đảm nguồn lực thực thi pháp luật về ANTT. Hiện nay, quá trình hoàn thiện thể chế gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền còn một số hạn chế dẫn đến hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật chưa cao, cơ chế bảo đảm tài chính cho công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật về ANTT chưa được thiết kế đầy đủ, hợp lý dẫn tới hiệu lực QLNN về ANTT chưa cao, ảnh hưởng trực tiếp tới việc triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội, làm tiềm ẩn nguy cơ hình thành các hành vi phạm tội GRTTCC.

Thứ năm, hạn chế trong hoạt động kiểm tra, giám sát, giải thích pháp luật về ANTT. Các hoạt động kiểm tra, giám sát, giải thích pháp luật mặc dù được các cơ quan chuyên trách thực hiện theo đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách điều chỉnh, quản lý của nhà nước song vẫn còn có những quy định pháp luật ở dạng khái quát, các quy định được giải thích không chính thức dẫn đến việc nhận thức và thực hiện chưa thống nhất, còn lúng túng; công tác kiểm tra, giám sát đôi lúc chưa mang tính chuyên sâu dẫn tới hiệu quả điều chỉnh các quan hệ xã hội trong đời sống pháp luật còn chậm, tạo điều kiện thuận lợi cho các hành vi GRTTCC nảy sinh.

2.3.5. Thực hiện biện pháp quản lý hành chính nhà nước về an ninh, trật tự

Quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng

Hoạt động quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng có vai trò quan trọng trong phòng ngừa tội GRTTCC. Bản chất của hoạt động này là quản lý phòng ngừa theo đối tượng và quản lý theo địa bàn có nguy cơ phát sinh hành vi GRTTCC.

Thời gian qua, lực lượng Công an các cấp đã tiến hành kiểm đếm, lập danh sách, thống kê, phân loại hàng trăm ngàn đối tượng, hội, nhóm đối tượng lưu manh, côn đồ, thanh, thiếu niên hư¹⁶⁸, đối tượng là người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy có biểu hiện phạm tội về trật tự xã hội, đối tượng có biểu hiện “ngáo đá”, đối tượng tâm thần có xu hướng bạo lực nhằm phòng ngừa tụ tập GRTTCC.

168. Học sinh, sinh viên bỏ học, không chấp hành nội quy, quy định của nhà trường hoặc bị đuổi học, đối tượng bỏ nhà đi lang thang, quan hệ nam nữ phức tạp, côn đồ, càn quấy, lười lao động nhưng có dấu hiệu bất minh về kinh tế, nghiện game, quan hệ phức tạp với các đối tượng hình sự, ma túy...

Đối với các trường hợp có dấu hiệu tụ tập, chuẩn bị gây rối, lực lượng Công an các cấp đã tiến hành gọi hỏi để nhắc nhở, ký cam kết không vi phạm; các trường hợp đã có hành vi gây rối bị xử lý hành chính được mở hồ sơ nắm tình hình di biến động, mức độ vi phạm, số lần vi phạm, hình thức, biện pháp để quản lý.

Tại các địa bàn phức tạp về ANTT, tập trung nhiều nhà hàng, quán ăn, bến xe, bến tàu, khu công nghiệp... lực lượng Công an các cấp đã thực hiện quản lý khai báo tạm trú, tạm vắng đối với người lao động, không để bỏ lọt các đối tượng có tiền án, tiền sự di chuyển phức tạp trên địa bàn, tránh tụ tập GRTTCC. Hiện nay, công tác quản lý cư trú trong phòng ngừa tội GRTTCC đã có nhiều ưu điểm hơn do dữ liệu dân cư được liên thông, kết nối trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giúp tra cứu, xác minh về nhân thân đối tượng có hành vi gây rối trật tự cộng đồng để xử lý kịp thời; việc khai thác thông tin về nơi cư trú, lịch sử di chuyển dễ dàng, tránh nhầm lẫn, trùng lặp đối tượng.

Quản lý về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT

Công tác QLNN đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT thực chất là hoạt động sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý môi trường tiềm ẩn nguy cơ phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC. Việc tăng cường quản lý các loại hình dịch vụ giải trí, lưu trú, ăn uống ban đêm giúp ngăn chặn việc tụ tập đông người gây rối, ngăn chặn hình thành các điểm nóng, phức tạp về ANTT do sử dụng chất kích thích, rượu, bia, kiểm soát không gian hoạt động của các băng, nhóm có biểu hiện GRTTCC.

Qua khảo sát cho thấy, lực lượng công an các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước đã áp dụng nhiều sáng kiến trong QLNN đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT đạt hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC cao, điển hình như: Mô hình “3 lớp kiểm soát” của Công an Thành phố Hồ Chí Minh (lớp 1: Công an xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chính về kiểm tra, giám sát địa bàn cấp xã, phường, thị trấn; lớp 2: Đội nghiệp vụ công an quận, huyện tổ chức hậu kiểm và kiểm tra định kỳ toàn bộ cơ sở có điều kiện; lớp 3: Công an Thành phố tổng rà soát định kỳ, xử lý cơ sở vi phạm nhiều lần, chuyển hồ sơ sang cơ quan cấp phép thu hồi); mô hình kinh doanh có điều kiện an toàn - văn minh - thân thiện của Công an

thành phố Hà Nội, theo đó yêu cầu các chủ cơ sở ký cam kết 03 không (1, không để tội phạm ẩn náu; 2, không để sử dụng trái phép chất ma túy; 3, không để xảy ra tụ tập gây rối trật tự), đồng thời yêu cầu các cơ sở cập nhật khai báo lưu trú điện tử theo quy định 24/7, gắn mã QR xác thực giấy phép đủ điều kiện ANTT công khai có bảng cam kết công khai trước cửa, kết nối trực tiếp với tổ dân phố và lực lượng Công an quản lý; Công an Quảng Ninh áp dụng kết nối dữ liệu camera giám sát trực tiếp từ cơ sở vũ trường, karaoke, cầm đồ về Công an phường, áp dụng xử phạt hành chính nặng, tạm dừng hoạt động từ 03 - 06 tháng nếu để xảy ra các vụ việc tụ tập GRTTCC do lỗi của cơ sở kinh doanh.

Lực lượng chuyên trách đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra liên ngành các cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT từ khâu đăng ký, cấp giấy phép đến hậu kiểm quá trình hoạt động; tổ chức tập huấn, đối thoại với đại diện cơ sở kinh doanh nhằm nâng cao ý thức cảnh giác và tham gia tố giác tội phạm. Hiện nay, cả nước ước tính có khoảng trên 500.000 cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT; số lượng cơ sở được định kỳ kiểm tra trong năm 2024-2025 là khoảng 400.000 cơ sở; phát hiện các vụ việc vi phạm khoảng trên 15.000 vụ/ năm; số cơ sở bị xử lý hành chính, thu hồi giấy phép khoảng 3.800 cơ sở/năm; số vụ việc gây rối bắt nguồn từ cơ sở kinh doanh khoảng 1.200 vụ¹⁶⁹.

Quản lý về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Quản lý về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ có tác dụng lớn trong việc ngăn chặn các đối tượng phạm tội GRTTCC sử dụng vũ khí thô sơ, dao tự chế, súng tự chế để giải quyết mâu thuẫn, giúp chuyển hóa các địa bàn phức tạp về ANTT thành địa bàn ổn định, an toàn.

Với vai trò nòng cốt trong thực hiện các biện pháp bảo vệ ANTT, lực lượng Công an các cấp đã tham mưu có hiệu quả và tổ chức đồng bộ các biện pháp tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các địa bàn, tuyến trọng điểm, phức tạp, phối hợp với chính quyền địa phương, người dân quản lý các cơ sở, làng nghề sản xuất cơ

169. Tổng hợp báo cáo của Bộ Công an, báo cáo địa phương, các bài viết trên baochinhpvu.vn, cand.com.vn, congan.gov.vn.

khí, thủ công nhằm ngăn chặn các vụ việc gây rối sử dụng công cụ, phương tiện nguy hiểm.

Thời gian qua, lực lượng công an toàn quốc kết hợp các biện pháp tuyên truyền, vận động quần chúng giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đã phát hiện 28.715 vụ, bắt giữ 48.987 người sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ¹⁷⁰. Quá trình xử lý nghiêm minh các vụ vi phạm tạo tác động răn đe cả xã hội, kéo giảm hành vi GRTTCC có sử dụng vũ khí, hung khí, công cụ hỗ trợ, đặc biệt trong giới trẻ hoặc nhóm thanh niên phạm tội GRTTCC.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý cư trú, tạm trú vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể như: việc khai thác, sử dụng thông tin từ hoạt động quản lý cư trú chưa thực sự hiệu quả, công tác nắm tình hình đối tượng có nguy cơ cao vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC còn bị động. Theo báo cáo của công an địa phương thì số đối tượng có hồ sơ quản lý trung bình chiếm tỷ lệ thấp. Điều này cho thấy, công tác quản lý, phát hiện, sàng lọc người có nguy cơ cao thực hiện hành vi GRTTCC còn chưa đầy đủ, kịp thời, làm gia tăng tính phức tạp của tình hình tội phạm này, tỷ lệ tội phạm ảm cao, công tác phòng ngừa tội GRTTCC khó dự báo, kiểm soát.

Thực tế cho thấy, những hạn chế, thiếu sót trong công tác QLNN về vũ khí, công cụ hỗ trợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm đối tượng thành lập các hội nhóm kín trên không gian mạng để quảng bá, giao dịch mua bán, trao đổi công cụ, phương tiện phạm tội¹⁷¹. Bên cạnh đó, công tác QLNN đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện còn nhiều bất cập, sơ hở đã và đang tạo điều kiện thuận lợi làm phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC. Điển hình như, việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT chưa chặt chẽ, các cơ sở thường có sự mua đi, bán lại về tư cách pháp nhân. Nhiều chủ cơ sở kinh doanh khi

170. Báo điện tử Nhân dân (2024), “Tội phạm sử dụng súng tự chế, vũ khí thô sơ gây án đang diễn biến phức tạp”, <https://nhandan.vn/toi-pham-su-dung-sung-tu-che-vu-khi-tho-so-gay-an-dang-dien-bien-rat-phuc-tap-post810288.html?utm>, truy cập ngày 23/9/2025.

171. Như Quỳnh (2024), “Nhức nhối tình trạng thanh thiếu niên tụ tập gây rối trật tự công cộng”, <https://antv.gov.vn/chinh-tri-xa-hoi-E3223AB43/nhuc-nhoi-tinh-trang-thanh-thieu-nien-tu-tap-gay-roi-trat-tu-cong-cong-C089FE36E.html>, truy cập ngày 8/4/2026.

VPPL hoặc bị đình chỉ, thu hồi giấy phép tại địa chỉ này đã tìm cách thay đổi người đại diện pháp luật để tiếp tục hoạt động. Đây là những nhân tố tiêu cực dễ hình thành các mâu thuẫn trong quá trình kinh doanh các ngành nghề ăn uống, giải trí, karaoke - không gian có nguy cơ cao xảy ra xung đột, mâu thuẫn, GRTTCC.

Tại một số địa bàn cụ thể, việc quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện còn mang tính hình thức, hồ sơ quản lý còn đơn thuần, không bổ sung tài liệu thường xuyên; công tác kiểm tra, xử lý chưa nghiêm, chưa triệt để, nên vẫn tồn tại các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh, dịch vụ có điều kiện về ANTT không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động không đúng nội dung có trong đăng ký kinh doanh hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT nhưng vẫn hoạt động do đó hình thành các hành vi GRTTCC do mâu thuẫn trong lúc ăn nhậu, karaoke... trong các môi trường này, khi phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột giữa khách hàng với nhau hoặc giữa khách hàng với cơ sở kinh doanh có thể nhanh chóng dẫn tới các hành vi phạm tội GRTTCC.

Từ thực tiễn cho thấy, nguyên nhân của các hạn chế trên là do người phạm tội GRTTCC hoạt động lưu động, tại nhiều địa điểm, diễn biến phức tạp về thời gian, trong khi quân số của lực lượng chuyên trách còn hạn chế, trải dài trên nhiều địa bàn, một số đơn vị phụ trách nhiều lĩnh vực, đối tượng đấu tranh khác nhau nên hiệu quả phòng ngừa chưa cao; một số địa phương còn thiếu lực lượng kiểm tra chuyên sâu, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cấp phép về ANTT, ghi nhận lịch sử xử lý các cơ sở vi phạm còn chưa đồng bộ, thiếu tính liên thông, chưa xây dựng được ứng dụng, phần mềm cảnh báo sớm, việc ghi nhận phản ánh của người dân về các vấn đề ANTT còn chưa kịp thời, thường xuyên; việc tích hợp camera giám sát ngành nghề kinh doanh có điều kiện vào hệ thống giám sát ANTT đô thị thông minh còn hạn chế; cơ sở pháp lý còn nhiều lỗ hổng.

Ngoài ra, việc áp dụng biện pháp QLNN về ANTT còn chưa mang tính linh hoạt, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình phòng ngừa, chưa phát huy hiệu quả cao biện pháp phòng ngừa xã hội kết hợp với biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ dẫn tới làm giảm hiệu quả phòng ngừa các mâu thuẫn, xung đột trong môi trường kinh

doanh, dịch vụ ngành nghề có điều kiện, khiến các xung đột nhỏ có điều kiện phát triển thành các xung đột, mâu thuẫn trở thành hành vi phạm tội GRTTCC.

2.3.6. Biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ

Công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình

Công tác điều tra cơ bản của lực lượng Công an được tiến hành chủ động, thường xuyên, liên tục, kịp thời theo diễn biến thực tế của tội GRTTCC, tập trung chủ yếu vào các hệ loại đối tượng có nguy cơ cao thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC như thanh thiếu niên hư, đối tượng côn đồ, các hội, nhóm, tài khoản trên không gian mạng có biểu hiện kích động, cổ vũ, xúi giục thực hiện hành vi GRTTCC. Hoạt động này đã chuyển từ quản lý chung sang quản lý nghiệp vụ có đối tượng cụ thể, rõ ràng.

Nội dung thông tin, tài liệu tập trung vào tình hình tội phạm, VPPL về GRTTCC, số lượng các đối tượng thuộc diện quản lý; phương thức, thủ đoạn, quy luật hoạt động của tội phạm GRTTCC; thông tin về công cụ, phương tiện mà đối tượng chuẩn bị, sử dụng để gây rối; thông tin về địa bàn, tuyến, hội, nhóm, tài khoản trên không gian mạng (phạm vi ảnh hưởng, thành viên, tên, hình thức công khai, bí mật, địa bàn hành chính hoặc theo lĩnh vực của hội nhóm; cá nhân chi phối, mối quan hệ giữa các đối tượng...).

Bên cạnh đó, lực lượng Công an các cấp còn tập trung điều tra cơ bản, nắm tình hình các cơ sở sản xuất, kinh doanh có điều kiện, có khả năng hình thành hành vi phạm tội GRTTCC; các cơ sở giáo dục, cơ sở dạy nghề, địa điểm công cộng tập trung thanh, thiếu niên hư; rà soát các cơ sở sản xuất, chế tác cơ khí, cơ sở sửa chữa chuyên “độ, chế” mô tô, xe máy để phòng ngừa, phát hiện đối tượng tự chế hung khí “dao, kiếm, tuýp phóng lựu” để gây án; thu thập thông tin, tài liệu về hệ thống camera giám sát của các cơ quan, tổ chức, nhà dân tại các tuyến, địa bàn phức tạp về ANTT, thường xuyên xảy ra các vụ việc phạm tội GRTTCC; điều tra cơ bản về tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục có liên quan đến địa bàn phòng ngừa tội GRTTCC.

Thông tin từ công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình được phân tích, đánh giá, chọn lọc, tổng hợp, hệ thống hóa và đưa vào hồ sơ phục vụ công tác phát triển

ng nghiệp vụ của lực lượng công an hoặc chuyển xử lý về hành chính hoặc hình sự; khắc phục các sơ hở thiếu sót trong công tác QLNN về ANTT.

Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính

Hàng năm, lực lượng Công an các tỉnh, thành phố đã tổ chức hàng nghìn lượt tuần tra, kiểm soát các chốt chặn trên các tuyến quốc lộ, tuyến đường nội thành, khu đông dân cư, các địa bàn giáp ranh, các địa bàn trọng điểm, khu vực nhà ga, bến xe, công viên, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu chế xuất... để chủ động triển khai lực lượng, phương tiện có nguy cơ thực hiện hành vi GRTTCC. Từ công tác tuần tra, kiểm soát, các lực lượng tuần tra đã phát hiện, ngăn chặn hàng chục nghìn vụ việc, hàng trăm nghìn đối tượng, triệt phá hàng trăm nhóm có biểu hiện nghi vấn tổ chức, thực hiện các hành vi GRTTCC.

Các tổ tuần tra kiểm soát liên phường cũng được thành lập gồm lực lượng Công an phường, bảo vệ dân phố, dân quân tự vệ phường hoạt động tuần tra, kiểm soát các địa bàn giáp ranh giữa các phường, đảm bảo khép kín địa bàn, đảm bảo hoạt động có trọng tâm, trọng điểm. Mô hình tổ nhân dân tuần tra gồm lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở. Các thành viên tổ tuần tra được trang bị áo phản quang, đồng phục, công cụ hỗ trợ như đèn pin, gậy tầm vông, hỗ trợ lực lượng công an tuần tra, kiểm soát địa bàn, bảo vệ ANTT, phòng, chống tội phạm GRTTCC, hỗ trợ trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Lực lượng công an cấp cơ sở đã triển khai xây dựng mô hình liên kết “*vùng giáp ranh an toàn*” tại các địa bàn có diễn biến phức tạp, thường xuyên xảy ra các hành vi phạm tội GRTTCC, góp phần chuyển hóa các địa bàn phức tạp về ANTT; phối hợp lực lượng trong xây dựng và nhân rộng các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT, thành lập các Tổ an ninh tự quản về ANTT; Tổ bảo vệ ANTT.

Biện pháp khoa học - kỹ thuật

Hiện nay, lực lượng chức năng đã sử dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật trong giám sát an ninh, phân tích dữ liệu, truy xuất camera, điều phối lực lượng phản ứng nhanh phòng ngừa tội GRTTCC, cụ thể: Hệ thống camera AI giám sát 24/7 giúp phát hiện, nhận diện các đối tượng có hành vi gây rối, các tụ điểm gây rối, truy tìm nghi phạm và thu thập chứng cứ; hệ thống phân tích dữ liệu lớn dự báo

các điểm nóng, điều phối lực lượng phản ứng nhanh, ngăn chặn các hành vi GRTTCC; hệ thống ITS - điều khiển tín hiệu giao thông giúp quản lý lưu lượng người, hạn chế ùn tắc giao thông, tránh các điểm nóng dễ dẫn tới các hành vi xô xát, GRTTCC; ứng dụng báo cáo của người dân giúp tăng năng lực giám sát cộng đồng, phát hiện, cảnh báo và xử lý nhanh các mâu thuẫn, xung đột xã hội, GRTTCC; ứng dụng bản đồ số giúp điều phối lực lượng, phát hiện các tụ điểm phức tạp về ANTT.

Điển hình như, thành phố Hà Nội đã triển khai khoảng 261 camera AI tích hợp nhiều chức năng như nhận diện biển số, nhận diện khuôn mặt, phân tích lưu lượng người và phương tiện, điều chỉnh tín hiệu giao thông theo thời gian thực, gửi cảnh báo vi phạm đến người dân qua ứng dụng VNeID, VneTraffic và đến lực lượng công an địa phương trong vòng 2 giờ¹⁷², phấn đấu đến năm 2030, Hà Nội sẽ lắp đặt khoảng 40.000 camera giám sát, trong đó hơn 23.700 camera sử dụng cho mục tiêu giữ gìn trật tự xã hội và an ninh công cộng, số còn lại phục vụ giao thông, môi trường, quốc phòng¹⁷³; Thừa Thiên Huế triển khai ứng dụng như Hue-S cho phép người dân, du khách phản ánh hành vi vi phạm như tụ tập, lấn chiếm vỉa hè, đổ rác bừa bãi, hành vi vi phạm, gây rối về ANTT và nhận xử lý từ chính quyền địa phương trong thời gian thực, hỗ trợ giám sát cộng đồng.

Theo dự kiến trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030, sẽ triển khai dự án cấp quốc gia, đầu tư khoảng 93 triệu USD (gần 2.15 nghìn tỷ) xây dựng trung tâm chia sẻ dữ liệu camera quốc gia; nâng cấp trung tâm và triển khai camera tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quốc lộ 1¹⁷⁴. Bên cạnh đó, một số địa phương đã sử dụng nguồn ngân sách của tỉnh, thành phố, nguồn xã hội hóa để lắp đặt camera, xây dựng các phần mềm, ứng dụng phân tích dữ liệu đảm bảo ANTT; triển khai các tổ công nghệ số cộng đồng phục vụ phòng ngừa GRTTCC. Điển hình, trong giai đoạn 2023-2026, Đà Nẵng đầu tư hơn 404 tỷ VNĐ từ ngân

172. Báo điện tử Vietnamnew (2025), “Hà Nội deploys AI powered surveillance network across city”, https://vietnamnews.vn/society/1721489/ha-noi-deploys-ai-powered-surveillance-network-across-city.html?utm_source, truy cập ngày 5/4/2026.

173. Báo điện tử kinh tế đô thị (2025), “Hanoi’s surveillance revolution as 40000 cameras reshape urban security”, https://hanoitimes.vn/hanoi-s-surveillance-revolution-as-40-000-cameras-reshape-urban-security-643612.html?utm_source, truy cập ngày 4/4/2026.

174. Báo điện tử kinh tế đô thị (2021), “Vietnam to invest US\$93 million in installing traffic surveillance cameras nationwide”, <https://hanoitimes.vn/vietnam-to-invest-us93-million-in-installing-traffic-surveillance-cameras-nationwide.582163.html>, truy cập ngày 23/9/2025.

sách thành phố để hiện đại hóa Trung tâm điều hành và hệ thống camera giám sát phục vụ ANTT và giao thông.

Biện pháp điều tra, truy tố, xét xử

Về công tác điều tra: Thống kê cho thấy, giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025, Cơ quan điều tra trong công an nhân dân đã khởi tố 7649 vụ/48.978 bị can về tội GRTTCC, trong đó đình chỉ 42 vụ/103 bị can, tạm đình chỉ 763 vụ/807 bị can¹⁷⁵.

Trong quá trình điều tra, cơ quan chuyên trách luôn chú trọng công tác tiếp nhận, xử lý thông tin tố giác tội phạm qua nhiều hình thức như thông tin từ người dân phản ánh, báo tin trên hệ thống đường dây nóng 113; qua mạng lưới camera giám sát của trung tâm thông tin chỉ huy công an tỉnh, thành phố; qua thông tin được phản ánh trên cổng thông tin điện tử, trang fanpage của công an tỉnh, thành phố hoặc từ cơ quan báo chí; trực tiếp phát hiện thông qua các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

Sau khi tiếp nhận, cơ quan điều tra các cấp tiến hành nghiên cứu, xử lý các thông tin, tài liệu, vật chứng về vụ án và đối tượng phạm tội làm cơ sở xác định mục tiêu, yêu cầu, phạm vi, phương hướng điều tra cũng như cân nhắc, lựa chọn việc áp dụng biện pháp, chiến thuật điều tra vụ án cụ thể. Qua phỏng vấn cán bộ, chiến sĩ trực tiếp giải quyết các vụ án về tội GRTTCC thì 100% số người được hỏi đều cho rằng việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và những tài liệu có liên quan, nghiên cứu về nhân thân bị can là công việc bắt buộc và cần thiết để đảm bảo cho hoạt động điều tra được tiến hành một cách thuận lợi, giúp điều tra viên xác định hoàn cảnh phạm tội, đặc điểm tâm lý, thái độ khai báo của bị can. Các hoạt động điều tra cụ thể đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, có sự trao đổi, thông tin, phản hồi với Viện kiểm sát các cấp ở các thời điểm tố tụng khác nhau.

Về công tác truy tố của Viện kiểm sát: Từ năm 2018 đến năm 2025, VKSND các cấp đã giải quyết 5.928 vụ/ 43.024 bị can phạm tội GRTTCC theo đúng quy định của pháp luật, trong đó truy tố 5.772 vụ/ 41.987 bị can, đình chỉ 04 vụ/11 bị can; tạm đình chỉ 3 vụ/06 bị can¹⁷⁶. Bên cạnh đó Viện kiểm sát còn thực hiện kiến nghị xây dựng pháp luật, quy chế phối hợp giữa các cơ quan tố tụng trong giải quyết vụ án và

175. Cục Thống kê tội phạm và công nghệ thông tin của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

176. Cục Thống kê tội phạm và công nghệ thông tin của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

người phạm tội GRTTCC; kiến nghị Chính phủ, các bộ ngành giải pháp đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung; tham gia hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong điều tra, truy tố, xét xử tội GRTTCC¹⁷⁷.

Qua nghiên cứu báo cáo về công tác kiểm sát của Viện Kiểm sát cho thấy, 100% VKSND các cấp trong quá trình thực thi nhiệm vụ, quyền hạn đã kiến nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể địa phương tích cực tham gia thực hiện các phương án, chương trình, kế hoạch phòng ngừa tội GRTTCC, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác QLNN về ANTT, đẩy mạnh phát động phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”, xây dựng các mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại cơ sở tạo cơ sở cho phòng, chống tội GRTTCC; làm rõ nguyên nhân của tội GRTTCC, trực tiếp tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội GRTTCC và khởi tố¹⁷⁸; 100% VKSND các cấp của địa phương tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác và hệ thống mẫu báo cáo công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân¹⁷⁹.

Đoàn thanh niên VKSND địa bàn một số tỉnh, thành phố đã chủ trì phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tổ chức phiên tòa giả định vụ án hình sự GRTTCC nhằm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đoàn viên, thanh niên là học sinh của nhà trường, qua đó giúp các em hiểu rõ hơn về pháp luật nói chung và các quy định bảo vệ ANTT, an toàn xã hội nói riêng¹⁸⁰.

Về công tác xét xử của Tòa án: Từ năm 2018 đến năm 2025 Tòa án các cấp đã giải quyết 5.710 vụ/41.261 bị cáo, trong đó đã xét xử 5.354 vụ/38.098 bị cáo; đình chỉ 2 vụ/27 bị cáo, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát 781 vụ/8.281 bị cáo; số vụ án trả hồ sơ nhưng Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của Tòa án là 27 vụ¹⁸¹.

Qua khảo sát cho thấy 100% các vụ việc phạm tội GRTTCC được Tòa án các cấp trên địa bàn cả nước giải quyết trong thời hạn luật định; bảo đảm 100% các

177. Luật Tổ chức viện kiểm sát, tldd.

178. Báo điện tử bảo vệ pháp luật (2025), “Kiến nghị phòng ngừa vi phạm pháp luật liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng”, <https://baovephapluat.vn/vien-kiem-sat-khang-nghi-kien-nghi-phong-ngua-vi-pham-phap-luat-lien-quan-den-hanh-vi-gay-roi-trat-tu-cong-cong-173853.html>, truy cập ngày 23/9/2025

179. Kế hoạch số 113/KH-VKSTC ngày 15/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo VKSND các cấp trong tình hình mới.

180. Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội (2024), “Phiên tòa giả định tuyên truyền pháp luật gây rối trật tự công cộng”, https://vkshanoi.gov.vn/chi-tiet-tin/phien-toa-gia-dinh-tuyen-truyen-phap-luat-gay-roi-trat-tu-cong-cong-tai-truong-22917.html?utm_source, truy cập ngày 8/3/2026.

181. Cục Thống kê tội phạm và công nghệ thông tin của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

bản án, quyết định của Tòa án về tội GRTTCC được ban hành trong thời hạn luật định (bao gồm cả quyết định thi hành án hình sự đối với 100% người bị kết án phạt tù GRTTCC).

Tòa án các cấp đã tổ chức rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyên môn nghiệp vụ trong xét xử các vụ án GRTTCC, đặc biệt là tổ chức xét xử bị cáo phạm tội GRTTCC là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo mô hình Tòa án gia đình và người chưa thành niên, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người phạm tội theo luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội và các văn bản pháp luật khác có liên quan, điển hình như tại Bản án số 577/2022/HS-PT ngày 21-07-2022 của TAND thành phố Hà Nội xét xử bị cáo Phùng Minh T phạm tội GRTTCC căn cứ theo điểm b, khoản 2, Điều 318 BLHS đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án cấp sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 24 tháng xuống 18 tháng ở bản án phúc thẩm do bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, bị bệnh động kinh (vẫn có năng lực trách nhiệm hình sự), được hưởng trợ cấp xã hội; tại bản án số 659/2021/HS-PT ngày 07-1-2021 của TAND thành phố Hà Nội cấp phúc thẩm đã áp dụng chính sách hình sự khi quyết định hình phạt với bị cáo theo Điều 91, Điều 101 của BLHS, xét thấy bị cáo Nguyễn Ngọc S và Nguyễn Đức T vừa bước qua tuổi vị thành niên, các bị cáo còn suy nghĩ bông bột, hoàn cảnh gia đình khiếm khuyết, đặc biệt gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc S bỏ bỏ đi từ lúc 05 tuổi, mẹ bị bại liệt nên đã giảm nhẹ hình phạt, sửa bản án sơ thẩm số 68/2021/HS-ST ngày 18/3/2021 của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Thực tiễn cho thấy, công tác phòng ngừa tội GRTTCC luôn được Tòa án quan tâm, cụ thể: Tòa án đã áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các đối tượng phạm tội GRTTCC có tổ chức, có hành vi phá phách, dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách; gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng; xúi giục người khác gây rối; hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng; tái phạm nguy hiểm. Bên cạnh đó áp dụng chính sách hình sự khoan hồng với các đối tượng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tòa án nhân dân đã tổ chức triển khai tốt công tác hòa giải đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật

Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thông qua các đợt tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ; phát hành cuốn Sổ tay nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải, đối thoại tại Tòa án; phát hành tờ rơi tuyên truyền, phổ biến pháp luật; cuốn chỉ dẫn Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; bổ nhiệm được hơn 3.000 Hòa giải viên¹⁸² là những người hiểu biết về pháp luật, có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực công tác, hiểu biết về phong tục tập quán và có uy tín trong cộng đồng dân cư; xây dựng và triển khai sử dụng phần mềm trợ lý ảo giúp các Thẩm phán nâng cao chất lượng hiệu quả giải quyết án¹⁸³.

Tòa án nhân dân tại các địa phương trên địa bàn cả nước đã tổ chức xây dựng kế hoạch, lịch tiếp công dân định kỳ hàng tháng và công khai trụ sở tiếp công dân, có mở sổ theo dõi, ghi biên bản theo đúng quy định để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân để kịp thời giải quyết, bảo đảm quyền lợi cho công dân. Sau các buổi tiếp công dân, công chức phụ trách tiếp công dân đã tham mưu, báo cáo lãnh đạo chỉ đạo kiểm tra, xác minh, xử lý kịp thời, giải quyết dứt điểm các vướng mắc của công dân¹⁸⁴. Ngoài ra, nhằm phục vụ cho hoạt động xây dựng thể chế, đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử các vụ án GRTTCC, Tòa án đã chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, giải đáp nghiệp vụ xét xử, đặc biệt là tham gia xây dựng Luật tư pháp người chưa thành niên (đối tượng người phạm tội GRTTCC phổ biến hiện nay).

Mặc dù các Biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ triển khai tuần tự, bài bản, vận dụng một cách linh hoạt dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể, tuy nhiên thực tiễn áp dụng biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ trong phòng ngừa tội GRTTCC còn một số hạn chế, thiếu sót như:

Công tác nắm tình hình của lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa tội GRTTCC tại một số địa bàn còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu, chủ yếu dựa vào nguồn tin truyền thống chưa theo kịp diễn biến thay đổi của đời sống xã hội, đặc biệt là các hội, nhóm kín trên không gian mạng. Việc phân tích, đánh giá thông tin về các đối tượng, địa bàn, các cơ sở kinh doanh có điều kiện còn hạn chế,

182. Năm 2025, TAND các cấp đã bổ nhiệm được hơn 3.000 Hòa giải viên.

183. Năm 2025, đã có hơn 483.000 lượt Thẩm phán truy cập sử dụng trợ lý ảo.

184. Điển hình, trong năm 2024, các TAND đã tiếp 346.336 lượt công dân (TAND tối cao tiếp 5.101 lượt; TAND cấp cao tiếp 11.374 lượt và các TAND cấp tỉnh tiếp 329.861 lượt; trong đó, lãnh đạo các TAND trực tiếp tiếp 11.381 lượt).

chưa dự báo được nhanh, kịp thời các thông tin về xu hướng của các nhóm, hội, đối tượng có nguy cơ cao thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC để phòng ngừa.

Hoạt động tuần tra, kiểm soát trong phòng ngừa tội GRTTCC còn mang tính thời điểm do địa bàn quản lý rộng, cùng lúc lực lượng Công an đảm nhiệm nhiều việc liên quan tới ANTT. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với các cá nhân vi phạm đôi khi còn chậm, thiếu linh hoạt, chưa kịp thời ngăn chặn hành vi GRTTCC, mới chỉ tập trung vào xử lý “phần ngọn” chưa gắn chặt với các biện pháp phòng ngừa từ sớm, phòng ngừa xã hội, tác động vào nguyên nhân của tội phạm GRTTCC. Việc xây dựng kế hoạch, phương án phòng ngừa còn chưa bám sát thực tiễn, chưa có tính phân loại gắn với các tình huống, địa bàn công cộng cụ thể; công tác quản lý, giáo dục, đưa đối tượng đi cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng còn khó khăn, bất cập; chế độ thông tin báo cáo về một số vụ án, vụ việc có sử dụng vũ khí, gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc dư luận của Công an một số địa phương cấp cơ sở với Ban Giám đốc, Phòng nghiệp vụ để chỉ đạo giải quyết còn chưa kịp thời và làm ảnh hưởng kết quả điều tra, xử lý...

Thực tiễn ứng dụng biện pháp khoa học, kỹ thuật trong phòng ngừa tội GRTTCC còn bộc lộ nhiều hạn chế do nguồn lực đầu tư cho hệ thống cơ sở hạ tầng dữ liệu lớn; nhiều địa phương vẫn phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước nên việc triển khai còn mang tính cầm chừng, thiếu tính đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Không chỉ vậy, sự chênh lệch về hạ tầng công nghệ giữa các địa phương làm cho khả năng kết nối liên thông hạn chế, làm gián đoạn quá trình thu thập, chia sẻ và xử lý thông tin, khó khăn trong nhận diện các nhóm đối tượng có nguy cơ GRTTCC, đặc biệt là các hội, nhóm hoạt động trên không gian mạng hoặc các đối tượng phạm tội gây rối di chuyển liên địa bàn.

Hiện nay, đội ngũ nhân lực có trình độ cao về công nghệ thông tin, có khả năng phân tích dữ liệu và dự báo chiến lược trong các cơ quan nhà nước còn thiếu dẫn đến tình trạng các hệ thống hiện có chưa được khai thác hết hiệu quả, việc nhận diện sớm nguy cơ GRTTCC còn mang tính bị động, vẫn chủ yếu dừng ở mức phản ứng khi vụ việc đã xảy ra, chưa thực sự chuyển sang mô hình phòng ngừa chủ động, dựa trên dữ liệu và dự báo khoa học.

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ trong các cơ quan áp dụng pháp luật còn chưa đáp ứng được yêu cầu do chưa nhay bén về chuyên môn,

nghiệp vụ, quy trình chưa chặt chẽ, khép kín là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỉ lệ ẩn của tội GRTTCC vẫn còn; lực lượng chuyên trách làm công tác đảm bảo ANTT, tuần tra, kiểm soát còn mỏng và phải đảm nhiệm cùng lúc nhiều nội dung công việc như tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, chuyên án truy xét, truy tìm... nên hiệu quả công tác phòng ngừa chưa cao. Bên cạnh đó, cơ chế thông tin, báo cáo trong một số vụ việc phức tạp về ANTT thiếu sự hướng dẫn của cơ quan Viện kiểm sát, Tòa án cấp trên dẫn tới tính thiếu thống nhất, đồng bộ trong quá trình áp dụng dẫn tới hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC còn hạn chế.

Những hạn chế, bất cập từ thực tiễn tổ chức lực lượng, tổ chức mối quan hệ phối hợp và áp dụng các biện pháp phòng ngừa chung, phòng ngừa nghiệp vụ xuất phát từ nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan khác nhau, do đó công tác phòng ngừa tội GRTTCC thời gian qua chưa phát huy được hết các nguồn lực, cũng như sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, trong khi tình hình kinh tế, xã hội, tình hình tội phạm GRTTCC ở Việt Nam luôn vận động. Điều này có thể phát sinh những mâu thuẫn, xung đột trong sinh hoạt, đời sống, là nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội GRTTCC. Thời gian tới, yêu cầu đặt ra là phải dự báo sát với thực tế và có những giải pháp tăng cường các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC một cách hiệu quả.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận án tác giả đã tập trung nghiên cứu, phân tích làm rõ:

Thứ nhất, tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam được khảo sát, đánh giá là kết quả của hoạt động phòng ngừa do các chủ thể tiến hành, từ tình hình tội GRTTCC tác giả hiệu quả phòng ngừa, thực trạng phòng ngừa tội phạm này.

Tác giả đã phân tích thực trạng mức độ tình hình tội GRTTCC từ năm 2018-2025. Đặc biệt, tác giả đã đánh giá chỉ số tội phạm và chỉ số người phạm tội, tội phạm ẩn, cơ cấu tội phạm theo địa điểm, địa bàn phạm tội (địa phương cấp tỉnh); cơ cấu theo hình thức phạm tội, cơ cấu theo động cơ phạm tội; cơ cấu về thời gian; mức độ hậu quả, thiệt hại; cơ cấu hình phạt áp dụng, vấn đề nhân thân người phạm tội. Tác giả cũng đánh giá diễn biến về mức độ của tội GRTTCC có sự tăng, giảm không đều qua từng năm, nhưng nhìn chung là có xu hướng tăng.

Thứ hai, thực tiễn tổ chức lực lượng và cơ chế phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam được tác giả luận án phân tích theo các nhóm chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo; nhóm chủ thể là các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan QLNN; nhóm chủ thể là các cơ quan khác, cá nhân khác có liên quan. Bên cạnh những ưu điểm đạt được, tác giả cũng đã chỉ ra những hạn chế về tổ chức lực lượng và mối quan hệ phối hợp.

Thứ ba, tác giả luận án tập trung phân tích thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC, trong đó đi sâu làm rõ kết quả đạt được cũng như phân tích những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa cụ thể. Chính những thực trạng, hạn chế trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC là nguyên nhân của tội phạm gây rối trật tự công cộng, cụ thể như (1) Nguyên nhân từ sự tác động tiêu cực phát sinh từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội như tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, sự bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo; những hạn chế của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quy mô dân số tập trung ở các thành phố, khu công nghiệp quá lớn, mật độ dân số đông, cơ sở hạ tầng phát triển chưa đáp ứng, theo kịp dẫn tới phát sinh xung đột về lợi ích, xung đột xã hội, GRTTCC... (2) Hạn chế trong giáo dục ý thức, văn hóa truyền thống, kiểm soát thông tin, kiểm soát, phòng ngừa văn hóa xấu độc, hạn chế trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật dẫn tới một bộ phận người dân có lối sống không lành mạnh, coi thường pháp luật, thích thể hiện, ưu thích sử dụng bạo lực để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột về lợi ích; (3) Hạn chế trong công tác quần chúng, công tác QLNN về ANTT; (4) Hạn chế trong các hoạt động phòng ngừa chuyên trách của các cơ quan có thẩm quyền như cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cùng những hạn chế về pháp luật; (5) Những phẩm chất tâm lý tiêu cực từ người phạm tội cũng là nguyên nhân của tội GRTTCC.

Việc nghiên cứu làm rõ về tình hình tội phạm, thực trạng áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC cụ thể, xác định rõ nguyên nhân của tội GRTTCC có ý nghĩa quan trọng trong lựa chọn các biện pháp phòng ngừa hiệu quả, khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc tổ chức thực hiện, tăng cường các biện pháp phòng ngừa đã có và tìm kiếm, thay thế, phát triển các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Chương 3

DỰ BÁO VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG Ở VIỆT NAM

3.1. Dự báo

3.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tội phạm là một trong những nội dung nghiên cứu của tội phạm học, đó là các giả định về xu hướng phát triển của tội phạm, đánh giá sự biến đổi của tội phạm trong một tương lai cụ thể: *“Dự báo tội phạm là toàn bộ các hoạt động phân tích, đánh giá nhằm phán đoán về tình hình tội phạm xảy ra trong tương lai trên một địa bàn cụ thể và trong khoảng thời gian xác định”*¹⁸⁵. Như vậy, dự báo tội GRTTCC ở Việt Nam chính là phán đoán về mức độ, cơ cấu, tính chất và xu hướng vận động của tội GRTTCC ở Việt Nam trong tương lai.

Dự báo tội GRTTCC là một bộ phận của hoạt động dự báo xã hội, được thực hiện nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng, triển khai các biện pháp phòng ngừa cụ thể.

Hoạt động dự báo tội GRTTCC ở Việt Nam phải tuân thủ các nguyên tắc: (1) Nguyên tắc duy vật biện chứng: Bảo đảm việc nhận thức tội GRTTCC như một hiện tượng xã hội khách quan, đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với các hiện tượng xã hội tiêu cực khác, đặc biệt là các yếu tố tiêu cực là nguyên nhân làm phát sinh hoặc gia tăng tội phạm như tình trạng thất nghiệp, vấn đề đô thị hóa, tốc độ gia tăng dân số, bất bình đẳng xã hội, sự phổ biến văn hóa xấu độc và các hiện tượng xã hội tiêu cực khác; (2) Nguyên tắc kế thừa lịch sử: Bảo đảm xem xét, đánh giá diễn biến tình hình tội GRTTCC có sự vận động riêng và trong tổng thể sự vận động chung của các hiện tượng xã hội; mặt khác công tác phòng ngừa tội phạm này có sự kế thừa các kết quả, kinh nghiệm thực tiễn; (3) Nguyên tắc đồng bộ, liên ngành: Việc dự báo phải được tiến hành đồng thời với dự báo về các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, dân số và các lĩnh vực có liên quan khác, bảo đảm

185. Dương Tuyết Miên (2019), tldđ, tr.283.

cách tiếp cận tổng thể, liên thông, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, kế hoạch phòng ngừa tội GRTTCC.

Dự báo tội GRTTCC được coi là kết quả phái sinh sau khi dự báo các vấn đề khác trong xã hội¹⁸⁶. Điều này được lý giải do cơ chế tác động liên quan đến phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội GRTTCC nói riêng.

Cơ sở chính trị: Để đưa ra dự báo, cần căn cứ vào định hướng chính trị của Đảng trong từng giai đoạn, bảo đảm thống nhất với quan điểm, chủ trương, đường lối lãnh đạo về công tác phòng, chống tội phạm. Trong đó, cần đặc biệt quán triệt các nội dung được xác định tại Kết luận số 13-KL/TW ngày 26/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo đó, dự báo: *“tình hình tội phạm sẽ còn diễn biến phức tạp, với nhiều thủ đoạn mới, thành phần đa dạng, có xu hướng trẻ hóa... việc khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm chưa giải quyết được triệt để; tệ nạn xã hội vẫn tiềm ẩn phức tạp”*¹⁸⁷.

Với mục tiêu tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế, yếu kém và chủ động hơn trong công tác phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương cần *“lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước, Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”*; *“hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán”*; *“xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”*¹⁸⁸.

186. Nguyễn Xuân Yêm (2001), tldd, tr. 338.

187. Kết luận số 13-KL/TW ngày 26/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

188. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đây là những cơ sở chính trị quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam, là căn cứ để các ngành, các cấp các địa phương triển khai thực hiện phòng ngừa trong thời gian tới.

Cơ sở pháp lý: định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, phù hợp với thực tiễn và cải cách tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh và liêm chính sẽ tiếp tục củng cố niềm tin xã hội đối với pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC, góp phần giữ vững kỷ cương, trật tự an toàn xã hội.

Cơ sở về kinh tế - xã hội: Định hướng phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục được đề cập trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước¹⁸⁹ sẽ giải quyết được gốc rễ hiện tượng tội phạm, thể hiện sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước, xã hội trong phòng ngừa tội GRTTCC, cụ thể: Hướng tới phát triển và quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý con người theo hướng hiện đại; đổi mới căn bản toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu quốc gia, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo; loại bỏ những tác động tiêu cực của văn hóa không lành mạnh trong việc hình thành nhân cách cá nhân... Đây sẽ là những yếu tố căn bản quyết định tới hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC trong thời gian tới.

Cơ sở thực tiễn: Phản ánh yêu cầu cấp thiết phải đổi mới tư duy và phương thức phòng ngừa, vừa là căn cứ để xây dựng, điều chỉnh chính sách, pháp luật phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm GRTTCC trong thời gian tới. Cơ sở thực tiễn biểu hiện thông qua tình hình tội GRTTCC; nguyên nhân của tội GRTTCC; hiệu quả, mức độ tổ chức lực lượng, triển khai áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC cụ thể.

3.1.2. Nội dung dự báo

Dự báo về tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam

Thứ nhất, tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam thời gian tới vẫn còn diễn biến phức tạp. Tội GRTTCC tiếp tục giữ tỷ lệ cao về số vụ, số đối tượng thực hiện,

189. Đại hội XIV của Đảng, Phụ lục 4, Đánh giá 05 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

thành phần đối tượng đa dạng, đặc biệt tại các thành phố lớn, trung tâm đô thị, khu công nghiệp, tuyến phố trung tâm, khu vực hoạt động dịch vụ kinh doanh có điều kiện, sẽ xuất hiện nhiều vụ việc phạm tội gây rối trật tự có quy mô lớn, số lượng người tham gia đông, theo băng nhóm phạm tội có tổ chức thực hiện.

Thứ hai, xuất hiện những phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC mới. Các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC có sự đa dạng về thành phần lứa tuổi, nhân thân, điều kiện sống, có thể không quen biết nhau từ trước; triệt để lợi dụng sự phát triển của các nền tảng mạng xã hội, nhóm kín, diễn đàn kín để tổ chức, lôi kéo, kích động người khác cùng thực hiện hành vi GRTTCC.

Thứ ba, địa bàn phạm tội GRTTCC rộng không bị giới hạn về không gian, khu vực địa lý, tuy nhiên tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn, khu công nghiệp của Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nam; Đồng Nai; các tuyến phố trung tâm, địa bàn giáp ranh giữa nội thành và ngoại thành, các địa điểm có hoạt động dịch vụ, giải trí về đêm, kinh doanh có điều kiện về ANTT, nhiều vụ việc xảy ra trước cổng trường, nhà người dân, hành lang chung cư gây mất an ninh, an toàn. Thời gian diễn ra các hành vi phạm tội GRTTCC chủ yếu vào giờ cao điểm giao thông, giờ sinh hoạt văn hóa, giải trí từ 18h-22h đêm, cuối tuần, dịp lễ, các sự kiện văn hóa, thể thao lớn. Cách thức thực hiện hành vi phạm tội vẫn có xu hướng kết hợp giữa sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội với gây rối, phá phách, la ó, hò hét gây ảnh hưởng xấu về ANTT.

Thứ tư, nguyên nhân dẫn tới việc thực hiện các hành vi phạm tội GRTTCC chủ yếu vẫn là do mâu thuẫn cá nhân, xung đột xã hội, xung đột về lợi ích trong một số lĩnh vực như đất đai, nhà ở, an sinh xã hội, tài chính...; ảnh hưởng tác động tiêu cực từ mức độ đô thị hóa, gia tăng dân số, các trào lưu văn hóa độc hại, thông tin xấu độc, bạo lực dễ ảnh hưởng, tác động tới giới trẻ, làm thay đổi định hướng giá trị, làm suy thoái đạo đức dẫn tới các tệ nạn xã hội. tội phạm là những hiện tượng tất yếu. Tuy nhiên, thời gian tới xuất hiện nguyên nhân, điều kiện mới làm phát sinh tội GRTTCC như khoe chiến tích, gây sự chú ý, muốn khẳng định bản thân của một bộ phận thanh thiếu niên hư có lối sống vô trách nhiệm, thích bạo lực, các đối tượng vừa kết hợp quay clip, livestream vừa để thị uy, tạo hành vi bắt chước, lây lan.

Thứ năm, tội phạm GRTTCC có xu hướng trẻ hóa, xuất hiện nhiều vụ việc có tính chất sử dụng bạo lực kèm theo việc sử dụng hung khí, vũ khí để giải quyết mâu thuẫn. Tính chất hành vi ngày càng manh động, côn đồ, không chỉ gây mất trật tự mà còn đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe người dân.

Dự báo về hoạt động phòng ngừa tội phạm GRTTCC ở Việt Nam

Thứ nhất, về chủ trương, đường lối phòng ngừa tội phạm trong thời gian tới tiếp tục được hoàn thiện, bám sát thực tiễn, mang tính chiến lược lâu dài, bền vững, gắn gũi với cuộc sống, ngày càng nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền, địa phương và người dân. Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện quyết liệt, trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả hơn, hệ thống pháp luật được rà soát tổng thể, thống nhất theo hướng dễ tiếp cận, phù hợp, khả thi, loại bỏ các quy định còn chồng chéo, không phù hợp, gây cản trở cho phát triển.

Thứ hai, công tác phòng ngừa xã hội vẫn là nền tảng xuyên suốt, sử dụng dư luận xã hội tiếp tục là sức mạnh phòng ngừa tội GRTTCC trong thời gian tới. Các biện pháp phòng ngừa xã hội về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục thời coi trọng, có tác dụng phòng ngừa bền vững, lâu dài; các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT được nhân rộng, huy động được nhiều lực lượng, chủ thể tham gia phòng ngừa tội GRTTCC; cơ chế xã hội hóa trong phòng ngừa tội phạm được thiết lập; nhiều khu dân cư, cơ quan, trường học đạt chuẩn về ANTT, nhiều địa bàn phức tạp về ANTT được chuyển hóa góp phần kiểm soát, phòng ngừa tội GRTTCC; các hương ước, quy tắc của cộng đồng dân cư được tiếp thu có chọn lọc trong phòng, chống tội GRTTCC.

Thứ ba, hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật sẽ ngày càng được tăng cường và hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, cơ chế phối hợp, nguồn lực về con người được đào tạo chính quy, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đảm bảo sức rắn đề, cưỡng chế, kiểm soát, kiểm chế tội phạm GRTTCC gia tăng, diễn biến phức tạp. Nhiều thiết bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ được trang bị đảm bảo hoạt động QLNN có hiệu quả.

Thứ tư, thời gian tới, các chủ thể phòng ngừa tội phạm sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình trong công tác phòng, chống tội GRTTCC. Lực lượng Cơ quan

điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án tiếp tục hoàn thiện về tổ chức, bộ máy, bổ sung về nguồn lực con người, ngày càng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có thêm nhiều kinh nghiệm đáp ứng với yêu cầu của cải cách tư pháp. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể trong phòng ngừa tội GRTTCC sẽ phát huy hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục.

Thứ năm, việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong phòng ngừa tội GRTTCC thời gian tới là xu hướng tất yếu, đây là cơ sở cho hoạt động phòng ngừa, kiểm soát hiện đại và quản lý xã hội. Tất cả lực lượng tiến tới việc thực hiện đồng bộ các phương tiện, thành tựu của khoa học kỹ thuật trong QLNN, quản lý xã hội, phòng ngừa tội phạm, cả các biện pháp phòng ngừa xã hội như văn hóa, giáo dục, vận động quần chúng cũng như các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ cũng sẽ áp dụng công nghệ hiện đại, khai thác dữ liệu điện tử, dữ liệu quốc gia về quản lý dân cư để giám sát các địa điểm công cộng, tuyến giao thông, quản lý cư trú, phát hiện, xử lý mâu thuẫn, xung đột tại các khu dân cư, tuyến phố, phòng ngừa từ sớm, từ xa, phòng ngừa những nguy cơ gây mất ANTT, GRTTCC.

3.2. Giải pháp tăng cường phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

3.2.1. Tăng cường cơ sở chính trị - pháp luật cho hoạt động phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Cơ sở chính trị

Phòng ngừa tội GRTTCC là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, có tính lâu dài, nhiều khó khăn, thách thức, là cuộc chiến chung của toàn xã hội đòi hỏi phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thống nhất, tập trung của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương và lực lượng chuyên trách.

Thời gian tới từ cấp trung ương tới địa phương cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo đảm ANTT, phòng, chống tội GRTTCC; trong đó, xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong bảo đảm ANTT, phòng, chống tội gây rối trật tự, góp phần thực hiện thành

công mục tiêu giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương.

Chính phủ, các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố và cấp xã cần đặc biệt chú ý tới việc xây dựng, ban hành kế hoạch tổng thể về phòng, chống tội phạm trong các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm có nguồn lực, có cơ chế kiểm tra, giám sát, rõ ràng; thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên duy trì chế độ kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết ở các cấp để rút kinh nghiệm về chỉ đạo, điều hành và nhân rộng các mô hình, phương pháp, giải pháp có hiệu quả; thúc đẩy xây dựng cơ chế điều phối lực lượng trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp cần chỉ đạo lồng ghép nội dung phòng ngừa tội GRTTCC vào nghị quyết về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, chính sách về an sinh xã hội ở địa phương như chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình giải quyết việc làm, xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa... các nội dung triển khai trong văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp phải bảo đảm tính chủ động, thống nhất, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn về văn hóa, kinh tế, xã hội, dân cư nhằm loại bỏ các điều kiện, nguy cơ làm phát sinh tội GRTTCC.

Tăng cường nhận thức của người đứng đầu tại cấp chính quyền, địa phương, đặc biệt là chính quyền cấp cơ sở trong phòng ngừa tội GRTTCC, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa. Công tác xây dựng và triển khai chính sách phòng ngừa tội GRTTCC cần xác định bản chất xã hội là hệ thống tự điều chỉnh, trong đó con người và cộng đồng tự xây dựng các quy tắc, chuẩn mực để bảo đảm ổn định và phát triển, từ đó định hình cách thức giải quyết xung đột trên cơ sở văn minh, thượng tôn pháp luật, vì vậy phải đặc biệt chú trọng yếu tố cộng đồng, ý thức tự giác xã hội và dư luận xã hội, bởi đây là cơ chế kiểm soát hành vi hữu hiệu. Việc hình thành các chuẩn mực ứng xử, giá trị xã hội tích cực trong cộng đồng sẽ góp phần định hướng hành vi, loại bỏ tâm lý lệch chuẩn, là tiền đề quan trọng để giảm

các hành vi phạm tội GRTTCC. Bên cạnh đó, cần tăng cường các hoạt động giám sát thực thi chính sách, pháp luật tại các địa phương.

Xây dựng chính sách, kế hoạch phòng ngừa tội GRTTCC cần thiết lập được các cơ chế, tiêu chí phòng ngừa cụ thể, mang tính sáng tạo, đặc thù phù hợp với từng địa bàn, đặc biệt là khu vực công cộng tập trung đông người như bến xe, chợ, trường học, bệnh viện, bến cảng, khu dân cư phức tạp. Bên cạnh đó, các cơ quan có thẩm quyền cần thúc đẩy xây dựng bộ tiêu chí về đô thị văn minh, nông thôn kiểu mẫu, trong đó có cơ chế tự phòng ngừa, quy tắc xử lý xung đột, cơ chế giám sát của cộng đồng đối với các hành vi vi phạm trật tự công cộng.

Cơ sở pháp luật

Hoàn thiện các quy định về phòng ngừa và xử lý hành chính

Thời gian tới cần tập trung sửa đổi các quy định về xử phạt hành chính theo hướng nghiêm khắc hơn nhằm răn đe, giáo dục đối với người có hành vi xâm phạm trật tự công cộng; quy định chặt chẽ hơn về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện, đặc biệt là các cơ sở đã có sai phạm trong lĩnh vực ANTT, để xảy ra các hành vi phạm tội GRTTCC xuất phát từ lỗi chủ quan của cơ sở kinh doanh, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu xây dựng hình phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong thời hạn từ 09 đến 12 tháng đối với các cơ sở có hành vi vi phạm.

Nghiên cứu hướng dẫn cụ thể các quy định về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến ANTT, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội đặc biệt là các hành vi GRTTCC mang tính kích động, xúi giục gây rối diễn ra trên không gian mạng.

Nghiên cứu sửa đổi một số quy định về bảo đảm ANTT trong Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ANTT, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng tăng mức tiền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi GRTTCC; quy định rõ nhóm hành vi GRTTCC có kèm theo gây thương tích, xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; hành vi GRTTCC làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, hoạt động công cộng; bỏ

sung các dạng hành vi GRTTCC gắn với việc sử dụng công cụ phương tiện như phương tiện bay không người lái, mạng điện tử, viễn thông GRTTCC; quy định chặt chẽ thẩm quyền xử phạt và mức xử phạt trong lực lượng CAND, trình tự thu thập, tiếp nhận đối với tình hình, phản ánh của nhân dân về các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội khi chưa bị phát hiện làm căn cứ để xử lý hình sự.

Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự trong phòng ngừa tội GRTTCC

Thời gian tới, liên ngành Tư pháp trung ương cần nhanh chóng ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng tình tiết định tội “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội” là mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra, là hậu quả phi vật chất và phát sinh trực tiếp từ hành vi GRTTCC trên cơ sở khoản 4, Điều 4 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Công văn số 1120/VKSTC-V14 ngày 28/3/2023 tổng hợp, giải đáp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, Viện kiểm sát các cấp trong 03 năm (năm 2020 - 2022).

Thống nhất hướng dẫn áp dụng tình tiết “đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm về hành vi này” theo hướng dẫn tại Mục 6 Nghị quyết 01/2006/NQ-TANDTC của TAND tối cao, chỉnh sửa để phân biệt với đã bị “xử lý hành chính” để áp dụng hình phạt tịch thu phương tiện trong trường hợp người chưa thành niên có hành vi GRTTCC; phân biệt giữa “xử phạt vi phạm hành chính”, “vi phạm hành chính”, “xử lý hành chính”, “vi phạm pháp luật về ANTT”, “vi phạm hành chính nhiều lần” về hành vi GRTTCC hay “tái phạm” về hành vi GRTTCC trong Luật xử phạt vi phạm hành chính với điều kiện “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm”.

Hướng dẫn tình tiết “có hành vi phá phách” là trường hợp trong khi thực hiện hành vi gây rối, người phạm tội đã có hành vi đập phá tài sản nhưng thiệt hại về tài sản chưa đến mức cấu thành tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác”.

Hướng dẫn tình tiết “Gây cản trở giao thông nghiêm trọng” là trường hợp gây cản trở giao thông từ 2 giờ trở lên hoặc gây cản trở giao thông ở những tuyến giao thông quan trọng, làm ách tắc giao thông trên diện rộng (không phân biệt thời gian bao lâu) theo điểm 5.2 của Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

17/4/2003 “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự” của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Hướng dẫn tình tiết “gây đình trệ hoạt động công cộng” là trường hợp do hành vi gây rối mà hoạt động công cộng bị đình trệ, tạm dừng hoạt động không phân biệt thời gian đình trệ dài hay ngắn.

Hướng dẫn tình tiết “xúi giục người khác gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 318 BLHS năm 2015 là hành vi lôi kéo, kích động, dụ dỗ người khác gây rối biểu hiện ở việc người bị phạm tội tác động, chi phối, thuyết phục người khác gây rối cùng với mình. Tuy nhiên, cần lưu ý: Người phạm tội bị áp dụng tình tiết này khi có hành vi xúi giục người khác gây rối nhưng không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức với vai trò là người xúi giục trong vụ án có đồng phạm. Nếu việc xúi giục của người phạm tội không liên quan trực tiếp và chi phối hành vi gây rối thì không phải là hành vi xúi giục người khác gây rối.

Hướng dẫn tình tiết “Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng” là hành hung với người đã ngăn chặn hành vi gây rối như đánh lại người đã can ngăn, khuyên bảo, giải thích góp ý... hoặc vì họ đã có hành động nào đó không cho người phạm tội gây rối để bảo vệ trật tự công cộng.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý: Người can thiệp, bảo vệ trật tự công cộng có thể là bất kỳ người nào. (1) Nếu người can thiệp là người đang thi hành công vụ mà người phạm tội có hành vi chống lại người đang làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự công cộng nhằm mục đích cản trở người thi hành công vụ hoặc ép buộc họ thực thi hành vi trái pháp luật thì xử lý về tội chống người thi hành công vụ (Điều 330 BLHS); (2) Nếu người can thiệp là người đang thi hành công vụ mà người phạm tội có hành vi chống lại và gây thương tích hoặc chết người, người đang làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự công cộng thì sẽ cấu thành các tội phạm tương ứng.

Hướng dẫn trong xử lý hành vi “dùng vũ khí” theo tinh thần của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 khi quy định “dao có tính sát thương cao gắn với mục đích sử dụng để thực hiện hành vi GRTTCC, làm mất trật tự công cộng” là vũ khí thô sơ; hướng dẫn về tình tiết “dùng hung khí” khác với tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm”.

Hướng dẫn, giải thích rõ thuật ngữ “nơi công cộng” là những khu vực sinh hoạt chung của xã hội, cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức diễn ra thường xuyên hoặc không thường xuyên mà mọi người đều có quyền tiếp cận, sử dụng.

Hướng dẫn hành vi GRTTCC gắn với cách thức thực hiện hành vi GRTTCC khác như đưa tin đồn, thông tin sai sự thật, phá rối hoạt động của cơ quan nhà nước, xâm hại môi trường công cộng; nhóm hành vi GRTTCC gây hậu quả về tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm người khác hoặc làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, hoạt động công cộng;

Hướng dẫn về chính sách xử lý tội GRTTCC căn cứ vào quy mô, hậu quả của hành vi GRTTCC, phạm vi ảnh hưởng xấu trên không gian địa bàn rộng, hẹp như thế nào, đối tượng gây ảnh hưởng xấu ra sao. Trong xử lý đồng phạm tội GRTTCC có sự phân tách, đánh giá có sự “tiếp nhận ý chí” xử lý về đồng phạm tội GRTTCC hay xử lý về hành vi phạm tội GRTTCC.

Sửa đổi, bổ sung tình tiết tăng nặng định khung hình phạt của tội GRTTCC. Theo đó, quy định hành vi “tổ chức thuê người khác gây rối”, “sử dụng phương tiện bay, sử dụng phương tiện điện tử, trí tuệ nhân tạo”, “người có khả năng ảnh hưởng lớn đối với cộng đồng” có hành vi phạm tội GRTTCC là tình tiết định khung tăng nặng của tội GRTTCC; Tách các tình tiết như “dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách” quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 318 và tình tiết “gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng” thành các tình tiết được quy định độc lập.

Bổ sung điều khoản để xử lý hành vi GRTTCC ngay từ giai đoạn chuẩn bị (kêu gọi thành viên, thành lập hội nhóm, chuẩn bị phương tiện, công cụ, lựa chọn địa điểm...) tương tự như khoản 6, Điều 134 (Tội Cố ý gây thương tích).

Hoàn thiện quy định pháp luật về TGPL và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan

Thời gian tới, cần hoàn thiện quy định pháp luật theo hướng mở rộng nhiệm vụ cho trợ giúp viên pháp lý (không chỉ thực hiện vụ việc TGPL mà còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao như tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải, giải quyết khiếu

nại tố cáo...); chuyên môn hóa đội ngũ trợ giúp viên pháp lý theo các nhóm lĩnh vực pháp luật chuyên ngành. Bên cạnh đó, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xây dựng Bộ chỉ số đo lường mức độ quan tâm, tiếp cận pháp luật của người dân, doanh nghiệp.

Nghiên cứu mở rộng diện người được TGPL, nhất là nhóm đối tượng “có khó khăn về tài chính” quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật TGPL năm 2017; mở rộng nhiệm vụ cho Trợ giúp viên pháp lý (không chỉ thực hiện vụ việc TGPL mà còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao như tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải, giải quyết khiếu nại tố cáo...); chuyên môn hóa đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý theo các nhóm lĩnh vực pháp luật chuyên ngành; nghiên cứu giao nhiệm vụ “bảo vệ lợi ích công” cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý. Hướng tới xây dựng đội ngũ luật sư công, cho phép Trung tâm TGPL nhà nước thu phí một phần đối với những trường hợp không thuộc diện TGPL để giảm tải ngân sách nhà nước.

Nghiên cứu áp dụng, xử lý trường hợp người phạm tội sử dụng phương tiện để gây rối mà không được sự đồng ý nhưng chủ sở hữu, người quản lý tài sản có sự bỏ mặc, thờ ơ theo hướng tịch thu phương tiện để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý thanh thiếu niên của phụ huynh, đề xuất cơ chế đặc thù phòng ngừa tội phạm này tại Luật Thủ đô, Luật chính quyền, địa phương hay Luật quy hoạch đô thị và nông thôn. Nghiên cứu ban hành án lệ về tội GRTTCC để hướng dẫn cụ thể các tình tiết định tội, định khung tăng nặng và xử lý các trường hợp hành vi GRTTCC có dấu hiệu của nhiều tội phạm.

Nghiên cứu xây dựng, ban hành quy định về việc quản lý hội, nhóm trên không gian mạng, theo đó sẽ định danh, xác thực điện tử với chủ quản, người kiểm duyệt nội dung hội nhóm trên không gian mạng có trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động của hội, nhóm và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra các hành vi kích động, phát tán hình ảnh, video gây mất ANTT. Các nhà cung cấp dịch vụ internet, viễn thông, mạng xã hội có trách nhiệm thiết lập và thực hiện cơ chế quản lý, giám sát và xử lý các hội, nhóm trên nền tảng do mình cung cấp nếu có vi phạm về ANTT, ban hành các quy định về kỹ thuật để phát hiện, cảnh báo VPPL, thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, tố giác của người sử dụng đối với các hội, nhóm vi phạm.

3.2.2. Áp dụng đồng bộ, toàn diện các biện pháp phòng ngừa chung trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam

3.2.2.1. Biện pháp kinh tế, xã hội

Thực hiện có hiệu quả chính sách về lao động, việc làm

Thời gian tới, cần tăng cường đẩy mạnh hoàn thiện chính sách và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách về lao động, việc làm, coi đây là giải pháp mang tính bền vững trong phòng ngừa tội GRTTCC. Nghiên cứu tình hình tội GRTTCC và nguyên nhân của tội phạm này ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 cho thấy, tội GRTTCC phát sinh do sự tác động qua lại giữa các yếu tố, trong đó có yếu tố tiêu cực từ quá trình phát triển kinh tế xã hội như thất nghiệp, thiếu việc làm, do vậy cần thiết phải có chính sách điều chỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả nhằm giải quyết tình trạng trên.

Thứ nhất, Nhà nước cần tiếp cận xây dựng và thực hiện chính sách về việc làm theo hướng từng bước chuyển dịch từ mô hình trợ cấp thất nghiệp sang tạo lập sinh kế bền vững cho người dân. Các trung tâm cung ứng, giới thiệu việc làm tại các địa phương cần đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, đẩy mạnh kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương để nâng cao cơ hội việc làm cho người dân, thường xuyên cập nhật thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp nước ngoài; tập trung tuyên truyền, hỗ trợ đào tạo cho người yếu thế trong xã hội, thanh niên có điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hình thức thông tin về chế độ đãi ngộ, chính sách bảo hiểm, lương, thưởng, điều kiện việc làm cần được đẩy mạnh qua kênh trực tuyến, mạng xã hội, luôn được cập nhật mới nhất, được niêm yết công khai, minh bạch để người lao động có đủ thông tin.

Thứ hai, Nhà nước cần sắp xếp, cơ cấu lại thị trường lao động, xây dựng, hoàn thiện thể chế phù hợp để xác lập mô hình nền kinh tế, cơ cấu lại thị trường lao động theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực, hướng người lao động đến những việc làm, ngành nghề có giá trị kinh tế cao, thông qua đó nâng cao đời sống cho nhân dân, giảm nguy cơ thất nghiệp. Bên cạnh đó, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo chuỗi giá trị, có hiệu quả, phát triển các vùng sản xuất hàng

hóa lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; tập trung liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, nông thôn nhằm thúc đẩy việc làm tại chỗ, tránh di cư tự do lên các thành phố lớn gây áp lực về dân số, phá vỡ các cấu trúc xã hội.

Nhà nước và các chủ thể khác trong xã hội cần phối hợp trong thực hiện điều tra, dự báo về xu hướng thị trường lao động, thu thập về nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, tăng cường phát triển dịch vụ việc làm trực tuyến, đẩy mạnh phát triển đa dạng các loại hình cung ứng lao động trên địa bàn cả nước và nghiên cứu thích ứng với phát triển kinh tế bậc để sớm thích ứng với xu thế già hóa dân số.

Thứ ba, tiếp tục vận hành và phát triển có hiệu quả quỹ hỗ trợ thất nghiệp nhằm ổn định đời sống cho người lao động, đặc biệt trong bối cảnh thị trường lao động biến động nhanh. Quỹ này cần được xây dựng trên cơ sở đóng góp của Nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động, đồng thời huy động thêm nguồn lực xã hội. Tuy nhiên, cần mở rộng chức năng của quỹ theo hướng không chỉ chi trả trợ cấp mà còn hỗ trợ đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân. Song song với đó, cần rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm và sàn giao dịch việc làm trực tuyến tại địa phương, tăng cường kết nối với các doanh nghiệp địa phương để kịp thời hỗ trợ người lao động mất việc tái gia nhập thị trường lao động.

Hạn chế mặt trái của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa

Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đã làm quy đất nông nghiệp bị thu hẹp, tình trạng di cư lao động ra các thành phố lớn tăng cao tạo ra áp lực về kinh tế, không gian sinh sống, làm việc, tăng cạnh tranh về việc làm, gia tăng các mâu thuẫn, xung đột lợi ích về đất đai, kinh doanh, sản xuất. Thực tế quá trình đô thị hóa đã làm rạn vỡ cấu trúc mối quan hệ xã hội ở mức độ nhất định, có ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến tâm lý, nhận thức của một bộ phận người dân. Vì vậy, thời gian tới cần tăng cường quản lý tốt lao động di cư để thúc đẩy phân bố dân cư, lao động hợp lý giữa các vùng, tránh xung đột, mâu thuẫn trong quá trình sinh sống, làm việc tại các không gian công cộng.

Chính quyền, địa phương các cấp trên địa bàn cả nước cần tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới, trong đó tập trung chú trọng tái cơ cấu sản xuất; chú trọng rà soát các tiêu chí và thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng nông thôn mới, từng bước xây dựng, kiến thiết hệ thống đô thị có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ, hiện đại, an ninh, an toàn, tránh phân bố dân cư không đều, tập trung phát triển các đô thị vệ tinh, xây dựng không gian phát triển bền vững nhằm giảm xung đột trong giao thông, kinh doanh, sản xuất do áp lực dân số. Việc thực hiện chính sách kinh tế, xã hội cần hướng tới giảm bớt sự khác biệt giữa các cộng đồng dân cư và tạo sự hòa nhập xã hội bền vững, phát huy giá trị cộng đồng nhằm ngăn ngừa nguy cơ hình thành xung đột xã hội, hình thành các hành vi GRTTCC.

Tổ chức không gian phát triển đô thị, nông thôn phải gắn kết với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và phát triển hài hòa khu vực đô thị, nông thôn sẽ tạo ra không gian công cộng an ninh, an toàn, tránh phá vỡ cấu trúc xã hội, ngăn ngừa những nguy cơ dẫn tới hành vi GRTTCC.

Để tổ chức tốt không gian phát triển quốc gia, không gian đô thị, nông thôn hiệu quả, thống nhất trên quy mô toàn quốc đòi hỏi các cấp, các ngành phải đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực để xây dựng không gian phát triển quốc gia đảm bảo có sự liên kết nội vùng, liên vùng, khai thác lợi thế của vùng, liên vùng, tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, nguồn nhân lực để hình thành vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng kinh tế nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân, hạn chế phòng ngừa xung đột xã hội, xung đột lợi ích dẫn tới các hành vi phạm tội GRTTCC.

Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý đất đai, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng, chính sách hỗ trợ việc làm cho người dân sau khi tái định cư. Các chính sách về kinh tế - xã hội cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, địa phương. Đối với các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, trọng tâm là giải quyết vấn đề di cư, chênh lệch giàu nghèo và phân tầng xã hội. Tại các khu vực còn nhiều khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ cần ưu tiên phát triển các chương trình giảm nghèo bền vững gắn với đảm bảo sinh kế của người dân. Đối với các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế chính sách cần hướng tới bảo đảm an sinh và ổn định đời sống cho người lao

động, qua đó giảm thiểu các nguy cơ phát sinh mâu thuẫn và hành vi phạm tội GRTTCC. Các ngành nghề được chú trọng phát triển để thu hút lao động, giải quyết việc làm cho người dân như công nghiệp nhẹ, vận tải, dịch vụ.

Các cơ quan có thẩm quyền và các địa phương cần thường xuyên cập nhật và nắm bắt thông tin, dữ liệu về người lao động tại các doanh nghiệp; thông tin về hộ nghèo, cận nghèo và nhóm có nguy cơ tái nghèo nhằm giúp can thiệp đúng đối tượng, tránh lãng phí nguồn lực.

Tiếp tục cải cách mạnh mẽ chính sách tiền lương theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu cho người dân và phản ánh đúng giá trị sức lao động. Việc điều chỉnh tiền lương cần gắn với kiểm soát lạm phát, ổn định giá cả và thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các nhóm xã hội. Khi áp lực kinh tế được giảm bớt và thu nhập của người dân tăng lên thì các yếu tố tâm lý tiêu cực dần được hạn chế, từ đó sẽ kiểm soát được các mâu thuẫn, xung đột hình thành các hành vi phạm tội GRTTCC.

Hạn chế tình trạng phân hóa giàu nghèo

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng sâu sắc, nếu tình trạng này không được giải quyết sẽ dẫn tới xung đột xã hội, tạo ra những bất ổn xã hội, phát sinh những mâu thuẫn như kì thị, phân biệt đối xử giữa các tầng lớp người trong xã hội kéo theo những hành vi lệch chuẩn. Với khát khao làm giàu nhanh chóng, nhiều người chọn thực hiện các hành vi lệch chuẩn về ANTT hoặc những người nghèo, không có việc làm ổn định sẽ phát sinh những tâm lý tiêu cực, lệch chuẩn, phá vỡ quy tắc, trật tự công cộng. Vì vậy, nhà nước cần thực hiện mạng mẽ chính sách xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ người yếu thế trong xã hội; đẩy mạnh xóa nhà tạm, nhà dột nát, triển khai mạnh mẽ xây dựng nhà ở xã hội... Nhà nước cần dành nguồn lực cho công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao điều kiện sống cho người dân tại các khu vực khó khăn; có chính sách phát triển, đầu tư cụ thể cho các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa để thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, hạn chế tình trạng vì cần tiền mà bất chấp các hành vi VPPL trong đó có tội GRTTCC.

3.2.2.2. Biện pháp văn hóa, giáo dục

Có thể khẳng định, biện pháp giáo dục, văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong phòng ngừa tội GRTTCC. Biện pháp này nếu được thực hiện đồng bộ,

vừa có tác dụng trong phát triển kinh tế - xã hội vừa hạn chế được những tác động tiêu cực về tâm lý, nhân cách con người. Biện pháp giáo dục, văn hóa được xem là phòng ngừa từ gốc, là biện pháp chiến lược, có tính bền vững nhằm ngăn chặn những mâu thuẫn, xung đột, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, đề cao tự kiểm soát, tự phòng ngừa của các cá nhân.

Để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC thông qua tăng cường biện pháp văn hóa, giáo dục cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần quán triệt sâu sắc tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển quốc gia được cụ thể hóa tại Văn kiện Đại hội XIV của Đảng; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam: “*văn hóa là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng trong phát triển nhanh và bền vững đất nước, là tài nguyên, sức mạnh mềm của quốc gia*”; chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa xã hội; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, thiết kế các không gian công cộng, đồng thời bảo tồn phát huy giá trị văn hóa bản địa (đình làng, làng nghề truyền thống..) để tăng cường giao tiếp cộng đồng, định hướng cho người dân lối sống văn minh, hiện đại, có trách nhiệm với gia đình, xã hội, có ý thức bảo vệ trật tự công cộng, xây dựng môi trường sống an ninh, an toàn.

Các chủ thể trong xã hội cần vì một mục tiêu chung thúc đẩy xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam một cách mạnh mẽ, thực chất, tạo lập cơ chế, chính sách, môi trường cần thiết cho phát triển toàn diện con người, tạo cơ hội cho các cá nhân tiếp cận và hưởng thụ thành quả phát triển văn hóa.

Thứ hai, chú trọng khắc phục hạn chế trong giáo dục từ phía gia đình. Nghiên cứu nguyên nhân của tội GRTTCC cho thấy đặc trưng về nhân thân người phạm tội đa số là có tâm lý, tính cách tiêu cực, thái độ sống lệch lạc, dễ bị kích động, đặc biệt là nhóm đối tượng thanh thiếu niên hư. Một trong những lý do hình thành tâm lý tiêu cực trên xuất phát từ phía gia đình. Nhiều trường hợp người phạm tội có gia đình khiếm khuyết hoặc có trường hợp do gia đình thiếu sự quản lý hoặc gia đình qua nuông chiều. Vận dụng lý thuyết “sự ràng buộc phù hợp”, lý thuyết

kiểm soát những lệch lạc của các cá nhân, thời gian tới các gia đình cần quan tâm, giáo dục con cái ngay từ khi còn nhỏ, kịp thời uốn nắn lối sống lệch lạc, không giao xe cho con cái khi chưa đủ tuổi điều khiển phương tiện giao thông, chú ý quản lý thời gian của con cái trong các thời điểm nhạy cảm.

Bên cạnh đó, các gia đình cần có cách thức, phương pháp giáo dục phù hợp với con trẻ. Khi con cái ở độ tuổi bắt đầu tìm kiếm việc làm để tự nuôi sống bản thân, cha mẹ cần định hướng đúng đắn cho con để hạn chế tình trạng bị dụ dỗ, lôi kéo vào các hành vi phạm tội. Đồng thời, cha mẹ và những người thân khác trong gia đình cần thực hiện nêu gương, có lối sống lành mạnh để con trẻ không vướng vào các tệ nạn xã hội, tham gia GRTTCC.

Thứ ba, cần khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác giáo dục từ phía nhà trường bằng việc triệt để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo một cách đồng bộ, hệ thống, chú trọng giáo dục phát triển nhân cách, lối sống và kỹ năng sống cho người học tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, không có bạo lực, không có hành vi lệch chuẩn. Nhà trường cần tăng cường phối hợp với gia đình để theo dõi, quản lý học sinh, sinh viên, tránh tình trạng các em bỏ học mà gia đình không biết trên cơ sở trao đổi trực tiếp giữa giáo viên chủ nhiệm với phụ huynh.

Nhà trường cũng cần tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức các hoạt động vui chơi lành mạnh để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi VPPL về giao thông, phòng ngừa mâu thuẫn, bạo lực học đường trong học sinh, sinh viên để dẫn tới các hành vi GRTTCC để giải quyết; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và thực hiện có hiệu quả các mô hình như “Trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực”, “*mô hình tư vấn học đường*” nhằm can thiệp sớm, hỗ trợ tâm lý - định hướng hành vi cho học sinh có nguy cơ vi phạm, hỗ trợ giải quyết các mâu thuẫn, xung đột, “*mô hình câu lạc bộ pháp luật - phòng chống tệ nạn*” nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tuân thủ và tự giác phòng ngừa các hành vi VPPL về giao thông, GRTTCC; tăng cường phát huy vai trò tự quản, tự giám sát của tập thể học sinh thông qua mô hình “*trường học tự quản về an ninh trật tự*” cung cấp hộp thư góp ý, kênh phản ánh bảo mật nhằm phòng ngừa vi phạm của học sinh, sinh viên từ gốc, tạo sự thống nhất trong quản lý, giáo

dục học sinh, sinh viên, giao quyền chủ động cho học sinh tham gia quản lý, giám sát, phát hiện, báo cáo sớm về các hành vi lệch chuẩn, mâu thuẫn, xung đột dễ tiềm ẩn các nguy cơ dẫn tới việc thực hiện các hành vi GRTTCC trong học sinh, sinh viên.

Thứ tư, các lực lượng chức năng thực hiện QLNN trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về bảo đảm ANTT, nâng cao nhận thức về pháp luật trong công tác phòng, chống tội GRTTCC bằng nhiều hình thức như tuyên truyền tại cộng đồng thông qua các buổi thảo luận nhóm; tư vấn hỗ trợ cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền qua các chuyên trang, chuyên mục, các tiểu phẩm, ký sự, bài viết và tăng thời lượng phát sóng, đưa tin về tình hình tội GRTTCC.

Địa bàn tuyên truyền cần tập trung ở các khu vực, địa bàn phức tạp về ANTT, địa bàn giáp ranh, cộng đồng dân cư có nguy cơ phát sinh mâu thuẫn, xung đột; các hoạt động tuyên truyền cần mang tính tương tác cao, chú trọng nhóm có nguy cơ cao, người có trách nhiệm phòng ngừa (thanh thiếu niên hư, người lao động nhập cư tại các khu công nghiệp, chủ cơ sở và người làm trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT) hiểu rõ trách nhiệm của mình trong đảm bảo ANTT, nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động phòng ngừa hành vi phạm tội GRTTCC.

Nội dung tuyên truyền chú trọng tới làm rõ tính nguy hiểm của hành vi GRTTCC, hậu quả pháp lý và tác động tiêu cực đối với ổn định xã hội; đồng thời kịp thời cảnh báo các phương thức, thủ đoạn kích động, lôi kéo, tụ tập trái pháp luật, nhất là trên không gian mạng. Nội dung truyền thông phải bảo đảm tính chính xác, dễ hiểu, gắn với các tình huống thực tiễn để nâng cao hiệu quả phòng ngừa từ sớm, từ xa hành vi phạm tội GRTTCC.

Thứ năm, kiểm soát chặt các nội dung văn hóa phẩm, thông tin độc hại, có nội dung kích động gây rối, giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực trên không gian mạng nhằm định hướng cho người dân lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội. Các địa phương cần chú trọng, phát huy hơn nữa các phòng trào về xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Khu phố văn hóa”, “Phường, xã, khu phố đạt chuẩn về an ninh trật tự”.

3.2.2.3. Biện pháp vận động quần chúng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả không gian về ANTT

Vận dụng lý thuyết không gian phòng thủ - phòng chống tội phạm thông qua thiết kế đô thị, lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và thực tiễn tổ chức thể trận lòng dân, thể trận an ninh nhân dân cho thấy cần thiết phải tăng cường các biện pháp trong triển khai không gian về ANTT tại các địa bàn.

Tổ chức không gian về ANTT là việc quy hoạch, sắp xếp, bố trí các không gian (khu dân cư, công trình, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế ANTT) nhằm bảo đảm phòng ngừa, kiểm soát, xử lý các tình huống liên quan đến ANTT, trong đó có phòng ngừa tội GRTTCC.

Việc sắp xếp không gian về ANTT hợp lý giúp hạn chế các điểm nóng về ANTT; nâng cao hiệu quả QLNN về ANTT, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng công an, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT cấp cơ sở, các lực lượng khác hoạt động. Khi không gian công cộng, không gian hành chính, không dân phòng ngừa, giáo dục được thiết lập gắn với việc thiết kế không gian về ANTT trên các địa bàn cụ thể sẽ tăng cường tính cộng đồng, tự quản, tăng khả năng giám sát, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Vì vậy, thời gian tới cần sắp xếp, phát triển không gian về ANTT đồng bộ, bám cơ sở, theo đó tập trung đẩy mạnh phát triển không gian khu dân cư an toàn về ANTT (có quy ước, tổ tự quản, tổ hòa giải); phát triển đô thị thông minh gắn với ANTT (trung tâm điều hành chung, dữ liệu dân cư, giám sát, khai thác dữ liệu số qua các thiết bị số); xây dựng không gian phát triển kinh tế, xã hội gắn với phát triển không gian về ANTT.

Các giải pháp tăng cường tổ chức không gian ANTT được xác định là đột phá trong phòng ngừa tội GRTTCC, do đó các cấp có thẩm quyền phải nghiên cứu quy hoạch đồng bộ, triển khai thực hiện ngay trong quy hoạch không gian đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp trên cơ sở ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ từ hệ thống camera, bản đồ số về ANTT, tổ dân phố điện tử.

Mô hình về ANTT được nghiên cứu xây dựng khép kín, cụ thể là: 1) Vòng trong - Hộ gia đình (tự phòng, tự quản, gắn camera tại nhà); 2) vòng giữa - Ngõ/nhóm dân cư (công an ninh, tổ tự quản, camera chung, đèn chiếu sáng); 3) vòng

ngoài - Tổ dân phố/khu phố (chốt bảo vệ, điểm trực an ninh, hệ thống giám sát tập trung); 4) vòng trung tâm: Ủy ban nhân dân, Công an phường/xã (điều hành, chỉ huy, tiếp nhận thông tin 24/7).

Ngoài ra, cần chú trọng tới xây dựng không gian ANTT các vùng giáp ranh liên tỉnh, liên xã, liên cơ quan, đơn vị, trường học để đoàn kết, hỗ trợ, thúc đẩy và thi đua đua phong trào phát triển đồng bộ, rộng khắp. Gắn kết công tác xây dựng không gian ANTT với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, với thực hiện chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

Củng cố và chuẩn hóa hoạt động của các thiết chế tự quản, tự phòng trong bảo vệ ANTT

Căn cứ vào tình hình thực tiễn các cơ quan có thẩm quyền cần rà soát, lập danh sách các tổ chức quần chúng tự quản về ANTT trên địa bàn, phân loại, đánh giá chất lượng của từng tổ chức, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ để tham mưu kế hoạch chỉ đạo hoạt động cụ thể đối với từng tổ chức trong đảm bảo ANTT, phòng ngừa hành vi phạm tội GRTTCC tại địa phương.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về quy trình, cách thức xây dựng, nhân rộng và kinh nghiệm thực tiễn, công an các đơn vị địa phương cần tham mưu với Bộ Công an xây dựng, ban hành hướng dẫn cụ thể, bổ sung, hoàn thiện công tác xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng bảo vệ ANTT thống nhất trên toàn quốc; ban hành quy chế, hướng dẫn thực hiện các quy định về chế độ, chính sách với lực lượng tham gia các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT, định kỳ sơ kết, đánh giá hiệu quả để kịp thời điều chỉnh; xây dựng quy trình rõ ràng, dễ thực hiện; tổ chức tốt công tác nắm tình hình, theo dõi các mô hình hiện nay chưa được tham mưu, chỉ dẫn. Đặc biệt, Bộ Công an cần nghiên cứu, xây dựng hệ thống dữ liệu về các mô hình tổ chức quần chúng bảo vệ ANTT trên toàn quốc, vừa phục vụ theo dõi, thống kê, quản lý, vừa phục vụ cho việc nghiên cứu, tham khảo của Công an các đơn vị, địa phương trong xây dựng, nhân rộng các mô hình.

Thời gian tới, chính quyền địa phương cần bố trí kinh phí hợp lý, trang cấp công cụ, phương tiện, khen thưởng, động viên kịp thời để khích lệ các thành viên tham gia bảo vệ ANTT trên địa bàn; đẩy mạnh đào tạo, tập huấn kiến thức pháp

luật, kỹ năng xử lý tình huống cho lực lượng tự quản tại các khu dân cư, tổ dân phố; tăng cường triển khai áp dụng rộng rãi các ứng dụng số như nhóm zalo tự quản, hệ thống camera giám sát không gian công cộng tại chung cư, tuyến phố, công khu công nghiệp, nhà hàng, quán karaoke...

Đẩy mạnh xây dựng mô hình quần chúng tham gia bảo đảm ANTT theo hướng thực chất, bền vững và phát huy cao tính tự quản tại cộng đồng dân cư. Trọng tâm là củng cố các mô hình quần chúng tự quản mang tính tự nguyện, trong đó người dân giữ vai trò là chủ thể trực tiếp tham gia phát hiện, phòng ngừa, và hỗ trợ xử lý vụ việc ban đầu. Cần đặc biệt ưu tiên xây dựng, nhân rộng các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ANTT, khu dân cư có mật độ dân số cao, khu vực tập trung đông người lao động, trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần chú trọng phát huy vai trò của những cá nhân có uy tín, có tầm ảnh hưởng tới cộng đồng dân cư như già làng, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố, chức sắc, người có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng dân cư để lan tỏa và nâng cao tính thuyết phục trong vận động quần chúng nhân dân tham gia phòng ngừa tội GRTTCC.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng, nhân rộng các mô hình quần chúng bảo vệ ANTT cần tập trung vào những khó khăn, bất cập từ thực tiễn tổ chức lực lượng, biện pháp. Từ đó, kịp thời đưa ra các giải pháp khắc phục, tổng kết những cách làm hiệu quả, mô hình điển hình tiên tiến, góp phần xây dựng môi trường xã hội ổn định, an ninh, an toàn.

3.2.2.4. Biện pháp quản lý hành chính nhà nước về an ninh, trật tự

Phân tích nguyên nhân của tội GRTTCC xuất phát từ hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý về cư trú, tạm trú; quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Vì vậy, thời gian tới, các chủ thể có thẩm quyền cần tập trung tăng cường công tác quản lý hành chính nhà nước về ANTT.

Tăng cường công tác quản lý cư trú, tạm trú, giám sát các địa bàn dân cư, các địa điểm phức tạp về ANTT xảy ra tội GRTTCC

Lực lượng chuyên trách trong bảo vệ ANTT cần đẩy mạnh rà soát, cập nhật dữ liệu quốc gia về dân cư; tiếp tục cho đăng ký, kích hoạt, hoàn thiện tài khoản

định danh điện tử của các cá nhân ở mức độ cao nhất, đảm bảo cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin nhân khẩu trên địa bàn. Hoạt động này đặc biệt quan trọng giúp quản lý di biến động của dân cư trên địa bàn, đặc biệt tại các khu vực đô thị lớn, nơi tập trung đông dân cư, tiềm ẩn nguy cơ cao về phát sinh các hành vi VPPL và GRTTCC.

Lực lượng công an cấp cơ sở cần thường xuyên rà soát, quản lý tạm trú, tạm vắng đối với những đối tượng thanh thiếu niên hư, đối tượng thuộc diện phản ánh của nhân dân từ đó kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa không để hành vi GRTTCC xảy ra; xây dựng cơ chế theo dõi, giám sát chặt chẽ đối với các nhóm đối tượng có nguy cơ cao, như đối tượng hình sự, người từng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người nghiện ma túy, người vừa chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Công tác quản lý cần gắn với phân loại, đánh giá nguy cơ tái phạm để có biện pháp giáo dục, cảm hóa, hỗ trợ tái hòa nhập phù hợp, qua đó hạn chế khả năng tái tham gia vào các hành vi gây mất trật tự công cộng.

Đặc biệt, thông qua quản lý dân cư phát hiện các trường hợp thuộc diện truy nã, truy tìm liên quan đến tội GRTTCC, mời các đối tượng đã có hành vi vi phạm về ANTT tham gia ký kết không vi phạm nhằm răn đe, giáo dục, gắn trách nhiệm cá nhân trong việc giữ gìn trật tự công cộng, tạo căn cứ theo dõi, quản lý cho cơ quan công an, chính quyền cơ sở đối với các nhóm nguy cơ cao (thanh thiếu niên hư, người đã có hành vi vi phạm hành chính về trật tự xã hội...).

Thời gian tới, cần tăng cường kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các bộ phận chức năng, cán bộ, công chức liên quan trong việc kiểm tra, xử lý VPPL về cư trú để có biện pháp khắc phục sự tồn tại, sơ hở trong QLNN ở địa phương, không để các đối tượng lợi dụng sơ hở để thực hiện các hành vi phạm tội GRTTCC. Cán bộ làm công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu phải thường xuyên cập nhật, trao đổi thông tin với các hộ gia đình, tổ dân phố, cụm dân cư trên địa bàn mình phụ trách, đặc biệt là các địa bàn có nhiều người nhập cư, địa bàn tập trung nhiều bến xe, chợ, trường học, bệnh viện, bến tàu, bến cảng.

Lực lượng công an cấp tỉnh, thành phố cần đẩy mạnh công tác chỉ đạo, hướng dẫn công an cấp xã, phường thực hiện tốt công tác quản lý, nắm chắc địa bàn, trong đó tập trung vào các địa bàn có tình hình phức tạp về ANTT, xuất hiện

hiều tệ nạn xã hội. Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của đội tự quản về ANTT tại các cộng đồng dân cư nhằm phòng ngừa xung đột, mâu thuẫn phát sinh hành vi GRTTCC; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa lực lượng chuyên trách với các nhóm liên gia tự quản để tổ chức tuần tra, nắm tình hình địa bàn hiệu quả, kịp thời phát hiện và báo cáo các vi phạm về ANTT, GRTTCC để xử lý.

Tăng cường bố trí lực lượng công an, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở tại các điểm công cộng tập trung đông người như bến xe, bến tàu, bệnh viện, chợ lớn, trường học vào giờ cao điểm, đặc biệt là vào thời gian ban đêm, dịp lễ, cuối tuần; thiết lập đường dây nóng kết nối trực tiếp với cơ quan công an để kịp thời phát hiện, xử lý hành vi tụ tập gây náo loạn, đua đánh, la hét, đập phá tài sản GRTTCC. Chú trọng áp dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật vào phân tích dữ liệu về các điểm nóng, thời điểm nhạy cảm để lập kế hoạch tuần tra, kiểm soát, can thiệp từ sớm các nhóm đối tượng có hành vi GRTTCC.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn hoạt động kinh doanh của các cơ kinh doanh có điều kiện về ANTT

Phòng ngừa tội phạm không chỉ tập trung vào người có hành vi phạm tội GRTTCC mà còn phải tác động vào môi trường xã hội - nơi chứa đựng các điều kiện thuận lợi cho tội phạm nảy sinh. Vì vậy, thời gian tới cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và liên ngành đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT, trong đó tập trung vào các cơ sở lưu trú, karaoke, nhà hàng để kịp thời nắm tình hình, phát hiện các hành vi GRTTCC, những sai phạm về điều kiện kinh doanh có thể là điều kiện phát sinh hành vi phạm tội GRTTCC như hoạt động quá giờ cho phép, không khai báo tạm trú, lưu trú, buôn bán chất kích thích trái quy định pháp luật. Cơ quan chuyên trách phòng ngừa cần xây dựng các phương án phòng ngừa tội GRTTCC cụ thể, tăng cường tổ chức các buổi tập huấn nâng cao ý thức cho các chủ cơ sở, nhân viên bảo vệ, lễ tân, nhân viên phục vụ về ý thức phòng ngừa tội GRTTCC, bảo đảm ANTT trên địa bàn.

Hình thức thanh tra, kiểm tra cần đa dạng, được tổ chức định kỳ, tăng cường kiểm tra đột xuất để phát hiện những nguyên nhân, thiếu sót của cơ sở kinh doanh để có biện pháp nhắc nhở, phòng ngừa hợp lý. Thường xuyên tổ chức cho

các cơ sở kinh doanh có điều kiện ký cam kết chấp hành nghiêm các quy định bảo đảm ANTT, khuyến khích người dân tham gia phòng, chống các hành vi GRTTCC, tích cực trao đổi thông tin qua đường dây nóng, các app ANTT; phối hợp cung cấp dữ liệu về ANTT có thỏa thuận qua đường truyền camera trực tiếp về trụ sở công an cơ sở. Ngoài ra, các cơ quan chuyên trách QLNN về ANTT cần chú trọng đẩy mạnh công tác hồ sơ nghiệp vụ theo dõi quản lý đối tượng vi phạm về ANTT theo đúng quy định.

Tăng cường công tác quản lý các điểm internet công cộng, trò chơi điện tử trên mạng

Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, các điểm truy cập internet công cộng và dịch vụ trò chơi điện tử trực tuyến ngày càng phổ biến, đặc biệt ở khu vực đô thị, vùng giáp ranh, trường học... nơi tập trung đông thanh thiếu niên. Đây là môi trường tiềm ẩn nhiều nguy cơ nảy sinh hành vi lệch chuẩn, mâu thuẫn dẫn tới kích động bạo lực, tụ tập nhóm đối tượng GRTTCC. Vì vậy, việc tăng cường công tác quản lý các điểm internet công cộng và trò chơi điện tử trực tuyến cần được xem là một giải pháp cấp thiết.

Bộ Khoa học và công nghệ là đầu mối quan trọng trong công tác quản lý các điểm internet công cộng và trò chơi điện tử trên mạng, vì vậy thời gian tới cần tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh các điểm internet công cộng và cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng vì lợi nhuận, không chấp hành các quy chuẩn cần thiết kinh doanh dịch vụ; quy định cụ thể quy trình, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

Bên cạnh đó, chính quyền cấp cơ sở cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng cấp cơ sở nắm tình hình, kiểm soát các điều kiện hoạt động kinh doanh của các điểm internet công cộng về thời gian hoạt động, điều kiện ánh sáng, giấy phép kinh doanh, cơ sở vật chất kỹ thuật, kiểm soát về độ tuổi người sử dụng, góp phần lành mạnh hóa không gian mạng, loại bỏ những điều kiện hình thành các hành vi GRTTCC.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với tư cách là cơ quan đầu mối quản lý lĩnh vực văn hóa cần tiếp tục được tăng cường chức năng, nhiệm vụ QLNN đối với

các hoạt động báo chí, in ấn, phát hành sách, báo, phim ảnh và hoạt động nghệ thuật. Việc tiếp nhận chức năng QLNN về báo chí từ Bộ Thông tin và Truyền thông (sau khi sắp xếp, kiện toàn bộ máy) cần được triển khai đồng bộ, bảo đảm thống nhất về tổ chức và hiệu lực quản lý.

Đẩy mạnh công tác QLNN về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bảo đảm ANTT và phòng ngừa tội phạm, nhất là các hành vi GRTTCC có sử dụng bạo lực. Thời gian tới, lực lượng chuyên trách, đặc biệt là ở cấp cơ sở cần quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về lĩnh vực này như Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024; Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Theo đó, lực lượng công an cần chủ trì xây dựng kế hoạch, chuyên đề để tập trung tổ chức rà soát, kiểm kê, đăng ký, cấp phép và theo dõi việc sử dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phép trang bị; tăng cường các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện, thu hồi, xử lý nghiêm các trường hợp tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; thiết lập các điểm thu hồi vũ khí, vật liệu nổ; lấy tiêu chí giảm số vụ gây rối có sự dụng hung khí làm thước đo, báo cáo về công tác bảo đảm ANTT tại địa phương, địa bàn quản lý; tổng rà soát, kiểm tra các cơ sở độ, chế xe mô tô, cơ sở cơ khí, yêu cầu cam kết không chế tạo, mua bán các loại hung khí, vũ khí, kịp thời tố giác cho lực lượng Công an các đối tượng mua bán, chế tạo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ tự chế, không để lưu hành ngoài xã hội trong các cuộc họp khu dân cư, sinh hoạt tại các cơ sở tôn giáo, có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ tài chính, bảo vệ người tố giác.

3.2.3. Tăng cường hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Nâng cao hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội GRTTCC của các cơ quan bảo vệ pháp luật

Thứ nhất, chú trọng công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác, điều tra, xử lý các vụ việc về GRTTCC. Thời gian tới, cơ quan điều tra cần chú trọng tới công tác tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi phạm tội GRTTCC trên cơ sở đa dạng hóa các kênh tiếp nhận tố giác, như qua đường dây nóng, ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, hệ thống camera giám sát đô thị... nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân cung cấp thông tin, bảo đảm tính nhanh chóng, chính xác, bảo mật danh tính người tố giác.

Các chủ thể chuyên trách như tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra cần xây dựng, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ liên thông giữa công an, viện kiểm sát, tòa án trong việc tiếp nhận, phân loại, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm GRTTCC theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; thường xuyên tổ chức tập huấn kỹ năng tiếp nhận, phân loại và xử lý tin báo cho cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ cũng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi GRTTCC.

Thứ hai, áp dụng đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ điều tra của cơ quan điều tra để kịp thời phát hiện, xử lý các vụ án GRTTCC nhằm làm hạn chế các hành vi phạm tội GRTTCC, trong đó tập trung thu thập thông tin, tài liệu về những đối tượng chủ mưu, cầm đầu, có vai trò thứ yếu trong các vụ án GRTTCC, tập trung điều tra, khám phá những vụ án gây rối trật, tự công cộng có quy mô lớn, tính chất nghiêm trọng; mở rộng điều tra làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội; đa dạng hình thức thu thập chứng cứ, nắm bắt tình hình dư luận xã hội trên nhiều kênh thông tin, chú trọng phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông, dịch vụ mạng để giải quyết vụ án; phối hợp điều tra giữa các địa bàn trong trường hợp vụ án xảy ra tại địa bàn giáp ranh, liên tỉnh, liên xã, phường.

Hiện nay, các hội nhóm đối tượng có xu hướng hoạt động trên không gian mạng (các đối tượng thách thức nhau trên mạng, thường quay phim, chụp ảnh quá

trình nhóm đối tượng tụ tập, chuẩn bị hung khí, di chuyển trên đường rồi đăng tải trên mạng xã hội để thể hiện bản thân) nên việc xây dựng, sử dụng vai ảo nghiệp vụ, công tác viên bí mật trên không gian mạng là yêu cầu thiết yếu, vô cùng quan trọng. Từ những tài liệu vai ảo, công tác viên bí mật thu thập được trên không gian mạng, lực lượng điều tra mới có cơ sở đánh giá về nguyên nhân của tội phạm, thành phần đối tượng, vai trò của từng đối tượng, tính chất, mức độ của tội phạm cũng như xác định được đối tượng nghi vấn để tập trung xác minh, đấu tranh.

Quá trình điều tra các vụ án GRTTCC cho thấy nhiều vụ việc các đối tượng mặc dù tham gia trong cùng một hội nhóm nhưng lại không quen biết nhau, không rõ nhân thân cụ thể của đồng bọn hoặc chỉ biết thông tin mơ hồ như biệt danh, tài khoản mạng xã hội... Vì vậy, nếu sử dụng nhuần nhuyễn vai ảo, công tác viên bí mật trên không gian mạng sẽ nhanh chóng xác định, khoanh vùng được đối tượng.

Thủ trưởng cơ quan điều tra khi phân công điều tra viên, cán bộ điều tra các vụ án GRTTCC cần chú ý lựa chọn cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, nhiều kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt là am hiểu pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng, am hiểu về tâm lý tội phạm, tâm lý đám đông.

Trong quá trình hỏi cung bị can phạm tội GRTTCC ngoài việc làm sáng tỏ vụ án, vụ việc, cần làm rõ vai trò trách nhiệm của từng bị can trong vụ án GRTTCC, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội GRTTCC làm cho bị can thấy rõ những sai phạm của mình mà ăn năn, hối cải, tự giác khai báo thành khẩn, đưa vụ án ra truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Bộ Công an cần tăng cường chỉ đạo Công an các địa phương triển khai xây dựng, và tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình “Phòng điều tra thân thiện” phục vụ quá trình xác minh, điều tra các vụ việc liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội GRTTCC nhằm nâng cao nhận thức, năng lực, kỹ năng trong công tác tiếp nhận, xác minh, giải quyết các tin báo, tố giác, kiến nghị khởi tố về tội GRTTCC cho lực lượng Công an cấp cơ sở; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này¹⁹⁰; chủ động nghiên

190. Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BLĐT BXH-BCA-VKSNDTC-TANDTC về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.

cứu, đánh giá thực trạng tình hình tội GRTTCC liên quan đến người dưới 18 tuổi trên địa bàn khu dân cư để đề xuất xây dựng các mô hình “Phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng”; tham mưu, đề xuất về tiêu chí chấm điểm thi đua hàng năm của các cấp, các ngành theo hướng trừ điểm thi đua đối với những đơn vị, địa phương để xảy ra tình trạng tội phạm thanh, thiếu niên đua xe, cở vũ đua xe trái phép, mang theo hung khí GRTTCC.

Thứ ba, tăng cường phát huy vai trò của VKSND trong phòng ngừa GRTTCC tại các địa phương thông qua đẩy mạnh công tác kiểm tra, quản lý, phân loại và xử lý tin báo tố giác tội phạm nói chung và tội GRTTCC nói riêng, không để tình trạng tồn đọng, kéo dài trong việc giải quyết tin báo tố giác tội GRTTCC.

Qua công tác kiểm tra giám sát, VKSND các cấp cần có yêu cầu cụ thể, nhanh chóng đối với cơ quan điều tra trong việc xác minh, điều tra có hay không có sự kiện phạm tội GRTTCC để có biện pháp xử lý tiếp theo cho phù hợp; tăng cường đổi mới chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác theo hướng đổi mới, giảm gánh nặng hành chính trong công tác báo cáo, thực hiện theo nguyên tắc, quy trình, kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo thống nhất, đồng bộ; xây dựng cơ chế chia sẻ, sử dụng hiệu quả, thống nhất nguồn thông tin từ các báo cáo, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ tham mưu, quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của...; thúc đẩy đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và thống kê VPPL trong hoạt động tư pháp với các biểu mẫu thống kê, hệ thống mẫu sổ nghiệp vụ, các chỉ tiêu theo hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành theo Quyết định số 140/QĐ-VKSTC ngày 01/04/2025 của Viện trưởng VKSND tối cao; tăng cường thực hiện đầy đủ kỳ báo cáo thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT/BLĐTBXH-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 4/2/2013 hướng dẫn việc thu thập, quản lý, cung cấp và sử dụng số liệu về người chưa thành niên VPPL.

Bên cạnh đó, VKSND cũng cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng kiểm sát viên trong

thực thi pháp luật về điều tra, truy tố, xét xử tội GRTTCC, tăng cường kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn giải quyết tốt các vụ án. VKSND cần thực hiện có hiệu quả các quyền về kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu khi phát hiện những sơ hở thiếu sót trong giải quyết vụ án GRTTCC của các cơ quan tiến hành tố tụng một cách nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Thứ tư, Tòa án cần đảm bảo 100% các vụ án về GRTTCC được giải quyết đúng hạn, 100% người bị kết án về tội GRTTCC mà bản án có hiệu lực phải được đưa ra quyết định thi hành án trong thời hạn quy định; chú trọng đảm bảo hoạt động tranh tụng tại phiên tòa ngày càng thực chất, hiệu quả hơn; áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với những đối tượng chủ mưu, cầm đầu, coi thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội GRTTCC; làm tốt công tác hòa giải, đối thoại tại Tòa án góp phần hàn gắn những rạn nứt, ngăn ngừa các tranh chấp, mâu thuẫn nhằm nâng cao ý thức pháp luật của người dân, giữ gìn ổn định trật tự xã hội, tạo sự đồng thuận và xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân nhằm hạn chế những mâu thuẫn, tranh chấp là nguy cơ phát sinh tội GRTTCC.

Tòa án cần tổ chức xét xử các vụ án GRTTCC mà người phạm tội là người chưa thành niên hiệu quả, đúng pháp luật vụ án hình sự, bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện theo quy định của Luật¹⁹¹.

Tòa án cần làm tốt công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống nhất trong xử lý tội GRTTCC; chủ động trong việc tập hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật, giải quyết, xét xử tội GRTTCC để kịp thời hướng dẫn, khắc phục những hạn chế, bất cập hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cần đẩy mạnh tăng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức trong ngành; tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ANTT, phòng ngừa tội GRTTCC qua các đơn vị Báo công lý, Tạp chí điện tử Tòa án, Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao, trang thông tin điện tử của TAND các cấp nhằm nâng

191. Chỉ thị số 01/2025/CT-CA ngày 17 tháng 2 năm 2025 của Toà án nhân dân tối cao về triển khai thi hành Luật tư pháp người chưa thành niên.

cao ý thức chấp hành pháp luật về ANTT của người dân, phòng ngừa hành vi phạm tội GRTTCC.

Tăng cường công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản đối tượng, địa bàn phức tạp kết hợp với đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát bảo đảm ANTT

Để chủ động phòng ngừa tội GRTTCC, thời gian tới lực lượng công an cần tăng cường công tác rà soát, lập danh sách và quản lý nghiệp vụ đối với những đối tượng có nguy cơ cao, đã có tiền án, tiền sự, đã có hành vi GRTTCC để thu thập, cập nhật đầy đủ thông tin về nhân thân, lai lịch, tình hình cư trú, nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội của những đối tượng này, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, giám sát.

Kết quả rà soát các đối tượng phải phản ánh đã có hồ sơ quản lý chưa; tài liệu phản ánh về đối tượng có tích lũy, bổ sung thường xuyên hay không; danh sách các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, địa bàn trọng điểm, phức tạp thường xuyên xảy ra các hành vi phạm tội GRTTCC; nhân thân của các đối tượng có gì đặc biệt.

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của mình trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm¹⁹²; căn cứ các biện pháp quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội¹⁹³ lực lượng chuyên trách cần định kỳ gọi hỏi, yêu cầu các đối tượng đã có hành vi GRTTCC ký cam kết không vi phạm, đồng thời tuyên truyền, phân tích để họ nhận thức được hậu quả pháp lý của hành vi tái phạm.

Lực lượng chuyên trách cần tiếp tục triển khai có hiệu quả các đợt cao điểm trấn áp tội phạm đường phố, các hành vi phạm tội GRTTCC mang theo vũ khí, hung khí tại các địa bàn phức tạp về ANTT; tăng cường sự hiện diện công khai của các lực lượng chuyên trách như cảnh sát giao thông, cảnh sát cơ động, cảnh sát hình sự, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở để tạo áp lực răn đe mạnh, góp phần phòng ngừa từ sớm, từ xa các hành vi phạm tội GRTTCC.

Bên cạnh đó, kiên trì thực hiện công tác điều tra cơ bản lĩnh vực phòng, chống tội phạm và VPPL về ANTT, trong đó chú trọng công tác điều tra cơ bản, nắm

192. Luật Công an nhân dân, tldđ.

193. Nghị định 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

tình hình trên không gian mạng, từ đó rà soát, phát hiện, lập danh sách các mâu thuẫn, việc, hiện tượng, đối tượng thuộc diện rà soát, quản lý, đấu tranh để có biện pháp, đối sách phòng ngừa, đấu tranh cụ thể đối với từng đối tượng; chú trọng xây dựng, sử dụng cộng tác viên bí mật có chất lượng, nhất là khả năng nghiên cứu, xây dựng, sử dụng hiệu quả “vai ảo” để phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh tội GRTTCC.

Việc tuần tra kiểm soát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và thay đổi phương pháp, biện pháp tiến hành để tạo tính nghiệp vụ, bí mật, hiệu quả. Lực lượng chức năng thời gian tới cần đổi mới phương pháp tuần tra kiểm soát, chú trọng bố trí các chốt làm nhiệm vụ nắm tình hình, phòng chống tội phạm kết hợp với lực lượng tuần tra lưu động, đảm bảo bao quát được địa bàn. Cần đầu tư trang thiết bị, phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, ghi âm, ghi hình, vũ khí, công cụ hỗ trợ,... để nâng cao chất lượng tuần tra kiểm soát. Tăng cường tuần tra các địa bàn phức tạp về ANTT, địa bàn giáp ranh, khu dân cư có mật độ dân cư cao, các địa bàn có nhiều bến xe, bến tàu, ở các tuyến đường lớn, khu vực quảng trường đặc biệt vào thời gian ban đêm để phòng ngừa các hành vi GRTTCC.

Cần nhanh chóng xây dựng, hoàn thiện các quy chế phối hợp đảm bảo ANTT tại các tuyến, địa bàn giáp ranh, địa bàn phức tạp về ANTT thường xuyên xảy ra tội phạm đường phố... giữa các tổ chức quần chúng với các lực lượng chức năng; trong đó cần phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng lực lượng, tăng cường công tác phối hợp tuần tra kiểm soát, tổ chức thực hiện nghiêm túc các cuộc họp giao ban định kỳ, thực hiện cơ chế trao đổi thông tin một cách thường xuyên, tổ chức rút kinh nghiệm khắc phục những thiếu sót, hạn chế, nhằm đưa hoạt động của các lực lượng này vào thực chất, nề nếp và có chiều sâu.

Nghiên cứu xây dựng và thực hiện có hiệu quả các công cụ đánh giá, cảnh báo sớm các nhóm, đối tượng, khu vực, địa bàn có nguy cơ cao hình thành các điểm nóng, phức tạp về ANTT

Thời gian tới, lực lượng chuyên trách gồm Cảnh sát hình sự, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, lực lượng an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao cần đẩy mạnh triển khai các công tác nghiệp vụ cơ bản, rà soát, phân tích dữ liệu mạng để nắm tình hình các hội, nhóm, đối tượng thanh thiếu niên hư

trên không gian mạng có hành vi, biểu hiện kêu gọi, xúi giục GRTTCC; xây dựng cơ sở dữ liệu nghiệp vụ về các hội, nhóm thanh thiếu niên có biểu hiện lệch chuẩn, thường xuyên đăng tải, chia sẻ các nội dung bạo lực, thách thức, xúi giục GRTTCC; chủ động xác minh nhân thân, quan hệ xã hội, quá trình học tập, lao động, tiền án, tiền sự (nếu có) của các đối tượng có nguy cơ cao xâm phạm trật tự xã hội, GRTTCC; kết hợp giữa nghiệp vụ trinh sát trên không gian mạng với việc phối hợp với nhà mạng, các nền tảng xã hội để gỡ bỏ, chặn nội dung xấu độc liên quan tới việc hình thành các vụ việc phạm tội GRTTCC.

Thường xuyên định kỳ đánh giá tình hình, hiệu quả phòng ngừa các hành vi kêu gọi, tụ tập gây rối trên không gian mạng chuyển hóa ra ngoài thực địa; so sánh số vụ phát sinh - số vụ ngăn chặn kịp thời để điều chỉnh kế hoạch phòng ngừa, bố trí lực lượng cho phù hợp.

Xây dựng các công cụ, bộ tiêu chí đánh giá, cảnh báo nguy cơ phát sinh vấn đề phức tạp ANTT, GRTTCC đối với các đối tượng, địa bàn. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế¹⁹⁴, thời gian tới cần thiết kế bộ chỉ số nguy cơ với các nội dung như lý lịch vi phạm hành chính hoặc tiền án liên quan tới bạo lực, gây rối; lý lịch tham gia các nhóm thanh thiếu niên có hành vi lệch chuẩn; tình trạng bỏ học, thất nghiệp, sử dụng chất kích thích, biểu hiện cực đoan trên không gian mạng; gia đình khiếm khuyết, có môi trường sống phức tạp.

Ngoài ra, sử dụng công cụ chấm điểm trên nền tảng số, thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin liên ngành, giữa công an, nhà trường, các ban quản lý tại khu dân cư, bệnh viện, bến xe, định kỳ đánh giá, cập nhật danh sách các hội, nhóm, cá nhân có nguy cơ cao từ đó can thiệp phân tầng (nguy cơ thấp sẽ tư vấn, giám sát mềm; nguy cơ trung bình sẽ tập trung vào quản lý, giáo dục, giám sát định kỳ; nguy cơ cao sẽ giám sát chặt chẽ, áp dụng các biện pháp phòng ngừa mang tính cưỡng chế cao nếu vi phạm), có thể tích hợp vào phần mềm quản lý nghiệp vụ cơ bản của công an cấp cơ sở.

194. Anh (UK): Hệ thống “Youth Risk Assessment” kết hợp cảnh sát - công tác xã hội để xác định nhóm thanh thiếu niên nguy cơ cao; Canada: Công cụ “Violence Risk Scale” chấm điểm nguy cơ gây bạo lực - áp dụng cả với nhóm chưa phạm tội nhưng có biểu hiện lệch chuẩn; Singapore: Lập “danh sách giám sát thanh thiếu niên” (Youth Watchlist) và triển khai can thiệp sớm tại trường học.

Tăng cường tập huấn, diễn tập liên ngành mô phỏng các tình huống GRTTCC, mất ANTT có quy mô lớn để nâng cao năng lực phản ứng nhanh, đồng bộ.

Trên cơ sở đặc điểm của tội GRTTCC gắn với các tình huống phát sinh cụ thể đòi hỏi thời gian tới, các cơ quan chuyên trách cần tăng cường xây dựng các phương án, quy trình giải quyết chuẩn các trường hợp cụ thể như tụ tập, GRTTCC trước trụ sở cơ quan nhà nước, gây rối tại sự kiện văn hóa, thể thao quy mô lớn; gây rối có tổ chức, sử dụng hung khí, lan rộng; đối tượng lợi dụng mạng xã hội để kích động, lôi kéo GRTTCC; tổ chức lực lượng, mối quan hệ phối hợp; khoanh vùng, kiểm soát hiện trường.

Lực lượng chuyên trách cần nhanh chóng xác định mức độ vụ việc, phân loại tình huống là tự phát hay có tổ chức, có vũ khí, phạm vi ảnh hưởng địa bàn. Trường hợp các vụ việc đã xảy ra, cần khoanh vùng, xác định cầm đầu, giải tán đám đông, bảo đảm an toàn cho người dân xung quanh, ngăn chặn các hành vi gây rối có tính lây lan; vừa kết hợp tuyên truyền, vận động, thuyết phục với rắn đe, cưỡng chế. Lực lượng chuyên trách tổ chức lực lượng, xây dựng quy trình ứng phó nhanh chóng và tổ chức điều chỉnh, rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện.

3.2.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Tăng cường kiện toàn tổ chức, bộ máy trong phòng ngừa tội GRTTCC

Phòng ngừa tội GRTTCC là hoạt động đòi hỏi phải có sự phối hợp liên ngành, có sự phân công rõ chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương, trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của chính quyền các cấp. Trong đó, Chính phủ thống nhất QLNN trong công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm trật tự xã hội; các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phải đưa chương trình phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội, trong đó có tội GRTTCC vào nghị quyết và chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, đảng viên trong công tác phòng ngừa tội GRTTCC.

Công tác tuyển dụng, quy hoạch bố trí cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách trong phòng ngừa tội GRTTCC thời gian tới cần được tổ chức theo hướng chuyên sâu, đúng vị trí việc làm, cụ thể: chú trọng xây dựng tiêu chuẩn chức danh theo vị trí việc làm, đẩy mạnh phát triển các kỹ năng xử lý tình huống phức tạp về ANTT; gắn nhu cầu tuyển dụng với nhu cầu thực tế của từng lĩnh vực, địa bàn trọng điểm về trật tự công cộng; chú trọng bố trí cán bộ có kinh nghiệm tại các địa bàn phức tạp, điểm nóng, thường xuyên diễn ra các sự kiện đông người; tăng cường luân chuyển cán bộ làm công tác tham mưu, công tác áp dụng pháp luật, quản lý địa bàn giúp cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn; công tác bổ nhiệm cán bộ cần chú trọng tới chất lượng hoàn thành nhiệm vụ như kết quả xử lý địa bàn, chất lượng tham mưu, mức độ tín nhiệm của nhân dân, đồng nghiệp, năng lực phối hợp thực hiện, phẩm chất, năng lực. Trường hợp có sai phạm, năng lực yếu kém dễ xảy ra các vấn đề phức tạp về ANTT trên địa bàn cần luân chuyển, miễn nhiệm theo quy định.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án phải coi trọng biện pháp phòng ngừa xã hội và đẩy mạnh, chuyên sâu biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ; duy trì chế độ kiểm tra, đánh giá, sơ kết tổng kết ở các cấp nhằm rút kinh nghiệm trong việc chỉ đạo, điều hành và nhân rộng các mô hình, phương pháp, giải pháp phòng ngừa tội GRTTCC đạt hiệu quả cao.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực trong phòng ngừa tội GRTTCC

Phát triển nguồn nhân lực cho phòng ngừa tội GRTTCC cần dựa trên nguyên tắc đa tầng - đa lực lượng - hiện đại - gắn với cộng đồng. Về chiến lược dài hạn cần xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phòng ngừa tội phạm trong chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, tập trung bổ sung biên chế lực lượng cho Công an cấp cơ sở, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở, lực lượng Cảnh sát hình sự, lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH, đẩy mạnh mở rộng mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia các mô hình tự quản về ANTT gắn với tổ dân phố, thôn, bản, cơ quan, doanh nghiệp, trường học trong phòng ngừa tội GRTTCC; rà soát, tham mưu xây dựng đề án biên chế giai đoạn 2026- 2031; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao về tổng biên chế, chức danh tư pháp và những vấn đề liên quan của cơ quan tư pháp theo mô hình mới.

Các cơ quan chức năng trong công tác quản lý cán bộ cần kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực ứng dụng, vận hành hệ thống camera giám sát, trung tâm chỉ huy; đào tạo lực lượng tham gia bảo vệ trật tự cấp cơ sở, tình nguyện viên, cộng tác viên cách thức sử dụng các ứng dụng, nền tảng số để truyền thông chính sách, chương trình, nội dung phòng ngừa đảm bảo ANTT, chấn chỉnh lễ tiết, tác phong, lề lối làm việc của lực lượng tham gia phòng, chống tội GRTTCC; xây dựng cơ chế khuyến khích khen thưởng, hỗ trợ tài chính cho các cá nhân, tập thể tham gia các hoạt động phòng, chống tội phạm và VPPL khác hiệu quả.

Đẩy mạnh mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC

Thời gian tới, các cơ quan tư pháp như cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cần tăng cường mối quan hệ phối hợp trong giải quyết các vụ án GRTTCC đảm bảo khách quan, chính xác, tính hệ thống, chuyên môn hóa và giàu sức “răn đe”, trên tinh thần hiệp đồng công tác, hỗ trợ giúp đỡ nhau nhưng phải đúng chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc hoạt động độc lập của từng ngành, tránh xu hướng thỏa hiệp một chiều, đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau.

Các cơ quan chuyên trách trong phòng ngừa tội GRTTCC cần đẩy mạnh đa dạng hóa các hình thức, nội dung phối hợp với các cơ quan QLNN, tổ chức xã hội, các đoàn thể, gia đình, nhà trường trong phòng ngừa tội GRTTCC. Thời gian tới cần thúc đẩy xây dựng quy chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, phụ nữ với các cơ quan chuyên trách trong tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý tội phạm, trong đó có tội GRTTCC, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp cho người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng.

Lực lượng chuyên trách về phòng ngừa tội GRTTCC cần phối hợp với các ban quản lý bến xe, chợ, trung tâm thương mại, bệnh viện, trường học điều tiết các hoạt động công cộng, phòng ngừa GRTTCC, phòng ngừa các hành vi bạo lực học đường; phối hợp với các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho mọi người; hướng dẫn các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ ANTT, an toàn trong cơ quan, doanh nghiệp, khu dân cư; chú trọng xây dựng ngọn cờ đầu, hạt nhân trong bảo vệ ANTT tại cơ sở.

Do tội GRTTCC xuất hiện nhiều ở vùng giáp ranh giữa địa bàn thành thị, nông thôn, giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố. Vì vậy, cần xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp đấu tranh, xử lý với các vụ án GRTTCC theo hướng liên xã, liên phường, liên tỉnh, khép kín nhiều địa bàn, nhiều lực lượng tùy theo quy mô và tính chất của từng vụ án GRTTCC.

Khi có vụ việc, nhóm đối tượng GRTTCC di chuyển qua nhiều địa bàn, các lực lượng chuyên trách cần có kênh chia sẻ thông tin nhanh chóng, huy động lực lượng tại chỗ, lực lượng theo tuyến, địa bàn để kiểm soát, ngăn chặn, bắt giữ, xử lý kịp thời, ngăn chặn sự lan rộng của hành vi gây rối, phản ứng nhanh.

Cơ chế chỉ huy cần thống nhất, có đầu mối chủ trì, chuyên trách để tổ chức, điều phối các lực lượng trong quá trình áp dụng các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt, cơ chế phối hợp xử lý tội GRTTCC cần đẩy mạnh theo hướng đa cấp, đa ngành, đa địa bàn, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ quan tư pháp và chính quyền địa phương.

3.2.5. Đột phá về ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng

Tổ chức kết nối, khai thác hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống dữ liệu có liên quan tới việc xây dựng, hoạch định chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội đồng bộ, hiệu quả, bám sát thực tiễn.

Thời gian tới cần tập trung phát triển, quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả hệ thống dữ liệu tại trung tâm dữ liệu quốc gia do Bộ Công an điều phối, chủ trì. Bộ Công an cần phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan sớm hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phát triển kho dữ liệu tổng hợp, hỗ trợ hoạch định chính sách, kiến tạo phát triển, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số, tiến tới cung cấp hạ tầng công nghệ cho các tổ chức chính trị - xã hội, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ quan có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành.

Phát triển hạ tầng số, công nghệ số phải theo hướng hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí, trong đó nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai thực hiện, người dân và doanh nghiệp làm động lực, nhân tố tham gia lâu dài, tích cực.

Trong phòng ngừa tội GRTTCC, cần xây dựng dữ liệu lớn về ANTT đô thị

cần tích hợp, tương thích với hệ thống camera, các ứng dụng, nền tảng, chia sẻ dữ liệu số phục vụ công tác QLNN về ANTT, phòng ngừa GRTTCC; đẩy mạnh nghiên cứu xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện; áp dụng AI, Camera giám sát tự động, quét QR giấy phép công khai. Thông qua việc liên thông dữ liệu, các cơ quan thực thi pháp luật có thể nắm bắt nhanh chóng, chính xác tình hình biến động dân cư, di biến động lao động, đặc biệt tại các khu vực đô thị lớn, khu công nghiệp, địa bàn tập trung đông người nhập cư, vốn là những nơi tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tội phạm, trong đó có tội GRTTCC.

Đẩy mạnh kết nối dữ liệu giúp phân tích các chỉ số nhân khẩu học, chỉ số phát triển xã hội, kết hợp dữ liệu dân cư, dữ liệu hình sự, dữ liệu mạng xã hội để dự báo “điểm nóng” có nguy cơ phát sinh hành vi gây rối, nhận diện các nhóm đối tượng có nguy cơ cao, làm cơ sở triển khai các biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung, tội GRTTCC nói riêng có trọng tâm, trọng điểm.

Đẩy mạnh triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho xây dựng chính sách, pháp luật, tăng hiệu lực, hiệu quả trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Tăng cường kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu TGPL với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu của các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật; phấn đấu đạt 100% thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL được xác định là dịch vụ công trực tuyến tại tất cả các địa phương và được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đẩy mạnh triển khai xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin địa lý quốc gia, trong đó có nội dung lập bản đồ ANTT theo thời gian thực, xác định các khu vực có tần suất gây rối cao để bố trí lực lượng kịp thời, khắc phục tình trạng địa chỉ trùng lặp, thiếu chính xác, khó tìm. Hiện nay, Bộ Công an đang đề xuất Chính phủ xây dựng dữ liệu định danh địa điểm thông qua việc gắn mã định danh 06 ký tự cho địa điểm, công trình, cơ quan, đường phố, địa chỉ xã phường, tỉnh, mã bưu chính, tọa độ¹⁹⁵... Dữ liệu bản đồ quốc gia về địa điểm được cung cấp, hiển thị trên ứng dụng

195. Báo điện tử Vnexpress (2025), “Đề xuất mỗi địa điểm, công trình sẽ có mã định danh điện tử”, <https://vnexpress.net/de-xuat-moi-dia-diem-cong-trinh-se-co-ma-dinh-danh-dien-tu-4943564.html>, truy cập ngày 29/9/2025.

định danh quốc gia VNeID sẽ phục vụ cho việc quản lý, đánh giá sự phân bố dân cư, cơ sở hạ tầng, phòng ngừa xung đột xã hội, phòng ngừa các hành vi phạm tội GRTTCC, ứng phó nhanh với các tình huống gây rối phức tạp, ảnh hưởng xấu về ANTT.

Đẩy mạnh lắp đặt, khai thác hệ thống camera an ninh, AI trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Do đặc trưng của loại tội phạm xảy ra tại nhiều địa điểm công cộng, thời gian, không gian khác nhau, đặc biệt có trường hợp phạm tội gây rối các nhóm đối tượng di chuyển đông người, có mang theo hung khí trên các tuyến giao thông nên cần đẩy mạnh ứng dụng khai thác các thành tựu khoa học công nghệ như triển khai lắp đặt đồng bộ hệ thống camera, AI, phát triển các thuật toán phát hiện, giám sát các hành vi bất thường nhằm phân tích các thông tin từ mạng xã hội, diễn đàn, nhóm chat để kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi GRTTCC, kích động GRTTCC trên không gian mạng.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân lắp đặt camera an ninh tại nhà, vận động các cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT lắp đặt camera kết nối dữ liệu với lực lượng, trung tâm chỉ huy về đảm bảo ANTT của cơ quan công an đảm bảo dễ quan sát, phục vụ công tác giám sát an ninh tại các khu vực công cộng, hỗ trợ trích xuất dữ liệu phục vụ phòng ngừa tội GRTTCC.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống camera giám sát ANTT, xử lý vi phạm và điều hành giao thông với Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về ANTT được triển khai theo thời gian thực, kịp thời phát hiện, cảnh báo, phản ứng nhanh đối với các tình huống phức tạp. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ, tích hợp có kiểm soát với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và nền tảng định danh, xác thực điện tử nhằm xác minh công tác xác minh, đối chiếu, xử lý vi phạm và QLNN theo đúng thẩm quyền.

Dữ liệu từ các camera giám sát ANTT công cộng được kết nối theo mô hình phân tán về các điểm tập trung kết nối hoặc kết nối trực tiếp về Trung tâm camera giám sát Công an cấp xã, từ đây sẽ kết nối về Trung tâm camera giám sát Công an cấp tỉnh, sau đó kết nối về Trung tâm điều phối, chia sẻ dữ liệu camera của Bộ Công an.

Hệ thống camera giám sát của địa phương đầu tư được tích hợp, quản lý tập

trung tại trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh. Riêng hệ thống camera của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư và chia sẻ theo cơ chế thỏa thuận thông qua các điểm tập trung kết nối đến trung tâm camera giám sát của Công an cấp xã.

Các chủ thể có thẩm quyền cần đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý đối với việc thu thập, lưu trữ và khai thác dữ liệu từ camera an ninh, AI đảm bảo yêu cầu phòng, chống tội phạm và bảo vệ dữ liệu các nhân, các quy định pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng dữ liệu.

Tăng cường xây dựng, phát triển, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nền tảng, ứng dụng số về ANTT

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, việc xây dựng và phát triển các nền tảng, ứng dụng số phục vụ công tác bảo đảm ANTT là yêu cầu tất yếu. Đây không chỉ đơn thuần là giải pháp kỹ thuật mà là phương thức mới trong quản lý nhà nước về ANTT, quản trị an ninh theo hướng chủ động, dự báo sớm và lấy người dân làm trung tâm.

Dưới góc độ phòng ngừa tội phạm và quản lý nhà nước cần xây dựng các nền tảng, ứng dụng số tích hợp hoặc liên thông với các trung tâm xử lý của Bộ Công an, Công an các đơn vị địa phương. Các thông tin được tiếp nhận qua các nền tảng, ứng dụng số thay vì chỉ phản ánh về hình ảnh, video, thông tin đơn thuần cần phải được trung tâm xử lý phân loại, đánh giá nhanh theo các trường dữ liệu như địa điểm, thời gian, số đối tượng, tính chất hành vi (đua xe, đánh nhau, sử dụng vũ khí, gây mất trật tự...).

Để các nền tảng, ứng dụng số phát huy giá trị cần xây dựng các công cụ đánh giá bằng chỉ số như thời gian trung bình từ khi người dân gửi tin báo tới khi lực lượng chuyên trách tiếp nhận, xử lý; thời gian điều động lực lượng tới hiện trường; tỷ lệ tin báo được xử lý đúng thời hạn; tỷ lệ vụ việc gây rối được ngăn chặn hiệu quả từ nguồn tin người dân cung cấp; số điểm nóng về ANTT được phát hiện. Ngoài ra, cần chú trọng tới việc chuẩn hoá dữ liệu, hệ thống thông tin xây dựng không cần thông qua nhiều bước trung gian mà chuyển trực tiếp đến công an cấp xã, phường, các tổ tuần tra, lực lượng đang thực hiện trên địa bàn.

Chú trọng ứng dụng các nền tảng, ứng dụng số về ANTT trong thời gian tới

sẽ giúp các cơ quan chức năng tiết kiệm thời gian, tổ chức lực lượng hiệu quả, triển khai thực hiện đồng bộ các phương tiện, biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC; định hướng tuyên truyền chính sách, pháp luật về ANTT; nhận diện các hành vi, địa bàn phức tạp; phân tích xu hướng, phương thức hoạt động của các đối tượng; giúp cảnh bảo sớm, hỗ trợ xử lý vụ việc, xử lý các đối tượng.

Kết luận Chương 3

Trong chương này, tác giả luận án đã đưa ra dự báo về tội GRTTCC ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp cụ thể để tăng cường hiệu quả phòng ngừa tội GRTTCC trong thời gian tới với những kết quả đáng lưu ý như sau:

Một là, thời gian tới tình hình tội GRTTCC ở Việt Nam vẫn sẽ diễn biến phức tạp, số vụ việc phạm tội/người phạm tội vẫn chiếm tỷ lệ cao; xuất hiện những cách thức thực hiện hành vi phạm tội mới, đa dạng, các đối tượng phạm tội triệt để sử dụng vũ khí, công cụ phương tiện để thực hiện hành vi gây rối; các hành vi xúi giục, kích động gây rối trên các hội, nhóm không gian mạng xuất hiện phổ biến hơn, xuất hiện nhiều hơn các vụ việc GRTTCC do lứa tuổi thanh thiếu niên, tập trung nhiều ở các tuyến phố, bến xe, bến tàu, khu vực, địa bàn giáp ranh, phức tạp về ANTT.

Hai là, hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ có những thuận lợi, kết quả tích cực trong kiểm soát tội GRTTCC, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, khó khăn tác động, ảnh hưởng tới hiệu quả phòng ngừa tội phạm và là những nhân tố tiêu cực hình thành nguyên nhân của tội GRTTCC đòi hỏi phải tăng cường các biện pháp phòng ngừa chung và phòng ngừa nghiệp vụ.

Ba là, tăng cường cơ sở chính trị, pháp lý cho hoạt động phòng ngừa tội GRTTCC là biện pháp quan trọng, nền tảng giúp thống nhất tư tưởng, nhận thức, tạo cơ chế cho tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp một cách đồng bộ, tạo điều kiện giải quyết những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp lý trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa chung và phòng ngừa nghiệp vụ.

Bốn là, phát triển kinh tế, xã hội và hạn chế những tác động tiêu cực nảy sinh từ quá trình này là biện pháp quan trọng trong phòng ngừa tội GRTTCC, cụ thể như giải quyết các vấn đề thất nghiệp, thiếu việc làm, nâng cao mức sống của người dân, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo, di cư tự do... qua đó hạn chế, tiến

tới loại bỏ nguyên nhân của tội GRTTCC ở Việt Nam hiện nay.

Năm là, tăng cường biện pháp văn hóa, giáo dục; đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả biện pháp vận động quần chúng giúp nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, các quy định, quy tắc xử sự nơi công cộng của người dân, giúp hình thành lối sống văn minh, xây dựng không gian sống an ninh, an toàn, phòng ngừa xung đột xã hội, phòng ngừa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống tới việc hình thành hành vi phạm tội GRTTCC.

Sáu là, tăng cường QLNN về trật tự công cộng, trong đó đặc biệt chú ý tới hoạt động kiểm tra, giám sát các địa bàn công cộng tập trung đông người, đông người lao động sinh sống, các địa bàn giáp ranh phức tạp về ANTT. Bên cạnh đó chú trọng thực hiện QLNN đối với các nhóm đối tượng có nguy cơ cao thực hiện hành vi GRTTCC, chủ cơ sở kinh doanh có điều kiện, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý của cơ quan nhà nước không để hình thành các yếu tố tạo ra nguyên nhân của tội GRTTCC.

Bảy là, tăng cường nhóm biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ như nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tấn công trấn áp, điều tra, xử lý tội phạm của các cơ quan bảo vệ pháp luật; công tác tuần tra, kiểm soát công khai kết hợp bí mật bảo đảm ANTT; công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác, điều tra, xử lý; nghiên cứu xây dựng và thực hiện có hiệu quả các công cụ đánh giá, cảnh báo sớm các nhóm, đối tượng, khu vực, địa bàn có nguy cơ cao hình thành các điểm nóng, phức tạp về ANTT; tăng cường tập huấn, diễn tập liên ngành mô phỏng các tình huống GRTTCC, mật ANTT có quy mô lớn để nâng cao năng lực phản ứng nhanh, đồng bộ.

Tám là, kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC.

Chín là, đột phá về ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong phòng ngừa tội GRTTCC.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu, đánh giá toàn bộ các vấn đề được nêu ra trong nhiệm vụ của luận án, tác giả luận án rút ra một số kết luận như sau:

1. Qua nghiên cứu các tài liệu ở Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến phòng ngừa tội GRTTCC, luận án đã hệ thống, phân tích, làm rõ các quan điểm phòng ngừa tội GRTTCC bằng việc dẫn chiếu các quy định, kết quả nghiên cứu trong xây dựng, áp dụng pháp luật, triển khai các biện pháp phòng ngừa tội phạm về trật tự công cộng, an toàn công cộng, phòng ngừa xung đột xã hội, gây rối ANTT.

Luận án đã phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội GRTTCC, trong đó có thể hiện sự kết thừa, phát triển và quan điểm của nghiên cứu sinh về khái niệm, đặc điểm, mục đích của phòng ngừa tội GRTTCC; Các nguyên tắc cơ bản trong phòng ngừa tội GRTTCC; Nội dung phòng ngừa và các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC; cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn làm định hướng, cơ sở cho quá trình tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả phòng ngừa trong thực tiễn. Có thể khẳng định, luận án đã góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận phòng ngừa tội phạm GRTTCC, phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học trong các trường đào tạo luật.

2. Luận án đã phân tích thực trạng tình hình tội GRTTCC, thực trạng tổ chức lực lượng và mối quan hệ phối hợp trong phòng ngừa tội GRTTCC; thực trạng triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2018 - 2025. Tác giả luận án đánh giá tình hình tội GRTTCC như là kết quả của hoạt động phòng ngừa, phản ánh những nguyên nhân, điều kiện, những tồn tại, thiếu sót của các chủ thể trong triển khai, thực hiện các biện pháp phòng ngừa cụ thể. Thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng ngừa mặc dù đã có nhiều kết quả nổi bật song vẫn tồn tại một số hạn chế, bất cập về cơ chế phối hợp, cơ sở pháp lý, hạn chế trong năng lực tổ chức, thực hiện các biện pháp văn hóa, giáo dục, biện pháp quần chúng, biện pháp quản lý hành chính nhà nước về ANTT, biện pháp phòng ngừa chuyên biệt, những phẩm chất tâm lý tiêu cực được hình thành trong quá trình sống của người phạm tội. Tất cả những yếu tố này nảy sinh, hình thành trong các

quá trình xã hội, tác động qua lại lẫn nhau tạo thành nguyên nhân của tội GRTTCC ở Việt Nam.

3. Những yếu tố hình thành nguyên nhân của tội GRTTCC nói trên không dễ thay đổi, khắc phục trong thời gian ngắn, do đó trong khoảng 10 năm tới, tội GRTTCC vẫn sẽ diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều phương thức thực hiện tội phạm mới. Vì vậy, để đạt được mục tiêu là giảm cơ bản dẫn đến giảm hẳn các tội GRTTCC trong thời gian tới, chúng ta cần phải tích cực hạn chế và tiến tới loại bỏ những nguyên nhân của tội GRTTCC trên cơ sở tăng cường các giải pháp: hoàn thiện cơ sở chính trị, pháp luật của hoạt động phòng ngừa; tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp phòng ngừa như phát triển kinh tế- xã hội, tăng cường biện pháp văn hóa, giáo dục; tăng cường hiệu lực, hiệu quả của biện pháp quần chúng; tăng cường biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, chuyên biệt của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

4. Trong số các biện pháp phòng ngừa nói trên, biện pháp chính trị, pháp luật là cơ sở định hướng; biện pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục là nền tảng, biện pháp quần chúng, biện pháp quản lý hành chính nhà nước về ANTT, biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ như tuần tra, kiểm soát, điều tra, truy tố, xét xử, tổ chức diễn tập các phương án, kế hoạch phòng ngừa tình huống là những biện pháp riêng có tính đặc thù, đặc biệt biện pháp liên quan tới khoa học, kỹ thuật trong phòng ngừa tội GRTTCC được xác định là đột phá.

Mỗi biện pháp đều có tác dụng trong việc phòng ngừa tội GRTTCC và chúng có liên quan chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau. Có thể khẳng định, việc thực hiện tốt tất cả các biện pháp phòng ngừa sẽ nâng cao được hiệu quả phòng ngừa đối với tội GRTTCC ở Việt Nam.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Phạm Công Tùng (2024), “Tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, 07(134), tr. 66-74.
2. Phạm Công Tùng (2025), “Khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn áp dụng quy định pháp luật Việt Nam trong phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng”, *Tạp chí pháp luật & Phát triển*, (01), tr. 88-97.
3. Phạm Công Tùng (2025), “Đánh giá hiệu quả phòng ngừa tình hình tội gây rối trật tự công cộng - Một số vấn đề lý luận”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, 08(147), tr. 88-96.
4. Phạm Công Tùng (2026), “Quản lý nhà nước về phòng, chống tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học kiểm sát*, Số đặc biệt 1(102), tr. 182-186.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Hải Âu, Vũ Thế Công (2014), *Lý luận chung về trật tự công cộng bảo đảm trật tự công cộng và các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2012), *Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự”*, Hà Nội.
4. Bộ Công an - Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT/BCA-BGDĐT ngày 28/02/2015 hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành giáo dục*, Hà Nội.
5. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (2018), *Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-BLĐTBXH-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 21/12/2018 về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2005), *Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2013), *Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2013), *Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.

9. Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016- 2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2018), *Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2021), *Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 21/3/2021 quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2021), *Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2021), *Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2025), *Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*, Hà Nội.
15. Vũ Thế Công (2021), *Phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Công an thành phố Hà Nội (2013-2022), *Báo cáo tổng kết công tác các năm từ năm 2013 đến năm 2022*, Hà Nội.
17. Nguyễn Chí Dũng (2004), *Một số vấn đề về tội phạm và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Duy Đài (2013), *Phòng ngừa tội phạm ở địa bàn công cộng của lực lượng Cảnh sát nhân dân*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
19. Đại học Quốc gia Hà Nội (2020), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2015 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới*, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 15-KL/TW ngày 30/9/2021 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới*, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/1/2025 về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Công an địa phương hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 triển khai Đề án tổ chức Công an 3 cấp, không tổ chức Công an cấp huyện*, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Nguyễn Thanh Hải (2010), *Tội gây rối trật tự công cộng trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
36. Kiều Hồng Hải (2018), *Quản lý nhà nước trong phòng ngừa các vụ gây rối trật tự công cộng trên địa bàn quận Tây Hồ - thành phố Hà Nội theo chức năng của lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
37. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), “Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học”, *Tạp chí Luật học*, (06).
38. Nguyễn Ngọc Hoà (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội
39. Nguyễn Ngọc Hòa (2009), “Các khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm trong tội phạm học”, *Tạp chí Luật học*, (07).
40. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

41. Đinh Trọng Hoàn (2011), “Tội phạm gây rối trật tự công cộng ở những nơi xảy ra tranh chấp, khiếu kiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và những vấn đề đặt ra trong công tác phòng ngừa”, *Tạp chí Cảnh sát nhân dân*, (6).
42. Học viện An ninh nhân dân (2022), *Giáo trình Tội phạm học* (Dành cho đào tạo trình độ đại học), Hà Nội.
43. Tô Văn Huệ (2002), *Sử dụng biện pháp quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội trong điều tra các vụ gây rối trật tự công cộng tại địa bàn nông thôn*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
44. Phạm Văn Hùng (2018), *Điều tra tội phạm gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
45. Nguyễn Thu Hương (2019), *Tội gây rối trật tự công cộng trong Bộ luật Hình sự 2015*, luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
46. Nguyễn Mạnh Kháng (2009), *Một số vấn đề lý luận về quản lý xã hội trong những tình huống bất thường*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
47. Dương Tuyết Miên (2010), *Tội phạm học nhập môn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
49. Phạm Văn Minh (2014), *Hoạt động của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong phòng ngừa tội phạm gây rối trật tự công cộng*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
50. Hồ Trọng Ngũ (2005), “Phòng ngừa tội phạm trong cộng đồng dân cư”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (6).
51. Hồ Trọng Ngũ, Trần Phương Đạt (2019), *Giáo trình Tội phạm học*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
52. Trần Long Nhi (2015), *Pháp luật Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
53. Phạm Văn Ninh (2014), *Phòng ngừa tội phạm gây rối trật tự công cộng trong cường chế giải phóng mặt bằng các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên*

địa bàn các huyện (thuộc tỉnh Hà Tây cũ), thành phố Hà Nội, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

54. Hoàng Phê (2018), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
55. Nguyễn Thị Hà Phương (2019), *Tội phá rối an ninh, tội gây rối trật tự công cộng trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
56. Đỗ Ngọc Quang (1999), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
57. Quốc hội (2014), *Hiến pháp*, Hà Nội.
58. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
59. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Chính phủ*, Hà Nội.
60. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
61. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
62. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự*, Hà Nội.
63. Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
64. Quốc hội (2017), *Luật Trợ giúp pháp lý*, Hà Nội.
65. Quốc hội (2018), *Luật Công an nhân dân*, Hà Nội.
66. Quốc hội (2019), *Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
67. Quốc hội (2019), *Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia*, Hà Nội.
68. Quốc hội (2023), *Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
69. Quốc hội (2023), *Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
70. Quốc hội (2023), *Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở năm 2023*, Hà Nội.
71. Quốc hội (2024), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
72. Quốc hội (2024), *Luật Thủ đô*, Hà Nội.
73. Quốc hội (2024), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
74. Quốc hội (2024), *Luật Tư pháp người chưa thành niên*, Hà Nội.
75. Quốc hội (2024), *Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ*, Hà Nội.
76. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.

77. Quốc hội (2025), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
78. Quốc hội (2025), *Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
79. Quốc hội (2025), *Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
80. Quốc hội (2025), *Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
81. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
82. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
83. Quốc hội (2025), *Luật Tư pháp người chưa thành niên (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
84. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội.
85. Nguyễn Thị Thúy Quyên (2020), *Phòng ngừa Tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
86. Lê Thị Sơn (2014), “Phòng ngừa tội phạm từ góc độ tội phạm học so sánh”, Chuyên đề trong Hội thảo khoa học: *Phòng ngừa tội phạm - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
87. Lê Thị Sơn (Chủ biên) (2016), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
88. Phạm Thị Thúy (2015), *Thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án gây rối trật tự công cộng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
89. Trần Thị Ngọc Thuý (2018), *Cơ chế phòng ngừa tình hình tội phạm từ thực tiễn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học việc Khoa học Xã hội, Hà Nội.
90. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội
91. Phạm Văn Tĩnh (2014), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
92. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2018 - 2025), *Báo cáo tổng kết công tác năm từ năm 2018 đến năm 2025*, Hà Nội.
93. Tòa án nhân dân tối cao (2020), *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2020; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các Tòa án*, Hà Nội.

94. Tòa án nhân dân tối cao (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm và công tác năm 2023 của các Tòa án*, Hà Nội.
95. Tòa án nhân dân tối cao (2025), *Chỉ thị số 01/2025/CT-CA ngày 17/02/2025 về triển khai thi hành Luật tư pháp người chưa thành niên*, Hà Nội.
96. Toà án nhân dân tối cao (2025), *Thống kê tội gây rối trật tự công cộng ở Việt Nam giai đoạn từ 2018-2025*, Hà Nội
97. Nguyễn Lê Hùng Tráng (2018), *Định tội danh đối với tội gây rối trật tự công cộng trong Luật Hình sự Việt Nam (Trên cơ sở thực tiễn trên địa bàn tỉnh Nghệ An)*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
98. Trần Hữu Tráng (2000), “Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, (3).
99. Trần Hữu Tráng (2009), “Tọa đàm về một số thuật ngữ Tội phạm học”, *Tạp chí Luật học*, (7).
100. Trần Hữu Tráng (2010), “Bàn về nguyên nhân của tội phạm”, *Tạp chí Luật học*, (11).
101. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
102. Vũ Xuân Trường, Phạm Văn Minh (2009), *Tội phạm gây rối trật tự công cộng và quan hệ phối hợp trong hoạt động điều tra giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội với lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
103. Trường Đại học Huế, Trung tâm đào tạo từ xa (2011), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
104. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
105. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2025), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

106. Nguyễn Quốc Tuấn (2011), *Đấu tranh phòng, chống tội phạm gây rối trật tự công cộng ở những nơi xảy ra tranh chấp, khiếu kiện của lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội công an tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
107. Nguyễn Đức Tuấn (2016), *Tổ chức giữ gìn trật tự công cộng tại lễ hội của lực lượng Cảnh sát trật tự trên địa bàn các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Hồng*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
108. Đào Trí Úc (1999), “Vấn đề kiểm soát tội phạm”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (6), tr. 3-4.
109. Đào Trí Úc (2000), “Tình hình nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay”, Trong sách: *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (Phạm Hồng Hải chủ biên), NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
110. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2017), *Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
111. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực*, Hà Nội.
112. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 82/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều về bậc, điều kiện của từng bậc, việc nâng bậc và số lượng, cơ cấu tỷ lệ các bậc Thẩm phán Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
113. Đỗ Thị Hồng Vân (2017), *Nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm gây rối trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo chức năng của lực lượng Cảnh sát hình sự*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
114. Quách Thị Ái Vân (2017), *Hoạt động của lực lượng Cảnh sát trật tự trong giữ gìn trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

115. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018-2025), *Báo cáo tổng kết công tác năm từ năm 2018 đến năm 2025*, Hà Nội.
116. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2022), *Báo cáo số 189/BC-VKSTC ngày 27/12/2022 Tổng kết công tác năm 2022 của ngành Kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
117. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2025), *Kế hoạch số 113/KH-VKSTC ngày 15/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong tình hình mới*, Hà Nội.
118. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-QP ngày 01/7/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật trong công tác thống kê hình sự, thống kê tội phạm*, Hà Nội.
119. Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và tổ tụng hình sự*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
120. Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (2001), *Tội phạm học Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
121. Viện Ngôn ngữ học (2011), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
122. Trịnh Tiến Việt (2008), “Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ Tội phạm học”, *Tạp chí Khoa học*, (Kinh tế - Luật), Đại học Quốc gia Hà Nội.
123. Trịnh Tiến Việt (2022), *Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng tại Việt Nam*, Sách chuyên khảo, NXB Tư pháp, Hà Nội.
124. Võ Khánh Vinh (1999), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
125. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
126. Nguyễn Xuân Yêm (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
127. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
128. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học Việt Nam*, Trung tâm Nghiên cứu tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm, Học viện Cảnh sát nhân dân biên soạn, Tập 1: Tội phạm học đại cương, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

Tiếng Anh

129. Beccaria, Cesare (2016), *On crimes ang Punishments*, Translation, Annotations and Introduction by Graeme R.Newman and Pietro Marongiu, Fifth Edition, Transaction Publishers.
130. Behl, Joshua D., Steverson, Leonard A. (2021), *Criminal Theory Profiles: Inside the Minds of Theorists of Crime and Deviance*, Routledge Publisher.
131. Brake, Michael, Hale, Chris (2013), *Public Order and Private Lives: The Politics of Law and Order*, Routledge, England.
132. Brown David, Farrier David, Neal, David Weisbrot (1996), *Criminal Laws*, Published in Sydney by the Federation Ress.
133. Fisher, Bonnie S., Lab, Steven P. (2010), *Encyclopedia of Victimology and Crime Prevention*, SAGE, USA.
134. Flamm, Michael W. (2005), *Law and Order: Street Crime, Civil Unrest, and the Crisis of Liberalism in the 1960s*, Columbia University Press, New York, USA.
135. Goppinger, Hans (2008), *Kriminologie*, 6 Auflage, Verlag C.H Beck Muenchen, tr.1- 2.
136. Hayes, Hennessy, Prenzler, Tim (2014), *An introduction to Crime and Criminology*, Nxb Pearson Australia.
137. Howell, James C.(2003), *Preventing and Reducing Juvenile Delinquency: A Comprehensive Framework*, Sage.
138. Kennedy, Leslie W., Joel M. Caplan, Eric L. Piza (2018), *Risk-Based Policing: Evidence-Based Crime Prevention with Big Data and Spatial Analytics*, University of California Press, USA.
139. Melgaço, Lucas, Varna, Georgiana, Menichelli, Francesca, Mattias De Backer (2018), *Order and Conflict in Public Space (Routledge Studies in Crime and Society*, Routledge, USA.
140. Schmalleger, Frank (2004), *Criminology Today: An Integrative Introduction*, Pearson/Prentice Hall, USA.

141. Siegel, L.J. (2001), *Criminology: Theory, pattern and typologies*, Printed in the United States of America.
142. Siegel, Larry (2014), *Criminology - The core*, Nxb Cengage Learning.
143. Solomon, P. H. (1978), *Soviet criminologists and criminal policy. Specialists in policy making*, Columbia University Press, Newyork.
144. Welsh, Brandon C., Farrington, David P. (2012), *The Oxford Handbook of Crime Prevention*, Oxford University Press, England.
145. White, Rob, Haines, Fiona (2000), *Crime and Criminology: An introduction* (Second Edition), Oxford University Press.
146. Wright, Richard T., Decker, Scott H. (2011), *Armed Robbers in Action: Stickups and Street Culture*, UPNE publisher, USA.

Tiếng Nga

147. Adilov Aibek Nasjnovich (2010), *Теоретические, правовые и организационные основы совершенствования системы охраны общественного порядка в Кыргызской Республике*, Moskva. (Dịch: Cơ sở lý luận, pháp lý và tổ chức để cải thiện hệ thống bảo vệ trật tự công cộng ở Cộng hòa Kyrgyzstan), Luận án tiến sĩ, Học viện Quản lý Bộ Nội vụ Liên bang Nga).
148. Andreeva Irina Alekseevna (2011), *Охрана общественного порядка в системе вопросов местного значения* (Dịch: Bảo vệ trật tự công cộng trong hệ thống các vấn đề quan trọng của địa phương, Trường Đại học luật Ural, Bộ Nội vụ Liên bang Nga).
149. Kudelich Aleksandr Viatreslavovich (2000), *Уголовно- правовая охрана общественного порядка в современной России*, Moscow. (Dịch: Luật hình sự bảo đảm trật tự công cộng ở nước Nga hiện đại).
150. Kudrjavitsev, V.N. (1967) *Советская Криминология - наука о предупреждении преступлений*, Znanie, Moscow. (Dịch: Tội phạm học Liên Xô - khoa học phòng chống tội phạm).
151. Kudrjavitsev, V.N. (1968), *Причинная связь в Криминология*, Yuridicheskaja literature, Moscow. (Dịch: Quan hệ nhân quả trong tội phạm học).

152. Kudrjavitsev, V.N., Karpetz, I. I. & Korobejnikov, B. V. (1985), *Курс советской Криминологии; Предмет, методология, преступность И ее причины, преступник*, Yuridicheskaja literature, Moscow. (Dịch: Giáo trình Tội phạm học Liên Xô; chủ thể, phương pháp, tội phạm và nguyên nhân, tội phạm).
153. Kudrjavitsev, V.N., Eminov, V. E. (Eds), (2016), *Криминология*, Moscow, Norma. (Dịch: Tội phạm học).
154. Kuznetsova, N. F. (1974), *Современная буржуазная Криминология*, Moscow University Press, Moscow. (Dịch: Tội phạm học tư sản hiện đại).
155. Kuznetsova, N. F. & Luneev, V. V. (2005), *Криминология*, Walters Kluwer, Moscow. (Dịch: Tội phạm học).
156. Smorgunova, A. L. (2005), *Современная зарубежная криминология: Критическое направление*, St.Petersburg, Herzen University Press. (Dịch: Tội phạm học nước ngoài hiện đại: Hướng phê phán).

Trang web

157. Báo điện tử chính phủ (2025), “Danh sách 3.321 đơn vị hành chính cấp xã tại 34 tỉnh thành”, <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/danh-sach-3321-don-vi-hanh-chinh-cap-xa-tai-34-tinh-thanh-sau-sap-xep-sap-nhap-119250710102358656.htm>, truy cập ngày 9/4/2026.
158. Báo điện tử chính phủ (2025), “Báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng Phạm Minh Chính trình bày tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV”, https://baochinhphu.vn/bao-cau-cua-chinh-phu-do-thu-tuong-pham-minh-chinh-trinh-bay-tai-ky-hop-thu-9-quoc-hoi-khoa-xv-102250505110514765.htm?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 15/2/2026.
159. Báo điện tử Chính phủ (2026), “Ngày 1/7: Đồng loạt ra mắt 82.213 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở”, https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/ngay-1-7-ra-mat-luc-luong-bao-ve-antt-o-co-so-tren-toan-quoc-1192405241934552.htm?utm_source, truy cập ngày 5/4/2026.
160. Báo điện tử Nhân dân (2026), “Thống nhất mô hình và tên gọi báo chí địa phương”, https://nhandan.vn/thong-nhat-mo-hinh-va-ten-goi-bao-chi-dia-phuong-post891570.html?utm_source, truy cập ngày 1/4/2026.

161. Bộ Tư pháp (2023), “Báo cáo số 45 ngày 15/2/2023 về tổng kết thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật”, <https://pbgdpl.gov.vn/noidung/chuyenmuc/Pages/bao-cao-vien-phap-luat.aspx>.
162. Công an Thành phố Hà Nội (2024), “Kế hoạch 289 về đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng 141 trong tình hình mới”, <https://www.anninhthudo.vn/mo-hinh-to-cong-tac-141h-se-xu-ly-van-de-phat-sinh-ngay-tu-dia-ban-post599057.antd>, truy cập ngày 8/4/2026.
163. Phạm Dự (2025), “Đề xuất mỗi địa điểm, công trình sẽ có mã định danh điện tử”, <https://vnexpress.net/de-xuat-moi-dia-diem-cong-trinh-se-co-ma-dinh-danh-dien-tu-4943564.html>, truy cập ngày 29/9/2025.
164. Mạnh Hải - Lệ Thủy (2025), “Kiến nghị phòng ngừa vi phạm pháp luật liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng”, <https://baovephapluat.vn/vien-kiem-sat-khang-nghi-kien-nghi/kien-nghi-phong-ngua-vi-pham-phap-luat-lien-quan-den-hanh-vi-gay-roi-trat-tu-cong-cong-173853.html>, truy cập ngày 23/9/2025.
165. Trung Hưng (2024), “Tội phạm sử dụng súng tự chế, vũ khí thô sơ gây án đang diễn biến phức tạp”, <https://nhandan.vn/toi-pham-su-dung-sung-tu-che-vu-khi-tho-so-gay-an-dang-dien-bien-rat-phuc-tap-post810288.html?utm>, truy cập ngày 23/9/2025.
166. Nguyễn Quang Huy (2024), “Phiên tòa giả định tuyên truyền pháp luật “Gây rối trật tự công cộng” tại Trường THCS và THPT M.V. Lô-mô-nô-xốp, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội”, <https://vkshanoi.gov.vn/Tin-t%E1%BB%A9c/phien-toa-gia-dinh-tuyen-truyen-phap-luat-gay-roi-trat-tu-cong-cong-tai-truong-thcs-va-thpt-m-v-lo-mo-no-xop-quan-nam-tu-liem-thanh-pho-ha-noi>, truy cập ngày 8/3/2026.
167. Lương Tam Quang (2022), “Bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/bao-dam-an-ninh-kinh-te-trong-dieu-kien-phat-trien-kinh-te-thi-truong-hoi-nhap-quoc-te-va-cuoc-cach-mang-congngghiep-lan-thu-tu, truy cập ngày 19/9/2025.

168. Đức Quang (2023), “Lập hội nhóm trên mạng xã hội lôi kéo thanh thiếu niên tham gia đua xe”, <https://vtv.vn/xa-hoi/lap-hoi-nhom-tren-mang-xa-hoi-loi-keo-thanh-thieu-nien-tham-gia-dua-xe-20289701104224654.htm>, truy cập ngày 8/4/2026.
169. Như Quỳnh (2024), “Nhức nhối tình trạng thanh thiếu niên tụ tập gây rối trật tự công cộng”, <https://antv.gov.vn/chinh-tri-xa-hoi-E3223AB43/nhuc-nhoi-tinh-trang-thanh-thieu-nien-tu-tap-gay-roi-trat-tu-cong-cong-C089FE36E.html>, truy cập ngày 8/4/2026.
170. “Trợ giúp pháp lý trong bảo đảm tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật năm thứ 27”, https://tuphap.hatinh.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/tro-giup-phap-ly-trong-bao-dam-tiep-can-cong-ly-va-binh-dang-truoc-phap-luat-nam-thu-27?utm_source)), truy cập ngày 19/9/2025.
171. Ngọc Trường (2025), “Hơn 30 thanh thiếu niên gây náo loạn đường phố Đà Nẵng bị triệu tập” <https://vnexpress.net/hon-30-nguoi-gay-nao-loan-duong-pho-da-nang-bi-trieu-tap-4943591.html>, truy cập ngày 29/9/2025.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: HỆ THỐNG BẢNG, BIỂU ĐỒ

** Hệ thống bảng*

- | | |
|----------|--|
| Bảng 1: | Thực trạng về mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025 |
| Bảng 2: | Chỉ số tội phạm và chỉ số người phạm tội của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025 |
| Bảng 3: | Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội |
| Bảng 4: | Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo độ tuổi của người phạm tội |
| Bảng 5: | Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo dân tộc của người phạm tội |
| Bảng 6: | Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 theo giới tính của người phạm tội |
| Bảng 7: | Số vụ và người đã áp dụng thủ tục tố tụng hình sự đối với tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 |
| Bảng 8: | Số vụ và số người bị xử lý hình sự về tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 |
| Bảng 9: | Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo biểu hiện hành vi khách quan |
| Bảng 10: | Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo địa điểm xảy ra |
| Bảng 11: | Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo thời gian thực hiện |
| Bảng 12: | Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo hậu quả |
| Bảng 13: | Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo động cơ phạm tội |

- Bảng 14: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo nơi cư trú
- Bảng 15: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo địa điểm xảy ra là khu vực nội thành, ngoại thành; thành thị, nông thôn
- Bảng 16: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo phạm tội lần đầu hoặc tái phạm của người phạm tội
- Bảng 17: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo nghề nghiệp
- Bảng 18: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo hình thức đồng phạm
- Bảng 19: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự
- Bảng 20: Diễn biến mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn từ 2018 - 2025

*** Hệ thống biểu đồ**

- Biểu đồ 1: Thực trạng về mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025
- Biểu đồ 2: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội
- Biểu đồ 3: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo độ tuổi của người phạm tội
- Biểu đồ 4: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo dân tộc của người phạm tội
- Biểu đồ 5: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 theo giới tính của người phạm tội
- Biểu đồ 6: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo biểu hiện hành vi khách quan
- Biểu đồ 7: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo địa điểm xảy ra
- Biểu đồ 8: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo thời gian thực hiện

- Biểu đồ 9: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo hậu quả
- Biểu đồ 10: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo động cơ phạm tội
- Biểu đồ 11: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo nơi cư trú
- Biểu đồ 12: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo địa điểm xảy ra là khu vực nội thành, ngoại thành; thành thị, nông thôn
- Biểu đồ 13: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo phạm tội lần đầu hoặc tái phạm của người phạm tội
- Biểu đồ 14: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo nghề nghiệp
- Biểu đồ 15: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo hình thức đồng phạm
- Biểu đồ 16: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025 theo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự
- Biểu đồ 17: Diễn biến mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn từ 2018 - 2025

Phụ lục 2: DANH MỤC CÁC BẢN ÁN

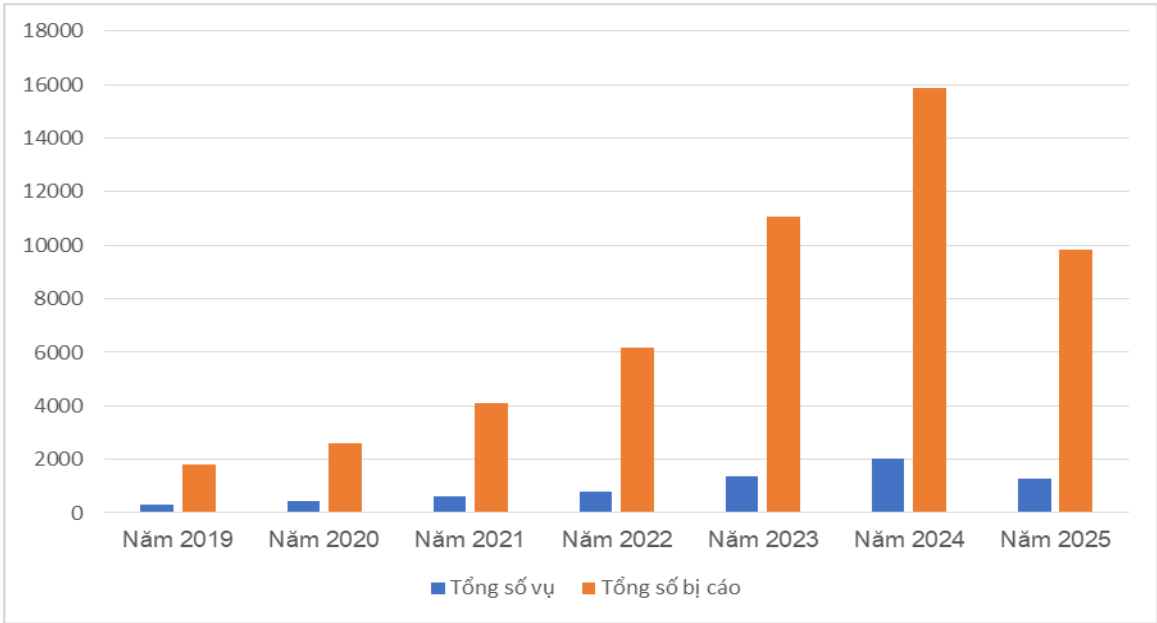
Phụ lục 1

HỆ THỐNG BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 1: Thực trạng về mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam
trong giai đoạn 2018 - 2025

Năm	Tổng số vụ	Tổng số bị cáo
2018	221	1433
2019	299	1820
2020	424	2581
2021	637	4100
2022	781	6195
2023	1369	11077
2024	2031	15879
2025	1294	9835
Tổng	5710	41261

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)



Biểu đồ 1: Thực trạng về mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam
trong giai đoạn 2018 - 2025

**Bảng 2: Chỉ số tội phạm và chỉ số người phạm tội của tội GRTTCC ở Việt Nam
giai đoạn 2018 - 2025**

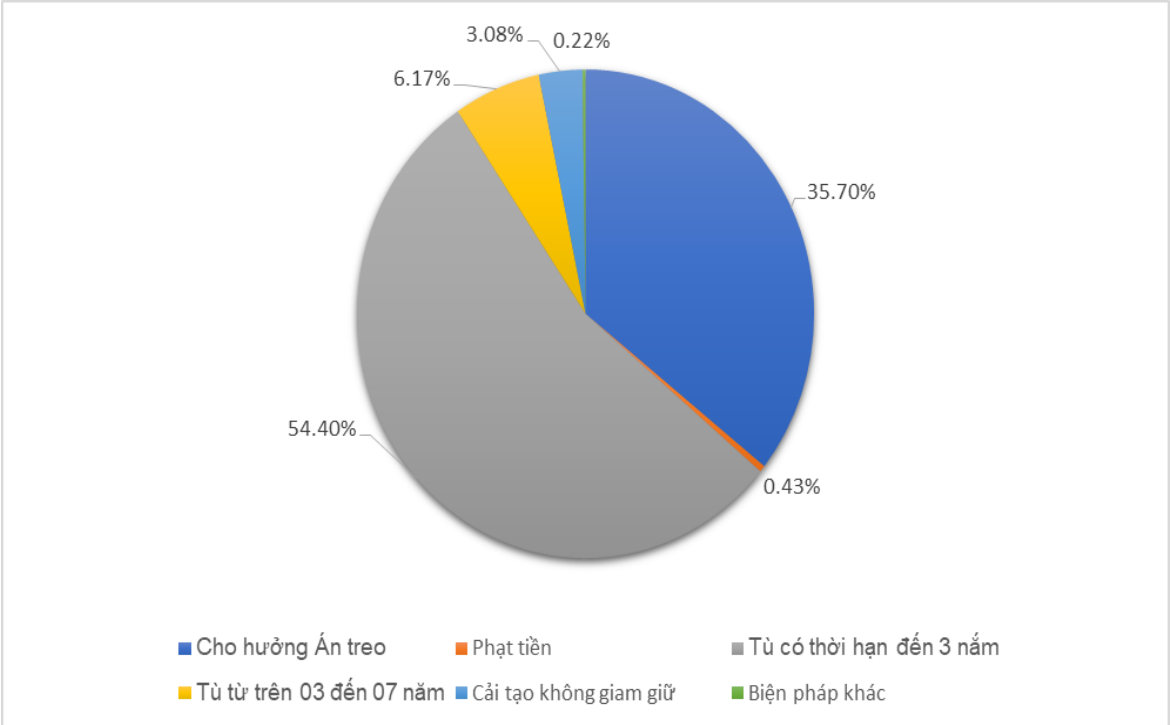
Năm	Số vụ	Số người phạm tội	Dân số	Chỉ số tội phạm (tính trong 100.000 dân)	Chỉ số người phạm tội (tính trong 100.000 dân)
2018	221	1433	95.545.962	0,23	1,49
2019	299	1820	96.462.106	0,30	1,88
2020	424	2581	97.338.579	0,43	2,65
2021	637	4100	97.470.000	0,65	4,20
2022	781	6195	98.531.429	0,79	6,28
2023	1369	11077	99.186.471	1,38	11,16
2024	2031	15879	101.300.081	2,00	15,6
2025	1294	9835	101.677.250	1,27	9,67
Trung bình	713	5157	98.438.984	0,72	5,23

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao, danso.org)

Bảng 3: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội

STT	Chế tài hình sự	Số người phạm tội	Tỷ lệ
1	Cho hưởng Ân treo	14731	35,7%
2	Phạt tiền	181	0,43%
3	Tù có thời hạn đến 03 năm	22442	54,4%
4	Tù từ trên 03 năm đến 07 năm	2549	6,17%
6	Cải tạo không giam giữ	1267	3,08%
7	Biện pháp khác (giáo dục tại trường giáo dưỡng)	91	0,22%
Tổng		41261	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

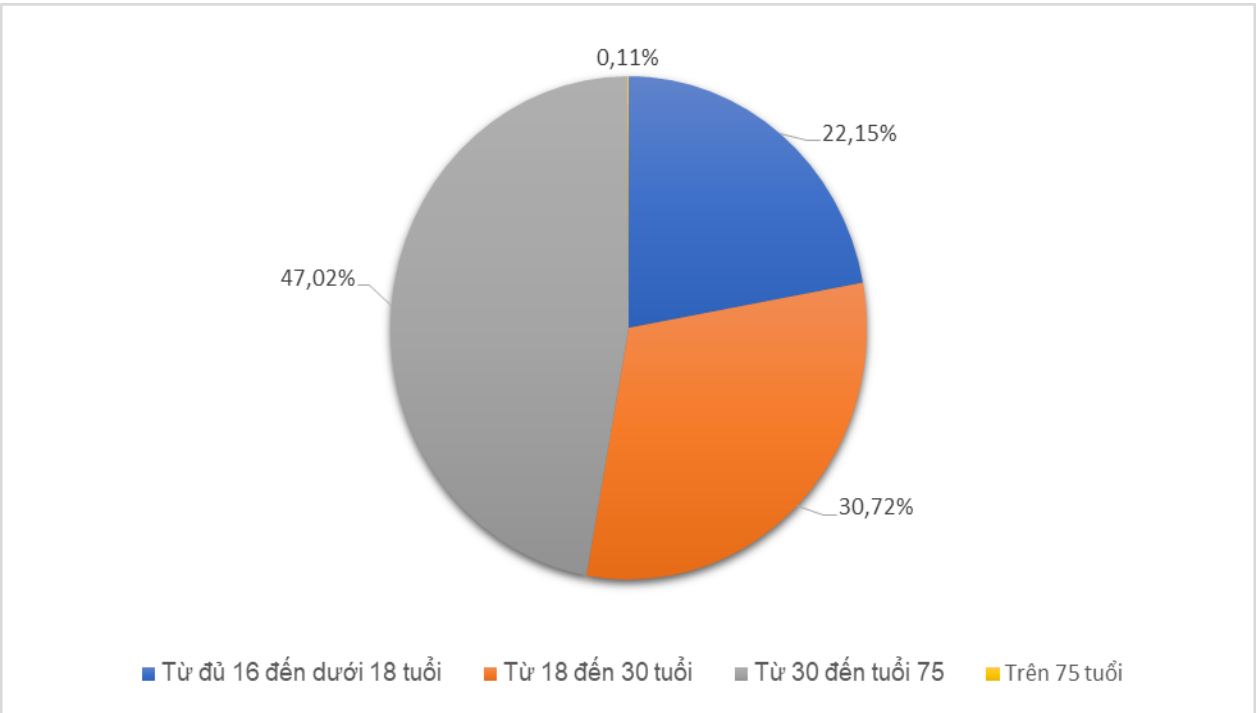


Biểu đồ 2: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo chế tài hình sự áp dụng đối với người phạm tội

Bảng 4: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo độ tuổi của người phạm tội

Độ tuổi	Số người phạm tội	Tỷ lệ
Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	9139	22,15%
Từ 18 đến dưới 30 tuổi	12677	30,72%
Từ 30 tuổi đến 75 tuổi	19400	47,02%
Trên 75 tuổi	45	0,11%
Tổng	41261	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

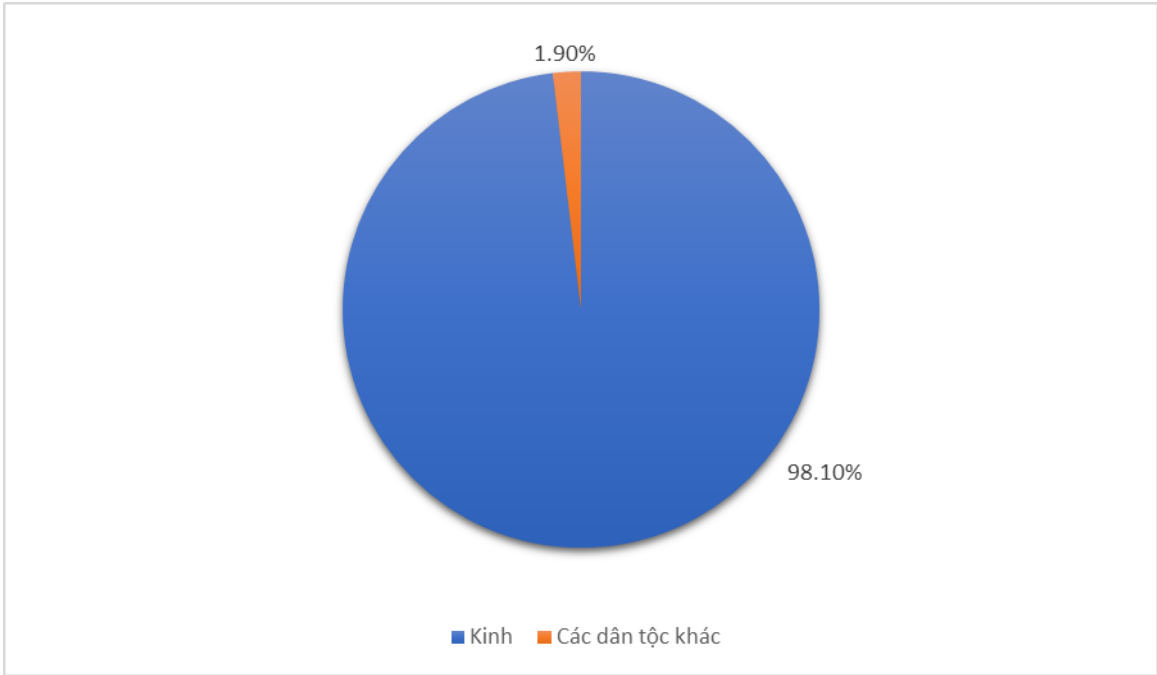


Biểu đồ 3: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo độ tuổi của người phạm tội

Bảng 5: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo dân tộc của người phạm tội

Dân tộc	Số người phạm tội	Tỷ lệ
Kinh	40489	98,1%
Các dân tộc khác (Mường, Dao, Mông, Ê Đê...)	772	1,9%
Tổng	41261	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

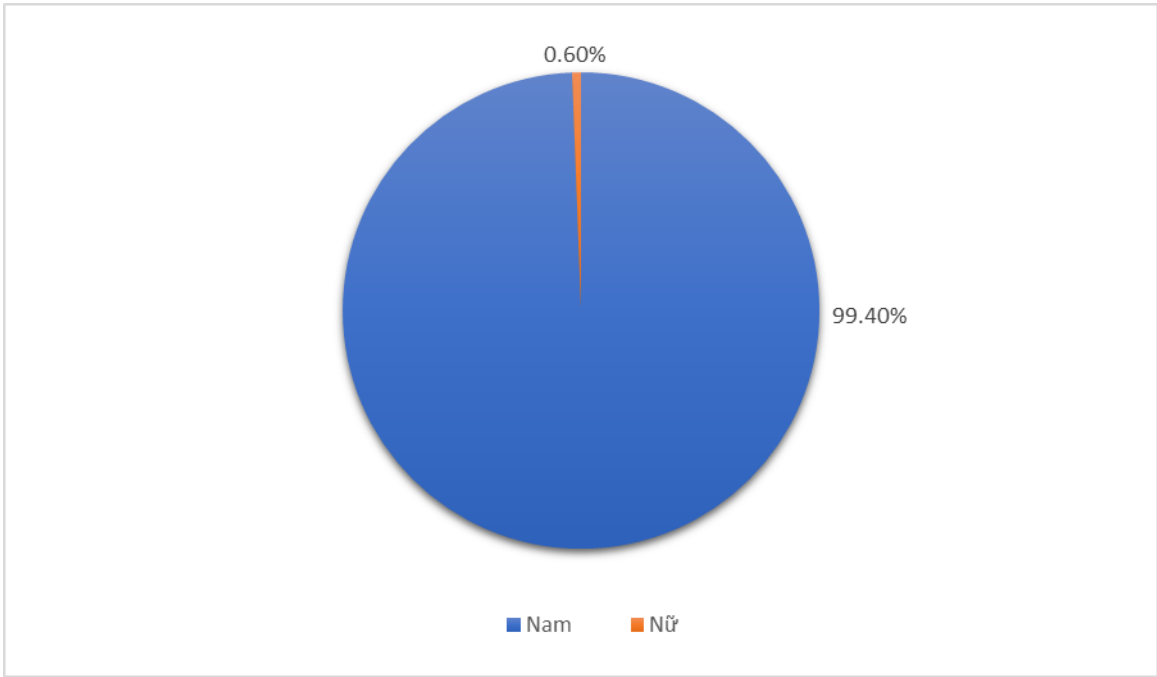


Biểu đồ 4: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo dân tộc của người phạm tội

Bảng 6: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo giới tính của người phạm tội

Dân tộc	Số người phạm tội	Tỷ lệ
Nam	41023	99,4%
Nữ	238	0,6%
Tổng	41261	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)



Biểu đồ 5: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo giới tính của người phạm tội

**Bảng 7: Số vụ và người đã áp dụng thủ tục tố tụng hình sự đối với tội
GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025**

Án phải giải quyết		Đình chỉ		Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát		Số vụ án trả hồ sơ nhưng VKS không chấp nhận yêu cầu của Tòa án
Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ
5960	44261	2	27	781	8281	27

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)

**Bảng 8: Số vụ và số người bị xử lý hình sự về tội GRTTCC ở Việt Nam
giai đoạn 2018 - 2025**

Trình tự	Số vụ	Số người
Khởi tố	7649	48978
Truy tố	5928	43024
Xét xử	5710	41261

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Bảng 9: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo biểu hiện hành vi khách quan

Biểu hiện hành vi khách quan	Số người phạm tội	Tỷ lệ
Dùng vũ khí, hung khí đuổi đánh nhau hoặc có hành vi phá phách	505	51%
Náo động gây mất ANTT: La hét, chửi bới, lăng mạ	422	43%
Xúi giục gây rối, hành hung người can thiệp bảo vệ TTCC	54	6%
Tổng	981	100%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

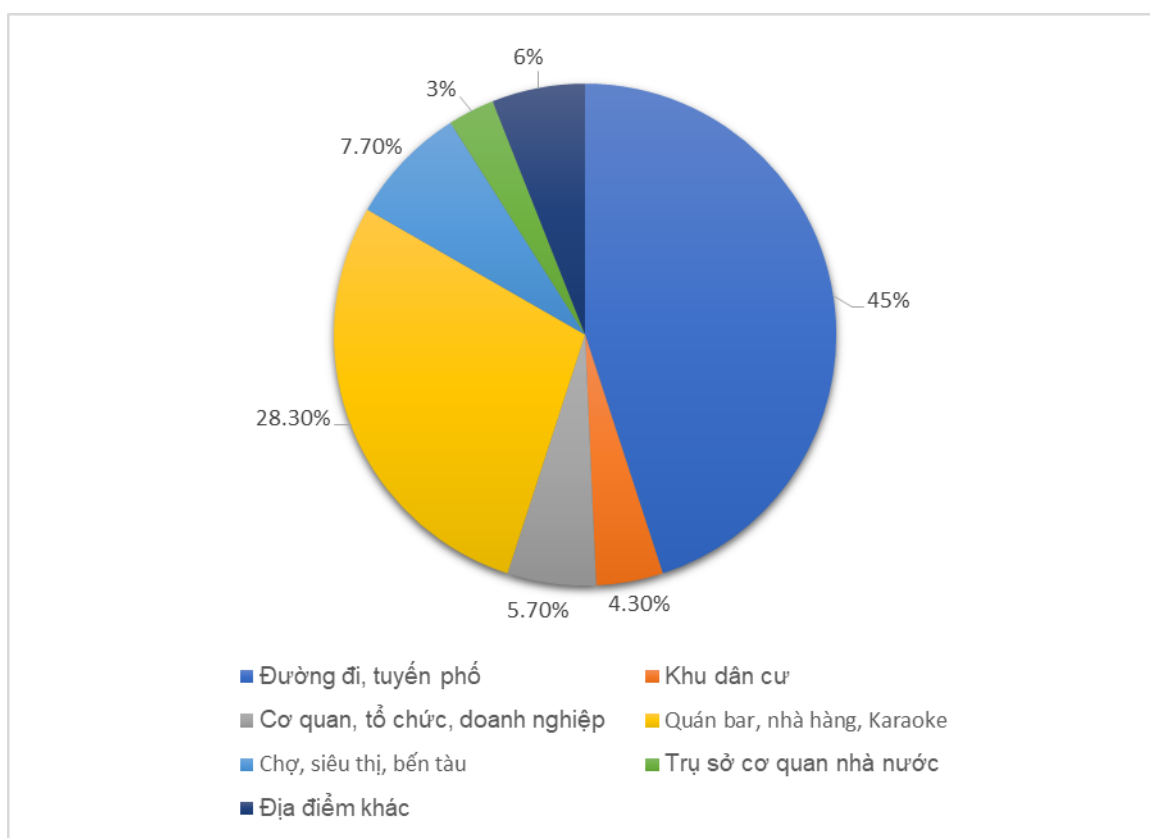


Biểu đồ 6: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo biểu hiện hành vi khách quan

Bảng 10: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo địa điểm xảy ra

Địa điểm	Đường đi, tuyến phố	Khu dân cư	Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Quán bar, nhà hàng, Karaoke	Chợ, siêu thị, bến tàu	Trụ sở cơ quan nhà nước	Địa điểm khác (phòng trọ, ký túc xá, nhà riêng, chùa...)
300 vụ	135	13	17	85	23	9	18
Tỉ lệ% so với số vụ	45%	4,3%	5,7%	28,3%	7,7%	3%	6%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

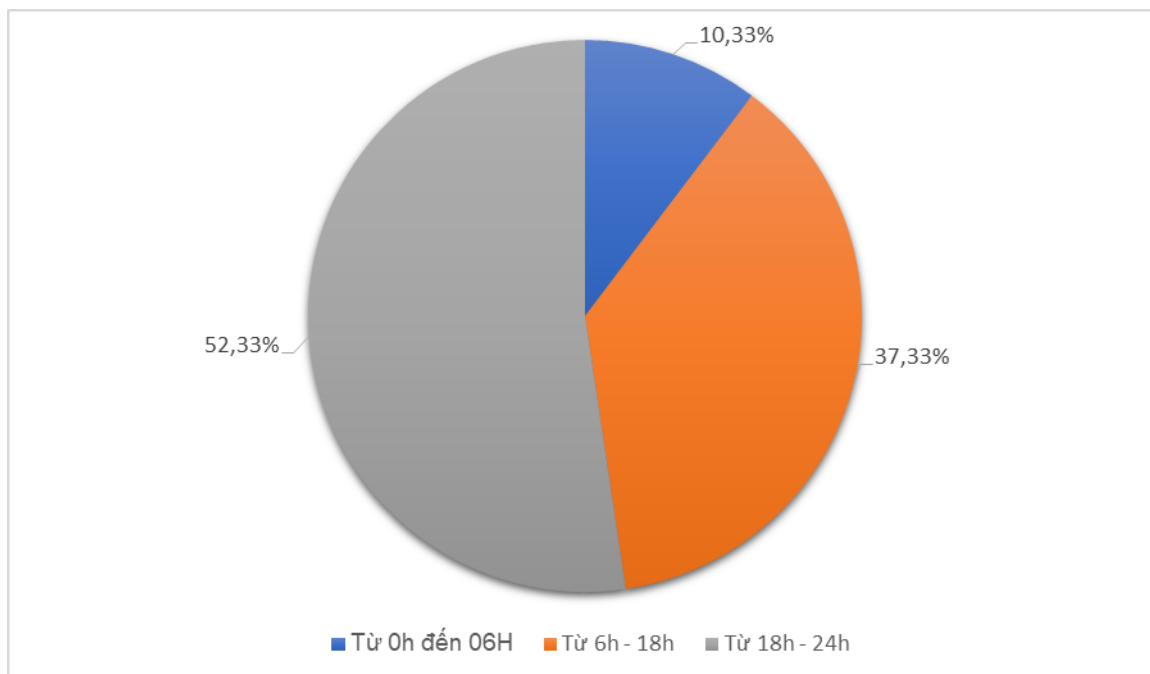


Biểu đồ 7: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo địa điểm xảy ra

**Bảng 11: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo thời gian thực hiện**

Số vụ án	Từ 0h đến 06h	Từ 6h - 18h	Từ 18h - 24h
300 vụ án	31	112	157
Tỷ lệ% so với số vụ	10,33%	37,33%	52,33%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

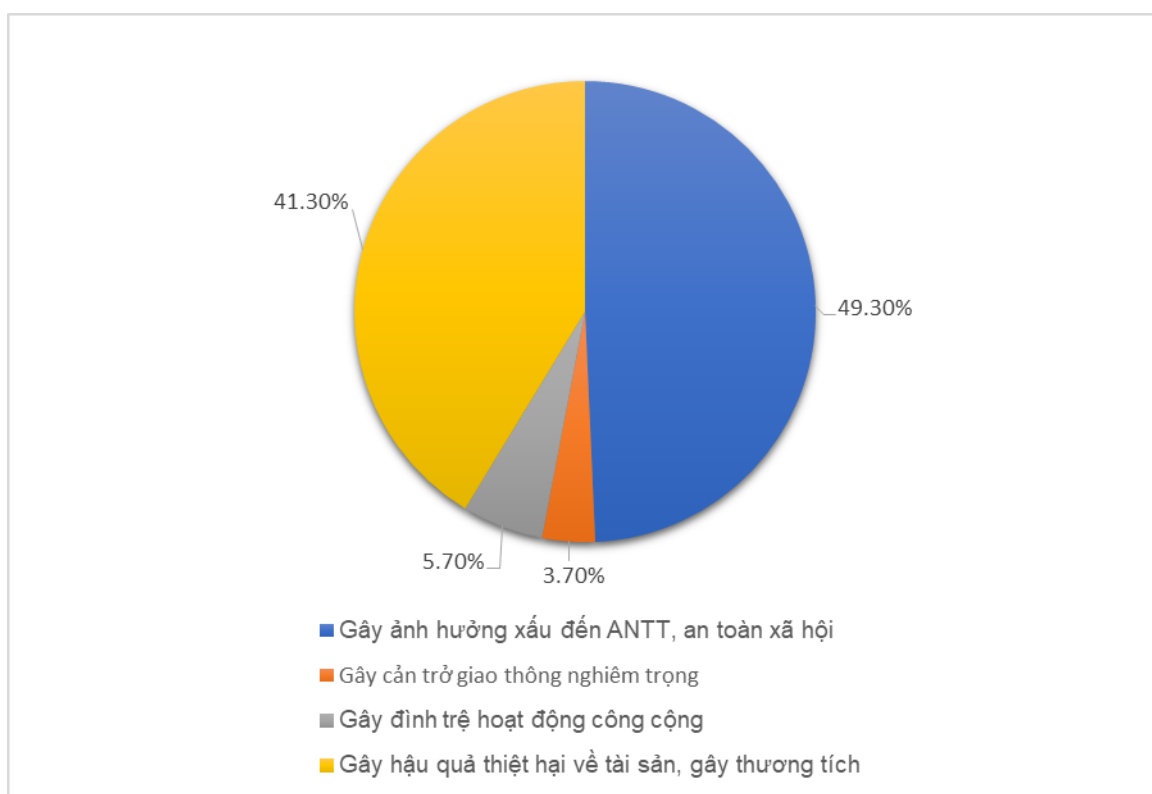


**Biểu đồ 8: Cơ cấu tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025
theo thời gian thực hiện**

Bảng 12: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo hậu quả

Hậu quả	Gây ảnh hưởng xấu đến ANTT, an toàn xã hội	Gây cản trở giao thông nghiêm trọng	Gây đình trệ hoạt động công cộng	Gây hậu quả thiệt hại về tài sản; gây thương tích
300 vụ	148	11	17	124
Tỷ lệ% so với vụ án	49,3%	3,7%	5,7%	41,3%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

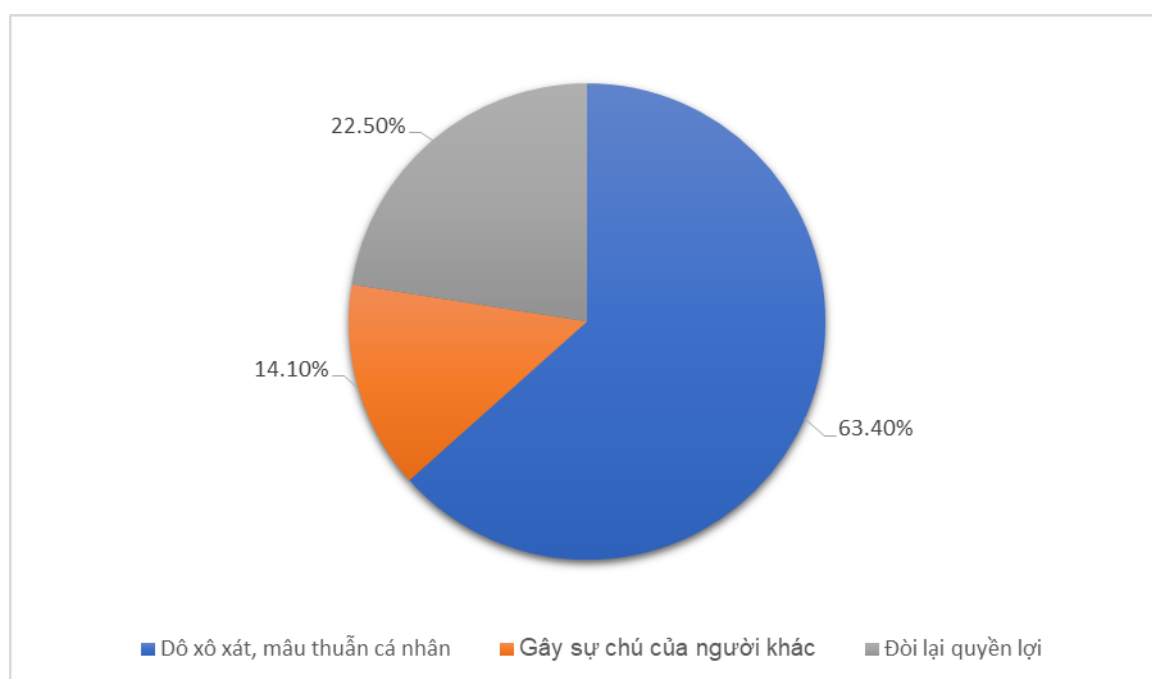


Biểu đồ 9: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo hậu quả

Bảng 13: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo động cơ phạm tội

Số bị cáo	Do xô xát, mâu thuẫn cá nhân	Gây sự chú ý của người khác	Đòi lại quyền lợi
981	622	138	221
100%	63,4%	14,1%	22,5%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)



Biểu đồ 10: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo động cơ phạm tội

Bảng 14: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo nơi cư trú

Số bị cáo	Cư trú tại địa phương	Cư trú ngoài địa phương
981	813	168
100%	82,9%	17,1%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

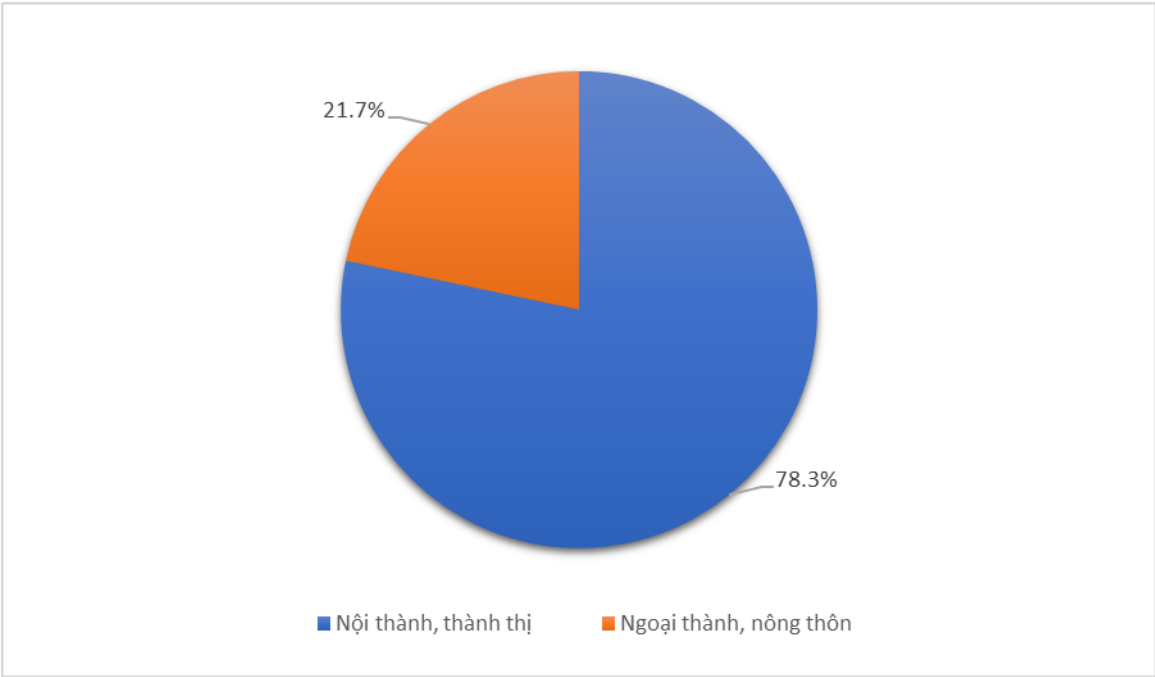


Biểu đồ 11: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo nơi cư trú

Bảng 15: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo địa điểm xảy ra là khu vực nội thành, ngoại thành; thành thị, nông thôn

Số bị cáo	Nội thành, thành thị	Ngoại thành, nông thôn
300 vụ	235	65
100%	78,3%	21.7%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

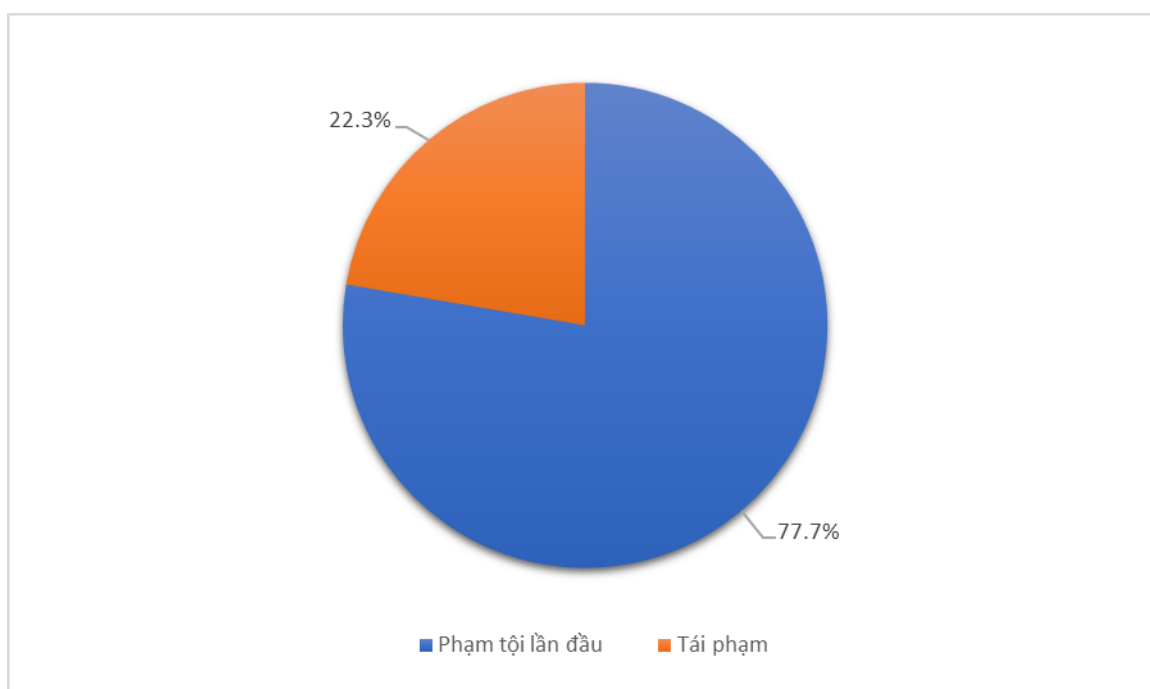


Biểu đồ 12: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo địa điểm xảy ra là khu vực nội thành, ngoại thành; thành thị, nông thôn

Bảng 16: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo phạm tội lần đầu hoặc tái phạm của người phạm tội

Số bị cáo	Phạm tội lần đầu	Tái phạm
981	762	219
100%	77,7%	22,3%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

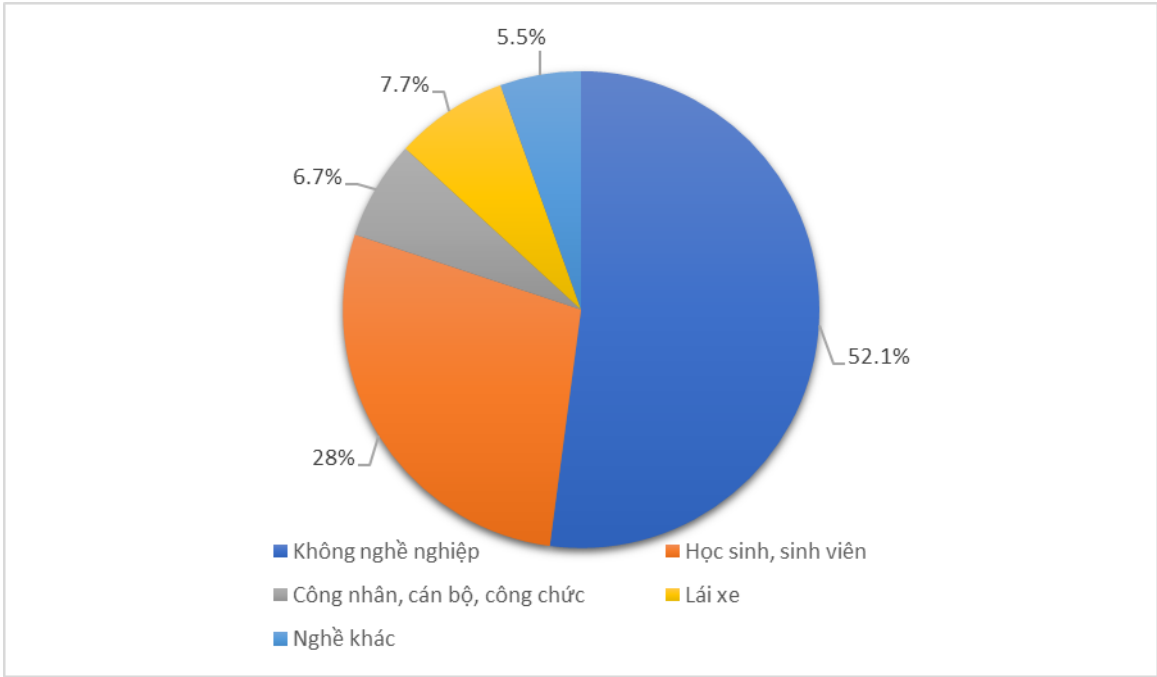


Biểu đồ 13: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo phạm tội lần đầu hoặc tái phạm của người phạm tội

Bảng 17: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo nghề nghiệp

Số bị cáo	Nghề nghiệp				
	Không nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	Công nhân, cán bộ, công chức	Lái xe	Nghề khác
981	511	274	66	76	54
100%	52,1%	28%	6,7%	7,7%	5,5%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

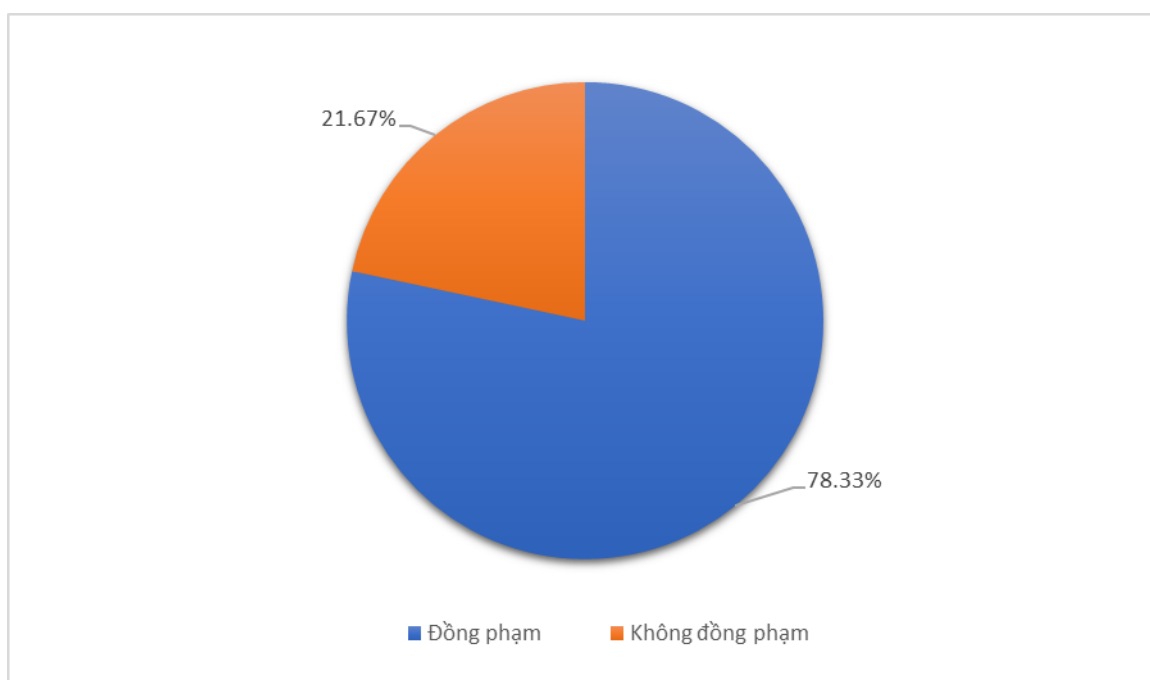


Biểu đồ 14: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo nghề nghiệp

Bảng 18: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo hình thức đồng phạm

Số vụ án	Đồng phạm	Không đồng phạm
300 vụ	235	65
100%	78,33%	21,67%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

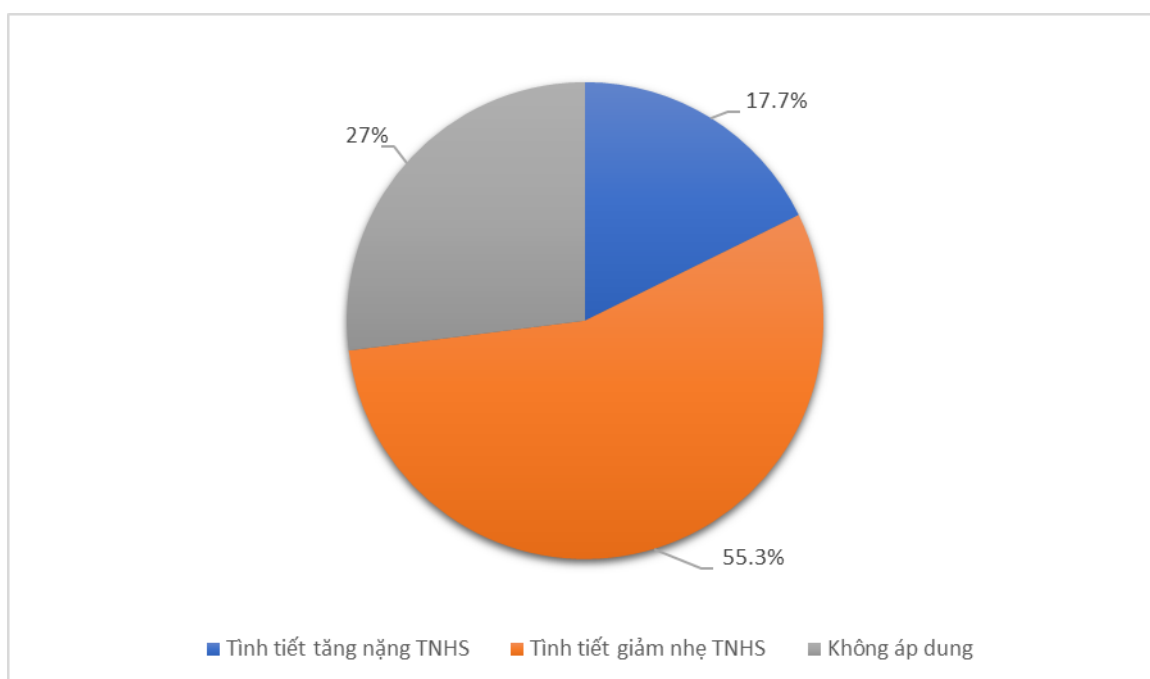


Biểu đồ 15: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo hình thức đồng phạm

Bảng 19: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025
theo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Số bị cáo	Tình tiết tăng nặng TNHS	Tình tiết giảm nhẹ TNHS	Không áp dụng
981	173	543	265
100%	17,7%	55,3%	27%

(Nguồn: Nghiên cứu điển hình 300 bản án hình sự)

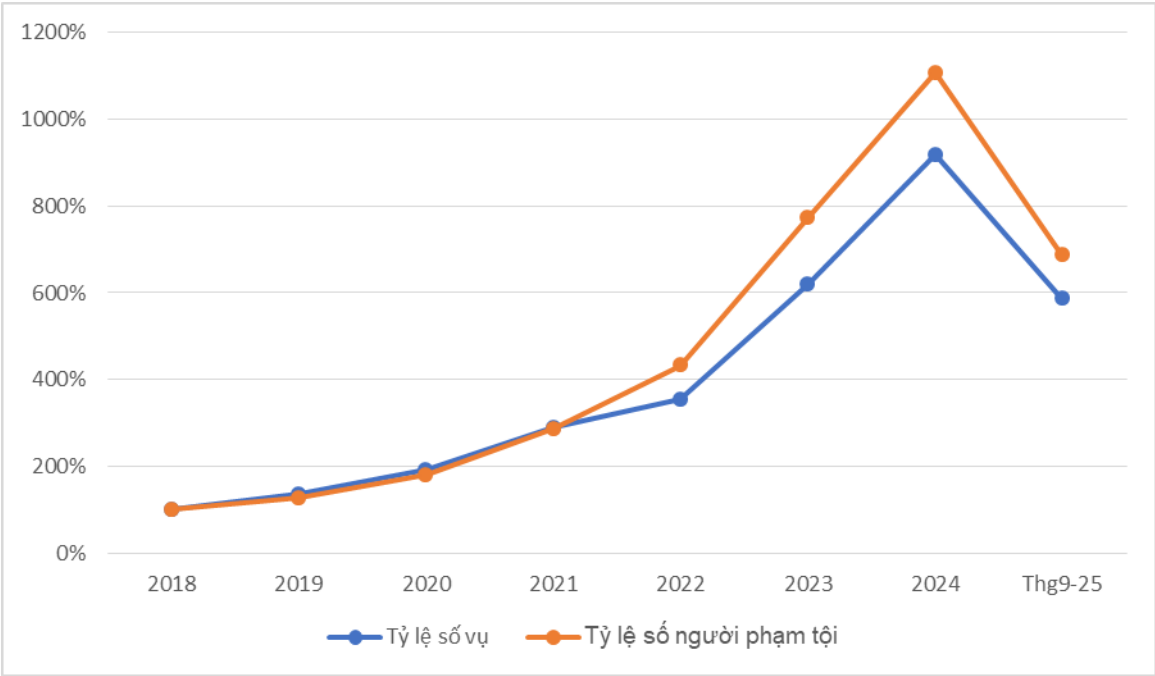


Biểu đồ 16: Cơ cấu của tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025
theo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bảng 20: Diễn biến mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn từ 2018 - 2025

Năm	Tổng số vụ	Tỷ lệ % so với năm 2018 về số vụ	Tổng số bị cáo	Tỷ lệ % so với năm 2018 về số người phạm tội
2018	221	100%	1433	100%
2019	299	135,2 (+35,2%)	1820	127 (+27%)
2020	424	191,8 (+91,2%)	2581	180,1 (+80,1%)
2021	637	288,2 (+188,2%)	4100	286,1 (+186,1%)
2022	781	353,3 (+253,3%)	6195	432,3 (+332,3%)
2023	1369	619,4 (+519,4%)	11077	772,9 (+672,9%)
2024	2031	919 (+819%)	15879	1108 (+1008%)
2025	1294	585,5 (+485%)	9835	686.3 (+586,3%)

(Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao)



Biểu đồ 17: Diễn biến mức độ tội GRTTCC ở Việt Nam giai đoạn từ 2018 - 2025

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC BẢN ÁN

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
1	229/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
2	344/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
3	343/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
4	400/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
5	544/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
6	122/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
7	194/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
8	26/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
9	1102/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
10	588/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
11	429/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
12	118/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
13	605/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
14	89/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
15	602/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
16	506/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
17	106/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
18	526/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
19	531/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
20	295/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
21	750/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
22	75/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
23	1083/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
24	90/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
25	14/2024/HS-PT	2024	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
26	1006/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
27	675/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
28	536/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
29	527/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
30	1031/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
31	296/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
32	304a/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
33	780/2019/HS-PT	2019	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
34	775/2022/HS -PT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
35	298/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
36	449/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
37	210/2019/HS-PT	2019	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
38	134/2019/HS-PT	2019	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
39	525/2022/HSPT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
40	577/2022/HSPT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
41	90/2022/HSPT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
42	659/2021/HSPT	2021	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
43	713/2022/HSPT	2022	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
44	419/2021/HSPT	2021	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
45	34/2021/HSPT	2021	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
46	98/2021/HSPT	2021	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
47	848/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
48	528/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
49	874/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
50	825/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
51	626/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
52	633/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
53	474/2019/HSPT	2019	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
54	951/2019/HSPT	2019	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
55	678/2019/HSPT	2019	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
56	86/2020/HSPT- hủy bản án sơ thẩm	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
57	745/2020/HSPT	2020	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hà Nội	318
58	215/2023/HSST	2023	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
59	58/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
60	33/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
61	25/2023/HS - PT	2023	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
62	03/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
63	49/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
64	43/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
65	48/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
66	51/2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
67	06/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
68	52/2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
69	54/2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
70	10 /2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
71	36 /2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
72	32 /2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
73	39/2021/HS-ST	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
74	03/2021/HS-PT	2021	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
75	31/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
76	06/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
77	69/2019/HS-ST	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
78	62/2019/HS-PT	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
79	68/2019/HS-PT	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
80	34/2019/HSPT	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
81	12/2019/HS-PT	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
82	25/2019/HSPT	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
83	16/2019/HS-PT	2019	Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	318
84	45/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
85	31/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
86	20/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
87	14/2023/HS-PT	2023	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
88	47/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
89	31/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
90	07/2022/HS-PT	2022	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
91	17/2021/HS-PT	2021	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
92	11/2021/HS-PT	2021	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
93	43/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
94	32/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
95	31/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
96	15/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
97	16/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
98	06/2020/HS-PT	2020	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
99	33/2019/HS-PT	2019	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
100	16/2019/HS-PT	2019	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
101	35/2018/HS-PT	2018	Tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	318
102	84/2023/HS-PT	2023	Bình Dương	Bình Dương	318
103	90/2023/HS-PT	2023	Bình Dương	Bình Dương	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
104	66/2023/HS-PT	2023	Bình Dương	Bình Dương	318
105	36/2023/HS-PT	2023	Bình Dương	Bình Dương	318
106	10/2023/HS-ST	2023	Bình Dương	Bình Dương	318
107	157/2021/HS-PT	2021	Bình Dương	Bình Dương	318
108	179/2022/HS-PT	2022	Bình Dương	Bình Dương	318
109	190/2022/HS-PT	2022	Bình Dương	Bình Dương	318
110	85/2022/HS-PT	2022	Bình Dương	Bình Dương	318
111	102/2022/HS-PT	2022	Bình Dương	Bình Dương	318
112	153/2020/HS-PT	2020	Bình Dương	Bình Dương	318
113	25/2020/HS-ST	2020	Bình Dương	Bình Dương	318
114	80/2019/HS-PT	2019	Bình Dương	Bình Dương	318
115	66/2019/HS-PT	2019	Bình Dương	Bình Dương	318
116	102/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
117	61/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
118	67/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
119	76/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
120	77/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
121	79/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
122	78/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
123	70/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
124	07/2023/HS-PT	2023	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
125	140/2022/HS-PT	2022	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
126	81/2020/HS-ST	2020	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	318
127	404/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
128	457/2022/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
129	298/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
130	281/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
131	74/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
132	497/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
133	548/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
133	95/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
134	301/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
135	09/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
136	261/2023/HS-PT	2023	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
137	355/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
138	32/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
139	181/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
140	174/2022/HS-PT	2022	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
141	297/2020/HS-PT	2020	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
142	76/2021/HS-ST	2021	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
143	479/2020/HS-PT	2020	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
144	29/2021/HS-PT	2021	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
145	286/2020/HS-ST	2020	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
146	465/2019/HS-PT	2019	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
147	408/2018/HS-ST	2018	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	318
148	108/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
149	136/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
150	167/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
151	191/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
152	108/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
153	101/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
154	75/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
155	56/2023/HS-PT	2023	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
156	139/2022/HS-PT	2022	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
157	134/2022/HS-PT	2022	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
158	87/2022/HS-PT	2022	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
159	80/2022/HS-PT	2022	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
160	35/2022/HS-PT	2022	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
161	128/2021/HS-PT	2021	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
162	92/2021/HS-PT	2021	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
163	95/2019/HS-PT	2019	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
164	76/2019/HS-PT	2019	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
165	01/2019/HS-PT	2019	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
166	99/2019/HS-PT	2019	Lâm Đồng	Lâm Đồng	318
167	94/2023/HS-PT	2023	Quảng Bình	Quảng Bình	318
168	36/2023/HS-PT	2023	Quảng Bình	Quảng Bình	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
169	39/2023/HS-PT	2023	Quảng Bình	Quảng Bình	318
170	21/2023/HS-PT	2023	Quảng Bình	Quảng Bình	318
171	03/2023/HS-PT	2023	Quảng Bình	Quảng Bình	318
172	127/2022/HS-PT	2022	Quảng Bình	Quảng Bình	318
173	115/2023/HS-PT	2023	Quảng Bình	Quảng Bình	318
174	32/2022/HS-PT	2022	Quảng Bình	Quảng Bình	318
175	24a/2022/HS-PT	2022	Quảng Bình	Quảng Bình	318
176	24/2021/HS-PT	2021	Quảng Bình	Quảng Bình	318
177	06/2021/HS-PT	2021	Quảng Bình	Quảng Bình	318
178	54/2020/HS-PT	2020	Quảng Bình	Quảng Bình	318
179	20/2020/HS-PT	2020	Quảng Bình	Quảng Bình	318
180	17/2020/HS-PT	2020	Quảng Bình	Quảng Bình	318
181	113/2019/HS-PT	2019	Quảng Bình	Quảng Bình	318
182	100/2019/HS-PT	2019	Quảng Bình	Quảng Bình	318
183	49/2019/HS-PT	2019	Quảng Bình	Quảng Bình	318
184	456/2023/HS-PT	2023	Đồng Nai	Đồng Nai	318
185	426/2023/HS-PT	2023	Đồng Nai	Đồng Nai	318
186	179/2023/HS-PT	2023	Đồng Nai	Đồng Nai	318
187	163/2023/HS-PT	2023	Đồng Nai	Đồng Nai	318
188	139/2023/HS-PT	2023	Đồng Nai	Đồng Nai	318
189	116/2023/HS-PT	2023	Đồng Nai	Đồng Nai	318
190	452/2022/HS-PT	2022	Đồng Nai	Đồng Nai	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
191	159/2022/HS-PT	2022	Đồng Nai	Đồng Nai	318
192	42/2022/HS-PT	2022	Đồng Nai	Đồng Nai	318
193	304/2021/HS-PT	2021	Đồng Nai	Đồng Nai	318
194	04/2022/HS-PT	2022	Đồng Nai	Đồng Nai	318
195	95/2021/HS-PT	2021	Đồng Nai	Đồng Nai	318
196	400/2020/HS-PT	2020	Đồng Nai	Đồng Nai	318
197	383/2020/HS-PT	2020	Đồng Nai	Đồng Nai	318
198	287/2020/HS-PT	2020	Đồng Nai	Đồng Nai	318
199	41/2020/HS-PT	2020	Đồng Nai	Đồng Nai	318
200	266/2018/HS-PT	2018	Đồng Nai	Đồng Nai	318
201	256/2018/HS-PT	2018	Đồng Nai	Đồng Nai	318
202	157/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
203	140/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
204	36/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
205	133/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
206	82/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
207	46/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
208	51/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
209	46/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
210	98/2023/HS-ST	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
211	17/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318
212	01/2023/HS-PT	2023	Hải Phòng	Hải Phòng	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
213	114/2022/HS-PT	2022	Hải Phòng	Hải Phòng	318
214	132/2022/HS-PT	2022	Hải Phòng	Hải Phòng	318
215	58/2022/HS-PT	2022	Hải Phòng	Hải Phòng	318
216	61/2021/HS-ST	2021	Hải Phòng	Hải Phòng	318
217	96/2021/HS-ST	2021	Hải Phòng	Hải Phòng	318
218	100/2018/HS-ST	2018	Hải Phòng	Hải Phòng	318
219	113/2022/HS-ST	2022	Hải Phòng	Hải Phòng	318
220	25/2023/HS- PT	2023	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
221	59/2023/HS- PT	2023	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
222	82/2023/HS- PT	2023	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
223	44/2023/HS-PT	2023	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
224	64/2023/HS-PT	2023	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
225	80/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
226	129/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
227	116/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
228	122/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
229	80/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
289	38/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
231	75/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
232	63/2022/HSPT	2022	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
233	21/2021/HSPT	2021	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
234	149/2018/HSPT	2018	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
235	47/2019/HS-PT	2019	Khánh Hòa	Khánh Hòa	318
236	169/2023/HS-PT	2023	Nghệ An	Nghệ An	318
237	130/2023/HS-PT	2023	Nghệ An	Nghệ An	318
238	106/2022/HS-PT	2022	Nghệ An	Nghệ An	318
239	154/2022/HS-PT	2022	Nghệ An	Nghệ An	318
240	94/2023/HS-PT	2023	Nghệ An	Nghệ An	318
241	40/2023/HS-PT	2023	Nghệ An	Nghệ An	318
242	61/2022/HS-PT	2022	Nghệ An	Nghệ An	318
243	47/2022/HS-PT	2022	Nghệ An	Nghệ An	318
244	157/2021/HS-PT	2021	Nghệ An	Nghệ An	318
245	49/2021/HS-PT	2021	Nghệ An	Nghệ An	318
246	53/2021/HS-PT	2021	Nghệ An	Nghệ An	318
247	40/2021/HS-PT	2021	Nghệ An	Nghệ An	318
248	84/2021/HS-PT	2021	Nghệ An	Nghệ An	318
249	193/2020/HS-PT	2020	Nghệ An	Nghệ An	318
250	152a/2020/HS-PT	2020	Nghệ An	Nghệ An	318
251	88/2020/HS-PT	2020	Nghệ An	Nghệ An	318
252	27/2020/HS-PT	2020	Nghệ An	Nghệ An	318
253	203/2019/HS-PT	2019	Nghệ An	Nghệ An	318
254	286/2023/HS-ST	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
255	214/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
256	207/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
257	197/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
258	204/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
259	184/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
260	151/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
261	222/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
262	170/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
263	94/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
264	67/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
265	27/2023/HS-PT	2023	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
266	78/2022/HS-PT	2022	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
267	99/2022/HS-PT	2022	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
268	105/2022/HS-PT	2022	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
269	73/2022/HS-PT	20222	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
270	197/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
271	191/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
272	194/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
273	198/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
274	156/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
275	141/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
276	131/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
277	116/2021/HS-ST	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
278	99/2021/HS-PT	2021	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318

STT	Bản án	Năm xét xử	TAND xét xử	Tỉnh, thành phố	Điều luật áp dụng
279	351/2020/HS-PT	2020	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
280	267/2020/HS-PT	2020	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
281	265/2020/HS-PT	2020	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
282	211/2020/HS-PT	2020	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
283	165/2020/HS-PT	2020	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
284	10/2020/HS-PT	2020	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
285	228/2019/HS-PT	2019	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
286	283/2019/HS-PT	2019	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
287	302/2019/HS-PT	2019	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
288	214/2019/HS-PT	2019	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
289	74/2019/HS-PT	2019	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
290	192/2025/HS-PT	2025	Hải Phòng	Hải Phòng	318
291	906/2025/HS-PT	2025	Hà Nội	Hà Nội	318
292	441/2025/HS-PT	2025	Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	318
293	649/2025/HS-PT	2025	Hà Nội	Hà Nội	318
294	21/2025/HS-ST	2025	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
295	156/2025/HS-ST	2025	Hải Phòng	Hải Phòng	318
296	68/2025/HS-ST	2025	Thanh Hóa	Thanh Hóa	318
297	71/2025/HS-PT	2025	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	318
298	315/2025/HS-ST	2025	Hải Phòng	Hải Phòng	318
299	99/2025/HS-ST	2025	Ninh Bình	Ninh Bình	318
300	122/2025/HS-ST	2025	Đồng Nai	Đồng Nai	318